**UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

---------o0o---------

**KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Ban hành theo Quyết định số 3609/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 12 năm 2021*

*của UBND thành phố Hải Phòng)*

**Hải Phòng, năm 2021**

**MỤC LỤC**

[DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 6](#_Toc88558273)

[LỜI NÓI ĐẦU 7](#_Toc88558274)

[PHẦN I. TÌNH HÌNH THIÊN TAI VÀ CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN 8](#_Toc88558275)

[CHƯƠNG I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH 8](#_Toc88558276)

[1. Các văn bản quy phạm pháp luật của TW 8](#_Toc88558277)

[1.1 Các luật 8](#_Toc88558278)

[1.2 Các Nghị định, Thông tư 8](#_Toc88558279)

[1.3 Các Nghị quyết, Chỉ thị 8](#_Toc88558280)

[1.4 Các văn bản liên quan 8](#_Toc88558281)

[2. Các văn bản của thành phố Hải Phòng liên quan đến công tác phòng chống thiên tai 9](#_Toc88558282)

[2.1 Các văn bản quy phạm pháp luật 9](#_Toc88558283)

[2.2 Các báo cáo 10](#_Toc88558284)

[CHƯƠNG II. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG 11](#_Toc88558285)

[1. Vị trí địa lý 11](#_Toc88558286)

[2. Đặc điểm địa hình, địa chất 11](#_Toc88558287)

[3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn, hải văn 12](#_Toc88558288)

[3.1 Đặc điểm khí tượng 12](#_Toc88558289)

[3.2 Đặc điểm thủy văn 12](#_Toc88558290)

[3.3 Đặc điểm hải văn 16](#_Toc88558291)

[4. Đặc điểm dân sinh 18](#_Toc88558292)

[4.1 Đặc điểm dân số 18](#_Toc88558293)

[4.2 Đặc điểm nhà ở 19](#_Toc88558298)

[5. Đặc điểm kinh tế - xã hội 19](#_Toc88558299)

[5.1 Đặc điểm kinh tế 19](#_Toc88558300)

[5.2 Đặc điểm xã hội 21](#_Toc88558301)

[6. Đặc điểm cơ sở hạ tầng 24](#_Toc88558305)

[6.1 Giao thông vận tải 24](#_Toc88558306)

[6.2 Các khu công nghiệp 27](#_Toc88558309)

[6.3 Cảng 29](#_Toc88558312)

[6.4 Y tế 32](#_Toc88558313)

[6.5 Du lịch 33](#_Toc88558314)

[6.6 Bưu chính, viễn thông 34](#_Toc88558315)

[6.7 Điện năng 35](#_Toc88558316)

[6.8 Hệ thống cấp nước, nước sạch, vệ sinh môi trường 36](#_Toc88558317)

[6.9 Nhà ở 38](#_Toc88558318)

[6.10 Hệ thống thoát nước 38](#_Toc88558319)

[CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI 41](#_Toc88558320)

[1. Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến PCTT 41](#_Toc88558321)

[1.1 Các văn bản pháp luật về PCTT cấp TW 41](#_Toc88558322)

[1.2 Hiện trạng thực thi và ban hành các văn bản pháp luật về PCTT, cứu hộ, cứu nạn các năm qua 41](#_Toc88558323)

[1.3 Đánh giá mức độ hiệu quả thực thi pháp luật 42](#_Toc88558324)

[2. Hệ thống chỉ huy PCTT&TKCN các cấp và quy chế phối hợp 43](#_Toc88558325)

[3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm 44](#_Toc88558326)

[4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ PCTT 46](#_Toc88558327)

[5. Công tác cứu hộ, cứu nạn 48](#_Toc88558328)

[6. Thông tin, truyền thông trong PCTT 50](#_Toc88558329)

[7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT 52](#_Toc88558330)

[8. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng PCTT 53](#_Toc88558331)

[8.1 Hệ thống công trình PCTT 53](#_Toc88558332)

[8.2 Hệ thống công trình thủy lợi 55](#_Toc88558333)

[8.3 Trạm quan trắc, đo đạc, cảnh báo 58](#_Toc88558334)

[8.4 Hệ thống điện, thông tin liên lạc, truyền thanh, truyền hình 58](#_Toc88558335)

[8.5 Hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ cứu nạn 60](#_Toc88558336)

[8.6 Nhà tránh trú thiên tai cộng đồng 60](#_Toc88558337)

[9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế-xã hội 60](#_Toc88558338)

[10. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết 64](#_Toc88558339)

[11. Nguồn lực tài chính 69](#_Toc88558340)

[CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI 70](#_Toc88558341)

[1. Đánh giá độ lớn của thiên tai xảy ra trên địa bàn thành phố Hải Phòng 70](#_Toc88558342)

[1.1 Cấp độ RRTT do áp thấp nhiệt đới, bão (Cấp độ RRTT: cấp 5) 71](#_Toc88558343)

[1.2 Cấp độ RRTT do mưa lớn (Cấp độ RRTT: cấp 3) 73](#_Toc88558344)

[1.3 Cấp độ RRTT do lũ, ngập lụt và nước dâng (Cấp độ RRTT: cấp 3, khi trùng hợp với áp thấp nhiệt đới, bão sẽ là cấp 5) 75](#_Toc88558345)

[1.4 Gió mạnh trên biển (Cấp độ RRTT: cấp 3) 77](#_Toc88558346)

[1.5 Cấp độ RRTT do nắng nóng (Cấp độ RRTT: cấp 3) 78](#_Toc88558347)

[1.6 Cấp độ RRTT do giông, lốc, sét, mưa đá (Cấp độ RRTT: cấp 2) 79](#_Toc88558348)

[1.7 Hạn hán, xâm nhập mặn (Cấp độ RRTT: cấp 2-4) 80](#_Toc88558349)

[1.8 Rét hại, sương muối (Cấp độ RRTT: cấp 3) 80](#_Toc88558350)

[1.9 Sương mù (Cấp độ RRTT: cấp 3) 80](#_Toc88558351)

[1.10 Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy (Cấp độ RRTT: cấp 2) 80](#_Toc88558352)

[2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương 81](#_Toc88558353)

[2.1 Đối với bão, áp thấp nhiệt đới 81](#_Toc88558354)

[2.2 Đối với mưa lớn, lũ, ngập lụt 84](#_Toc88558355)

[2.3 Đối với giông, lốc, sét, mưa đá 88](#_Toc88558356)

[2.4 Đối với hạn hán, cháy rừng tự nhiên 89](#_Toc88558357)

[2.5 Một số loại hình thiên tai khác 89](#_Toc88558358)

[3. Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai 90](#_Toc88558359)

[3.1 Năng lực ban hành và thực thi các văn bản hướng dẫn, thi hành pháp luật, cơ chế chính sách. 90](#_Toc88558360)

[3.2 Năng lực dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai 92](#_Toc88558361)

[3.3 Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư 95](#_Toc88558362)

[3.4 Năng lực và nhận thức của cán bộ làm công tác PCTT và người dân 96](#_Toc88558363)

[3.5 Năng lực công trình PCTT tại địa phương 97](#_Toc88558364)

[3.6 Năng lực về nguồn lực tài chính 116](#_Toc88558365)

[4. Đánh giá mức độ RRTT 117](#_Toc88558366)

[PHẦN II. KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 119](#_Toc88558367)

[CHƯƠNG V. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI 119](#_Toc88558368)

[1. Biện pháp phòng ngừa giảm thiểu 119](#_Toc88558369)

[1.1 Biện pháp phi công trình 119](#_Toc88558370)

[1.2 Biện pháp công trình 123](#_Toc88558371)

[1.3 Các giải pháp lồng ghép 126](#_Toc88558372)

[2. Biện pháp ứng phó 128](#_Toc88558373)

[2.1 Phương châm ứng phó 128](#_Toc88558374)

[2.2 Xác định nguồn lực ứng phó 129](#_Toc88558375)

[2.3 Trách nhiệm chỉ huy, phối hợp ứng phó thiên tai theo cấp độ RRTT 130](#_Toc88558376)

[3. Biện pháp khắc phục hậu quả 132](#_Toc88558377)

[3.1 Triển khai công tác TKCN, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu; khắc phục thiệt hại bước đầu 132](#_Toc88558378)

[3.2 Thống kê, đánh giá thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ 134](#_Toc88558379)

[3.3 Lập kế hoạch tái thiết sau thiên tai 135](#_Toc88558380)

[CHƯƠNG VI. LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI 137](#_Toc88558381)

[1. Nguyên tắc và Phương pháp lồng ghép nội dung PCTT 137](#_Toc88558382)

[2. Nội dung lồng ghép 137](#_Toc88558383)

[2.1 Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế 137](#_Toc88558384)

[2.2 Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế, xã hội 138](#_Toc88558385)

[CHƯƠNG VII. NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN 144](#_Toc88558386)

[1. Nguồn lực thực hiện 144](#_Toc88558387)

[1.1 Nguồn nhân lực 144](#_Toc88558388)

[1.2 Vật tư, phương tiện, thiết bị, hệ thống thông tin, nhu yếu phẩm 144](#_Toc88558389)

[1.3 Nguồn tài chính cho PCTT 145](#_Toc88558390)

[2. Tiến độ thực hiện 146](#_Toc88558391)

[CHƯƠNG VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN 147](#_Toc88558392)

[1. Xây dựng kế hoạch tài chính 147](#_Toc88558393)

[2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch 147](#_Toc88558394)

[3. Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch 147](#_Toc88558395)

[4. Rà soát, đánh giá, cập nhật kế hoạch 148](#_Toc88558396)

[5. Tổ chức thực hiện 148](#_Toc88558397)

[DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC 149](#_Toc88558398)

[Phụ lục I: Dân số phân theo giới tính, thành thị/nông thôn, đơn vị hành chính thành phố Hải Phòng 149](#_Toc88558399)

[Phục lục II: Danh sách BCH PCTT&TKCN thành phố Hải Phòng 149](#_Toc88558400)

[Phụ lục III: Các trọng điểm xung yếu của hệ thống đê điều 151](#_Toc88558401)

[Phụ lục IV: Danh sách các trạm quan trắc, đo đạc, cảnh báo 152](#_Toc88558402)

[Phụ lục V: Các trạm biến áp có nguy cơ cao bị ảnh hưởng của thiên tai 153](#_Toc88558403)

[Phụ lục VI: Bảng tổng hợp thiệt hại do thiên tai tại thành phố Hải Phòng năm 2016 - 2020 154](#_Toc88558404)

[Phụ lục VII. Danh mục các giải pháp phi công trình trong PCTT giai đoạn 2021-2025 thành phố Hải Phòng (Xem file excel) 163](#_Toc88558405)

[Phụ lục VIII. Danh mục các giải pháp công trình trong PCTT giai đoạn 2021-2025 thành phố Hải Phòng (Xem file excel) 163](#_Toc88558406)

[Phụ lục IX. Danh mục các giải pháp lồng ghép PCTT giai đoạn 2021-2025 thành phố Hải Phòng (Xem file excel) 163](#_Toc88558407)

[Phụ lục X. Các điểm bắn pháo hiệu báo bão, ATNĐ 163](#_Toc88558408)

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| PCTT | Phòng chống thiên tai |
| PCTT&TKCN | Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn |
| NN&PTNT | Nông nghiệp và phát triển nông thôn |
| BCĐ | Ban Chỉ đạo |
| BCĐQG | Ban Chỉ đạo Quốc gia |
| BCH | Ban Chỉ huy |
| BĐKH | Biến đổi khí hậu |
| RRTT | Rủi ro thiên tai |
| ATNĐ | Áp thấp nhiệt đới |
| QĐ | Quyết định |
| UBND | Uỷ ban nhân dân |
| KKL | Không khí lạnh |
| KTTV | Khí tượng thủy văn |
| GD&ĐT | Giáo dục và đào tạo |
| HS | Học sinh |
| TW | Trung ương |
| BHYT | Bảo hiểm y tế |
| KCB | Khám chữa bệnh |
| TTYT | Trung tâm y tế |
| BVĐK | Bệnh viện đa khoa |
| PKĐK | Phòng khám đa khoa |
| BV | Bệnh viện |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| MTV | Một thành viên |
| EVN | Tập đoàn điện lực Việt Nam |
| TBA | Trạm biến áp |
| NTTS | Nuôi trồng thủy sản |
| BĐ | Báo động |
| TBNN | Trung bình nhiều năm |
| CSDL | Cơ sở dữ liệu |
| GDĐT | Giáo dục và đào tạo |
| KHCN | Khoa học công nghệ |
| CCN | Cụm công nghiệp |

LỜI NÓI ĐẦU

Những năm gần đây do ảnh hưởng của BĐKH toàn cầu, tại Việt Nam tình hình thiên tai diễn ra ngày càng cực đoan, bất thường trên khắp các vùng miền cả nước. Trong 5 năm qua, mỗi năm trung bình thiên tai làm trên 200 người chết và mất tích, thiệt hại về kinh tế trên 26.000 tỷ đồng (tương đương 1,4 tỷ USD). Ngoài ra, thiên tai còn tác động đến môi trường, các hoạt động kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng, đồng thời ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đất nước.

Hải Phòng là thành phố cảng ven biển đang dần phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nằm trong vùng hạ lưu sông Thái Bình, một bộ phận quan trọng của đồng bằng Bắc Bộ, là một trong những hướng thoát lũ chính của sông Hồng, Hải Phòng thường xuyên chịu ảnh hưởng của các yếu tố thiên tai chính như bão, lũ, ngập lụt, mưa lớn, thời tiết nguy hiểm trên biển, triều cường và các yếu tố hệ quả của nó như sóng, nước dâng do bão, úng lụt, bồi lắng, sạt lở bờ sông bờ biển, xói lở bờ bãi và xâm nhập mặn... ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định và phát triển bền vững kinh tế-xã hội của thành phố. Đây là thách thức to lớn trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với thành phố Hải Phòng.

Trong những năm qua, công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN) tại thành phố Hải Phòng đã có những bước phát triển đáng kể, chuyển dần từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa. Các địa phương trong thành phố ngày càng chủ động hơn trong công tác phòng ngừa, ứng phó thiên tai góp phần quan trọng vào việc giảm nhẹ rủi ro thiên tai (RRTT) trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Việc cập nhật kế hoạch hàng năm giữ vai trò rất quan trọng và luôn được các cấp, các ngành ở địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 15 Luật PCTT, việc xây dựng kế hoạch PCTT tại các cấp địa phương theo chu kỳ kế hoạch 05 năm tương ứng với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và được điều chỉnh hàng năm. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) đã ban hành mẫu Kế hoạch PCTT mới và được áp dụng cho tất các các tỷnh/thành trên cả nước.

Việc xây dựng Kế hoạch PCTT&TKCN thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021-2025 theo mẫu mới của Bộ Bộ NN&PTNT và được cập nhật, điều chỉnh hàng năm làm cơ sở để tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực PCTT từ thành phố đến chính quyền các quận/huyện, xã/phường và đến cộng đồng dân cư nhằm chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó đáp ứng được tính kịp thời hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra; đảm bảo sự thống nhất trong tổ chức, chỉ huy, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025, tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế-xã hội của thành phố là rất cần thiết và cấp bách.

2. TÌNH HÌNH THIÊN TAI VÀ CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN
   1. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH

Các căn cứ pháp lý để lập Kế hoạch PCTT&TKCN được liệt kê dưới đây:

* + 1. Các văn bản quy phạm pháp luật của TW
       1. Các luật
* Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006.
* Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012.
* Luật PCTT số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013.
* Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.
* Luật Khí tượng Thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23/11/2015.
* Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.
* Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
  + - 1. Các Nghị định, Thông tư
* Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN.
* Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCTT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều.
* Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCTT; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều.
* Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lồng ghép nội dung PCTT vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.
* Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ trưởng Bộ   
  Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng Kế hoạch PCTT các cấp ở địa phương.
* Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về Thành lập và Quản lý Quỹ PCTT.
  + - 1. Các Nghị quyết, Chỉ thị
* Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác PCTT.
* Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư TW Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.
  + - 1. Các văn bản liên quan
* Công văn số 1145/BXD-KHCN ngày 28/5/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão.
* Công văn số 26/TWPCTT ngày 19/3/2020 của Ban Chỉ đạo TW về PCTT về việc rà soát Kế hoạch PCTT cấp thành phố.
* Kịch bản BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam năm 2016.
  + 1. Các văn bản của thành phố Hải Phòng liên quan đến công tác phòng chống thiên tai
       1. Các văn bản quy phạm pháp luật
* Quyết định số 1881/QĐ-BNN-TCTL ngày 14/8/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng thành phố Hải Phòng.
* Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng thành phố Hải Phòng đến năm 2025.
* Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 14/8/2015 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
* Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 09/4/2015 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thành lập BCH PCTT&TKCN thành phố Hải Phòng.
* Quyết định số 3404/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của BCH PCTT&TKCN thành phố Hải Phòng.
* Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai cấp độ RRTT thành phố Hải Phòng.
* Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành quy chế phối hợp quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và BĐKH trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
* Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND thành phố ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ PCTT thành phố Hải Phòng.
* Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức, hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ PCTT thành phố Hải Phòng ban hành theo Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND thành phố.
* Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND thành phố Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
* Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2016-2020.
* Nghị quyết số 21/2015/NQ-UBND ngày 18/12/2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ chi tiết các tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
* Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 26/8/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.
* Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 23/9/2020 của UBND thành phố Hải Phòng tuyên truyền về PCTT-Chủ động thích ứng với BĐKH từ cộng đồng trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025.
* Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng đến năm 2020 đã được Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt tại Nghị Quyết số 09/2013/NQ-HĐND.
* Hướng dẫn số 78-HD/BTGTU ngày 20/8/2020 của Ban Tuyên giáo Thành ủy Hải Phòng, Hướng dẫn tuyên truyền, quán triệt Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai".
* Chương trình hành động số 85-CTr/TW ngày 15/7/2020 của Ban thường vụ Thành ủy Hải Phòng thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.
* Công văn số 2183/UBND-TL ngày 26/3/2020 của UBND thành phố về việc kết quả thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2026.
* Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND thành phố Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
* Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND thành phố.

- Chỉ thị về công tác PCTT&TKCN hàng năm.

- Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 05/7/2021 thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý RRTT dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 30/7/2021 thực hiện Chiến lược quốc gia PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

* Kế hoạch 139/KH-UBND ngày 09/6/2021 thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năn 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
  + - 1. Các báo cáo
* Báo cáo tổng kết công tác phòng chống thiên tai hàng năm, các đợt mưa lớn, lũ, ngập lụt, ngập úng của các sở, ngành về PCTT thành phố Hải Phòng.
* Báo cáo về hiện trạng đê điều, hiện trạng các công trình giao thông, thoát nước, điện lực và các công trình liên quan đến PCTT.
* Các báo cáo về phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ RRTT của các quận huyện - thành phố Hải Phòng.
* Và các tài liệu liên quan khác.

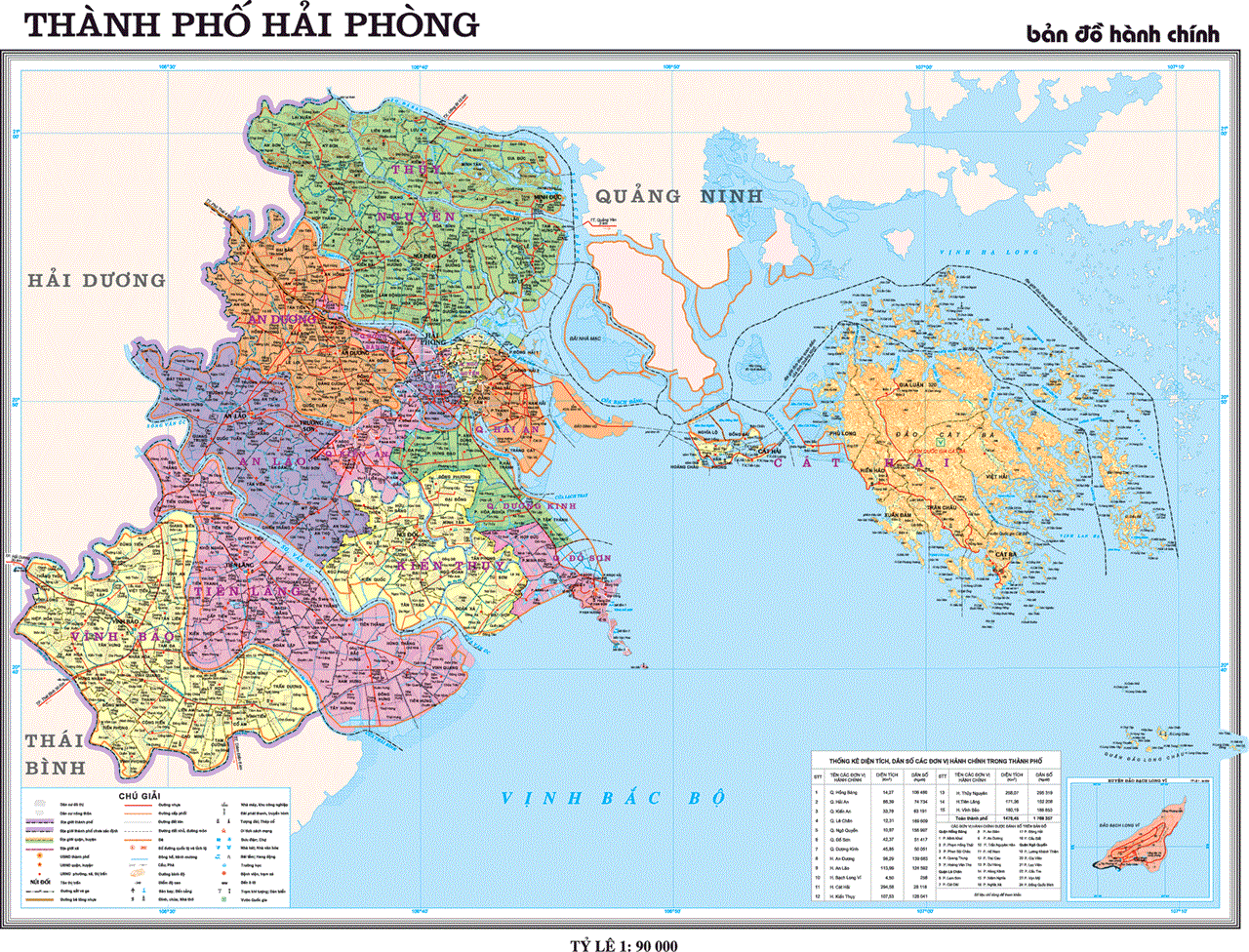
# 

* 1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG
     1. Vị trí địa lý

Hải Phòng là đô thị loại I trực thuộc TW, là thành phố ven biển, nằm phía Đông miền Duyên hải Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 102km. Phía Bắc giáp thành phố Quảng Ninh, phía Tây giáp thành phố Hải Dương, phía Nam giáp thành phố Thái Bình, phía Đông giáp Biển Đông.

Thành phố có toạ độ địa lý từ 20°30'39'-21°01'15' Vĩ độ Bắc, từ 106°23'39'-107°08'39' Kinh độ Đông. Ngoài ra còn có huyện đảo Bạch Long Vĩ nằm giữa Vịnh Bắc Bộ, có toạ độ từ 20°07'35'-20°08'36' Vĩ độ Bắc và từ 107°42'20'-107°44'15' Kinh độ Đông và huyện đảo Cát Hải, có tọa độ 20°43′26′Vĩ độ Bắc và từ 107°03′28′ Kinh độ Đông.

Thành phố Hải Phòng với diện tích 1.561,8km2, gồm có 15 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 07 quận (Đồ Sơn, Dương Kinh, Hải An, Hồng Bàng, Kiến An, Lê Chân, Ngô Quyền), 06 huyện ngoại thành (An Dương, An Lão, Kiến Thụy, Thủy Nguyên, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo) và 02 huyện đảo (Bạch Long Vĩ, Cát Hải) với tổng số 217 xã, phường, thị trấn.



* + 1. Đặc điểm địa hình, địa chất

Đồi núi chiếm 15% diện tích, phân bố chủ yếu ở phía Bắc, do vậy địa hình phía Bắc có hình dáng và cấu tạo địa chất của vùng trung du với những đồng bằng xen đồi. Khu đồi núi này có liên hệ với hệ núi Quảng Ninh, di tích của nền móng uốn nếp cổ bên dưới, nơi trước đây đã xảy ra quá trình sụt võng với cường độ nhỏ, gồm các loại cát kết, đá phiến sét và đá vôi có tuổi khác nhau được phân bố thành từng dải liên tục theo hướng Tây Bắc-Đông Nam từ đất liền ra biển gồm hai dãy chính. (i) Dãy chạy từ An Lão đến Đồ Sơn đứt quãng, kéo dài khoảng 30km có hướng Tây Bắc-Đông Nam, gồm các núi: Voi, Phù Liễn, Xuân Sơn, Xuân Áng, núi Đối, Đồ Sơn, Hòn Dáu. (ii) Dãy Kỳ Sơn-Tràng Kênh và An Sơn-Núi Đèo, gồm hai nhánh: nhánh An Sơn-Núi Đèo cấu tạo chính là đá cát kết có hướng Tây Bắc-Đông Nam, gồm các núi: Phù Lưu, Thanh Lãng và Núi Đèo; và nhánh Kỳ Sơn-Tràng Kênh có hướng Tây Tây Bắc-Đông Đông Nam gồm nhiều núi đá vôi.

Phía Nam có địa hình thấp và khá bằng phẳng kiểu địa hình đặc trưng vùng đồng bằng thuần tuý nghiêng ra biển, có độ cao từ 0,7÷1,7m so với mực nước biển.

Khu vực đất liền của thành phố Hải Phòng được chia cắt bởi các con sông ngòi thành các hệ thống riêng biệt được phân thành 05 hệ thống thủy lợi: Vĩnh Bảo; Tiên Lãng; Đa Độ; An Dương và Thủy Nguyên. Toàn bộ khu vực nằm trong vùng hạ lưu sông Thái Bình, một bộ phận quan trọng của Đồng bằng Bắc Bộ và là một trong những hướng thoát lũ chính của sông Thái Bình.

Hải Phòng có bờ biển dài trên 125km. Ngoài khơi thuộc địa phận Hải Phòng có nhiều đảo rải rác trên mặt biển, lớn nhất có đảo Cát Bà, xa nhất là đảo Bạch Long Vĩ. Vùng biển có đảo Cát Bà được ví như hòn ngọc của Hải Phòng, một đảo đẹp và lớn nhất trong quần thể đảo có tới trên 360 đảo lớn, nhỏ quây quần bên nó và nối tiếp với vùng đảo Vịnh Hạ Long. Đảo chính Cát Bà ở độ cao 200m trên biển, có diện tích khoảng 100km2, cách thành phố 30 hải lý. Cách Cát Bà hơn 90km về phía Đông Nam là đảo Bạch Long Vĩ, khá bằng phẳng và nhiều cát trắng.

Biển, bờ biển và hải đảo đã tạo nên cảnh quan thiên nhiên đặc sắc của thành phố duyên hải, song thành phố cũng là nơi thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai như: Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), lũ, nước dâng, ngập lụt, mưa lớn, nắng nóng, lốc, sét và mưa đá, sạt lở đất, xói lở và sạt lở bờ sông, bờ biển… ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển bền vững kinh tế-xã hội của thành phố.

* + 1. Đặc điểm khí tượng, thủy văn, hải văn
       1. Đặc điểm khí tượng

Thời tiết Hải Phòng mang tính chất đặc trưng của thời tiết miền Bắc Việt Nam: nóng ẩm, mưa nhiều, có 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông tương đối rõ rệt. Mùa đông ở Hải Phòng khí hậu thường lạnh và khô, nhiệt độ trung bình là 20,3°C; khí hậu mùa hè thường nồm mát và mưa nhiều, nhiệt độ trung bình khoảng 32,5°C.

**Nhiệt độ:** Do nằm sát biển nên vào mùa đông, Hải Phòng ấm hơn 1°C và mùa hè mát hơn 1°C so với Hà Nội. Nhiệt độ tối cao đạt 39,5°C vào năm 2017 tại Phù Liễn; 38,6°C vào năm 1986 tại Hòn Dáu, 36°C vào năm 2009 tại Bạch Long Vĩ. Xu thế biến đổi của nhiệt độ tăng trong các thập kỷ gần đây. Tháng nóng nhất (tháng 6,7) nhiệt độ có thể lên đến 44°C và tháng lạnh nhất (tháng 1,2) nhiệt độ thấp nhất là 4,5°C xảy ra vào các năm.

**Độ ẩm:** Độ ẩm trung bình vào khoảng 80 - 85%, cao nhất vào tháng 7, 8, 9 và thấp nhất là tháng 1, tháng 12.

**Số giờ nắng:** Số giờ nắng trung bình năm dao động trong khoảng 1.400 - 1.600 giờ. Số giờ nắng lớn nhất thường xuất hiện vào tháng 7 và tháng 9, số giờ nắng ít nhất thường vào tháng 3. Tổng lượng bức xạ mặt trời khá cao, bức xạ thực tế hàng năm đạt 105-115kcal/cm2 phút, cao nhất vào tháng 5 và tháng 7, thấp nhất vào tháng 2.

**Lượng mưa:** Mưa lớn thường tập trung vào mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10. Tháng 8 là tháng có tổng lượng mưa trung bình lớn nhất khoảng 335mm, tháng 1 là tháng có tổng lượng mưa trung bình nhỏ nhất khoảng 18mm. Tổng lượng mưa trung bình trong mùa mưa là 1281,8mm, tổng lượng mưa trung bình mùa khô là 202mm.

* + - 1. Đặc điểm thủy văn

***3.2.1. Đặc điểm địa lý các sông khu vực Hải Phòng***

Hải Phòng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, mật độ trung bình từ 0,6÷0,8 km/1km². Độ dốc khá nhỏ, chảy chủ yếu theo hướng Tây Bắc Đông Nam. Sông ngòi Hải Phòng đều là các chi lưu của sông Thái Bình đổ ra Vịnh Bắc Bộ. Nếu ngược dòng ta sẽ thấy như sau: sông Cầu bắt nguồn từ vùng núi Văn Ôn ở độ cao trên 1.170m thuộc Bắc Cạn, về đến Phả Lại thì hợp lưu với sông Thương và sông Lục Nam, là nguồn của sông Thái Bình chảy vào đồng bằng trước khi đổ ra biển với độ dài 97km và chuyển hướng chảy theo Tây Bắc-Đông Nam. Từ nơi hợp lưu đó, các dòng sông chảy trên độ dốc ngày càng nhỏ, và sông Thái Bình đã tạo ra mạng lưới chi lưu các cấp như sông Kinh Môn, Kinh Thầy, Văn Úc, Lạch Tray, Đa Độ... đổ ra biển bằng 5 cửa sông chính. Các cửa sông của Hải Phòng đều thuộc loại rộng. Vì có cửa sông rộng sâu, cao độ lòng sông thấp, độ dốc nhỏ nên các sông ở Hải Phòng đều chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều Bắc Bộ.

Hải Phòng có các sông chính tỏa rộng khắp địa bàn thành phố với tổng độ dài trên 300km, các con sông chính ở Hải Phòng gồm:

1. ***Sông Đá Bạch/Đá Bạc - Bạch Đằng:*** Là nhánh của sông Kinh Môn đổ ra biển ở cửa Nam Triệu và là ranh giới phía Bắc và Đông Bắc của Hải Phòng với Quảng Ninh. Cửa sông ở đây rộng và sâu, hai bên bờ là những vách núi đá vôi tráng lệ, nơi đây đã 3 lần ghi lại những chiến công hiển hách của dân tộc Việt Nam trong lịch sử chống quân xâm lược phương Bắc ở thế kỷ thứ X và XIII. Bề rộng sông tăng dần về phía biển, chỗ rộng nhất là 1000m, chỗ hẹp nhất là 100m, chiều rộng trung bình là 300m, chiều dài sông hơn 32km. Cao độ đáy sông chỗ sâu nhất là -10m.
2. ***Sông Cấm:*** Toàn bộ sông Cấm thuộc địa phận Hải Phòng, là ranh giới  
   giữa hệ thống An Hải và Thuỷ Nguyên. Đây chính là nhánh của sông Kinh Môn  
   có chiều dài sông trên 30km, bắt đầu từ ngã ba Hợp Thành (từ vị trí nhập lưu của sông Kinh Thày-Kinh Môn) đến nhập lưu vào sông Bạch Đằng để đổ ra biển qua cửa Nam Triệu (trước đây sông Cấm chảy trực tiếp ra biển qua Cửa Cấm, nay đã bị chặn lại bởi đập Đình Vũ). Cảng Hải Phòng được xây dựng trên khu vực cửa sông này từ cuối thế kỷ 19. Sông Cấm có chiều rộng tương đối, chỗ hẹp nhất khoảng 200m, chỗ rộng nhất 700m (từ cầu Kiền ra phía biển). Cao độ đáy sông chỗ sâu nhất -12m.
3. ***Sông Lạch Tray:*** Sông Lạch Tray là phân lưu của sông Văn Úc tại ngã 3 Kênh Đồng. Chiều dài sông khoảng 45km. Phần thượng lưu sông Lạch Tray là ranh giới giữa huyện An Lão (Hải Phòng) với huyện Kim Thành (Hải Dương), là nhánh của sông Kinh Thày, bắt nguồn từ ngã ba Kênh Đồng nối với sông Văn Úc đổ ra biển bằng cửa Lạch Tray qua địa phận Kiến An, An Hải và cả nội thành. Sông Lạch Tray là con sông nhỏ, chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy triều (ngay cả mùa mưa lũ cũng vậy). Nhờ lợi dụng chân triều, vùng nội đô và đồng ruộng ở hai bên sông tiêu tự chảy vào sông Lạch Tray ra biển. Sông chảy theo hướng Đông đổ ra biển bởi cửa Lạch Tray cách nội thành TP. Hải Phòng khoảng hơn 10km. Bãi biển Đồ Sơn nằm kẹp giữa cửa sông Lạch Tray và sông Văn Úc và bị ảnh hưởng phù sa của hai con sông.
4. ***Sông Văn Úc:*** Là sông nhánh cấp II của sông Thái Bình qua Hải Dương và Hải Phòng, tại ngã ba Kênh Đồng (ngã ba Văn Úc-Lạch Tray), độ dốc đáy sông trung bình, có chiều rộng trung bình 500-800m. Sông Văn Úc sâu và rộng nhất trong số các sông ở hạ du sông Thái Bình. Độ sâu tương đối lớn, độ sâu của đáy sông từ (-10)÷(-16)m, chỗ sâu nhất có thể lên đến (-45m) như đoạn gần sông Mới. Trên sông hình thành các doi bãi lớn như bãi Kênh Đồng, bãi Phà Khuể hướng chảy chủ yếu là Tây Bắc-Đông Nam, đổ ra biển tại xã Vinh Quang huyện Tiên Lãng dài 41km. Dưới ngã ba Kênh Đồng khoảng 1 km, sông Văn Úc phân ra một nhánh chính là sông Lạch Tray đổ ra cửa sông Văn Úc làm thành ranh giới giữa hai huyện An Lão và Tiên Lãng.
5. ***Sông Thái Bình:*** Sông Thái Bình dài 35km là dòng chính chảy vào địa phận Hải Phòng từ Quý Cao và đổ ra biển qua cửa sông Thái Bình làm thành ranh giới giữa hai huyện Vĩnh Bảo và Tiên Lãng. Sông Thái Bình do nhập lưu của nhiều sông như sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, về hạ lưu được bổ sung bởi sông Đuống, sông Luộc, nên dòng chảy khá lớn. Tuy nhiên đoạn sông chảy qua Hải Phòng ra đến biển đã bị bồi từ những năm 1960, do vậy đoạn sông này hiện nay khá nông, có độ sâu trung bình từ 1-2m.
6. ***Sông Luộc:*** Sông Luộc nối liền sông Hồng với sông Thái Bình là hai hệ thống sông lớn ở miền Bắc, hàng năm sông Luộc chuyển một lượng nước đáng kể từ hệ thống sông Hồng sang hệ thống sông Thái Bình. Sông Luộc vào địa phận Hải Phòng từ Chanh Chử nhập lưu với sông Thái Bình tại Quý Cao dài 18km, độ rộng trung bình 40m, sông uốn khúc và bồi lắng mạnh mẽ.
7. ***Sông Hóa:*** Sông Hóa là phân lưu của sông Luộc tại ngã ba Chanh Chử,  
   đổ vào sông Thái Bình. Sông có chiều dài 38km, chiều rộng lòng sông trung bình 150-250m, cao độ đáy (-5,0) ÷ (-7,0)m. Toàn bộ sông Hoá thuộc địa phận Hải Phòng và là ranh giới giữa huyện Vĩnh Bảo và thành phố Thái Bình.

Ngoài các sông chính là các sông nhánh lớn, nhỏ chia cắt khắp địa hình thành phố như sông Giá (Thuỷ Nguyên), sông Đa Độ (Kiến An-Đồ Sơn), sông Tam Bạc...



*Hệ thống các sông trục chính thuộc thành phố Hải Phòng*

Nguồn cung cấp nước cho hệ thống sông ngòi trong khu vực chủ yếu là  
nước từ thượng nguồn, nước mưa trên lưu vực. Dòng chảy có sự biến đổi rất lớn  
theo mùa, tương ứng với mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa thường bắt đầu chậm hơn mùa mưa một tháng (vào tháng 6÷10), mùa cạn từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau. Trong mùa mưa, lưu lượng nước chiếm 75÷85% cả năm, đặc biệt trong 3 tháng 7, 8, 9 lưu lượng nước chiếm 50÷70%. Lũ lớn nhất thường vào tháng 7 hoặc tháng 8, chiếm 20÷27%, có khi tới 35% lưu lượng nước cả năm. Trong mùa mưa, các sông ở phía bắc (Bạch Đằng, Cấm, Lạch Tray) chịu ảnh hưởng của chế độ lũ sông Thái Bình mạnh hơn, trong khi đó các sông phía nam (Văn Úc, Thái Bình) lại chịu ảnh hưởng chế độ lũ của sông Hồng mạnh hơn. Mùa cạn, lượng nước từ thượng lưu về ít, nguồn nước trong sông chủ yếu do nước ngầm và thủy triều, lưu lượng nước chỉ chiếm 15÷20% cả năm. Hàng năm lưu lượng nước nhỏ nhất thường xuất hiện vào tháng 3.

***3.2.2. Đặc điểm lũ sông khu vực thành phố Hải Phòng***

Hệ thống sông Hồng và Thái Bình có mối quan hệ chặt chẽ với nhau bởi sông Đuống ở phía trên và sông Luộc ở phía dưới. Do vậy chế độ lũ của sông Hải Phòng đều trực tiếp chịu sự chi phối của cả hai hệ thống sông. Trong đó sông Lạch Tray chịu ảnh hưởng mạnh của lũ trên hệ thống sông Thái Bình, sông Luộc chịu ảnh hưởng mạnh của lũ trên hệ thống sông Hồng.

- Hệ thống sông Hải Phòng có nhiều cửa sông đổ trực tiếp ra biển nên chịu sự tác động mạnh của thủy triều trong mùa cạn, mùa lũ hình dạng sóng lũ đều có dạng của sóng nhật triều, tuy nhiên chân triều được nâng lên, biên độ triều giảm. Thời gian duy trì mực nước lũ ở cấp báo động rất ngắn.

- Lũ trên các sông chủ yếu do lũ thượng nguồn đổ về kết hợp với thủy triều Vịnh Bắc Bộ. Lũ lên nhanh, xuống chậm khi gặp triều cường, xuống nhanh khi gặp triều rút.

- Ngoài ra, do ảnh hưởng của nước dâng do bão kết hợp với triều cường có thể gây ra mực nước lớn nhất trong năm, thời gian duy trì mực nước ở mức cao xảy ra trong thời gian ngắn trung bình 4-6h.

***3.2.3. Phân phối dòng chảy trong năm***

Hệ sông ngòi khu vực ven biển thành phố Hải Phòng là phần hạ lưu - cửa sông của hệ thống sông Thái Bình kết nối với sông Luộc (sông Đào chia nước từ hệ thống sông Hồng sang hạ nguồn sông Thái Bình) với một loạt cửa sông: cửa Bạch Đằng, cửa Cấm, cửa Lạch Huyện, cửa Nam Triệu, cửa Lạch Tray, cửa Văn Úc và cửa Thái Bình. Bên cạnh đó còn có các nhánh sông nhỏ: Giá, Đa Độ, Tam Bạc, Hoá, Mới, Mía, làm thành khu vực đất ngập nước cửa sông khu vực ven biển Hải Phòng.

Về chế độ nước, hàng năm các sông tải ra biển khoảng trên 30km3 nước và khoảng 18 triệu tấn bùn cát. Trong mùa mưa lũ (tháng 6-10) tải lượng nước chiếm 75-85% và tải lượng bùn cát chiếm 90 - 95% tổng lượng cả năm.

Tốc độ dòng chảy trên các sông trung bình 0,4-0,6m/s, khi có lũ đạt tới 1,8- 2,5m/s. Mực nước trung bình trên các sông so với mực biển thấp nhất tại Hòn Dáu khoảng 210-256cm, có thể vượt 4,5m khi có lũ.

Các con sông chịu ảnh hưởng lớn của thủy triều. Trên cửa sông Đá Bạc-Bạch Đằng thời gian dòng chảy lên là 9-10 giờ/16-15 giờ vào mùa hè; 11-12/13-14 giờ vào mùa đông; trên sông Cấm là 12/13 giờ ở cả hai mùa. Tốc độ dòng chảy sông ở cửa sông mùa khô trung bình chỉ 10-15cm/s, chiếm vượt 50cm/s và bị dòng triều lấn át. Vào ngày mưa lũ, dòng chảy sông lớn, lấn át dòng triều, thường trên 100cm/s và chiếm hầu hết thời gian chảy trong ngày.

***3.2.4. Chế độ thủy văn***

Do là hạ lưu hệ thống sông Hồng và Thái Bình khả năng thoát nước trên các triền sông ở Hải Phòng khá nhanh chóng. Mức độ tập trung dòng chảy do mưa lớn ở địa phương thường không gây lên tình trạng lũ nghiêm trọng. Lượng mưa trong mùa lũ không đóng vai trò sinh lũ như các sông khu vực miền núi, mà chỉ làm tăng thêm lượng trữ nước trong sông và đôi khi làm hình dạng sóng lũ thay đổi. Với những trận mưa cực lớn và kéo dài chỉ gây lên tình trạng ngập úng trong nội đồng trong thời gian ngắn. Chế độ dòng chảy các sông trên khu vực được chia làm hai mùa rõ rệt:

- Mùa kiệt: Xuất hiện từ tháng 9 năm trước đến tháng 4 năm sau. Mùa này chịu ảnh hưởng thuỷ triều là chính. Mỗi ngày xuất hiện 1 đỉnh, 1 chân triều. Những ngày triều mãn có khi 1 ngày xuất hiện 2 đỉnh triều 1 chân triều hoặc 1 đỉnh triều 2 chân triều, cũng có khi 2 đỉnh triều 2 chân triều xuất hiện trong 1 ngày.

- Mùa lũ: Xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 10 lũ thượng nguồn đổ về, nhưng đường quá trình mực nước vẫn giữ nguyên dạng triều. Đỉnh triều và chân triều nâng cao, biên độ triều nhỏ đi.

***3.2.5. Đánh giá tình hình mực nước các sông khu vực Hải Phòng***

Mực nước trung bình năm các trạm Hải Phòng trong những năm gần đây đều cao hơn so với (2010-2020) so với những thập niên trước đây và ở mức xấp xỉ đến cao hơn so với TBNN.

Thời gian xuất hiện mực nước cao nhất chủ yếu vào những tháng mùa lũ khi mực nước chịu ảnh hưởng của thủy triều và lũ thượng nguồn các sông đổ về (từ tháng 5-10).

Thời gian xuất hiện mực nước thấp nhất vào những tháng mùa cạn (từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau). Khi mực nước chủ yếu chịu ảnh hưởng của thủy triều.

* + - 1. Đặc điểm hải văn

Vùng biển Hải Phòng là một bộ phận thuộc tây bắc Vịnh Bắc Bộ. Các đặc điểm cấu trúc địa hình đáy biển và đặc điểm hải văn biển Hải Phòng gắn liền với những đặc điểm chung của Vịnh Bắc Bộ và Biển Đông.

Mực nước triều: Khu vực Hải Phòng chịu ảnh hưởng rất mạnh của thuỷ triều. Thủy triều ở đây thuộc chế độ nhật triều thuần nhất, trong tháng có khoảng 25 ngày có 1 lần nước lớn và 1 lần nước ròng, độ lớn triều ở đây thuộc loại lớn, khoảng 3m đến 4m vào thời kỳ triều cường.

Độ sâu của biển Hải Phòng không lớn. Đường đẳng sâu 2m chạy quanh mũi Đồ Sơn rồi hạ xuống 5m ở cách bờ khá xa. Ở đáy biển nơi có các cửa sông đổ ra, do sức xâm thực của dòng chảy nên độ sâu lớn hơn. Ra xa ngoài khơi, đáy biển hạ thấp dần theo độ sâu của Vịnh Bắc Bộ, chừng 30-40m. Mặt đáy biển Hải Phòng được cấu tạo bằng thành phần mịn, có nhiều lạch sâu vốn là những lòng sông cũ nay dùng làm luồng lạch ra vào hàng ngày của tàu biển.

Hải Phòng có bờ biển dài trên 125km kể cả bờ biển xung quanh các đảo khơi. Bờ biển có hướng một đường cong lõm của bờ Vịnh Bắc Bộ, thấp và khá bằng phẳng, cấu tạo chủ yếu là cát bùn do 5 cửa sông chính đổ ra. Trên đoạn chính giữa bờ biển, mũi Đồ Sơn nhô ra như một bán đảo, đây là điểm mút của dải đồi núi chạy ra từ trong đất liền, có cấu tạo đá cát kết (sa thạch) tuổi Đevon, đỉnh cao nhất đạt 125m, độ dài nhô ra biển 5km theo hướng Tây Bắc-Đông Nam. Ưu thế về cấu trúc tự nhiên này đã tạo cho Đồ Sơn có một vị trí chiến lược quan trọng trên mặt biển; đồng thời cũng là một thắng cảnh nổi tiếng. Dưới chân những đồi đá cát kết có bãi tắm, có nơi nghỉ mát nên thơ và khu nghỉ dưỡng có giá trị. Ngoài khơi thuộc địa phận Hải Phòng có nhiều đảo rải rác trên khắp mặt biển, lớn nhất có đảo Cát Bà, xa nhất là đảo Bạch Long Vĩ. Cát Bà cũng là đảo lớn nhất thuộc khu vực vịnh Hạ Long.

Biển, bờ biển và hải đảo đã tạo nên cảnh quan thiên nhiên đặc sắc của thành phố duyên hải. Đây cũng là một thế mạnh tiềm năng của nền kinh tế địa phương nhưng cũng phải đối diện với nhiều loại hình thiên tai so với khu vực khác.

Thủy triều: Thuỷ triều ở Hải Phòng thuộc chế độ nhật triều thuần nhất, với biên độ dao động lớn, thông thường trong ngày xuất hiện 1 đỉnh triều (nước lớn) và một chân triều (nước ròng). Trung bình trong một tháng có 2 kỳ triều cường, mỗi chu kỳ kéo dài 11-13 ngày với biên độ dao động mực nước từ 2,0÷4,0m. Trong kỳ triều kém tính chất nhật triều giảm đi rõ rệt, tính chất bán nhật triều tăng lên: trong ngày xuất hiện 2 đỉnh triều (cao, thấp). Xu thế biến thiên mực nước trên vùng biển Hải Phòng khá giống nhau; thời gian triều rút lớn hơn triều dâng trung bình ở Hòn Dáu và mũi Đồ Sơn là 2giờ16’, Bạch Long Vĩ-1giờ43’, cửa Nam Triệu-1giờ15’, cảng Hải Phòng-1giờ 05’.

Trong năm, thủy triều có biên độ lớn vào các tháng 5, 6, 7 và 10, 11, 12, biên độ nhỏ vào các tháng 3, 4 và 8, 9. Mùa đông mực nước cực tiểu thường xuất hiện vào ban ngày, mùa hè mực nước cực tiểu thường xuất hiện vào ban đêm.

Chế độ gió: Thuộc vùng ít đảo che chắn của vùng 1, tốc độ gió trung bình vào khoảng 4,0÷5,0m/s. Mùa gió Đông Bắc, vùng ngoài khơi gió có hướng Đông Bắc chiếm tần suất tới 80%, còn lại là gió hướng Đông và hướng Bắc chiếm xấp xỉ 20% (tại trạm Cô Tô). Vùng gần bờ hướng gió phân tán gần đều cho cả 3 hướng, đó là hướng Bắc, Đông Bắc và Đông với tổng tần suất trên 90%, còn lại các hướng khác có tần suất không đáng kể. Trong mùa đông tốc độ gió từ cấp 5 trở lên (>8m/s) cũng chiếm tần suất khá lớn, từ 20÷25%. Về mùa gió Tây Nam, hướng gió chiếm ưu thế là hướng Nam với tần suất khoảng 40%, sau đó là hướng Tây Nam và Đông Nam có tần suất gần bằng nhau và bằng khoảng 20÷25%, tốc độ gió từ cấp 5 trở lên (>8m/s) cũng chiếm tần suất khá lớn, nằm trong khoảng từ 15÷20%.

1. Tốc độ gió trung bình các tháng trong năm

*Đơn vị: (m/s)*

| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phù Liễn | 3,4 | 3,5 | 3,6 | 3,9 | 4,1 | 3,8 | 3,9 | 3,4 | 3,5 | 3,8 | 3,8 | 3,7 |
| Cát Bi | 2,5 | 2,6 | 2,6 | 3,1 | 3,6 | 3,3 | 3,5 | 2,7 | 2,3 | 2,3 | 2,5 | 2,8 |
| Cát Hải | 1,8 | 1,9 | 1,9 | 2,0 | 2,8 | 3,1 | 3,4 | 2,7 | 2,4 | 2,8 | 2,5 | 2,4 |
| Hòn Dáu | 4,9 | 4,8 | 4,1 | 4,9 | 5,7 | 5,9 | 6,1 | 4,8 | 4,8 | 5,2 | 4,9 | 5,1 |
| Bạch Long Vĩ | 8,2 | 7,8 | 6,1 | 5,8 | 6,6 | 7,0 | 7,6 | 5,9 | 6,2 | 7,9 | 8,0 | 7,0 |

*(Nguồn:KTTV)*

Chế độ sóng: Ở vùng ven bờ biển Đồ Sơn-Hải Phòng, nhìn chung sóng không lớn, phụ thuộc vào chế độ gió theo mùa, tốc độ gió, đặc điểm địa hình và hình dạng đường bờ. Sóng có hướng chính là Đông, Đông Bắc, Đông Nam và Nam, độ cao sóng thay đổi theo mùa tùy thuộc vào hướng gió và cường độ gió.

1. Vận tốc gió và độ cao sóng trung bình tương ứng nhiều năm tại khu vực Hòn Dáu

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **TBNN** |
| Gió (m/s) | 4,7 | 4,5 | 4,4 | 4,6 | 5,3 | 5,7 | 5,8 | 4,6 | 4,3 | 4,7 | 4,5 | 4,4 | 4,8 |
| Sóng (m) | 0,7 | 0,7 | 0,7 | 0,8 | 0,9 | 0,9 | 1,0 | 0,8 | 0,8 | 0,8 | 0,7 | 0,7 | 0,8 |

*(Nguồn:KTTV)*

Sóng hướng chính là Đông, Đông Nam, Nam và Đông Bắc với tần suất xuất hiện lần lượt là 25,2%, 14,7%, 6,5% và 5%, độ cao sóng nhỏ hơn 0,5m chiếm tới 52% (trong đó có 28,2% là lặng sóng) và độ cao sóng lớn hơn 1,5m chiếm 15%.

Sương mù trong năm thường tập trung vào các tháng mùa Đông, bình quân năm là 10 ngày, tháng có sương mù nhiều nhất vào tháng 3 là 8 ngày. Các tháng mùa Hạ hầu như không có sương mù. Do ảnh hưởng của sương mù nên tầm nhìn xa bị hạn chế, số ngày có tầm nhìn dưới 1km thường xuất hiện vào các tháng mùa Đông, còn các tháng mùa Hạ thì hầu như tầm nhìn xa đều trên 10km.

* + 1. Đặc điểm dân sinh
       1. Đặc điểm dân số



***4.1.1. Dân số***

Theo số liệu kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019[[1]](#footnote-1), Tổng dân số của thành phố: 2.053.493 người. Trong đó: Nam giới: 1.015.649 người; Nữ giới: 1.037.844 người; Thành thị: 932.547 người, chiếm 45,41%; Nông thôn: 1.120.946 người, chiếm 54,59%. Mật độ dân số trung bình của Hải Phòng là 1.315 người/km2, dân cư phân bố không đều, tốc độ đô thị hóa phát triển tương đối nhanh, mật độ dân số tập trung tại các quận lớn khá cao, trong đó cao nhất là quận Lê Chân 18.577 người/km2, cao gấp 14,12 lần mật độ dân số trung bình toàn Thành phố. Các quận Lê Chân, Ngô Quyền, Hồng Bàng, Kiến An là những nơi có mật độ dân số cao nhất thành phố, giao động từ 3.988-18.467 người/km2.

Tổng toàn thành phố có 599.156 hộ, trong đó thành thị 266.682 hộ, nông thôn 332.474 hộ.

Bảng Dân số phân theo giới tính,thành thị/nông thôn, đơn vị hành chính các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng chi tiết xem tại Phụ lục I.

***4.1.2. Lao động***

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên: 1.077.773 người, trong đó: Nam giới: 546.435 người, chiếm 50,7 % dân số; Nữ giới: 531.338 người, chiếm 49,3% dân số; Thành thị: 438.968 người, chiếm 40,73%; Nông thôn: 638.805 người, chiếm 59,27%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi 2,37%. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,86%; Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn là 85%; Số lao động được giải quyết việc làm là 54.691 lượt người/năm vượt mục tiêu năm 2016-2020 (mục tiêu là 52.000 lượt người); Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 85%.

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế là 1.181.829 người, trong đó làm nông, lâm nghiệp và thủy sản 179.283 người; Công nghiệp và xây dựng 374.994 người và các dịch vụ 627.552 người. Năng suất lao động xã hội theo giá so sánh là 12,19%/năm; Năng suất lao động theo giá hiện hành là 14,22%/năm; Số lao động đi làm việc ở nước ngoài trong năm 7.481 người vượt mục tiêu giai đoạn 2016-2020 (mục tiêu là 5.000 người).

***4.1.3. Đối tượng dễ bị tổn thương***

Theo Luật PCTT, đối tượng dễ bị tổn thương là nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi hơn từ thiên tai so với những nhóm người khác trong cộng đồng. Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo.

* Tổng số hộ nghèo: 1.268 hộ chiếm 0,02% so với số hộ toàn thành phố.
* Số hộ cận nghèo 10.732 hộ, chiếm 1,72%.
* Số Người khuyết tật: 41.675 người. Tỷ lệ người khuyết tật > 5 tuổi là 4,3% dân số.
* Người cao tuổi: 29.830 người.
* Trẻ em dưới 16 tuổi: 515.086 người.
* Tổng số người dân tộc Kinh là 2.020.998 người, chiếm 99,63%, tổng số người dân tộc khác là 7.516 người, chiếm 0,37%. Số người dân tộc thiểu số sống rải rác đều ở các địa phương, nhưng tập trung nhiều ở quận Dương Kinh có 1.943 người-chiếm 25,85% và huyện Thủy Nguyên là 1.114 người-chiếm 14,84% tổng số người dân tộc thiểu số.
* Đối tượng dễ bị tổn thương khác: Số hộ không có nhà ở là 85 hộ, chiếm 0,143% tổng số hộ.
  + - 1. Đặc điểm nhà ở

Kết quả sơ bộ Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, trong 10 năm qua, điều kiện nhà ở của các hộ dân cư đã được cải thiện rõ rệt, đặc biệt ở khu vực thành thị. Hầu hết các hộ dân cư đều có nhà ở và chủ yếu sống trong các loại nhà kiên cố và bán kiên cố; diện tích nhà ở bình quân đầu người tăng lên đáng kể, sát với mục tiêu Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020.

Theo kết quả Tổng điều tra năm 2019 đa số các hộ dân cư của thành phố Hải Phòng sống trong nhà bán kiên cố và kiên cố, đạt 99%, tỷ lệ này ở khu vực thành thị cao hơn 0,9% điểm so với khu vực nông thôn (tương ứng 99,5% và 98,6%).

Tỷ lệ hộ có nhà thiếu kiên cố và đơn sơ của thành phố Hải Phòng thấp hơn nhiều so với tỷ lệ bình quân chung của cả nước (6,9%) và cao hơn vùng Đồng bằng sông Hồng (0,7%).

Diện tích nhà ở bình quân đầu người năm 2019 của thành phố Hải Phòng là 22,9m2 sàn/người, trong đó khu vực thành thị là 25,8m2 sàn/người, cao hơn khu vực nông thôn là 20,5m2 sàn/người, tăng 3,7m2/người trong đó khu vực thành thị tăng 5m2/người.

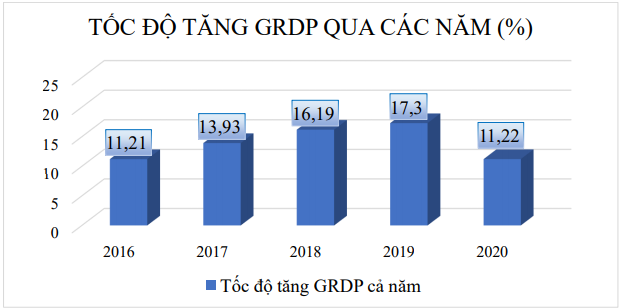
Mặc dù điều kiện nhà ở của người dân đã dần được cải thiện trong những năm qua, thể hiện qua diện tích nhà ở bình quân đầu người có xu hướng tăng sát với mục tiêu quốc gia, tuy nhiên vẫn còn một số bộ phận dân cư đang sống trong ngôi nhà chật hẹp, thiếu kiên cố và đơn sơ. Đây là những đối tượng có nguy cơ cao khi có thiên tai xảy ra, cần được quan tâm trong chính sách PCTT và cải thiện nhà ở dân cư trong thời gian tới ở địa phương.

* + 1. Đặc điểm kinh tế - xã hội
       1. Đặc điểm kinh tế

Hải Phòng với diện tích 1.561,8km2, là thành phố cảng biển, cửa chính ra biển của các thành phố phía Bắc, cực tăng trưởng vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường biển quan trọng của cả nước và quốc tế, gắn kết Hải Phòng với các thành phố, thành phố trong cả nước và quốc tế. Lợi thế so sánh đã tạo cho Hải Phòng phát triển kinh tế biển, chủ yếu là ngành cảng-hàng hải, du lịch biển, thủy sản, dầu khí và các dịch vụ kinh tế biển.

Những năm qua, thành phố Hải Phòng luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo của TW, cùng với việc thành phố vận dụng nhiều giải pháp linh hoạt, sáng tạo, kinh tế-xã hội của thành phố đã có sự chuyển biến tích cực, cụ thể:

Kinh tế của Hải Phòng trong 5 năm gần đây tăng trưởng vượt bậc. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân 5 năm, từ năm 2016-2020 tăng 13,94%/năm, gấp 1,3 lần mục tiêu đề ra (10,5%/năm), gấp 1,97 lần giai đoạn 2011-2015 (7,08%/năm) và gấp 2,06 lần tốc độ tăng trưởng chung của cả nước (6,78%/năm). Tăng trưởng GRDP của thành phố tăng gấp 2,95 lần bình quân chung cả nước (GRDP cả nước quý I tăng 4,48%), cao hơn các thành phố khác như: Hà Nội (+5,17%), TP Hồ Chí Minh (+4,58%), Quảng Ninh (+9,02%), Vĩnh Phúc (+8,05%).



*(Tình hình KT-XH thành phố Hải Phòng tháng 12, 12 tháng năm 2020)*

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực, đúng định hướng, phù hợp với yêu cầu thúc đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó:

* Năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm tỷ trọng 4,73% (năm 2018 là 5,18%), tăng 2,35% (kế hoạch tăng 1,91%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp-xây dựng chiếm 48,20% (năm 2018 là 45,41%), tăng 16,59% (kế hoạch tăng 24,12%), đóng góp 8,22 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực thương mại dịch vụ chiếm 41,10% (năm 2018 là 43,01%), tăng 5,64% (kế hoạch tăng 9,89%), đóng góp 2,25 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung.

Theo Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội thành phố Hải Phòng tháng 12, 12 tháng năm 2020[[2]](#footnote-2), sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã mang lại những thách thức chưa từng có, đã tác động lớn đến sự phát triển nền kinh tế Việt Nam trong năm 2020, trong đó thành phố Hải Phòng cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (GRDP) theo giá so sánh năm 2020 ước đạt 190.768,7 tỷ đồng, tăng 11,22% so với cùng kỳ năm trước, không đạt kế hoạch đề ra (kế hoạch tăng 16,5%) và là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2017-2020, tuy nhiên, đây vẫn là mức tăng khá cao so với các thành phố, thành phố trong cả nước, chỉ đứng sau Bắc Giang (tăng 13,02%). Cụ thể, năm 2020:

* Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng 4,6%; Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 1,5%/năm, trong đó: Nông nghiệp đạt 10.114,2 tỷ đồng; Lâm nghiệp đạt 28,8 tỷ đồng; Thủy sản đạt 5.190,2 tỷ đồng.
* Khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm 49,73%, tăng 16,59% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 25,18% của năm 2019 và không đạt kế hoạch đề ra (24,12%).
* Khu vực hàng hóa thông qua cảng: Doanh thu cảng biển đạt 5.484,5 tỷ đồng, tăng 1,01% so với cùng kỳ năm 2019.
* Khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo tuy bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh nhưng vẫn là ngành chủ lực chính trong phát triển kinh tế thành phố, với giá trị tăng thêm, tăng 81,51%.
* Ngành xây dựng tăng 19,16%, thấp hơn mức tăng 20,69% của năm 2019.
* Khu vực dịch vụ chiếm 39,51%, chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh covid 19, chỉ tăng thêm giá trị 5,64%, thấp hơn mức tăng 10,99% năm 2019.
* Khu vực du lịch, dịch vụ lưu trú và ăn uống ước chỉ đạt 3.539,9 tỷ đồng, giảm 4,92% so với cùng kỳ năm 2019 (tăng 7,42%).
* Về cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố năm 2020, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6,16% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2019 là: 4,73%; 48,03%; 41,07%; 6,17%).
* Hải Phòng đã tạo bước bứt phá về huy động nguồn lực để đầu tư phát triển, nhất là thu ngân sách. Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 ước đạt 564.295 tỷ đồng, cao gấp 1,28 lần mục tiêu đề ra (440.000 tỷ đồng) và gấp 3 lần giai đoạn 2011-2015 (188.355 tỷ đồng). Tiềm lực của thành phố được tăng cường, thu ngân sách nội địa năm 2020 đạt 30.000 tỷ đồng, gấp 2,32 lần năm 2015.

Mô hình tăng trưởng được đổi mới, phát triển theo chiều sâu; năng suất, chất lượng, hiệu quả được nâng cao. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển hướng sang công nghiệp chế biến, chế tạo, hiện đại, công nghệ cao, thu hút nhiều dự án công nghiệp lớn; tỷ trọng công nghiệp chế biến chế tạo trong GRDP tăng từ 25,12% năm 2015 lên 39,2% năm 2020. Các lĩnh vực thương mại, du lịch, cảng biển đều có bước phát triển nhanh, vượt bậc. Hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung, sản xuất những sản phẩm nông nghiệp có giá trị gia tăng cao. Đến năm 2019, đã có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu đề ra trước 01 năm.

* + - 1. Đặc điểm xã hội



***5.2.1. Về văn hóa, phong tục tập quán***

Cũng như mọi địa phương trên cả nước, Hải Phòng cũng là nơi có các lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá Việt Nam. Các lễ hội ở Hải Phòng rất phong phú và đa dạng, như: hát dân ca, hát chèo, múa rối, hát trù, hát đúm, lễ [hội Chọi trâu Đồ Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%85_h%E1%BB%99i_Ch%E1%BB%8Di_tr%C3%A2u_%C4%90%E1%BB%93_S%C6%A1n); [lễ hội Hoa Phượng đỏ](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%85_h%E1%BB%99i_Hoa_Ph%C6%B0%E1%BB%A3ng_%C4%91%E1%BB%8F); lễ hội Đền Trạng trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Hiện tại trên địa bàn thành phố có hơn 1.133 di tích bao gồm nhiều loại hình khác nhau: 211 đình; 564 chùa; 62 đền; 75 miếu, phủ, nghè; 50 từ đường dòng họ; 103 nhà thờ công giáo, 3 nhà thờ tin lành; 1 di tích Hội thánh Cao Đài; 32 di chỉ khảo cổ học lớn, quan trọng; 4 văn chỉ, văn từ; 4 di tich thắng cảnh; 12 di tích là nhà ở, công sở. Trong đó, có 474 di tich đã được xếp hạng gồm 02 di tích quốc gia đặc biệt, 113 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 360 di tích xếp hạng cấp thành phố; thành phố đã có di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (lễ hội Chọi Trâu Đồ Sơn, lễ hội truyền thống Nữ tướng Lê Chân, Lễ hội Minh Thề, Lễ hội vật truyền thống làng Vĩnh Khê và lễ hội Sa Mã).

Từ lâu, hoa phượng đỏ (hay phượng vĩ) đã trở thành biểu tượng của thành phố cảng Hải Phòng-Thành phố Hoa Phượng đỏ. Ngoài biểu tượng về hoa phượng, Nhà hát lớn Hải Phòng nằm ngay giữa quảng trường trung tâm thành phố cũng được coi như biểu tượng kiến trúc đặc trưng của Hải Phòng. Nhà hát được xây dựng vào năm 1904, hoàn thành năm 1912 theo thiết kế của kiến trúc sư người Pháp với nguyên vật liệu mang từ Pháp sang. Cùng với Nhà hát lớn tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì đây là số ít những nhà hát được người Pháp xây dựng tại Việt Nam thời kỳ thuộc địa.

Năm 2018 toàn thành phố có 2001 thôn, dân phố đạt danh hiệu văn hóa, đạt 78%; ước có 486.147/547.771 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa, đạt 88,7%. Toàn thành phố có 01 trung tâm văn hóa thành phố; 14 Trung tâm Văn hóa Thông tin, Trung tâm TDTT quận, huyện; 191/223 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa, 919/2566 làng, thôn, tổ dân phố văn hóa có nhà văn hóa, khu thể thao; 74 xã đạt chuẩn tiêu chuẩn 06; 97/139 xã đạt chuẩn tiêu chuẩn 16 trong Bộ tiêu chuẩn quốc gia xây dựng nông thôn mới.

***5.2.2. Về giáo dục***

Theo kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số năm 2019 cho thấy, toàn thành phố có 97,44% dân số trong độ tuổi đi học phổ thông hiện đang đi học đạt tỷ lệ cao so với cả nước. Đối với bậc tiểu học và trung học cơ sở đã đạt phổ cập trên toàn thành phố, đối với bậc trung học phổ thông đến nay toàn thành phố có 11/14 đơn vị quận, huyện đạt phổ cập THPT, còn 3 huyện chưa đạt phổ cập là các huyện An Lão, Kiến Thụy và Cát Hải, còn huyện đảo Bạch Long Vĩ không đánh giá phổ cập giáo dục. Tuy nhiên, hiện vẫn còn 2,56% tổng dân số trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng không đi học, chủ yếu là các trẻ bị khuyết tật, gặp vấn để về sức khỏe và một bộ phận nhỏ các em thôi học vì không muốn đi học hoặc nghỉ học để đi làm.

Có sự khác biệt về tình trạng không đi học của học sinh khu vực thành thị và khu vực nông thôn. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi đi học nhưng không đi học ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị gấp 1,6 lần là 3,12% còn ở thành thị là 1,9%.

Về cơ sở đào tạo, trên địa bàn thành phố Hải Phòng gồm có:

Toàn thành phố có tổng 870 trường, trong đó: 04 trường Đại học (Đại học Hàng Hải, Đại học Dân lập Hải Phòng, Đại học Hải Phòng, Đại học Y Hải Phòng); 16 trường Cao đẳng; 65 trường Trung học phổ thông; 194 trường Trung học cơ sở; 219 trường tiểu học; 388 trường mầm non.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên trong toàn ngành: 31.935, trong đó Giáo viên Mầm non 12.961 giáo viên, 8.303 giáo viên Tiểu học, 6.637 Giáo viên Trung học cơ sở, 4.034 Giáo viên Trung học phổ thông; Tổng số học sinh: 505.474 học sinh, trong đó 121.119 học sinh Mầm non, 196.265 học sinh Tiểu học, 126.765 học sinh Trung học cơ sở, 61.325 học sinh Trung học phổ thông.

***5.2.3. Về Y tế***

Sau gần 03 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, một số chỉ tiêu Nghị quyết đã đạt cao như: tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên giữ ở mức ổn định là 0,98 %, tỷ lệ sàng lọc trước sinh đạt 93,2% so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra đến năm 2025, tỷ lệ sàng lọc sơ sinh đạt 78,6% so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra đến năm 2025. Số con bình quân một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ duy trì mức 2,2 con, là 1 trong 9 thành phố, thành trong cả nước đạt, duy trì vững chắc mức sinh thay thế. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên trong toàn thành phố ổn định ở mức dưới 1%, tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại ước đạt 70,32%.

Cơ cấu dân số thay đổi theo hướng tích cực 67,59% dân số trong độ tuổi lao động. Chất lượng dân số từng bước được cải thiện, tỷ lệ trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh đạt 100% kế hoạch năm. Tuổi thọ trung bình của người dân thành phố đạt 74,7 tuổi cao hơn mức bình quân của toàn quốc là 73,6 tuổi.

Năm 2020, ngành Y tế Hải Phòng đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức 14/15 chỉ tiêu cơ bản của thành phố giao: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (%) giao <0,98% đạt 0,97% (vượt); Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái) giao <112,05 đạt 111,53 (vượt); Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/ tuổi) giao < 9,5% đạt 9,2% (vượt); Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin (%) giao > 97% đạt 98% (vượt); Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%) giao < 0,37% đạt 0,3% (vượt); Tỷ lệ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh (%) giao 90% đạt 94,14% (vượt); Tỷ lệ Trạm Y tế đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 (%) giao > 98% đạt 98,2% (vượt); Tỷ lệ cở sở khám, chữa bệnh xử lý chất thải y tế đạt tiêu chuẩn môi trường (%) giao 100% đạt 100%; Số giường bệnh trên 10.000 dân (không tính giường bệnh của trạm y tế xã phường) giao 38 - đạt 38; Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: giao > 90% - ước đạt 90,7 % (vượt). Tỷ số chết mẹ <8,5/100.000 trẻ đẻ sống; Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống là <3,5%; Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống là <5,0%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) là ≤9,0%.

Đến 30/10/2020 tổng số người tham gia BHYT là 1.788.266 người (bao gồm thân nhân quân đội, Công an) đạt tỷ lệ 87,7%, ước cả năm 90,7%.

BHXH thành phố ký hợp đồng với 59 cơ sở KCB, trong đó: Tuyến thành phố: 14 cơ sở KCB (9 BV tuyến thành phố, 04 BV Bộ ngành, 01 Ban BVSKCB TP); Tuyến huyện: 42 cơ sở KCB (BV-TTYT quận huyện 16, BV NCL 07, BV bộ ngành 02); PKĐK: 17 (15 PKĐK NCL, PKĐK bộ ngành: 02); Y tế cơ quan: 03; BVĐK quận/huyện đã ký cho 100 Trạm y tế xã KCB BHYT.

Nhân lực y tế từng bước tăng về số lượng và nâng cao về chất lượng. Tính đến tháng 9/2020, tổng số cán bộ nhân viên, người lao động trong ngành y tế thành phố gồm 14.953 người, trong đó nhân lực y tế công lập có 8.408 người; nhân lực các cơ sở y tế ngoài công lập 5.411 người và nhân lực y tế các bộ, ngành đóng trên địa bàn thành phố là 1134 người. Số lượng bác sĩ: 2765 (tính cả bác sĩ BV Bộ ngành). Số lượng dược sĩ đại học: 581 dược sĩ đại học. Tỷ lệ BS/vạn dân là 13,35; Tỷ lệ dược sĩ đại học/vạn dân là 2,80. Chất lượng nhân lực y tế đã được nâng lên, đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn tương đối vững vàng, công tác đào tạo được chú trọng.

Hiện nay, thành phố có 46 chuyên gia y tế đầu ngành ở các lĩnh vực chuyên môn, mũi nhọn; 07 phó giáo sư; 32 tiến sĩ Y khoa; 171 thạc sĩ Y khoa; 144 bác sĩ chuyên khoa cấp II; 430 bác sĩ chuyên khoa khoa cấp I, 4 dược sĩ chuyên khoa cấp II, 23 dược sĩ chuyên khoa cấp I, thạc sĩ dược. Tỷ lệ cán bộ có trình độ sau đại học y-dược/tổng số cán bộ y-dược có trình độ đại học là 47% (toàn quốc là 27%); Phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên khoa II chiếm 2,2% (toàn quốc là 0,51%).

100% số thôn có nhân viên y tế hoạt động; 60% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ là định biên; 78% trạm y tế có bác sĩ hoạt động.

Tính đến 01/11/2020, tỷ lệ cơ sở triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối mạng: nhà thuốc: 370/412 (đạt 87,4%); quầy thuốc: 881/999 (đạt 88,2%).

Năm 2020 đã tổ chức 13 lớp (1200 người) tập huấn đào tạo cập nhật kiến thức về phòng chống dịch Covid 19 và công tác dược cho các cơ sở bán buôn, nhà thuốc, quầy thuốc trên địa bàn.

Mạng lưới khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền và phục hồi chức năng từng bước được phát triển chuyên sâu.

***Nhìn chung,*** giai đoạn 2016-2020, thành phố Hải Phòng đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế-xã hội đề ra:

Hoàn thành vượt mức 12/20 chỉ tiêu, trong đó có: 7/12 chỉ tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch giao từ 1-3 năm, điển hình như: thu nội địa (năm 2017 đã đạt 21.777 tỷ đồng), vượt chỉ tiêu đề ra trước 03 năm; chỉ số sản xuất công nghiệp (bình quân 05 năm đạt 20,64%/năm), gấp 1,47 lần mục tiêu đề ra (14%/năm), gấp 2,12 lần so với giai đoạn 2011-2015 và gấp hơn 2 lần tốc độ tăng chung cả nước; sản lượng hàng hóa qua cảng tăng bình quân 15,9%/năm, năm 2018 đạt gần 110 triệu tấn, vượt chỉ tiêu đề ra trước 02 năm, năm 2020 ước đạt 142,84 triệu tấn, gấp 2,1 lần năm 2015; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 34,42%/năm, năm 2020 ước đạt 18,95 tỷ USD, vượt mục tiêu (12 đến 17 tỷ USD), gấp 4,38 lần năm 2015.

Hoàn thành 07/20 chỉ tiêu về xã hội, môi trường, như: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 90,7%; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,73%/năm; tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý hợp vệ sinh ở đô thị đạt 100%, nông thôn 90%.

Không hoàn thành duy nhất 01 chỉ tiêu là tuổi thọ trung bình, năm 2020 ước đạt 74,7 tuổi, không hoàn thành mục tiêu 77 tuổi.

* + 1. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

Kết cấu hạ tầng giao thông của Hải Phòng đã có bước phát triển vượt bậc, đã được củng cố, phát huy cao hơn vai trò thành phố Cảng, đầu mối giao thông quan trọng và cửa chính ra biển của các thành phố phía Bắc; hệ thống cảng biển, hạ tầng giao thông được đầu tư mạnh, có bước phát triển đột phá theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hình thành Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, đón tàu có tải trọng 132.000-160.000 tấn. Khánh thành, đưa vào sử dụng cầu vượt biển Tân Vũ-Lạch Huyện, Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, đường trục World Bank, Quốc lộ 10 mở rộng… Tổng nguồn lực đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 đạt 43.886 tỷ đồng, gấp 1,82 lần giai đoạn 2011-2015, trong đó vốn ngân sách thành phố là 24.653 tỷ đồng, gấp 3 lần giai đoạn 2011-2015 (8.211 tỷ đồng). Thành phố đã hoàn thành xây dựng hàng chục tuyến đường liên thành phố, liên huyện, cùng 46 cây cầu các loại, trong đó có nhiều cây cầu lớn, với tổng chiều dài 23km.

* + - 1. Giao thông vận tải

Hệ thống giao thông của Hải Phòng đóng vai trò quan trọng trong việc vận tải hàng hóa và hành khách từ [thành phố cảng](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_Ph%C3%B2ng) lớn nhất Việt Nam. Hải Phòng là đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ chính của cả miền Bắc, kết nối các thành phố ven biển Đông Bắc Bộ, với thủ đô Hà Nội và các tuyến giao thông hàng hải quốc tế.

Về mặt vị thế, Hải Phòng là thành phố cảng quan trọng, đồng thời là trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn nhất phía Bắc Việt Nam và cũng là trung tâm kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học, thương mại và công nghệ của Vùng Duyên hải Bắc Bộ. Hải Phòng có đường bờ biển dài trên 125km, thấp và khá bằng phẳng, tạo lên khu vực ven biển đa dạng về tự nhiên, nhân văn và đa năng về kinh tế, xã hội. Khu vực ven biển Hải Phòng mang lại nguồn lợi rất lớn về cảng biển, góp phần phát triển thành cảng cửa ngõ quốc tế của cả miền Bắc và cả nước, đồng thời cũng thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch.

Hải Phòng là đầu mối giao thông khu vực phía Bắc, tiếp nhận số lượng lớn hàng hóa thông qua cảng vận chuyển đi các địa phương chủ yếu bằng đường bộ.



***6.1.1. Giao thông vận tải Đường bộ***

Về đường bộ: Thành phố Hải Phòng có 1029 tuyến đường giao thông với tổng số km là 2477,87km (trong đó 01 tuyến cao tốc, 04 đoạn tuyến quốc lộ đi qua, 16 tuyến đường thành phố, 520 tuyến đô thị, 425 tuyến đường huyện xã và 63 tuyến đường chuyên dùng), tăng số tuyến đường được xây dựng mới là 44 tuyến với tổng chiều dài 628km.

Các tuyến đường huyết mạch nối Hải Phòng với các thành phố thành khác như: Quốc lộ 5, quốc lộ 10, quốc lộ 37 nối Vĩnh Bảo với Ninh Giang (Hải Dương)-Diêm Điền (Thái Bình), các đường mới đang xây dựng và dự kiến xây dựng như đường Hạ Long-Đình Vũ, cầu Nguyễn Trãi-cầu Vũ Yên. Các tuyến đường cao tốc như Đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng, đường cao tốc ven biển Quảng Ninh-Hải Phòng-Ninh Bình.

***Đường bộ đối ngoại:***

+ Quốc lộ 5A: có chiều dài nội thành là 29km, chiều dài toàn tuyến (Hà Nội-Hải Dương-Hải Phòng) là 102km.

+ Đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng: có chiều dài nội thành là 33,5km lộ giới 100m, chiều dài toàn tuyến (Hà Nội-Hải Dương-Hải Phòng) là 105,5km. Được thông xe toàn tuyến vào đầu tháng 12 năm 2015.

+ Tuyến cao tốc Quảng Ninh-Hải Phòng: có tổng chiều dài hơn 25km, gồm 4 làn xe, vận tốc thiết kế là 100-110km. Điểm đầu là thành phố Hạ Long và điểm cuối là cầu Bạch Đằng ở ranh giới giữa 2 địa phương. Trong đó phần đường cao tốc dài 19,5km và còn lại là phần cầu Bạch Đằng dài 5,45km.

+ Đường ôtô Tân Vũ-Lạch Huyện, tuyến đường kết nối trực tiếp với đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng, QL5, QL18, đường cao tốc Nội Bài-Hạ Long, tương lai tạo thành mạng giao thông hoàn chỉnh phục vụ việc vận chuyển hàng hoá ra cảng của khu vực tam giác kinh tế Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh.

+ Quốc lộ 10: Nối Hải Phòng với các thành phố ven biển phía Bắc và Di sản thiên nhiên Thế giới-Vịnh Hạ Long. Quốc lộ 10 là tuyến đường liên thành phố chạy dọc theo vùng Duyên hải Bắc Bộ qua 6 thành phố và thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng,Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa. Là một trong các trục phát triển không gian vùng Duyên hải Bắc Bộ với Hải Phòng-Hạ Long, là đô thị hạt nhân và được quy hoạch nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp II đồng bằng với 4 làn xe. Là tuyến đường huyết mạch nối các thành phố ven biển Bắc Bộ và trục dọc quan trọng kết nối các tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ 5, Quốc lộ 37, Quốc lộ 39, Quốc lộ 21, đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng và các đường tỉnh lộ, kết nối các trung tâm kinh tế, chính trị lớn của các địa phương, các khu công nghiệp tập trung.

+ Đường xuyên đảo Hải Phòng-Cát Bà: toàn tuyến dài 35km.

+ Quốc lộ 37: chiều dài 20,1km, lộ giới 52,0m.

+ Đường cao tốc Quảng Ninh-Hải Phòng-Ninh Bình (Đường cao tốc ven biển): có dự án chiều dài qua địa bàn 43,8km, lộ giới 120,0m.

+ Đường bộ ven biển Việt Nam: chiều dài 3.127km, đi qua tất cả các thành phố ven biển, đây có thể coi là tuyến đường bộ dài nhất Việt Nam; tổng chiều dài các đoạn tuyến đã có đường hiện tại là 1.800,86km, chiếm 59,21%; các đoạn đã có dự án là 257,01km, chiếm 9,04%; các đoạn đã có quy hoạch là 224,47km, chiếm 7,38%). Giai đoạn I (từ nay đến năm 2020) sẽ tập trung xây dựng các đoạn tuyến tại các vùng kinh tế trọng điểm và 15 khu kinh tế ven biển đã được xác định trong Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2008.

***Đường bộ đối nội:*** Gồm 14 tuyến đường chính thành phố và đường thành phố, dài tổng cộng 250km, nối từ đô thị trung tâm đi quận Đồ Sơn và các huyện. Có 6 tuyến chính yếu nhất đã được đầu tư vào cấp hoàn chỉnh từ cấp III trở lên (là đường Tôn Đức Thắng và các đường tỷnh lộ 351, đường tỷnh lộ 353, đường tỷnh lộ 35, các tuyến còn lại phần lớn mới đạt cấp IV và cấp V, mặt đường nhựa cấp thấp (láng hoặc thâm nhập).

***6.1.2. Giao thông vận tải Đường thủy***

Hệ thống giao thông đường thủy Hải Phòng liên kết hầu hết các tỉnh trong khu vực miền Bắc và thực hiện vận chuyển tới 40% tổng lượng hàng hóa lưu thông bằng đường thủy của các tỉnh phía Bắc. Hải Phòng hiện có hơn 400 km đường thủy nội địa với trên 50 bến cảng thủy nội địa, 03 cầu phao, 06 bến phà.

Về luồng hàng hải: Tổng chiều dài toàn tuyến là 85 km, trong đó đoạn được nâng cấp cải tạo 42km là Lạch Huyện, Hà Nam, Bạch Đằng, Sông Cấm, gồm 4 đoạn với các thông số kỹ thuật được thiết kế như sau:

+ Đoạn Lạch Huyện: Bề rộng luồng 160m, độ sâu -14,0m;

+ Đoạn Bạch Đằng: Bề rộng luồng 80m; độ sâu: -7,0m;

+ Đoạn Sông Cấm: Bề rộng luồng 80m; độ sâu -5,5m;

+ Đoạn Hà Nam: Bề rộng luồng 80m; độ sâu -7,0m.

***6.1.3. Giao thông vận tải Đường sắt***

Tuyến đường sắt bắt đầu từ ga Gia Lâm đến ga Hải Phòng, dài 102km hiện được sử dụng để vận chuyển hành khách và hàng hóa, đi qua địa phận Hải Dương, Hưng Yên (gần như song song với Quốc lộ 5), và khai thác tàu khách đến ga Long Biên, ga Hà Nội và một số tuyến vận tải hàng hóa đi Lào Cai và các thành phố phía Nam. Trên địa bàn thành phố có 3 nhánh đường sắt chuyên dùng kết nối từ tuyến Hà Nội-Hải Phòng với các khu bến cảng dọc sông Cấm từ khu vực cảng Vật Cách đến cảng Chùa Vẽ.

Tổng doanh thu của Ga Hải Phòng năm 2020 ước đạt gần 97,03 tỷ đồng, giảm 20,81% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng số hành khách vận chuyển ước đạt gần 277,8 nghìn lượt người, giảm 41,76% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng số hàng hóa vận chuyển ước đạt 1.098,3 nghìn tấn, giảm 1,76% so với cùng kỳ năm 2019.

***6.1.4. Giao thông vận tải Đường hàng không***

[Sân bay quốc tế Cát Bi](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BA%A3ng_h%C3%A0ng_kh%C3%B4ng_qu%E1%BB%91c_t%E1%BA%BF_C%C3%A1t_Bi): nằm ở đường Lê Hồng Phong, phường Thành Tô, quận Hải An, thuộc phía Tây Nam của thành phố Hải Phòng, cách trung tâm thành phố khoảng 8km, đây là sân bay đầu tiên của miền Bắc thời Pháp thuộc. Sân bay này xây dựng chủ yếu dùng trong quân sự. Hiện nay sân bay được sử dụng hỗn hợp dân sự-quân sự.

Vào năm 2014, sân bay đã được đầu tư, nâng cấp cải tạo đường băng có thể đón được các loại máy bay cỡ lớn như B747, B777, A330 và trở thành sân bay dự bị đầy đủ cho [Sân bay quốc tế Nội Bài](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%A2n_bay_qu%E1%BB%91c_t%E1%BA%BF_N%E1%BB%99i_B%C3%A0i). Ngoài ra sân bay Cát Bi được đầu tư xây mới tháp không lưu, nhà ga hành khách và các công trình phụ trợ, chính thức được nâng cấp trở thành Cảng hàng không quốc tế, cho phép đón chuyến bay quốc tế từ 0h00 ngày 12/05/2016.

Hiện nay, có 4 hãng hàng không khai thác các chuyến bay thường xuyên đi và đến sân bay Cát Bi ([Vietjet Air](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vietjet_Air), [Vietnam Airlines](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vietnam_Airlines), [Jetstar Pacific Airlines](https://vi.wikipedia.org/wiki/Jetstar_Pacific_Airlines) và [Thai Vietjet Air](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Thai_Vietjet_Air&action=edit&redlink=1)), 1 hãng khai thác đường bay thuê chuyến ([Sichuan Airlines](https://vi.wikipedia.org/wiki/Sichuan_Airlines)). Tổng số đường bay thường xuyên đang khai thác của các hãng là 10 đường bay, kết nối Hải Phòng với các trung tâm kinh tế, văn hóa du lịch của Việt Nam và châu Á là Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang, Buôn Ma Thuột, Phú Quốc, Đà Lạt, Pleiku, Đồng Hới, Seoul (Hàn Quốc) và Bangkok (Thái Lan).

Hiện tại, Vietjet Air đã lựa chọn Sân bay quốc tế Cát Bi là sân bay căn cứ (Hubs), tiếp tục đầu tư xây dựng nhà ga hành khách số 2 và tăng thêm diện tích đỗ trong sân bay. Đồng thời hãng này sẽ tiếp tục mở đường bay thẳng từ Hải Phòng đi Cần Thơ, Tokyo (Nhật Bản) và Singapore.

[Sân bay Kiến An](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%A2n_bay_Ki%E1%BA%BFn_An) (Đại bản doanh của không lực hải quân VN, do Bộ Quốc phòng quản lý).

[Cảng hàng không quốc tế Hải Phòng](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BA%A3ng_h%C3%A0ng_kh%C3%B4ng_qu%E1%BB%91c_t%E1%BA%BF_H%E1%BA%A3i_Ph%C3%B2ng). Đây là Dự án có khả năng sẽ là sân bay lớn nhất tại miền Bắc được đặt tại xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, quy mô khoảng 6000ha với tổng vốn đầu tư dự tính hiện thời qua 3 giai đoạn đến 2030 là hơn 8 tỷ USD.

Năm 2020, tổng doanh thu của Sân bay Cát Bi ước đạt 220,8 tỷ đồng, giảm 30,37% so với cùng kỳ năm 2019. Số lần máy bay hạ, cất cánh ước đạt 13.971 chuyến, giảm 18,76% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số hành khách ước đạt 2.043,4 nghìn lượt người, giảm 23,29% so với cùng kỳ. Tổng số hàng hóa ước đạt 14.077 tấn, giảm 28,50% so với cùng kỳ.

Hiện tại, cảng hàng không Cát Bi đang tiến hành xây nhà ga mới nhằm phục vụ thêm cho các chuyến bay.

* + - 1. Các khu công nghiệp

Hải Phòng là cảng biển lớn nhất ở miền Bắc, đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống giao thông thuỷ, bộ, đường sắt, hàng không trong nước và quốc tế, là cửa chính ra biển của các tỉnh phía Bắc; đầu mối giao thông quan trọng của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hai hành lang-một vành đai hợp tác kinh tế Việt Nam-Trung Quốc. Hải Phòng đ­ược xác định là một cực tăng trưởng của vùng kinh tế động lực phía Bắc (Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh); là Trung tâm kinh tế-khoa học-kỹ thuật tổng hợp của Vùng duyên hải Bắc Bộ và là một trong những trung tâm phát triển của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.

Ngày 01/10/2018 UBND thành phố Hải Phòng có quyết định số 2252/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp (CCN) thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, theo đó Quy hoạch nhằm hình thành mạng lưới CCN phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố; tạo việc làm, giải quyết vấn đề xã hội. Đồng thời, tạo quỹ đất đáp ứng nhu cầu di dời các cơ sở sản xuất nằm rải rác trong khu dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho xử lý môi trường tập trung.

Tổng hợp tình hình các CCN trên địa bàn thành phố Hải phòng tính đến năm 2020 như sau:

**\* Quy hoạch khu công nghiệp**: Thành phố hiện có 19 khu công nghiệp được quy hoach, gồm: KCN Nam Cầu Kiền thuộc huyện Thủy Nguyên (268,32ha); KCN Đồ Sơn thuộc quận Đồ Sơn (150ha); KCN Nomura thuộc huyện An Dương (153ha); KCN An Dương thuộc huyện An Dương (812,62ha).; KCN An Hưng-Đại Bản; KCN Giang Biên II; KCN Vinh Quang; KCN An Hòa; KCN Tiên Thanh; KCN Đóng tàu Vinh Quang; KCN Ngũ Phúc; KCN Cầu Cựu; KCN Đình Vũ thuộc quận Hải An (945ha); KCN VIETNAM SINGAPORE INDUSTRIAL PARK (VSIP) thuộc huyện Thủy Nguyên (320ha); KCN Tràng Duệ thuộc huyện An Dương (349ha); KCN Nam Đình Vũ; KCN Bến Rừng; KCN Cát Hải và Lạch Huyện; KCN Nam Tràng Cát.

\* Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp: Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, thành phố có 33 cụm công nghiệp; Tổng diện tích cụm công nghiệp theo quy hoạch đến 2025 là 1.376,62ha; Tổng số người lao động làm việc trong các cụm công nghiệp là 15.599 người; Tổng số vốn đăng ký của các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp là 7.158,84 tỷ đồng, trong đó:

- 07 CCN đã có quyết định thành lập, bao gồm:  [CCN An Lão](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/9); [CCN Vĩnh Niệm](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/1); [CCN Quán Trữ](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/3); [CCN Tàu thủy An Hồng](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/7); [CCN Tân Liên A](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/2); [CCN thị trấn Tiên Lãng](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/23) thuộc huyện Tiên lãng (50ha) và [CCN Chiến Thắng](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/14).

- 04 CCN đang được thẩm định xem xét thành lập, bao gồm: [Cụm công nghiệp Đò Nống](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/6); [CCN Làng nghề Mỹ Đồng](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/19) thuộc huyện Thủy Nguyên (20ha); [CCN Tân Trào](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/8) thuộc huyện Kiến Thụy (50ha) và [CCN Giang Biên](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/32) thuộc huyện Vĩnh Bảo (50ha).

- 22 CCN đang kêu gọi đầu tư (chưa có quyết định thành lập): [CCN Kiền Bái-Cao Nhân](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/17), [CCN Dũng Tiến-Giang Biên](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/29); [CCN Đường 355](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/4);  [CCN Hải Thành](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/5); [CCN Kênh Giang](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/18); [CCN An Tràng 1](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/10); [CCN An Tràng 2](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/11); [CCN Gia Đức](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/20); [CCN Liên Khê](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/22); [CCN Cẩm Văn](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/12) thuộc huyện An Lão (34,88 ha); [CCN Quang Trung](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/15); [CCN Đại Thắng](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/24) thuộc huyện Tiên Lãng (21.3ha); [CCN Tiên Cường II](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/26) thuộc huyện Tiên Lãng (50ha); [CCN Quang Phục](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/28); [CCN Trung tâm dịch vụ hậu cần và phát triển thủy sản Trân Châu-Cát Bà](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/33); [CCN Kiền Bái](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/21); [CCN An Thọ](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/13); [CCN Cửa Hoạt-Quán Thắng](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/16) thuộc huyện An Lão (50ha); [CCN Tiên Cường I](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/25) thuộc huyện Tiên Lãng (20ha); [CCN Tiên Cường III](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/27) thuộc huyện Tiên Lãng (45ha); [CCN Nam Am](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/30) và [CCN làng nghề Cổ Am](http://cumcongnghiephaiphong.vn/#/pages/chi-tiet-cum-cong-nghiep/31).

Theo số liệu của Cục Thuế và Cục Hải Quan cung cấp, tính đến hết ngày 30/6/2021, trên địa bàn thành phố có 07 cụm công nghiệp (CCN) đã có quyết định thành lập, quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích đất quy hoạch là 250ha. Tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các CCN (theo dự án được phê duyệt) là 794 tỷ đồng. Trong đó có 04 CCN (Vĩnh Niệm, Quán Trữ, Thị trấn Tiên Lãng, Tân Liên A) được đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN bằng vốn ngân sách thành phố với tổng số vốn là: 469,6 tỷ đồng.

Đến hết ngày 30/06/2021, có 101 dự án đầu tư trong các CCN với tổng số vốn đăng ký của các dự án là: 7.158,81 tỷ đồng, tỷ lệ lấp đầy các CCN đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật đạt 86,9%. Tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong CCN là 15.599 người.

Trong 05 CCN đang hoạt động trên địa bàn thành phố: (Tàu thủy An Hồng, Vĩnh Niệm; Quán Trữ; An Lão; Tân Liên), các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh khá ổn định và nộp thuế cho nhà nước, Cụ thể:

- Năm 2020: Doanh thu: 8.816,61 tỷ đồng; nộp ngân sách: 259.977 tỷ đồng; Kim ngạch nhập khẩu đạt: 200.506.089 USD; Kim ngạch xuất khẩu đạt 355.441.261 USD; Nộp thuế xuất nhập khẩu: 50,5 tỷ đồng.

- 6 tháng đầu năm 2021: Doanh thu: 4.792,21 tỷ đồng; nộp ngân sách: 92,21 tỷ đồng; Kim ngạch nhập khẩu đạt: 110.163.276 USD; Kim ngạch xuất khẩu đạt 200.187.169 USD; Nộp thuế xuất nhập khẩu: 23,48 tỷ đồng.

* 2. + 1. Cảng

***6.3.1. Cảng biển***

Cảng biển Hải Phòng là cảng tổng hợp quốc gia, cửa ngõ quốc tế (loại IA), gồm các khu bến chính: khu bến cảng trên sông Cấm, khu bến cảng Đình Vũ, khu bến cảng Lạch Huyện.

Cảng biển Hải Phòng nằm trong Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển phía Bắc (Nhóm 1) giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 2367/QĐ-BGTVT ngày 29/7/2016. Lượng hàng thông qua dự kiến vào năm 2030 khoảng 178,5 đến 210 triệu tấn/năm. Trong đó, riêng công ten nơ dự kiến vào năm 2030 khoảng 11,2 đến 12,5 triệu TEU/năm.



*Sơ đồ Cảng Hải Phòng*

Cụm Cảng Hải Phòng hiện nay bao gồm các khu bến cảng chính như: Cảng Vật Cách; Cảng Hải Phòng; Cụm cảng Đình Vũ; Cảng Transvina; Cảng Đoạn xá; Cảng Cửa Cấm; Cảng Green Port; và nhiều cảng nhỏ khác nữa. Trong đó Cảng Hải Phòng lại bao gồm: Xí nghiệp xếp dỡ Hoàng Diệu, Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ, Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng, Bến nổi Bạch Đằng, Vịnh Lan Hạ, Vùng neo Hạ Long, và Trạm hoa tiêu. Còn cụm cảng Đình Vũ bao gồm Cảng Đình Vũ, cảng PTSC Dầu khí Đình Vũ và cảng Hải An.

Ngoài ra, cụm cảng Hải Phòng còn có hơn 20 khu bến cảng nhỏ khác với các chức năng khác nhau, như vận tải chất hóa lỏng (xăng, dầu, khí đốt), các bến cho tàu vận tải đường sông nhỏ có trọng tải 100-200 tấn. Các cảng này do nhiều công ty khác nhau quản lý và khai thác.

1. Các đặc trưng cơ bản về cơ sở vật chất kỹ thuật của cụm cảng HP

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Danh mục bến cảng, cầu cảng | Chiều dài bến cảng, cầu cảng (m) | Tổng diện tích (ha) | Tàu neo đậu, làm hàng lớn nhất theo CB (DWT) |
|
| A | 8 | 9 | 10 |
| 1 | Bến cảng Việt Nhật | 200.00 | 6.38 | 5,000 |
| 2 | Bến cảng Vật Cách | 479.00 | 17.80 | 5,000 |
| 3 | Bến cảng Tiến Mạnh | 170.50 | 0.73 | 3,000 |
| 4 | Bến cảng Nam Ninh | 190.00 | 0.60 | 3,000 |
| 5 | Bến cảng 1000 DWT thuộc Công ty Cổ phần Vận tải & cung ứng xăng dầu | 52.00 | 0.30 | 1,000 |
| 6 | Bến cảng Chuyên dùng Rau quả thực phẩm tổng hợp Hùng Vương | 100.00 | 1.00 | 3,000 |
| 7 | Bến cảng Chuyên dùng Công ty liên doanh Khí hóa lỏng Thăng Long | 90.00 | 1.15 | 2,000 |
| 8 | Bến cảng 3000DWT của Công ty CP Hóa dầu quân đội | 90.00 | 2.00 | 3,000 |
| 9 | Bến cảng Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tự Long | 60.00 | 2.22 | 3,000 |
| 10 | Bến cảng Dầu Thượng Lý | 90.00 | 36.00 | 3,000 |
| 11 | Bến cảng Hải Phòng (khu cảng chính, Hoàng Diệu) | 1,400 | 29.00 | 40,000 |
| 12 | Bến cảng Cá Hạ Long | 400.00 | 6.00 | 20,000 |
| 13 | Bến cảng Gas Đài Hải | 154.00 | 4.30 | 5,000 |
| 14 | Bến cảng Cửa Cấm | 272.00 | 3.50 | 5,000 |
| 15 | Bến cảng Thủy sản II | 73.00 | 1.60 | 3,000 |
| 16 | Bến cảng Nam Hải | 144.50 | 6.60 | 10,000 |
| 17 | Bến cảng Đoạn Xá | 209.00 | 8.92 | 40,000 |
| 18 | Bến cảng Transvina | 120.00 | 4.10 | 15,000 |
| 19 | Bến cảng Hải Đăng | 86.90 | 0.84 | 3,000 |
| 20 | Bến cảng Greenport | 303.5 | 7.88 | 25,000 |
| 21 | Bến cảng Chùa Vẽ | 848.00 | 23.70 | 20,000 |
| 22 | Bến cảng Chuyên dùng của Công ty liên doanh Total Gas Hải Phòng | 110.00 | 4.81 | 3,000 |
| 23 | Bến cảng Đông Hải | 100.00 | 7.00 | 1,000 |
| 24 | Bến cảng 128 | 410.00 | 18.00 | 15,000 |
| 25 | Bến cảng Dầu khí Hải Linh Hải Phòng | 145.00 | 4.30 | 8,000 |
| 26 | Bến cảng xăng dầu K99 | 185.00 | 4.10 | 12,000 |
| 27 | Bến cảng Xăng dầu Petec Hải Phòng | 104.00 | 3.13 | 8,000 |
| 28 | Bến cảng Hải An | 150.00 | 15.00 | 20,000 |
| 29 | Bến cảng Công ty TNHH MTV 189 | 140.00 | 10.70 | 10,000 |
| 30 | Bến cảng Xăng dầu 19-9 | 142.5 | 5.00 | 7,000 |
| 31 | Bến cảng PTSC Đình Vũ | 330.00 | 20.00 | 20,000 |
| 32 | Bến Cảng Đình Vũ | 425.00 | 24.00 | 20,000 |
| 33 | Bến Cảng Tân Vũ | 955.60 | 55.00 | 40,000 |
| 34 | Bến cảng VIMC Đình Vũ | 240.00 | 5.10 | 20,000 |
| 35 | Bến cảng Nam Hải Đình Vũ | 450.00 | 14.80 | 48,000 |
| 36 | Bến cảng Container Vip Greenport | 377.20 | 15.27 | 30,000 |
| 37 | Bến cảng chuyên dùng FGG | 135.00 | 15.00 | 20,000 |
| 38 | Bến cảng Euro Đình Vũ | 416.00 | 22.57 | 20,000 |
| 39 | Bến cảng Nhà máy Dap Hải Phòng | 168.00 | 18.56 | 10,000 |
| 40 | Bến cảng MPC Port | 380.00 | 22.17 | 40,000 |
| 41 | Bến cảng Nam Đình Vũ | 440.00 | 21.00 | 40,000 |
| 42 | Bến cảng Caltex | 60.00 | 6.00 | 4,000 |
| 43 | Bến cảng Nhiệt Điện Hải Phòng | 500.00 | 33.20 | 600 |
| 44 | Bến cảng Container Quốc tế Hải Phòng thuộc khu bến cảng Lạch Huyện | 750.00 | 56.99 | 132.000 |

*(Nguồn: Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng)*

Các dịch vụ chính tại các cảng ở Hải Phòng bao gồm: Bốc xếp, giao nhận, lưu giữ hàng hóa; Lai dắt, hỗ trợ tàu biển; Kinh doanh kho bãi; Trung chuyển hàng hóa, container quốc tế; Dịch vụ vận tải; Dịch vụ logistics phục vụ container đường sắt; Dịch vụ đóng gói, vận tải hàng hải đường bộ, đường sông; Đại lý tàu biển và môi giới Hàng Hải; Các dịch vụ căn cứ hậu cần phục vụ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí; cung cấp dịch vụ vận tải và các hoạt động hỗ trợ vận tải…Ngoài ra còn cung cấp các dịch vụ container lạnh; Dịch vụ vận tải container nội địa và tiếp vận; Dịch vụ sửa chữa và cho thuê container.

***6.3.2. Đường thủy nội địa***

1. ***Bến thủy nội địa, tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo***

* Bến thủy nội địa Vật Cách.
* Bến thủy nội địa Sở Dầu.
* Bến tàu khách Cửa Cấm.
* Tuyến phía Bắc: Hải Phòng-Quảng Ninh-Hải Dương-Hà Nội-Tuyên Quang-Việt Trì-Hoà Bình-Lào Cai.
* Tuyến phía Nam: Hải Phòng-Hà Nội-Thái Bình-Nam Định-Ninh Bình.

1. ***Khu neo đậu tàu thuyền***

Trên địa bàn thành phố hiện có 17 vị trí bến bãi ven sông, ven biển, trong đó có 12 khu neo đậu tránh trú bão có tổ chức quản lý chuyên trách, đảm bảo neo đậu hơn 5.000 tàu thuyền. Bên cạnh đó còn có các dự án Khu neo đậu tránh trú bão đã và đang triển khai giai đoạn 2016-2020 gồm:

+ Dự án Khu neo đậu tránh trú bão Cát Bà với công suất neo đậu cho 1.000 tàu thuyền các loại.

+ Dự án khu neo đậu tránh trú bão Quan Chánh (Kiến Thuỵ): công suất neo đậu 200 tàu thuyền các loại,đã bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Dự án Khu neo đậu tránh trú bão Mắt Rồng, huyện Thuỷ Nguyên đã đưa vào sử dụng giai đoạn I.

+ Dự án đầu tư xây dựng Cảng cá Trân Châu, Cát Bà hoàn thành tháng 12/2019 đảm bảo neo đậu cho 1000 tàu công suất đến 600 CV.

+ Dự án đầu tư xây dựng cảng và khu neo đậu tàu phía Tây Bắc đảo Bạch Long Vĩ giai đoạn I (2010-2020), sức chứa 122 tàu thuyền các loại, trọng tải < 600 tấn, tiến độ đạt 85%.

Khu vực neo tránh trú bão gồm: Khu neo Thượng lưu Vật Cách, khu neo Bến Lâm, khu neo Bạch Đằng, khu neo Lạch Huyện, khu neo Hòn Dáu. Trên cơ sở số lượng tàu thực tế tại khu neo Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng điều động tàu theo số lượng tính toán, mớn nước phù hợp, khoảng cách an toàn.

Kết cấu hạ tầng giao thông Hải Phòng đã có bước phát triển vượt bậc, củng cố, phát huy cao hơn vai trò thành phố Cảng, đầu mối giao thông quan trọng và cửa chính ra biển của các thành phố phía Bắc; hệ thống cảng biển, hạ tầng giao thông được đầu tư mạnh, có bước phát triển đột phá theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hình thành Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, đón tàu có tải trọng 132.000-160.000 tấn. Khánh thành, đưa vào sử dụng cầu vượt biển Tân Vũ-Lạch Huyện, Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, đường trục World Bank, Quốc lộ 10 mở rộng… Tổng nguồn lực đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 đạt 43.886 tỷ đồng, gấp 1,82 lần giai đoạn 2011-2015, trong đó vốn ngân sách thành phố là 24.653 tỷ đồng, gấp 3 lần giai đoạn 2011-2015 (8.211 tỷ đồng). Thành phố đã hoàn thành xây dựng hàng chục tuyến đường liên thành phố, liên huyện, cùng 46 cây cầu các loại, trong đó có nhiều cây cầu lớn, với tổng chiều dài 23km.

* + - 1. Y tế

***6.4.1. Về cơ sở vật chất:***

- Tuyến thành phố: Có 09 bệnh viện, 10 trung tâm chuyên khoa, 02 Chi cục, có 07 bệnh viện Bộ ngành đóng trên địa bàn thành phố.

- Tuyến quận, huyện: 05 bệnh viện đa khoa quận huyện, 11 Trung tâm y tế quận huyện có giường bệnh, 04 Trung tâm y tế quận huyện không có giường bệnh.

- Tuyến xã, phường, thị trấn: có 218 trạm y tế xã, phường, thị trấn: Quận Hồng Bàng 09 trạm, quận Lê Chân 15 trạm, quận Ngô Quyền 12 trạm, quận Hải An 08 trạm, quận Kiến An 10 trạm, quận Dương Kinh 06 trạm, quận Đồ Sơn 06 trạm, huyện An Dương 16 trạm, huyện Kiến Thụy 18 trạm, huyện Thủy Nguyên 37 trạm, huyện An Lão 17 trạm, huyện Tiên Lãng 21 trạm, huyện Vĩnh Bảo 30 trạm, huyện Cát Hải 13 trạm. Có 14 Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình quận, huyện.

- Ngoài ra thành phố còn có 08 bệnh viện tư nhân hiện đại, trong đó có 5 Bệnh viện quy mô quốc tế.

- BHXH thành phố ký hợp đồng với 59 cơ sở khám chữa bệnh (KCB), trong đó: Tuyến thành phố: 14 cơ sở KCB (9BV tuyến thành phố, 04 BV Bộ ngành, 01 Ban BVSKCB TP); Tuyến huyện: 42 cơ sở KCB (BV-TTYT quận huyện 16, BV NCL 07, BV bộ ngành 02; PKĐK: 17 (15 PKĐK NCL, PKĐK bộ ngành:02); Y tế cơ quan: 03; BVĐK quận/huyện đã ký cho 100 Trạm y tế xã KCB BHYT; Có 55 xe cứu thương thuộc 28 bệnh viện, cơ sở y tế, khám chữa bệnh trên toàn thành phố.

***6.4.2. Về nguồn nhân lực:***

- Tính đến tháng 9/2020, tổng số cán bộ nhân viên, người lao động trong ngành y tế thành phố gồm 14.953 người, trong đó nhân lực y tế công lập có 8.408 người; nhân lực các cơ sở y tế ngoài công lập 5.411 người và nhân lực y tế các bộ, ngành đóng trên địa bàn thành phố là 1134 người. Số lượng bác sĩ: 2765 người (tính cả bác sĩ BV Bộ ngành). Số lượng dược sĩ đại học: 581 người. Tỷ lệ BS/vạn dân là 13,35 người; Tỷ lệ dược sĩ đại học/vạn dân là 2,80 người.

- Hiện nay, thành phố có 46 chuyên gia y tế đầu ngành ở các lĩnh vực chuyên môn, mũi nhọn; 07 phó giáo sư; 32 tiến sĩ Y khoa; 171 thạc sĩ Y khoa; 144 bác sĩ chuyên khoa cấp II; 430 bác sĩ chuyên khoa khoa cấp I, 4 dược sĩ chuyên khoa cấp II, 23 dược sĩ chuyên khoa cấp I, thạc sĩ dược. Tỷ lệ cán bộ có trình độ sau đại học y-dược/tổng số cán bộ y-dược có trình độ đại học là 47% (toàn quốc là 27%); Phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên khoa II chiếm 2,2% (toàn quốc là 0,51%). 100% số thôn có nhân viên y tế hoạt động; 60% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ là định biên; 78% trạm y tế có bác sĩ hoạt động.

***6.4.3. Về công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong y tế:***

- 100% các bệnh viện triển khai mạng LAN và phần mềm Quản lý bệnh viện, Kết nối dữ liệu liên thông với Cổng thông tin Giám định BHXH. 100% đơn vị trong ngành có website, triển khai hệ thống phòng họp trực tuyến trong ngành với 30 điểm cầu, Triển việc thanh toán không dùng tiền mặt trong ngành 11/25 bệnh viện, các bệnh viện tuyến thành phố rà soát các tiêu chí ứng dụng CNTT để triển khai hồ sơ bệnh án điện tử. Duy trì triển khai phần mềm Quản lý Y tế cơ sở và Quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử cho 102 các trạm Y tế.

- Đã hoàn thành việc kết nối dữ liệu 100% các nhà thuốc, quầy thuốc trên địa bàn thành phố lên cổng thông tin Dược quốc gia. Triển khai thí điểm hệ thống thông tin quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc trong đó Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp và Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên đã thực hiện thí điểm thành công.

- Triển khai ứng dụng NCOVI khai báo y tế tự nguyện trên địa bàn thành phố hỗ trợ cho công tác phòng chống dịch COVID-19, thành phố Hải Phòng đã xếp thứ 4 toàn quốc về số lượng khai báo y tế trên ứng dụng NCOVI.

- Triển khai ứng dụng Bluezone trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, khuyến khích cán bộ y tế, người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng Bluezone.Tính đến hết tháng 10/2020 thành phố Hải Phòng có tỷ lệ sử dụng ứng dụng Bluezone nằm trong top 10 toàn quốc.

* + - 1. Du lịch

Hải Phòng là một trung tâm du lịch lớn của Việt Nam, là một thành phố lớn và gần biển đảo, Hải Phòng là một mắt xích quan trọng trong tam giác kinh tế và du lịch Hải Phòng - Hà Nội - Quảng Ninh. Hải Phòng sở hữu nhiều điểm tham quan, khu du lịch chất lượng cao, đạt tầm quốc tế như khu nghỉ dưỡng (resort) 4 sao và sòng bạc (casino), khách sạn Avani Hải Phòng Harbour View, khách sạn Pearl River, Làng Quốc tế Hướng Dương (Sunflower International Village), sân golf Đồ Sơn, khu nghỉ dưỡng - sinh thái và bể bơi lọc nước biển tạo sóng lớn nhất châu Á tại Hòn Dáu, 2 khu nghỉ dưỡng Sông Giá và Camela ở nội đô, khu du lịch suối nước nóng ở Tiên Lãng, 2 khu nghỉ dưỡng Catba Island và Catba Resort and Spa ở quần đảo Cát Bà.

***Quần đảo Cát Bà*** - Khu bảo tồn thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển vào năm 2004, nơi tập trung đa dạng sinh học với hệ sinh thái độc đáo như rừng mưa nhiệt đới trên núi đá vôi, rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm rong biển, hang, động, tùng, áng… Đây là một địa điểm lý tưởng cho hoạt động đạp xe, ngắm cảnh, tham dự lễ hội làng cá và nhiều lễ hội truyền thống khác hoặc đơn giản chỉ là nằm thư giãn bên các bãi biển.



*Đảo Cát Bà - Hòn ngọc của thành phố Hải Phòng*

***Đồ Sơn***là khu nghỉ mát nổi tiếng nằm cách thành phố Hà Nội 120km và cách trung tâm thành phố Hải Phòng 20km. Đây là một bán đảo nhỏ được bao quanh bởi núi, vươn dài ra biển có những bãi cát mịn trên những bờ biển rợp bóng phi lao. Trong lịch sử, Đồ Sơn là nơi nghỉ ngơi của vua chúa, quan lại đô hộ; nổi tiếng là "ngôi nhà bát giác kiên cố" của Bảo Đại - ông vua cuối cùng của triều đại phong kiến Việt Nam. Đồ Sơn từng nổi tiếng với casino duy nhất ở Việt Nam, cùng với hệ thống sân golf đạt chuẩn quốc tế.

***Hòn Dáu*** là một đảo nhỏ nằm cách Đồ Sơn 1km về phía Đông Nam. Nét hấp dẫn của Hòn Dáu là nét hoang sơ tĩnh mịch với hệ thực vật nguyên vẹn cả 3 tầng. Với hệ thống khách sạn, nhà hàng, trung tâm mua sắm, bể bơi, khu công viên nước, khu vui chơi, sân golf, bãi tắm tự nhiên và nhân tạo cùng với không gian thiên nhiên rộng mở, hồ nước và cây xanh, Hòn Dáu Resort còn được đánh giá là "Đà Lạt thu nhỏ" trong lòng biển và là khu nghỉ dưỡng đồng bộ nhất miền Bắc.

* + - 1. Bưu chính, viễn thông

***6.6.1. Bưu chính:***

Hạ tầng lĩnh vực bưu chính được trải khắp trên toàn địa bàn thành phố, với cơ sở hạ tầng hiện đại và phương thức hoạt động tiên tiến và thường xuyên được cập nhật, đổi mới. Theo số liệu thống kê đến hết năm 2020 toàn thành phố có 26 doanh nghiệp đăng ký hoạt động Bưu chính, chuyển phát, với tổng số điểm phục vụ bưu chính là 287 điểm; tổng số dân phục vụ bình quân trên 01 điểm là 7.108 người/điểm; sản lượng dịch vụ bưu chính là 14.757.800 (thư, gói, kiện hàng hóa); doanh thu bưu chính đạt khoảng 404,31 tỷ đồng.

***6.6.2. Viễn thông***

Mạng lưới hạ tầng viễn thông được phát triển trải đều và rộng khắp trên tất cả các quận, huyện trên địa bàn thành phố. Theo số liệu thống kê đến hết năm 2020, toàn thành phố có 08 doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp đăng ký và đang hoạt động trên địa bàn thành phố. Trừ huyện đảo Bạch Long Vỹ, còn lại mạng truyền dẫn cáp quang với băng thông rộng, tốc độ truyền dẫn cao đã được phủ tới 100% các quận, huyện của thành phố. Toàn thành phố có khoảng 2.030 trạm thu, phát sóng thông tin di động để cung cấp dịch vụ thông tin di động công nghệ 3G và 4G. Với thực trạng hạ tầng viễn thông như trên cho thấy hạ tầng viễn thông có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu về thông tin liên lạc và các dịch vụ giải trí đa phương tiện với mức độ an toàn và bảo mật thông tin cao cho mọi tổ chức, cá nhân thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần và lứa tuổi khác nhau trên địa bàn; theo số liệu thống kê đến năm 2020 toàn thành phố có gần 62.200 thuê bao cố định, 2.054.000 thuê bao di động, 410.000 thuê bao Internet cố định và 1.366.100 thuê bao Internet di động, với tổng doanh thu lĩnh vực viễn thông đạt khoảng 2.942,44 tỷ đồng.

* + - 1. Điện năng

Hải Phòng có mạng lưới điện và nước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và có khả năng cung cấp đầy đủ cho các khu chế xuất, khu công nghiệp phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế do Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng cung cấp thông qua hệ thống lưới điện 110kV, lưới điện trung áp, lưới điện hạ áp.

Tổng công suất của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng giai đoạn 1 và 2 là 2.200 MW.Mỗi năm Nhà máy cấp vào mạng lưới điện quốc gia trên 6 tỷ Kwh, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế-xã hội của thành phố và các thành phố khu vực Đông Bắc.

Từ năm 2016 đến nay, Công ty luôn hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh, công tác dịch vụ khách hàng có nhiều chuyển biến tích cực, chỉ số tiếp cận điện năng và đánh giá độ hài lòng khách hàng được cải thiện rõ rệt, thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

1. Chỉ tiêu sản lượng điện từ năm 2016-2020

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh) | TH: 4.184,19 | TH: 4.817,31 | TH: 5.441,92 | TH: 6.180,04 | TH: 6.403,42 |
| KH: 4.150 | KH: 4.805 | KH: 5.380,00 | KH: 6.270 | KH: 6.403,42 |
| 2 | Tổn thất điện năng (%) | TH: 4,25 | TH: 3,62 | TH: 4,01 | TH: 3,38 | TH: 2,91 |
| KH: 4,28 | KH: 4,05 | KH: 4,70 | KH: 3,52 | KH: 3,3 |
| 3 | Giá bán điện bình quân | TH: 1.607,13 | TH: 1.602,41 | TH: 1.675,65 | TH: 1.785,95 | TH: 1.751,89 |
| KH: 1.603,08 | KH: 1.597,01 | KH: 1.671,00 | KH: 1.777,66 | KH: 1.751,89 |
| 4 | Tiếp cận điện năng | 8,7 | 4,74 | 6,10 | 5,38 ngày | 4,56 ngày |
| KH: 10 ngày | KH: 7 ngày | KH: 7 ngày | 6 ngày | 5 ngày |
| 5 | Tỷ lệ thu tiền điện: ≥ 99,7%. | 99,71% | 100,03% | 100,20% | 99,97% | 99,98% |
| 6 | Tỷ lệ thu tiền điện qua ngân hàng và các tổ chức thanh toán trung gian | 32,46% | 47,50% | 40,40% | 77,72% | 73,47% |
| 7 | Điểm khảo sát đánh giá sự hài lòng khách hàng | 7,36 điểm  (KH 7,3 điểm) | 7,75 điểm  (KH 7,81 điểm) | 7,70 điểm  (KH 8,05 điểm) | 8,04 điểm  (KH 8,00 điểm) | Đạt KH  (KH 8,07 điểm) |

*(Nguồn: Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng)*

Năm 2020, toàn Công ty tiếp nhận giải quyết cấp điện cho 160 khách hàng trung áp, thời gian trung bình giải quyết các thủ tục của ngành điện là 4,56 ngày/trạm, giảm 1,44 ngày so với kế hoạch của Tổng công ty và giảm 2,44 ngày so với quy định của EVN.

Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng thực hiện công tác đầu tư xây dựng lưới điện tuân thủ theo đúng Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011-2015 có xét đến năm 2020.

Từ năm 2016 - 2020, Công ty đã hoàn thành đóng điện hàng loạt dự án trọng điểm; Với tổng giá trị giải ngân 5 năm là 3.178,359 tỷ đồng.

Năm 2020 Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng đã hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp (TBA) 110kV trên địa bàn Hải Phòng (cụ thể là 10 trạm so với KH là 9 trạm); cải tạo chuyển đổi 4 TBA sang chế độ không người trực.

1. Thực hiện vốn đầu tư *(Tỷ đồng)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020** |
| **Khối lượng thực hiện đầu tư (giải ngân)** | **935,875** | **780,786** | **807,670** | **350,988** | **303,04** |
| Vốn KHCB | 361,973 | 350,566 | 464,570 | 349,358 | 302,185 |
| Vốn ODA | 155,422 | 64,454 | 22,149 | 1,630 | 3,595 |
| Vốn TDTM trong nước | 418,489 | 365,767 | 322,951 | 0 | 0 |
| **Công tác quyết toán vốn đầu tư** | **309,905** | **240,050** | **429,323** | **1.084,006** | **481** |

*(Nguồn: Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng)*

Trung tâm Điều khiển xa Hải Phòng hoạt động từ ngày 20/12/2018, đến nay có 6/24 TBA 110kV đã vận hành với tiêu chí không người trực: Lạch Tray (E2.3), Lê Chân (E2.12), An Lão (E2.31), LG Display (E2.33), Việt Nhật (E2.34), Quán Trữ (E2.36).

Năm 2020 đã chuyển 09 TBA 110kV sang chế độ thao tác xa có giám sát tại chỗ. Đã thực hiện 13/80 MC recloser trên lưới điện đủ điều kiện thao tác xa.

Phần mềm giám sát các bộ chỉ thị báo sự cố trên lưới điện trung thế, kết nối với phần mềm SCADA/DMS.

Hoàn thiện quy trình, đào tạo xong cho công nhân vận hành, thực nghiệm đưa vào sử dụng hệ thống rửa sứ hotline tại TBA và trên đường dây 110kV.

Trang bị các thiết bị thí nghiệm tiên tiến như: Thiết bị Hợp bộ đo phóng điện cục bộ đa năng XDP-II; Thiết bị Hợp bộ phát hiện/định vị suy giảm cách điện/phóng điện cục bộ MBA AE-150;… Máy phân tích đáp ứng tần số quét FRANEO 800; Hợp bộ thử nghiệm nhất thứ CPC 100 + SB1; Máy phân tích đóng cắt CT-6500; Thiết bị định vị vị trí đường cáp ngầm DIGI-7; Thiết bị dò âm thanh định hướng SDAD; Thiết bị đo độ võng đường dây; Camera đo nhiệt độ...

* + - 1. Hệ thống cấp nước, nước sạch, vệ sinh môi trường

***6.8.1. Hệ thống cấp nước***

Thành phố hiện có 7 nhà máy xử lý nước với tổng công suất 214.000m3/ngày đêm.Chất lượng nước xử lý đạt tiêu chuẩn của tổ chức WHO và lượng nước đủ đáp ứng cho mọi yêu cầu. Tại mỗi huyện, có các nhà máy xử lý nước cỡ nhỏ cung cấp đủ cho nhu cầu địa phương, cụ thể:

Huyện Cát Hải được đầu tư xây dựng 05 nhà máy cung cấp nước sạch, trong đó: 02 Nhà máy được xây dựng theo Chương trình mục tiêu Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Bao gồm cả ngân sách nhà nước và vốn tư nhân đóng góp; trong đó ngân sách nhà nước đầu tư là 560 triệu đồng); 02 Nhà máy của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng; 01 Nhà máy nước được đầu tư hoàn toàn bằng nguồn vốn của tư nhân, chương trình khác.

Đến nay, còn 03 Nhà máy đang hoạt động (Nhà máy nước Cái Giá, Nhà máy nước An Dương của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng và Nhà máy nước mini Gia Luận do UBND xã Gia Luận quản lý); 02 Nhà máy nước tại xã Xuân Đám, xã Phù Long xây dựng giai đoạn 2005-2006 đã dừng hoạt động.

Số dân được dùng nước sạch đạt 100%, trong đó:

- 02 Nhà máy cấp nước Cái Giá và Nhà máy cấp nước An Dương theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN01:2009/BYT). Số dân được cấp nước theo Quy chuẩn này là: 23.956 người trên tổng số 32.090 người (7.048/9.369hộ dân) đạt 75%.

- 01 Nhà máy nước Gia Luận đang cấp nước theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN02:2009/BYT) cấp cho 25% số dân còn lại.

1. Các nhà máy nước đang hoạt động trên địa bàn huyện Cát Hải

| **TT** | **Tên nhà máy nước** | **Đơn vị quản lý** | **Tình trạng hoạt động** | **Vùng phục vụ** | **Số dân cấp nước** | **Số hộ cấp nước** | **Chất lượng nước** | **Nguồn cấp nước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|  | **Tổng cộng** |  |  |  | **24.656** | **7.240** |  |  |
| 1 | Cái Giá | Công ty CP Cấp nước Hải Phòng | Tốt | 6 xã, thị trấn: 100% Thị Trấn Cát Bà, 100% Xã Trân Châu, 100% Xuân Đám, 100% Việt Hải, 100% Phù Long, 100% Hiền Hào | 17.358 | 5.008 | QC01 |  |
| 2 | An Dương | Công ty CP Cấp nước Hải Phòng | Tốt | Thị Trấn Cát Hải, Xã Nghĩa Lộ | 6.598 | 2.040 | QC01 |  |
| 3 | Gia Luận | UBND xã Gia Luận | Bình thường | Xã Gia Luận | 700 | 192 | QC02 | Nước ngầm |

*(Nguồn: Chi cục Thủy lợi và PCTT)*

***6.8.2. Tình hình nước sạch, vệ sinh môi trường***

* Thành phố có tỷ lệ hộ có nguồn nước ăn chính như sau:

1. Bảng tỷ lệ hộ sử dụng nguồn nước ăn chính (ĐVT:%)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Tổng số** | **Nước máy** | **Nước mua** | **Nước giếng khoan** | **Giếng đào được bảo vệ** | **Giếng đào không được bảo vệ** | **Nước khe/mó được bảo vệ** | **Nước khe/mó không được bảo vệ** | **Nước mưa** | **Nước khác** |
| Toàn thành phố | 100 | 85 | 0,9 | 2,7 | 0,8 | 0,1 | - | 0,0 | 10,5 | - |
| Thành thị | 100 | 97,3 | 0,3 | 0,0 | 0,0 | - | - | - | 2,1 | - |
| Nông thôn | 100 | 75,1 | 1,4 | 4,7 | 1,4 | 0,1 | - | 0,0 | 17,3 | - |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê)*

* Tỷ lệ hộ theo loại hố xí chính sử dụng

1. Bảng tỷ lệ hộ sử dụng loại hố xí (ĐVT: %)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Tổng số** | **Hố xí tự hoại/bán tự hoại trong nhà** | **Hố xí tự hoại/bán tự hoại ngoài nhà** | **Hố xí khác** | **Không có hố xí** |
| Toàn thành phố | 100 | 63,5 | 34,2 | 2,3 | 0,0 |
| Thành thị | 100 | 88,5 | 11,0 | 0,5 | 0,0 |
| Nông thôn | 100 | 43,5 | 52,8 | 3,8 | - |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê)*

* + - 1. Nhà ở

Theo kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, số hộ theo tình trạng nhà ở của Hải Phòng là 599.156 hộ, trong đó thành thị là 266.682 hộ-chiếm 44,5%, nông thôn là 332.474 hộ-chiếm 55,5%. Tổng số hộ có nhà là 595.740 hộ-chiếm 99,4%, trong đó thành thị là 265.849 hộ-chiếm 44,6%, nông thôn là 329.891 hộ-chiếm 55,4%. Số hộ đang ở tạm tại lán do nhà đang xây dựng là 3.331 hộ, trong đó thành thị là 759 hộ, nông thôn là 2.572 hộ. Số người không có nhà là 85 hộ.Diện tích nhà ở bình quân là 25,20m2 sàn/người, trong đó diện tích nhà ở bình quân tại đô thị là 26,50m2/người, tại nông thôn là 24,00m2/người.

1. Tỷ lệ hộ có nhà ở theo mức độ kiên cố của ngôi nhà, loại nhà

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Mức độ kiên cố** | | **Loại nhà** | |
| *Nhà kiên cố hoặc bán kiên cố* | *Nhà thiếu kiên cố hoặc đơn sơ* | *Nhà chung cư* | *Nhà riêng lẻ* |
| 100 % | 99,0 % | 1,0 % | 1,3 % | 98,7 % |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê)*

1. Tỷ lệ hộ có nhà ở theo hình thức sở hữu (01/4/2019)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Nhà của riêng hộ** | **Nhà thuê mượn của nhà nước/cá nhân/tư nhân** | **Nhà của tập thể** | **Các hình thức sở hữu khác hoặc chưa rõ quyền sở hữu** |
| 100 % | 92,2% | 7,2 % | 0,4% | 0,2 % |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê)*

Hải Phòng cũng sẽ tập trung đẩy mạnh chương trình phát triển nhà ở, nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, sinh viên và công nhân làm việc trong các khu công nghiệp.

* + - 1. Hệ thống thoát nước

Do đặc điểm địa hình bị chia cắt bởi các sông tự nhiên, các công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng được phân chia thành 06 hệ thống độc lập: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Đa Độ, An Hải, Thủy Nguyên và huyện đảo Cát Hải. Tổng số công trình thuỷ lợi gồm có 387 cống dưới đê; 602 trạm bơm điện tưới, tiêu nước; 3.833 tuyến kênh chìm từ cấp 3 trở lên với tổng chiều dài 4.059,2km, 1.296km kênh cứng sau trạm bơm điện, 15.510 tuyến kênh nội đồng sau điểm giao nhận có tổng chiều dài 4.818,6km.

- Hệ thống công trình thuỷ lợi Thủy Nguyên: gồm hai hệ thống cấp và trữ nước lớn là Hồ Sông Giá và kênh Hòn Ngọc. Toàn hệ thống có 695 công trình: 75 cống dưới đê, 254 công trình kênh dài 283,365km, 134 trạm bơm điện, 134 kênh tưới cấp 1 sau trạm bơm dài 99,369km và 98 công trình trên kênh.

- Hệ thống công trình thuỷ lợi An Hải: Có nhiệm vụ phục vụ tưới tiêu địa huyện An Dương, quận Hồng Bàng và quận Hải An. Toàn hệ thống có 1.242 công trình gồm: 75 cống dưới đê; 58 trạm bơm điện (bao gồm 53 trạm bơm tưới; 03 trạm bơm tưới tiêu kết hợp và 02 trạm bơm tiêu); 177 tuyến kênh (gồm 121 tuyến kênh trục chính, kênh trước và sau cống dưới đê, kênh hút trạm bơm với tổng chiều dài 137,327km và 56 tuyến kênh tưới sau trạm bơm với chiều dài 85,603km) với tổng chiều dài 222,930km; 932 công trình trên kênh.

- Hệ thống công trình thuỷ lợi Đa Độ: là hệ thống lớn nhất thành phố Hải Phòng. Địa bàn phục vụ bao gồm 05 quận, huyện: huyện An Lão, Kiến Thụy, quận Kiến An, Dương Kinh và Đồ Sơn. Toàn hệ thống có 1.254 công trình gồm: 94 cống dưới đê; 266 công trình kênh cấp 1 và cấp 2 dài 456,506km, kênh trước cống; 152 trạm bơm điện; 148 kênh tưới sau trạm bơm điện dài 130,492km và 594 công trình trên kênh.

- Hệ thống công trình thuỷ lợi Tiên Lãng: gồm 02 vùng Bắc và Nam sông Mới. Toàn hệ thống có 628 công trình gồm: 64 cống dưới đê; 85 công trình trạm bơm điện; 236 công trình kênh chìm với tổng chiều dài 383 km, trong đó có 43 km kênh trục chính và 340 km kênh cấp 1, cấp 2; 163 công trình trên kênh; 80 kênh tưới sau trạm bơm với tổng chiều dài 124,741 km.

- Hệ thống công trình thuỷ lợi Vĩnh Bảo: toàn hệ thống có 173 trạm bơm, 75 cống dưới đê, kênh trục chính Chanh Dương và hàng nghìn km kênh cấp I, II, III; gồm: 75 cống dưới đê; 173 trạm bơm, 170 đập điều tiết trên kênh, kênh trục chính Chanh Dương dài 23,46 km và 148 kênh cấp I,II, III liên xã dài 240,53 km; 168 kênh tưới sau trạm bơm dài 175,223km.

- Hệ thống công trình thuỷ lợi Cát Hải gồm 02 khu: khu đảo Cát Hải và khu đảo Cát Bà. Hệ thống có 09 cống dưới đê do UBND Cát Hải trực tiếp quản lý.

Hiện nay, toàn thành phố có 08 trạm bơm đầu mối tiêu, trong đó có 05 trạm bơm hoạt động tốt, đảm bảo công suất thiết kế và 03 trạm bơm trong tình trạng xuống cấp; có 387 cống dưới đê, trong đó 215 cống an toàn, 114 cống kém an toàn và 58 cống xung yếu. Ngoài một số công trình cống đầu mối tiêu, phần lớn các cống còn lại là cống nhỏ có khẩu độ dưới 5m, có nhiệm vụ tưới, tiêu độc lập trong phạm vi nhỏ. Một số cống nhỏ được xây dựng từ lâu, từ những năm 1960-1970, bằng nhiều loại vật liệu khác nhau (gạch xây, đá xây, bê tông) với nhiều hình thức kết cấu khác nhau (cống ống buy, cống hộp, cống vòm…) hiện đã bị hư hỏng, xuống cấp… gây mất an toàn trong mùa mưa bão.

Ngoài ra, hệ thống cống thoát nước đô thị không có hệ thống đóng mở nên khi mực nước triều dâng cao đã gây ngập lụt cục bộ khu vực đô thị.

Một số cống, đập điều tiết trên bờ kênh khẩu độ nhỏ không đảm bảo tiêu thoát nước khi có mưa lớn, tình trạng bèo phát triển dày đặc trên nhiều tuyến kênh làm ảnh hưởng không nhỏ tới việc điều hành nguồn nước trên hệ thống và tiêu nước trong mùa mưa bão. Mặt khác, do thiếu kinh phí duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên dẫn đến một số tuyến kênh đất bị nông đầy, không đảm bảo khả năng dẫn nước trong mùa mưa bão, cần nạo vét.

**Kết luận chương**

Khái quát lại, kinh tế-xã hội thành phố Hải Phòng mặc dù do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng vẫn tiếp tục giữ được đà tăng trưởng tốt, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) ước đạt 11,22%, tiếp tục đạt mức tăng cao so với các thành phố, thành phố khác trong cả nước. Hải Phòng là một trong những địa phương đi đầu trong phòng chống đại dịch, cũng như duy trì tăng trưởng kinh tế, ổn định quốc phòng an ninh, an sinh xã hội.

Hải Phòng với đặc điểm là thành phố ven biển, chịu ảnh hưởng của các cơn bão, hoàn lưu bão gây mưa lớn, đồng thời nằm trong vùng hạ du khi xả lũ của các hồ chứa Sơn La, Hòa Bình nên tình trạng ngập lụt trên địa bàn thành phố được chú trọng quan tâm. Thiệt hại do thiên tai gây ra đã  ảnh hưởng đến sinh kế và tài sản của người dân vùng ven biển. Các lao động trong các ngành nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, du lịch và công nghiệp phải hứng chịu rủi ro do bão, lũ trực tiếp gây ra. Du lịch ven biển chủ yếu dựa vào bãi biển và các hệ sinh thái nguyên sinh cũng bị ảnh hưởng bởi các hệ lụy của BĐKH như bão, lũ và sạt lở ven biển.

Những năm gần đây, hệ thống cảng biển Hải Phòng không ngừng được đầu tư chiều sâu, cải tạo, mở rộng và phát triển nhanh chóng, tuy nhiên hạn chế lớn nhất đối với các cảng khu vực Hải Phòng là vấn đề sa bồi luồng tàu vùng cửa biển, ít nhiều làm giảm tính hấp dẫn cảng khu vực. Có thể nói vấn đề này đang làm giảm hiệu quả kinh tế của các cảng biển khu vực này. Sự sa bồi luồng tàu khiến cho việc ra vào neo đậu của các tàu, nhất là tàu có trọng tải lớn gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt khi có thiên tai. Tuy nhiên, chi phí cho việc này không hề nhỏ, lại đòi hỏi thiết bị, công nghệ hiện đại. Vì thế, nhiều năm qua, thành phố Hải Phòng vẫn chưa khắc phục được vấn đề này, tình trạng các cảng mới xây xong đã bị sa bồi vẫn xảy ra.

Cơ sở vật chất kỹ thuật các cảng khu vực Hải Phòng đã được cải thiện, trong đó phải kể đến các khu bến do các xí nghiệp xếp dỡ thuộc Công ty TNHH MTV cảng Hải Phòng, Công ty cổ phần cảng Đình Vũ… phụ trách đều đã được đầu tư bổ sung nhiều thiết bị xếp dỡ chuyên dùng hiện đại, nâng công suất giải phóng tàu hàng container tăng gấp hơn 2 lần trước đây. Tuy nhiên, quá trình đầu tư nâng cấp thiết bị vẫn chưa diễn ra đồng bộ, công nghệ xếp dỡ nhìn chung vẫn lạc hậu hơn so với thế giới, năng suất thấp, nhiều thiết bị xếp dỡ có tuổi cao, có chiếc đã được sử dụng trên 30 năm nhưng vẫn chưa có kế hoạch thay thế thiết bị, dẫn tới các vấn đề về năng suất và an toàn lao động. Hệ thống kho bãi của các cảng thuộc cụm cảng Hải Phòng cũng trong tình trạng già cỗi và thiếu sự đầu tư đúng mức. Có những kho chứa hàng bách hóa có tuổi trên 30 năm và đang trong tình trạng sập xệ, không an toàn khi có thiên tai xảy ra.

Như vậy, thông qua Chương II đặc điểm chung về tự nhiên, dân sinh-kinh tế và cơ sở hạ tầng của Hải Phòng cho thấy sự lớn mạnh về kinh tế, xã hội cũng như cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống cảng biển của thành phố. Bên cạnh đó, với tốc độ phát triển dân số kèm theo sự đô thị hóa của Hải Phòng nhanh chóng như hiện tại dẫn đến quỹ đất bị thu hẹp có ảnh hưởng không nhỏ đến hệ thống tiêu thoát úng, lũ khi có bão kèm mưa lớn hoặc triều cường…Điều đó, cần thiết phải xây dựng kế hoạch PCTT lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của thành phố một cách đồng bộ trong toàn xã hội nhằm tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường; tập trung chủ động ứng phó với BĐKH, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp; xây dựng, phát triển, hiện đại hóa đô thị Hải Phòng; phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn gắn với thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, phù hợp với quá trình đô thị hóa; chú trọng định hướng phát triển văn hoá - xã hội; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân.

* 1. HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
     1. Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến PCTT
        1. Các văn bản pháp luật về PCTT cấp TW

- Luật PCTT ngày 19/6/2013.

- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác PCTT.

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCTT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều.

- Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ PCTT.

- Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật PCTT.

- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg, ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ RRTT.

- Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý RRTT dựa vào cộng đồng, đến năm 2030”.

* + - 1. Hiện trạng thực thi và ban hành các văn bản pháp luật về PCTT, cứu hộ, cứu nạn các năm qua

Để chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả; giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do các sự cố, thiên tai gây ra; bảo đảm ổn định đời sống, sản xuất của nhân dân, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; góp phần phát triển kinh tế-xã hội bền vững, Thành uỷ, Hội đồng nhân dân-UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện Luật, các Chỉ thị, Nghị quyết, Nghị định, Quyết định của Chính phủ với phương châm “chủ động phòng, tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả”.

Thực hiện Luật PCTT, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều,các văn bản dưới luật và các văn bản chỉ đạo của BCĐQG về PCTT, hàng năm UBND thành phố, BCH (BCH PCTT&TKCN thành phố đều ban hành Chỉ thị về công tác PCTT&TKCN, ra quyết định thành lập, kiện toàn BCH PCTT&TKCN thành phố, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, thành viên BCH, ban hành nhiều công điện và văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp và các đơn vị triển khai thực hiện ứng phó với thiên tai. Các văn bản đã được phê duyệt và ban hành bao gồm:

- Các Kế hoạch, phương án PCTT&TKCN hàng năm; Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ RRTT thành phố Hải Phòng.

- Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và BĐKH trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quy chế tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ PCTT thành phố Hải Phòng; Quy chế trực ban, họp giao ban điều hành, ứng phó thiên tai của BCH PCTT&TKCN thành phố Hải Phòng; Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng thành phố Hải Phòng đến năm 2025.

- Kế hoạch công tác của BCH PCTT&TKCN hàng năm; Kế hoạch Kiểm tra công tác PCTT&TKCN trước mùa mưa lũ chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, phòng chống lụt bão.

- Quy hoạch phòng chống lũ chi tiết các tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phối hợp ứng phó tai nạn tàu, thuyền trên biển; Kế hoạch phối hợp ứng phó tai nạn hàng không dân dụng.

* Kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ về công tác PCTT.

- Chỉ thị về công tác PCTT&TKCN hàng năm.

- Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý RRTT dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Các văn bản chỉ huy, chỉ đạo trước, trong và sau các đợt thiên tai trên địa bàn thành phố.

Các kế hoạch, phương án được rà soát và cập nhật, bổ sung thường xuyên phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Các ngành, địa phương đã xây dựng và phê duyệt, ban hành kế hoạch PCTT, phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ RRTT lồng ghép trong kế hoạch phát triển chung, phù hợp với phạm vi quản lý, đặc điểm kinh tế-xã hội cụ thể.

Việc triển khai các quy trình điều hành và thực thi các văn bản pháp luật về PCTT và cứu hộ cứu nạn cũng như các văn bản liên quan đến công tác PCTT đã được UBND (UBND) thành phố, các cấp, các ngành thực hiện đầy đủ, kịp thời.

* + - 1. Đánh giá mức độ hiệu quả thực thi pháp luật

Thực hiện Luật PCTT, các Nghị định liên quan đến công tác PCTT, các Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác PCTT, đến nay thành phố đã xây dựng, kiện toàn được tương đối hoàn chỉnh hệ thống bộ máy cũng như cơ sở vật chất nhằm đảm bảo phòng ngừa, ứng phó, hạn chế tới mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai, cụ thể:

* Hoàn thiện bộ máy của BCH PCTT&TKCN từ cấp thành phố, cấp huyện đến cấp xã theo quy định hiện hành của Nhà nước.
* Quy định rõ chức năng nhiệm vụ của các cấp, các ngành và từng thành viên BCH tại các cấp trong công tác PCTT&TKCN.
* Xây dựng triển khai các văn bản pháp luật về PCTT&TKCN, phổ biến quán triệt đến từng người dân.
* Xây dựng các kế hoạch, phương án, chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm theo phương châm “bốn tại chỗ” và “ba sẵn sàng” từ nhân dân, các cấp, các ngành nhằm đảm bảo ứng phó với các kịch bản thiên tai xảy ra.
* Chỉ đạo các đơn vị, địa phương có liên quan rà soát cập nhật, bổ sung, hoàn thiện các phương án chủ động phòng, chống, ứng phó tại các trọng điểm trên địa bàn toàn thành phố; phương án sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản thích ứng với các ảnh hưởng của thiên tai, BĐKH.

- Quản lý, đầu tư, duy tu, đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo chất lượng xây dựng các dự án, công trình trọng điểm về phòng, chống sạt lở, thủy lợi để bảo vệ dân cư và ổn định sản xuất, kinh doanh.

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT dựa vào cộng đồng trên địa bàn thành phố, trong đó tập trung tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng, chống, ứng phó với thiên tai ở các khu vực xung yếu, đông dân cư.

- Hàng năm, BCH PCTT&TKCN thành phố tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lực lượng quản lý đê và lực lượng tham mưu PCTT&TKCN các huyện, quận; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng và quy định pháp luật về PCTT&TKCN; bồi dưỡng kỹ năng xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai.trực ban tham mưu xử lý tình huống thiên tai, sự cố; cử cán bộ tham gia tập huấn hộ đê, phòng chống thiên tai do Tổng cục PCTT tổ chức; Trước mùa mưa bão, các huyện, quận đều tổ chức diễn tập để huấn luyện kỹ năng và kiểm tra năng lực đảm bảo sẵn sàng ứng phó thiên tai.

- Triển khai thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH trên địa bàn thành phố theo từng ngành, từng lĩnh vực.

- Huy động mọi nguồn lực tài chính cho công tác PCTT&TKCN, cứu hộ. Thực hiện xã hội hóa, phát huy tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội trong công tác PCTT&TKCN.

- Thực hiện xây dựng kế hoạch thu, nộp quỹ PCTT của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định về đối tượng, mức đóng góp tại Điều 12 và thực hiện miễn giảm đóng góp Quỹ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ PCTT.

- Các cơ quan, đơn vị cấp thành phố, UBND cấp huyện, xã thực hiện kiện toàn BCH PCTT&TKCN, xây dựng kế hoạch, phương án phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương mình để tổ chức thực hiện đảm bảo an toàn, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

* + 1. Hệ thống chỉ huy PCTT&TKCN các cấp và quy chế phối hợp

Hệ thống BCH PCTT&TKCN xuyên suốt từ cấp thành phố đến cấp huyện, cấp xã. Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể thành lập BCH PCTT&TKCN của cơ quan, đơn vị mình.

- Chủ tịch UBND thành phố quyết định thành lập, phân công nhiệm vụ của các thành viên BCH PCTT&TKCN thành phố; trong đó, Chủ tịch UBND thành phố là Trưởng ban BCH PCTT&TKCN thành phố phụ trách chung, trực tiếp chỉ huy công tác PCTT&TKCN trong thành phố. Phó Chủ tịch UBND thành phố là Phó Trưởng ban thường trực giúp Trưởng ban giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách về PCTT&TKCN. Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự thành phố là Phó trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn thiên tai, tổ chức TKCN người, cứu hộ công trình và các phương tiện gặp sự cố do thiên tai. Sở NN&PTNT là cơ quan thường trực của BCH PCTT&TKCN thành phố. Giám đốc sở NN&PTNT là Phó Trưởng ban phụ trách công tác PCTT, tổ chức công tác phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

BCH PCTT&TKCN Hải Phòng được thành lập từ ngày 09/4/2015 theo Quyết định số 735/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng, có trụ sở tại: *Khu đô thị Nam sông Lạch Tray, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, số điện thoại: 0225.3.701.986, số fax: 0225.3.835892.* BCH PCTT&TKCN được kiện toàn hàng năm với 31 thành viên. Danh sách các thành viên BCH PCTT&TKCN năm 2021 xem tại Phụ lục II.

Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN thành phố do Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ trực ban chung theo chế độ 24/24h, tham mưu cho BCH PCTT&TKCN thành phố chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ PCTT&TKCN trên địa bàn thành phố.

UBND thành phố đã phê duyệt chủ trương xây dựng Trung tâm Phòng chống và Giảm nhẹ thiên tai thành phố; đầu tư xây dựng Trụ sở của Văn phòng thường trực với quy mô đảm bảo yêu cầu công tác chỉ đạo, điều hành, trực ban.

Theo quy định, công tác trực ban phải thực hiện thường xuyên trong cả năm. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN thành phố đã chủ động bố trí nhân lực, phân công nhiệm vụ cho Phòng Phòng chống thiên tai thuộc Chi cục Thủy lợi và PCTT (Văn phòng thường trực) chủ trì thực hiện.

Các bộ phận thường trực về ứng phó sự cố thiên tai, TKCN, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn dầu, an toàn đường thủy nội địa được giao cho các đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng, Công an thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải.

Đối với cấp huyện, Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN cấp huyện do phòng chuyên môn thuộc UBND đảm nhiệm (Phòng NN&PTNT huyện hoặc Phòng Kinh tế huyện). Tuy nhiên, do biên chế và bố trí nhân lực của các phòng chuyên môn cấp huyện có hạn; thậm chí có nơi còn thiếu trang thiết bị văn phòng, cơ sở vật chất cũng như trụ sở văn phòng, không có công chức chuyên môn, nghiệp vụ về PCTT nên việc thực hiện nhiệm vụ trực ban tham mưu còn hạn chế như huyện đảo Bạch Long Vĩ. Đối với cấp xã, công tác thường trực PCTT thường được giao cho cán bộ phụ trách văn phòng hoặc cán bộ chuyên trách nông nghiệp-thủy lợi. Việc đảm bảo chế độ trực ban chủ yếu chỉ trong thời gian có thiên tai.

Đội ngũ làm công tác PCTT cấp làm việc kiêm nhiệm, một số cán bộ chưa được đào tạo, tập huấn nên còn có hạn chế trong lãnh đạo, chỉ huy, phối hợp hiệp đồng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

* + 1. Công tác dự báo, cảnh báo sớm

Giai đoạn từ năm 2016-2020 là giai đoạn chuyển đổi rất mạnh mẽ của ngành KTTV, nhiều văn bản được ban hành. Ngành KTTV tăng cường hiện đại hóa hệ thống dự báo, đổi mới công nghệ dự báo đồng thời triển khai mạnh mẽ việc tự động hoá trong quan trắc. Trước thực tế đó, Đài KTTV khu vực Đông Bắc chú trọng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dự báo viên KTTV phát triển nguồn nhân lực từng bước nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng hiệu quả các thiết bị và công nghệ hiện đại; có đủ năng lực thực hiện các chức năng nhiệm vụ mới.

Đài KTTV Đông Bắc đã thực hiện cụ thể hóa bản tin dự báo bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) từng bước cải tiến nội dung và hình thức các bản tin dự báo KTTV, nhất là các bản tin dự báo ATNĐ, bão, lũ và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như giông, lốc, mưa lớn; bản tin dự báo về xu thế thời tiết, thủy văn 10 ngày, bản tin dự báo thời tiết biển, bản tin dự báo hải văn tại địa phương. Nâng cao chất lượng bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai, trọng tâm là nâng cao chất lượng và thời gian dự báo ảnh hưởng của bão, ATNĐ, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn. Hiện thời gian cảnh báo lũ trên các sông, không khí lạnh, các đợt nắng nóng diện rộng, bão ngoài Biển Đông và có khả năng đổ bộ vào vùng biển nước ta do Đài thực hiện đảm bảo sớm trước 3-5 ngày; nhận định về tình hình hạn hán, xâm nhập mặn ngày càng sớm và sát hơn với thực tế. Chất lượng dự báo các bản tin hạn ngắn (hàng ngày 12-24 giờ) đạt 85%, hạn vừa (3-10 ngày) và hạn dài (tháng, mùa, khí hậu) đạt 78%. Nhiều tiến bộ khoa học, trang thiết bị, công nghệ mới đã được triển khai ứng dụng có hiệu quả, từng bước hiện đại hóa và hoàn thiện công tác dự báo, cảnh báo KTTV.

Trong thời gian có thiên tai, thực hiện chỉ đạo của TW và thành phố, các ngành, các địa phương đã tích cực tổ chức thực hiện các biện pháp phòng chống: Cảnh báo sớm, thông báo kêu gọi cho các lao động trên các phương tiện tàu thuyền, phương tiện hoạt động trên biển, lồng bè, chòi canh ven biển vào nơi neo đậu tại bến hoặc về nơi tránh trú an toàn; Tổ chức neo đậu an toàn; Tổ chức sơ tán nhân dân vùng xung yếu; Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư sẵn sàng phòng chống bão; Tuyên truyền vận động doanh nghiệp và nhân dân thực hiện các biện pháp bảo vệ nhà cửa, công trình, kho tàng, bến cảng, cơ sở sản xuất, trang trại, sản xuất nông nghiệp; và nhiều biện pháp cụ thể khác căn cứ vào tình hình thực tế tại địa bàn.

Đài KTTV khu vực Đông Bắc đã theo dõi chặt chẽ tình hình KTTV trên phạm vi khu vực Đông Bắc và thành phố Hải Phòng, phát hiện và dự báo kịp thời các hiện tượng thời tiết thủy văn nguy hiểm. Công tác cảnh báo sớm, nhất là cảnh báo mưa giông, thời tiết nguy hiểm trên biển, mưa lớn,...được đặc biệt chú trọng. Trong các bản tin thiên tai luôn kèm theo cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định.

Theo dõi chặt chẽ, dự báo sát với thực tế các đợt KKL ảnh hưởng đến khu vực Đông Bắc (cường độ KKL, thời gian và khu vực ảnh hưởng) và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm kèm theo. Các đợt KKL gây rét đậm, rét hại trên diện rộng đều được dự báo trước 2 - 3 ngày, ngoài ra còn dự báo được về khả năng kéo dài và mức độ giảm nhiệt độ của các đợt rét đậm, rét hại.

Tổ chức theo dõi chặt chẽ, nghiêm túc các cơn bão, ATNĐ từ khi còn là một vùng áp thấp. Cụ thể hóa bản tin dự báo mưa, lũ trên các sông suối chịu ảnh hưởng từ mưa do bão, ATNĐ gây ra.

Theo sát diễn biến các đợt mưa lớn diện rộng, dự báo tương đối sát khu vực xảy ra mưa lớn diện rộng. Các đợt mưa đều được cảnh báo, dự báo trước từ 2 ngày góp phần quan trọng trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

* Luôn theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lũ trên các lưu vực sông, kịp thời ra các bản tin cảnh báo, tin lũ trên các hệ thống sông phù hợp với diễn biến mưa; thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ RRTT (trước là Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg và Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg).

Các bản tin dự báo, cảnh báo của Đài đã được chuyển qua mạng, fax kịp thời đến BCH PCTT&TKCN các thành phố, thành phố, các ban, ngành chức năng, phương tiện thông tin đại chúng, cập nhật lên Website của Đài để thông tin đến cộng đồng. Ngoài ra, Đài cũng thường xuyên ra các bản tin dự báo KTTV phục vụ các hoạt động kinh tế-xã hội và các sự kiện trọng đại của thành phố Hải Phòng.

Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ do Tổng cục KTTV và các ban, ngành địa phương giao; phân công cán bộ chuyên trách về khí tượng và thủy văn để tính toán tổng hợp số liệu và các công tác phục vụ mùa bão, lũ với các địa phương trong khu vực.

Bản tin dự báo điểm 10 ngày được các đơn vị dự báo thực hiện đều đặn.

Tăng cường mối quan hệ với địa phương, hướng tới phục vụ địa phương theo nhu cầu. Trong mùa bão lũ, tất cả các bản tin cảnh báo thiên tai nguy hiểm đều được chuyển tới BCH PCTT&TKCN thành phố, các huyện, quận. Ngoài ra, các bản tin còn được chuyển đến các trạm KTTV trên địa bàn cảnh báo nhằm chủ động đưa thông tin tới địa phương cấp huyện, xã nhanh nhất.

Việc dự báo, cảnh báo sớm về thiên tai trên địa bàn dựa vào thông tin dự báo của cơ quan khí tượng thủy văn và sử dụng sản phẩm radar Nhật vào dự báo cảnh báo, đặc biệt cảnh báo mưa giông cực ngắn, dự báo cảnh báo mưa lớn. Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, các Đài KTTV khu vực và các Đài KTTV thành phố nhằm tham vấn, chia sẻ thông tin về tình hình diễn biến của bão, ATNĐ, mưa, lũ và kịp thời phục vụ công tác dự báo lũ sát với diễn biến thực tế.

Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN thành phố được trang bị các trang thiết bị cơ bản đảm bảo phục vụ công tác trực ban, tham mưu và chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo thành phố và Thường trực BCH . Đồng thời, Văn phòng đã chủ động xây dựng trang tin điện tử; phần mềm quản lý điều hành, hỗ trợ ra quyết định, hệ thống nhắn tin SMS, hệ thống thông tin VHF; ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, truyền tin trong thiên tai.

Hệ thống VHF phục vụ thông tin liên lạc được bố trí lắp đặt tại Văn phòng từ thành phố tới các huyện, quận.

UBND thành phố đã phê duyệt chủ trương xây dựng Trung tâm Phòng chống và Giảm nhẹ thiên tai thành phố; đầu tư xây dựng Trụ sở của Văn phòng thường trực với quy mô đảm bảo yêu cầu công tác chỉ đạo, điều hành, trực ban.

* + 1. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ PCTT

Phương tiện, trang thiết bị chủ yếu gồm ôtô, tàu, xe cứu thương, xe cứu hộ, xe chở quân, xuồng, phao bè, phao tròn, áo phao, nhà bạt, xuồng cứu hộ, đệm hơi cứu nạn, máy móc chuyên dùng, … phần lớn được quản lý tại Bộ chỉ huy Quân sự thành phố và BCH Quân sự huyện, thành phố, Văn Phòng BCH PCTT&TKCN thành phố, Công an thành phố, các huyện, thành phố. Ngoài ra Bộ chỉ huy quân sự thành phố còn hiệp đồng với các đơn vị quân đội trong khác thành phố để thực hiện công tác ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN trên địa bàn thành phố.

Những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện về cơ sở vật chất của Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN, BCĐQG về PCTT và các bộ ngành, cơ quan TW, BCH PCTT&TKCN thành phố Hải Phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng thành phố và các ngành, đơn vị đã tiếp nhận, quản lý và sử dụng các phương tiện, trang thiết bị được cấp theo đúng các quy định hiện hành, thường xuyên làm tốt các công tác bảo quản, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện, trang thiết bị hiện có, đảm bảo yêu cầu chủ động ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế-xã hội của thành phố.

Hàng năm, các ngành, các địa phương, lực lượng vũ trang trên địa bàn thành phố có kế hoạch, phương án huy động vật tư, phương tiện sẵn sàng tham gia PCTT&TKCN, cụ thể như sau:

1. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống thiên tai

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại phương tiện, vật tư** | **Số lượng** | **Đơn vị** | **Chủng loại phương tiện, vật tư** | **Số lượng** | **Đơn vị** |
| Ô tô các loại | 1.236 | xe | Lương thực | 1.301 | tấn |
| Tàu, xuồng | 264 | chiếc | Mỳ ăn liền | 40.889 | thùng |
| Xà lan | 27 | chiếc | Nước đóng chai | 15.054 | thùng |
| Xe cẩu, xúc, xe thang | 128 | xe | Thuốc, y cụ | 716 | cơ số |
| Máy phát điện | 199 | máy | Dây thép | 14.633 | kg |
| Mai, cuốc, xẻng, dao, kéo | 17.844 | chiếc | Rọ thép | 4.973 | chiếc |
| Cọc tre, tre cây | 98.025 | cọc |
| Đá hộc | 48.024 | m3 | Vải địa kỹ thuật | 9.200 | m2 |
| Đá dăm | 1.167 | m3 | Bạt chống sóng | 83.348 | m2 |
| Cát đen | 34.374 | m3 | Áo phao | 37.420 | cái |
| Cát vàng | 680 | m3 | Nhà bạt | 579 | bộ |
| Đất | 25.063 | m3 | Phao tròn | 30.290 | cái |
| Bao tải | 924.383 | chiếc | Phao bè | 575 | cái |

*(Nguồn: Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai)*

Năm 2020, BCH PCTT&TKCN thành phố đã giao một số cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận 01 đợt hàng dự trữ quốc gia từ Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN; tổ chức 01 đợt xuất cấp vật tư, trang thiết bị cho các đơn vị để chủ động ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN, gồm: 03 chiếc xuồng, 200 áo phao và 300 phao tròn.

Khi thiên tai xảy ra, ngoài các trang thiết bị của lực lượng thường trực còn có thể trưng dụng các trang thiết bị của các tổ chức, cá nhân và nhân dân trên địa bàn như: Tre cây, phên nứa, rơm, rạ, mai, cuốc, xẻng, bao tải, xe thô sơ... giao cho mỗi hộ gia đình thuộc các xã ven đê chuẩn bị. Các huyện có kế hoạch hiệp đồng cụ thể với các hộ gia đình có tre để khi cần huy động xử lý sự cố được ngay, sẵn sàng xử lý khi có sự cố xảy ra theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Các đơn vị được giao trang thiết bị TKCN đã tổ chức tiếp nhận đúng, đủ số lượng theo kế hoạch, đảm bảo an toàn, sử dụng đúng mục đích.

Các lực lượng thường trực ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN thường xuyên kiểm tra, bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị, kịp thời sửa chữa, bổ sung thay thế trang thiết bị hư hỏng đảm bảo đúng, đủ số lượng trang thiết bị phục vụ yêu cầu công tác ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN. Tuy nhiên, một số trang thiết bị, phương tiện thực hiện nhiệm vụ PCTT&TKCN còn thô sơ và đã qua nhiều năm sử dụng nên bị xuống cấp. Do vậy, cần có những đầu tư để mua sắm bổ sung và mua sắm các trang bị, phương tiện hiện đại hơn. Lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ đều là kiêm nhiệm nên trình độ sử dụng trang thiết bị, phương tiện chưa thành thạo, hiệu quả thấp. Do vậy cần được tập huấn, huấn luyện chuyên sâu cho từng loại trang bị, phương tiện mới khi được bổ sung.

Chi tiết xem tại Phụ lục III.

* + 1. Công tác cứu hộ, cứu nạn

Trong 5 năm qua (2016-2020), được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu 3, của UBND thành phố, Bộ Chỉ huy quân sự thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác PCTT&TKCN. Cấp ủy, chỉ huy các cấp thường xuyên quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Chỉ thị, Hướng dẫn của các cấp và nhiệm vụ PCTT&TKCN. Hệ thống Kế hoạch, Phương án thường xuyên được bổ sung, xây dựng, điều chỉnh sát với tình hình nhiệm vụ và thực tế của địa phương, đơn vị. Công tác tập huấn, huấn luyện, diễn tập các tình huống về PCTT&TKCN được duy trì có nền nếp, đạt kết quả tốt. Duy trì nghiêm túc chế độ trực chỉ huy, trực ban tại các cơ quan, đơn vị. Chủ động phối hợp nắm chắc tình hình, diễn biến các sự cố thiên tai, cứu hộ, cứu nạn; kịp thời tham mưu, đề xuất với thành phố, Quân khu tổ chức lực lượng, phương tiện tham gia xử lý, khắc phục có hiệu quả các tình huống về PCTT&TKCN, phòng chống cháy nổ cháy rừng trên địa bàn hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhà nước và nhân dân. Xác định công tác PCTT&TKCN là nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu trong thời bình. Hàng năm Bộ Chỉ huy quân sự thành phố đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng chuẩn bị và tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được cấp ủy, chính quyền và nhân dân tin tưởng, đánh giá cao.

Thường xuyên kiện toàn BCH PCTT&TKCN các cấp đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Kịp thời bổ sung, kiện toàn tổ chức biên chế các đơn vị cơ động của các đơn vị thực hiện nhiệm vụ PCTT&TKCN như: Sử dụng các lực lượng quân đội (Trung đoàn 50, Tiểu đoàn TTG34, Đại đội TS20, Trung đôi TT18…), công an, y tế, Hội Chữ thập đỏ, Hội Phụ nữ, lực lượng xung kích, thanh niên tình nguyện, Hội nông dân, các đoàn thể, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Trong đó quân đội, công an, xung kích là lực lượng đóng vai trò nòng cốt ở các cấp.

Toàn thành phố đã có 217/217 xã, phường, thị trấn thành lập và củng cố Đội xung kích phòng chống thiên tai theo hướng dẫn với tổng số thành viên là 16.030 người, trong đó có 89 Đội được đào tạo, tập huấn. Các huyện, quận đang tiếp tục chỉ đạo các xã, phường còn lại khẩn trương kiện toàn đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã.

Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng thành phố, Bộ Tư lệnh Vùng I Hải quân, Cảnh sát biển, Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải khu vực I, Cảng vụ hàng hải Hải Phòng, Cảnh sát giao thông đường thuỷ, Đài Thông tin Duyên hải Hải Phòng phối hợp với các lực lượng làm công tác PCTT&TKCN trên địa bàn thực hiện tốt nhiệm vụ PCTT&TKCN, cứu hộ trên biển. Điển hình là:

Trong 5 năm qua, Bộ Chỉ huy quân sự thành phố phối hợp với các lực lượng điều động 60.200 lượt cán bộ, chiến sỹ (Bộ đội thường trực: 15.765 đ/c, dân quân tự vệ 44.454 đ/c) và 1.108 phương tiện các loại phối cơ quan chức năng và Bộ đội Biên phòng kiểm đếm thông báo cho 18.980 phương tiện/64.387 lao động, lồng bè đang hoạt động trên biển vào neo đậu tránh trú bảo an toàn. Tham gia tập huấn TKCN đường biển do Cục cứu hộ, cứu nạn/Bộ Tổng Tham mưu tổ chức: 29 đ/c (năm 2016 = 04 đ/c; năm 2017 = 05 đ/c; năm 2018 = 05 đ/c; năm 2019 = 03 đ/c; năm 2020 = 04 đ/c). Đặc biệt, năm 2016, Bộ chỉ huy quân sự thành phố đăng cai và tham gia tập huấn Ứng phó sự cố tràn dầu do Bộ Quốc phòng tổ chức hoàn thành tốt nhiệm vụ, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các quận, huyện tổ chức diễn tập PCTT&TKCN sát với tình hình của địa phương. Trong 5 năm qua đã chỉ đạo 80 cuộc diễn tập PCTT&TKCN (Quân khu và thành phố chỉ đạo 02 lần vào năm 2013 và 2017: 15 quận huyện mỗi năm tổ chức diễn tập 01 lần).

Hàng năm căn cứ kế hoạch PCTT&TKCN, phòng chống cháy nổ, cháy rừng, cứu sập, triển khai xây dựng kế hoạch bảo đảm công tác Hậu cần, Kỹ thuật cho thực hiện nhiệm vụ, thường xuyên duy trì tốt lượng dự trữ Hậu cần, bảo đảm hệ số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trong 5 năm đã phối hợp điều động 61.020 lượt cán bộ chiến sỹ giúp đỡ nhân dân thu hoạch 4.343 ha lúa mùa; sơ tán, kiểm đếm thông báo 22.176 phương tiện/76.254 hộ, lao động, lồng bè đang hoạt động trên biển vào neo đậu, tránh trú bảo an toàn: Huy động 10.154 lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia giúp đỡ nhân dân phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai: Năm 2016: 7.290 lượt người (Bộ đội thường trực 3.732 đ/c; Dân quân 4.558 đ/c), 92 phương tiện. Năm 2017: 1.025 lượt người (Bộ đội chủ lực: 372 đ/c; Dân quân 653 đ/c), 70 phương tiện. Năm 2018: 885 lượt người (Bộ đội chủ lực: 410 đ/c: Dân quân 475 đ/c), 24 phương tiện, năm 2019: 820 lượt CBCS, DQTV (BĐTT 350 đ/c; DQTV: 470 đ/c) và 24 phương tiện các loại; năm 2020: 150 cán bộ, chiến sỹ: 200 dân quân và 10 phương tiện.

Trong 5 năm đã huy động 11.575 lượt cán bộ chiến sỹ, Dân quân tự vệ, 243 phương tiện và hàng nghìn dụng cụ các loại phối hợp xử lý 183 vụ cháy nổ trên địa bàn; Năm 2016: 1.080 lượt người (Bộ đội thường trực 751 đ/c, Dân quân 329 đ/c) 51 phương tiện. Năm 2017: 1.848 lượt người (Bộ đội thường trực 571 đ/c; Dân quân 771 đ/c), 76 phương tiện. Năm 2018: 1.378 lượt người (Bộ đội thường trực 850 đ/c; Dân quân 528 đ/c), 65 phương tiện. Năm 2019: 1.125 lượt cán bộ chiến sỹ, Dân quân tự vệ (bộ đội 156 đ/c; DQTV 250 đ/c; CA, PCCC 425 đ/c, lực lượng khác 294 người), 41 phương tiện; Năm 2020: 1.682 người, 187 phương tiện.

Năm 2016: điều phối các lực lượng thực hiện TKCN, cứu hộ trên biển; tham gia phối hợp TKCN máy bay CASA-212 bị mất tích trên vùng biển gần đảo Bạch Long Vĩ.

Năm 2016, thực hiện chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu 3 và việc phòng tránh thiệt hại do bão số 1, 3, 7: BỘ CHQS thành phố phối hợp với các lực lượng điều động 7.290 lượt cán bộ, chiến sỹ, Dân quân tự vệ (bộ đội thường trực 2.732 đ/c; Dân quân tự vệ 4.558 đ/c) tham gia giúp đỡ nhân dân sơ tán 2.910 hộ/9.710 lao động; 252 chòi canh/263 lao động; 154 thuyền con các loại/187 lao động; giúp đỡ nhân dân thu hoạch 4.343 ha lúa mùa được cấp ủy, chính quyền và nhân dân tin tưởng, đánh giá cao. Phối hợp với các đơn vị trên địa bàn huy động lực lượng, phương tiện tham gia xử lý các tình huống tai nạn trên sông, trên biển và sự cố thiên tai xảy ra trên địa bàn.

Năm 2017: chỉ đạo, điều phối các lực lượng khống chế sự cố cháy nổ buồng bơm làm tàu Hải An 16 bị rò nước trong khi đang bơm chuyển tải khoảng 4.000m3 xăng A92 tại cầu cảng K99, Đình Vũ, quận Hải An, tổ chức thực hiện công tác khắc phục sự cố cháy nổ và nguy cơ tràn dầu trong thời gian 10 ngày; điều phối các lực lượng tổ chức TKCN tàu HP 90258 TS bị đắm tại cách đảo Bạch Long Vĩ khoảng 37 hải lý về hướng Tây Tây Nam.

Năm 2018: tại cầu cảng K99, luồng Sông Cấm, phường Đông Hải, quận Hải An, tàu Hải Hà 18 thuộc Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà chở 900m3 xăng A92 đã xảy ra sự cố cháy nổ khi đang xuất hàng. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Bộ Công an, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và TKCN và UBND thành phố và sự phối hợp của các lực lượng chức năng đã khắc phục sự cố cháy nổ và nguy cơ tràn dầu tàu Hải Hà 18 sau gần 07 giờ.

Năm 2019: TKCN tàu NA 95899 TS bị chìm tại vùng đánh cá chung phía Trung Quốc. Cùng với sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và TKCN, UBND thành phố và sự phối hợp chặt chẽ, tích cực của các lực lượng tìm kiếm sau gần 01 tháng đã tìm được thi thể của 04 thuyền viên.

Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc sẵn sàng phương án, huy động phương tiện, lực lượng xử lý sự cố tràn dầu.

Lực lượng sẵn sàng tham gia PCTT&TKCN gồm 42.343 người; trong đó: Lực lượng xung kích Hải Phòng gồm lực lượng do Bộ Chỉ huy quân sự thành phố đảm nhiệm và hiệp đồng (khoảng 10.000 người) và lực lượng do Bộ đội biên phòng đảm nhiệm và hiệp đồng (hơn 200 người), có nhiệm vụ trong công tác cứu hộ cứu nạn trong thiên tai.

Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố: tổ chức trực ban, chỉ huy, điều hành xử lý đối phó với các tình huống khẩn cấp về TKCN trên đất liền. Trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án huấn luyện, diễn tập; bố trí lực lượng, phương tiện xung kích của thành phố sẵn sàng hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng các địa phương, các ngành tham gia cứu hộ đê và xử lý các tình huống khẩn cấp về thiên tai và TKCN.

Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng thành phố: tổ chức trực ban, chỉ huy, điều hành xử lý đối phó với các tình huống khẩn cấp về TKCN trên khu vực biên giới biển, hải đảo và cửa khẩu cảng.

Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng chủ trì phối hợp TKCN hàng hải tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Hải Phòng và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng.

BCH PCTT&TKCN các cấp, ngành, đơn vị sẵn sàng thực hiện phương án TKCN theo địa bàn, lĩnh vực được phân công; sẵn sàng phối hợp, hỗ trợ, tiếp ứng cho các địa bàn, lĩnh vực khác khi có yêu cầu; củng cố hệ thống thông tin liên lạc cảnh báo cho ngư dân, tàu thuyền và nhân dân khi có bão, ATNĐ, thời tiết nguy hiểm trên biển.

Sở NN&PTNT và các địa phương ven biển tổ chức quản lý, vận hành các khu neo đậu, tránh trú an toàn cho tàu thuyền.

Các địa phương đã rà soát, thống kê, tổ chức sơ tán và lên kế hoạch sơ tán cho 11.440 người trên phương tiện và các khu vực xung yếu, khu vực nguy hiểm (tại các địa phương ven biển và nơi có nguy cơ xảy ra sạt lở đất, khu chung cư cũ thấp trên địa bàn thành phố); tổ chức hoành triệt 25 cửa khẩu qua đê và 31 cống xung yếu.

Qua kết quả thực hiện nhiệm vụ PCTT của lực lượng vũ trang thành phố hàng năm đều được thủ trưởng cấp trên, cấp ủy, chính quyền các cấp và nhân dân trên địa bàn tin tưởng và đánh giá cao. Thực sự là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong thực hiện nhiệm vụ PCTT&TKCN trên địa bàn thành phố.

* + 1. Thông tin, truyền thông trong PCTT

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT được thành phố và các địa phương quan tâm tổ chức thực hiện thông qua các hình thức: Tuyên truyền, phố biến trên phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức phát tờ rơi; áp phích tại các trụ sở cơ quan, công trình công cộng. Kết quả đạt được cụ thể:

Trên 70% người dân vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai được phổ biến kiến thức về PCTT.

Hoạt động PCTT được triển khai chủ động, có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh: 95% các xã đã xây dựng và triển khai kế hoạch PCTT, phương án ứng phó với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra phù hợp với tình hình thiên tai ở địa phương và được rà soát, bổ sung hàng năm.

Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng; Báo Hải Phòng; Báo An ninh Hải Phòng đăng tải nhiều tin bài, phát các phóng sự, phim tài liệu trên sóng phát thanh và truyền hình, đặc biệt là Thư của Chủ tịch nước và chủ đề của Tuần lễ Quốc gia PCTT năm 2020: “Phòng chống thiên tai chủ động, hiệu quả từ lực lượng xung kích cơ sở”.

Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia PCTT năm 2020: đăng tải trên website các tài liệu truyền thông về PCTT; tổ chức tuyên truyền trên đài phát thanh tại các địa phương, nâng cao ý thức, phổ biến các kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, ứng phó với thiên tai cho cộng đồng dân cư; Treo băng rôn, pano với các khẩu hiệu tuyên truyền hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia PCTT, ngày truyền thống PCTT 22/5 tại trụ sở cơ quan PCTT các cấp.

Công tác chỉnh trang, ngầm hóa cáp ngoại vi viễn thông nhằm đảm bảo an toàn thông tin liên lạc, an toàn hạ tầng cột cáp treo, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông trước, trong và sau khi thiên tai diễn ra cũng được ngành Thông tin và Truyền thông đặc biệt quan tâm và chỉ đạo các doanh nghiệp trong ngành thực hiện.

Hàng năm Sở Thông tin và Truyền thông đều xây dựng Kế hoạch và tổ chức định kỳ kiểm tra công tác phòng chống thiên tai đối với các doanh nghiệp trong ngành, trong đó đặc biệt quan tâm đến công tác duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng nhà trạm, cột an ten, cột treo cáp và mạng cáp ngoại vi trước mùa mưa bão và trước mỗi thời điểm diễn ra thiên tai” vào trước nội dung “Với nhân lực có hạn, cộng thêm số lượng, khối lượng hạ tầng bưu chính viễn thông trên địa bàn thành phố quá lớn, do vậy việc kiểm tra thực tế công tác triển khai các biện pháp ứng phó và khả năng chống chọi của hạ tầng bưu chính, viễn thông với những diễn biến phức tạp của thiên tai chỉ được triển khai thí điểm, xác suất, không thực hiện được với 100% hạ tầng của các đơn vị; về cơ bản vẫn phải dựa vào tinh thần tự giác của các doanh nghiệp, đơn vị.

UBND các cấp và BCH PCTT&TKCN các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức phổ biến kịp thời, chính xác các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân vùng thiên tai, đặc biệt vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai.

Các văn bản chỉ đạo, điều hành, chỉ huy ứng phó sự cố thiên tai của thành phố được tuyên truyền, phổ biến thông qua: Văn bản điện tử, fax, email, SMS, internet, hệ thống phát thanh, truyền hình, hệ thống thông tin VHF, hệ thống cảnh báo sớm, tuyên truyền trực tiếp, mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng bưu chính công cộng và các hình thức tuyên truyền, phổ biến khác...

Thông tin về PCTT được đăng tải, cập nhật hàng ngày trên trang thông tin điện tử của Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN thành phố:

<http://dedieuhaiphong.gov.vn/>

<https://www.facebook.com/PhongChongThienTaiDuaVaoCongDong/>

[http://pctt.hpnet.vn](http://pctt.hpnet.vn/)

https://haiphong.gov.vn

Với nhân lực có hạn, cộng thêm số lượng, khối lượng hạ tầng bưu chính viễn thông trên địa bàn thành phố quá lớn, do vậy việc kiểm tra thực tế công tác triển khai các biện pháp ứng phó và khả năng chống chọi của hạ tầng bưu chính, viễn thông với những diễn biến phức tạp của thiên tai chỉ được triển khai thí điểm, xác suất, không thực hiện được với 100% hạ tầng của các đơn vị; về cơ bản vẫn phải dựa vào tinh thần tự giác của các doanh nghiệp, đơn vị.

* + 1. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT

Nhận thức của cộng đồng về phòng ngừa RRTT ngày càng được tăng cường, ngày càng được nâng cao; đã có sự quan tâm, hiểu biết căn bản về giảm nhẹ RRTT và thích ứng với BĐKH. Tuy nhiên, việc hiểu đúng, vận dụng kiến thức để có hành động phù hợp để ứng phó còn hạn chế.

Hải Phòng luôn đề cao chủ trương phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả các tình huống thiên tai.

Thực hiện Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác PCTT, UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành kế hoạch thực hiện, theo đó, các xã, phường, thị trấn đã thành lập các đội xung kích PCTT cấp xã với lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt. Thực hiện tốt phương châm "4 tại chỗ" và phương châm “chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả” trong PCTT, chủ động, linh hoạt, sáng tạo; quán triệt phương châm phòng tránh là chính; thường xuyên rà soát điều chỉnh kế hoạch phù hợp với thực tiễn.

Lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, phát triển kinh tế-xã hội của thành phố và các địa phương.

Trong công tác triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý RRTT dựa vào cộng đồng”, một số xã đã thành lập được nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng thực hiện công tác đánh giá RRTT dựa vào cộng đồng và hỗ trợ tham mưu cho chính quyền xã xây dựng kế hoạch PCTT dựa vào cộng đồng.

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT được thành phố và các địa phương quan tâm tổ chức thực hiện thông qua các hình thức: Tuyên truyền, phổ biến trên phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức hội nghị tập huấn; phát tờ rơi; áp phích tại các trụ sở cơ quan, công trình công cộng.

Theo thống kê, đến năm 2015 có khoảng 35% cộng đồng dân cư (đặc biệt là những địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai) trên địa bàn thành phố được tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực chủ động ứng phó với BĐKH, thiên tai. Công tác phổ biến kiến thức thường xuyên được quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử.

Năm 2016, Phối hợp với Tổ chức Tầm nhìn Thế giới tổ chức tập huấn, hội thảo hướng dẫn lập kế hoạch PCTT, ứng phó BĐKH cho cán bộ và cộng đồng dân cư các xã, phường của các huyện Cát Hải, Tiên Lãng và quận Ngô Quyền với 56 thôn, tổ dân phố; trong đó có 43 thôn, tổ dân phố đã xây dựng được kế hoạch ứng phó thiên tai, BĐKH, quản lý RRTT dựa vào cộng đồng.

Năm 2017, tổ chức 12 lớp phổ biến pháp luật về công tác PCTT&TKCN, về việc tăng cường công tác quản lý đê điều và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, chống lũ năm 2017 cho cán bộ, tổ trưởng các tổ dân phố và đại diện các doanh nghiệp với số người tham dự là 1.490 người.

Năm 2018, duy trì và nâng cao hiệu quả các hệ thống cảnh báo, truyền tin thiên tai hiện có: Website của BCH PCTT&TKCN thành phố, hệ thống hỗ trợ chỉ huy điều hành, hỗ trợ ra quyết định, hệ thống nhắn tin SMS, hệ thống thông tin VHF; Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng; Báo Hải Phòng; Báo An ninh Hải Phòng đăng tải nhiều tin bài, phát các phóng sự, phim tài liệu trên sóng phát thanh và truyền hình để tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức cộng đồng về công tác PCTT.

Năm 2019, thực hiện Quyết định số 173/QĐ-TTg ngày 13/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc lấy ngày 15-22/5 hàng năm là Tuần lễ Quốc gia PCTT, thành phố Hải Phòng đã phối hợp với BCĐ Quốc gia về PCTT tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia PCTT với sự tham gia của khoảng 850 người, Chương trình được truyền hình trực tiếp trên kênh truyền hình THP- Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng.

Tuy nhiên, một số ngư dân hoạt động khai thác thủy sản trên biển còn có tư tưởng chủ quan, xem nhẹ nguy cơ xảy ra rủi ro, qua đó chưa nghiêm túc cập nhật thông tin liên lạc và các biện pháp ứng phó nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản xảy ra đối với các phương tiện nghề cá hoạt động trên biển trong các cuộc phổ biến, hướng dẫn của các cơ quan, đơn vị chức năng và trước các đợt thiên tai.

Mặt khác, một số phương tiện nghề cá chưa trang bị thiết bị thông tin liên lạc có khả năng thông tin liên lạc giữa tàu và bờ ở cự ly xa hoặc đã được trang bị nhưng quá trình khai thác bị hư hỏng, không thực hiện cải tạo, nâng cấp, sửa chữa dẫn đến công tác thông tin về tình hình, diễn biến của thiên tai từ các cơ quan chức năng đến ngư dân gặp rất nhiều khó khăn.

* + 1. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng PCTT
       1. Hệ thống công trình PCTT

***8.1.1. Hệ thống đê***

Toàn thành phố hiện có bao gồm 24 tuyến đê với tổng chiều dài 416,928km đi qua 13 quận, huyện, trong đó: Chiều dài đê từ cấp III trở lên: 247,882km (đê cấp II dài 68,664km; cấp III dài 179,218 km); Chiều dài đê dưới cấp III: 169,046km (đê cấp IV). Khả năng chống bão, lũ của các tuyến đê hiện tại như sau:

- ***Đê Hữu sông Luộc:*** Đê cơ bản đảm bảo cao trình chống lũ theo thiết kế, tuy nhiên vẫn còn đoạn cuối tuyến phía hạ lưu chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế, một số cống và nhiều đoạn kè kém ổn định, xung yếu.

- ***Đê Tả Văn Úc:*** Đê còn nhiều đoạn cao trình thấp không đảm bảo chống lũ thiết kế, nhiều cống cũ và kè kém ổn định, xung yếu.

- ***Đê Hữu sông Cấm:*** Đê còn nhiều đoạn cao trình thấp hơn cao trình thiết kế; nhiều đoạn kè, cống kém ổn định. Khả năng chống lũ, bão ở mức trung bình.

- ***Đê Tả sông Hóa:*** Đê đảm bảo chống lũ, bão ở mức trung bình, nhiều đoạn kè và cống hư hỏng, kém ổn định.

- ***Đê Hữu Thái Bình:*** Đê đảm bảo chống lũ ở mức trung bình, một số đoạn kè và cống hư hỏng, kém ổn định.

- ***Đê Tả Thái Bình:*** Đê đảm chống lũ theo thiết kế, trừ một số đoạn đê thấp; nhiều cống cũ kém ổn định.

- ***Đê Hữu sông Mới:*** Đê đảm bảo an toàn và chống lũ theo thiết kế.

- ***Đê Hữu Văn Úc:*** Còn nhiều đoạn đê kém ổn định, có nhiều đoạn thấp nhỏ, nhiều cống cũ xung yếu và kém ổn định. Khả năng chống lũ, bão ở mức trung bình.

- ***Đê Hữu Lạch Tray***: Đê nhiều đoạn kém ổn định, nhiều vị trí đê chưa khép kín; nhiều đoạn kè, cống kém ổn định. Khả năng chống lũ, bão ở mức trung bình.

- ***Đê Tả Lạch Tray:*** Đê còn nhiều đoạn thấp nhỏ, chất lượng thân đê kém, nhiều cống và kè xung yếu, kém ổn định. Khả năng chống lũ, bão ở mức trung bình.

***- Đê Tả sông Cấm:*** Đê còn nhiều đoạn cao trình thấp hơn cao trình thiết kế, một số đoạn cao trình thấp hơn mực nước thiết kế; nhiều đoạn kè, cống xung yếu. Khả năng chống lũ, bão ở mức trung bình.

- ***Đê Hữu sông Mía***: Đê đảm bảo chống lũ ở mức trung bình.

- ***Đê Tả sông Mới:*** Đê đảm bảo chống lũ ở mức trung bình.

- ***Đê Hữu Tam Bạc:*** Đê còn nhiều vị trí xung yếu, thấp nhỏ. Có nguy cơ bị tràn khi triều cường và nước dâng do bão.

- ***Đê Tả Tam Bạc:*** Đê ổn định (đê đô thị), cơ bản đảm bảo khả năng chống nước dâng do bão và triều cường.

- ***Đê Hữu Kinh Thầy:*** Đê còn nhiều vị trí xung yếu, thấp nhỏ. Có nguy cơ bị tràn khi triều cường và nước dâng do bão.

- ***Đê Hữu Đá Bạc:*** Đê đảm bảo khả năng chống lũ, bão theo thiết kế trừ các vị trí cống kém ổn định.

- ***Đê Tả sông Thải***: Đê đảm bảo khả năng chống lũ, bão theo thiết kế trừ các vị trí cống kém ổn định.

- ***Đê cửa sông Bạch Đằng:*** Các đoạn đã nâng cấp đảm bảo khả năng chống lũ bão theo thiết kế. Đoạn còn lại thấp nhỏ, khả năng chống lũ bão hạn chế.

- ***Đê biển Tràng Cát:*** Đê còn nhiều đoạn kém ổn định. Khả năng chống bão và chống nước dâng do bão ở mức trung bình.

- ***Đê biển I:*** Các đoạn đê biển đã được nâng cấp đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn thiết kế, các vị trí chưa được nâng cấp và đoạn đê cửa sông có nguy cơ bị tràn trong trường hợp bão lớn kết hợp triều cường.

- ***Đê biển II***: Đê ổn định. Các đoạn đê biển và đê cửa sông đều đảm bảo khả năng chống bão theo thiết kế.

- ***Đê biển III:*** Đê còn nhiều đoạn kém ổn định, nhiều đoạn kè, cống kém ổn định, xung yếu. Khả năng chống bão ở mức trung bình. Rừng cây chắn sóng rộng phát huy tác dụng tốt tác dụng phòng hộ cho đê.

- ***Đê biển Cát Hải:*** Các đoạn đê đã được nâng cấp đảm bảo chống bão theo thiết kế; các đoạn còn lại chưa được nâng cấp còn kém ổn định, hầu hết bị tràn khi gặp tổ hợp bão bất lợi.

Hiện trạng đê cấp III trở lên: Tổng số 97,71km đê còn thiếu cao trình so với cao trình thiết kế; 86,618km đê mặt đê còn nhỏ hẹp (Theo TCVN 9902:2016), chưa đảm bảo theo mặt cắt thiết kế; Đê cấp IV: Tổng số 54,189km đê còn thiếu cao trình so với cao trình thiết kế; 23,649km đê mặt đê còn nhỏ hẹp chưa đảm bảo theo mặt cắt thiết kế.

Các trọng điểm xung yếu của hệ thống đê điều thành phố Hải Phòng cần đặc biệt chú ý trong công tác phòng, chống lụt, bão xem tại Phụ lục III.

***8.1.2. Các công trình trên đê***

Cùng với hệ thống đê là hệ thống cống qua đê, kè bảo vệ đê và công trình phụ trợ: 387 cống qua đê; 118 kè lát mái, hộ bờ, kè mỏ hàn với tổng chiều dài là 90,708km; 101 cửa khẩu qua đê; 50 điếm canh đê; 09 Hạt Quản lý đê; 39 điểm kho, bãi vật tư dự trữ phòng chống lụt bão.

- Có 90,71km kè (50,68km kè đê cấp IV trở lên và 40,03km kè đê cấp IV). Trong đó: 13,11km kè (8,50km kè đê cấp III trở lên và 4,61km kè đê cấp IV) có diễn biến sạt lở cần tu bổ, sửa chữa; 19,06km kè (4,79km kè đê cấp III trở lên và 14,27km kè đê cấp IV) có diễn biến sạt lở cần theo dõi và 58,54km kè (37,40km kè đê cấp III trở lên và 21,14km kè đê cấp IV) ổn định.

- Có 50 điếm canh đê (đê cấp III trở lên có 38 điếm và đê cấp IV có 12 điếm). Trong đó có 20 điếm (17 điếm đê cấp III trở lên, 03 điếm đê cấp IV) hiện trạng còn tốt; 18 điếm (11 điếm đê cấp III trở lên, 07 điếm đê cấp IV) bị hư hỏng cần sửa chữa; 12 điếm (10 điếm đê cấp III trở lên, 02 điếm đê cấp IV) hư hỏng nặng, cần xây mới.

- Có 387 cống (242 cống đê cấp III trở lên và 145 cống đê cấp IV). Trong đó: 05 cống (03 cống đê cấp III trở lên và 02 cống đê cấp IV) cần hoành triệt; 05 cống (01 cống đê cấp III trở lên và 04 cống đê cấp IV) hiện đang thi công dở dang; 55 cống (41 cống đê cấp III trở lên và 14 cống đê cấp IV) hư hỏng nặng, cần phải xây dựng mới; 125 cống (69 cống đê cấp III trở lên và 55 cống đê cấp IV) bị hư hỏng, cần được sửa chữa và 197 cống (128 cống đê cấp III trở lên và 70 cống đê cấp IV) hiện ổn định.

- Hiện tại có 6 cống dưới đê thân cống bị nứt gãy, xuống cấp như: cống Đầm Quan, Xích Thổ, Kiều Hạ 1, Hoàng Mai 1, Hoàng Mai 2 và Lò Ngói. Hệ thống tiêu năng của cống bị xuống cấp nghiêm trọng, sân tiêu năng, mái kè hai bên thượng, hạ lưu cống bị nứt gãy, xói lở, chiều dài thân cống ngắn so với mặt cắt ngang đê, khẩu độ cống nhỏ, cột dàn kém chất lượng không đảm bảo năng lực phục vụ sản xuất và khó khăn cho việc tiêu thoát nước trong mùa mưa bão. Các cống Thành phố Thủy 1, Thành phố Thủy 2 và Hoàng Lâu trên đê tả sông Lạch Tray nằm trong mặt bằng của Khu công nghiệp Tràng Duệ. Hiện tại cổng Thành phố Thủy 1 và Thành phố Thủy 2 không vận hành do kênh phía đồng của cống đã lấp để làm mật bằng của Khu công nghiệp Tràng Duệ. Năm 2020 cống Hoàng Lâu đã được xây dựng xong, có chất lượng tốt, đảm bảo yêu cầu phòng chống úng lụt và phòng chống lụt bão. Cống sau Xi phông Hải An đã hoàn thành thi công nhưng chưa bàn giao nên việc điều tiết nguồn nước tại Hải An còn gặp khó khăn.

* + - 1. Hệ thống công trình thủy lợi

***8.2.1. Hệ thống công trình thủy lợi***

Do đặc điểm địa hình bị chia cắt bởi các sông tự nhiên, các công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng được phân chia thành 06 hệ thống độc lập: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Đa Độ, An Hải, Thủy Nguyên và huyện đảo Cát Hải. Tổng số công trình thuỷ lợi gồm có 387 cống dưới đê; 602 trạm bơm điện tưới, tiêu nước; 3.833 tuyến kênh chìm từ cấp 3 trở lên với tổng chiều dài 4.059,2km, 1.296km kênh cứng sau trạm bơm điện, 15.510 tuyến kênh nội đồng sau điểm giao nhận có tổng chiều dài 4.818,6km.

- ***Hệ thống công trình thuỷ lợi Thủy Nguyên:*** gồm hai hệ thống cấp và trữ nước lớn là Hồ Sông Giá và kênh Hòn Ngọc. Toàn hệ thống có 690 công trình: 70 cống dưới đê, 254 công trình kênh dài 283,365km, 134 trạm bơm điện, 134 kênh tưới cấp 1 sau trạm bơm dài 99,369km và 98 công trình trên kênh.

- ***Hệ thống công trình thuỷ lợi An Hải:*** Có nhiệm vụ phục vụ tưới tiêu địa huyện An Dương, quận Hồng Bàng và quận Hải An. Toàn hệ thống có 1.242 công trình gồm: 75 cống dưới đê; 58 trạm bơm điện (bao gồm 53 trạm bơm tưới; 03 trạm bơm tưới tiêu kết hợp và 02 trạm bơm tiêu); 177 tuyến kênh (gồm 121 tuyến kênh trục chính, kênh trước và sau cống dưới đê, kênh hút trạm bơm với tổng chiều dài 137,327km và 56 tuyến kênh tưới sau trạm bơm với chiều dài 85,603km) với tổng chiều dài 222,930km; 932 công trình trên kênh.

- ***Hệ thống công trình thuỷ lợi Đa Độ:*** là hệ thống lớn nhất thành phố Hải Phòng. Địa bàn phục vụ bao gồm 05 quận, huyện: huyện An Lão, Kiến Thụy, quận Kiến An, Dương Kinh và Đồ Sơn. Toàn hệ thống có 1.254 công trình gồm: 94 cống dưới đê; 266 công trình kênh cấp 1 và cấp 2 dài 456,506km, kênh trước cống; 152 trạm bơm điện; 148 kênh tưới sau trạm bơm điện dài 130,492km và 594 công trình trên kênh.

- ***Hệ thống công trình thuỷ lợi Tiên Lãng:*** gồm 02 vùng Bắc và Nam sông Mới. Toàn hệ thống có 628 công trình gồm: 64 cống dưới đê; 85 công trình trạm bơm điện; 236 công trình kênh chìm với tổng chiều dài 383km, trong đó có 43km kênh trục chính và 340km kênh cấp 1, cấp 2; 163 công trình trên kênh; 80 kênh tưới sau trạm bơm với tổng chiều dài 124,741km.

- ***Hệ thống công trình thuỷ lợi Vĩnh Bảo:*** toàn hệ thống có 173 trạm bơm, 75 cống dưới đê, kênh trục chính Chanh Dương và hàng nghìn km kênh cấp I, II, III; gồm: 75 cống dưới đê; 173 trạm bơm, 170 đập điều tiết trên kênh, kênh trục chính Chanh Dương dài 23,46 km và 148 kênh cấp I, II, III liên xã dài 240,53 km; 168 kênh tưới sau trạm bơm dài 175,223km.

- ***Hệ thống công trình thuỷ lợi Cát Hải:*** gồm 02 khu: khu đảo Cát Hải và khu đảo Cát Bà. Hệ thống có 09 cống dưới đê do UBND Cát Hải trực tiếp quản lý.

Để nâng cao năng lực hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ tiêu thoát ngập úng khi có thiên tai cần phải tu bổ công trình thủy lợi trước mùa mưa bão hàng năm. Các huyện, quận, thành phố và Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy cho hệ thống sông trục, kênh mương đảm bảo thông thoáng trước mùa mưa lũ hàng năm.

***8.2.2. Hệ thống hồ chứa nước***

Trên địa bàn thành phố hiện có 07 hồ chứa, bao gồm: 06 hồ chứa nước ngọt tại các xã huyện Cát Hải (gồm các hồ: Việt Hải, Hiền Hào, Khe Sâu - xã Trân Châu, Trân Châu, Phù Long, Xuân Đám) và 01 hồ chứa trên huyện đảo Bạch Long Vĩ.

***8.2.3. Thực trạng, kết quả đầu tư hệ thống đê biển, cống dưới đê của Hải Phòng***

Chương trình Củng cố, bảo vệ và nâng cấp các tuyến đê biển hiện có từ Quảng Ninh đến Quảng Nam theo Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg ngày 14/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó thành phố Hải Phòng có 06 tuyến đê biển với tổng chiều dài là 104km được đầu tư với tổng kinh phí là 1.100 tỷ đồng. (ngân sách TW: 850,0 tỷ đồng; ngân sách thành phố: 250,0 tỷ đồng). Tiến độ thực hiện được gia hạn đến năm 2020. Kết quả thực hiện Chương trình đến nay như sau:

***\* Tuyến đê biển I:*** Tuyến đê biển I từ K0+000 đến K17+051 với tổng chiều dài là 17,051km xuất phát từ cầu Rào I (quận Dương Kinh) đến Đồi Độc (Khu vực đền Bà Đế-quận Đồ Sơn), Chương trình Nâng cấp đê biển đầu tư nâng cấp 14,191 km đê, xây dựng 04 cống dưới đê và 04 kè mỏ hàn. Cụ thể:

- Đoạn từ K0+000 đến K2+550 (dài 2.550m) là đoạn gần khu vực cầu Rào nằm tương đối xa cửa sông, ít chịu tác động của sóng, gió bão so với các đoạn còn lại, phía ngoài đê có nhiều công trình kiến trúc của các cơ quan, đơn vị; đoạn từ K16+640 đến K17+000 (dài 360m) là tường bê tông của Cảng cá Ngọc Hải đã đảm bảo an toàn về phòng chống bão nên không đầu tư xây dựng.

- Đoạn từ K12+800 đến K15+930 (dài 3,130km) đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng năm 2007 với kinh phí là 41.727,0 triệu đồng và được đầu tư 100% nguồn vốn ngân sách TW.

- Đoạn từ K11+500 đến K12+800 và từ K15+930 đến K16+460 (dài 1,830km) đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng năm 2009 với kinh phí là 70.363,0 triệu đồng và được đầu tư 100% nguồn vốn ngân sách TW.

- Đoạn từ K2+550 đến K11+500 và từ K17+000 đến K17+591: Đã hoàn thành 5,091km đê từ K7+000 đến K11+500 và từ K17+000 đến K17+591; xây xong 04 cống dưới đê và 02 kè mỏ hàn tạo bãi bồi trồng cây chắn sóng.

***\* Tuyến đê biển II từ K0+000 đến K10+660:***

Củng cố, nâng cấp 10,660km đê; Xây dựng lại 06 cống dưới đê, đã hoàn thành và được bàn giao đưa vào sử dụng năm 2012 với Tổng kinh phí thực hiện là 168.907,741 triệu đồng (ngân sách TW: 133.215,357 triệu đồng, ngân sách thành phố: 35.692,384 triệu đồng).

***\* Tuyến đê biển Cát Hải:***

- Tuyến đê biển Cát Hải dài 20,0km từ K0+000 đến K20+000, trong đó đoạn từ K5+803 đến K20+000 (dài 11,0km) do trùng với dự án Cảng Lạch Huyện và dự án đường cao tốc Tân Vũ-Lạch Huyện nên không phải đầu tư.

- Đoạn từ Hoàng Châu đến Văn Chấn (Từ K5+803 đến K8+053, dài 2,250 km) đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng năm 2007 với kinh phí là 56.891,770 triệu đồng.

- Đoạn từ Bến Gót đến Gia Lộc (từ K0+000 đến K3+094, dài 3,094 km) đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng năm 2012 với kinh phí là 33.800,800 triệu đồng.

- Đoạn từ Gia Lộc đến Văn Chấn (từ K3+094 đến K5+576) với chiều dài 960m và sửa chữa cống Gia Lộc 2 được triển khai thi công tháng 9/2015, đến nay đã hoàn thành với tổng kinh phí là 92.070,0 triệu đồng (nguồn vốn TW là 59.632,0 triệu đồng; vốn thành phố là 32.438,0 triệu đồng).

***\* Tuyến đê biển Bạch Đằng:***

Củng cố, nâng cấp tuyến đê dài 7.770m, xây mới cống My Sơn và nối dài cống Sơn 2 đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đoạn từ K2+900 đến K8+750 (dài 3.319m) và cống My Sơn với kinh phí là 59.755,430 triệu đồng.

Ngày 04/7/2014, Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản số 4807/UBND-TL cho phép hoàn thiện mặt cắt, rải cấp phối mặt đê đoạn từ K8+750 đến K10+120 và từ K12+440 đến K13+420 (dài 2.350m) với giá trị thực hiện là 8.764,221 triệu đồng, để đảm bảo công tác phòng chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn trong mùa mưa bão năm 2014; các công việc còn lại sẽ tiếp tục thi công khi có kế hoạch vốn bố trí.

Tổng giá trị thực hiện dự án là 75.600,0 triệu đồng.

***\* Tuyến đê biển III từ K4+500 đến K6+881 và đoạn từ K10+957 đến K16+500 có tổng chiều dài 7.924,0 m và xây lại 01 cống dưới đê:***

Dự án được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 với tổng mức đầu tư là 80.500,0 triệu đồng (nguồn vốn TW là 75.000,0 triệu đồng, nguồn vốn thành phố là 5.500,0 triệu đồng). Thời gian thực hiện: Năm 2017 đến năm 2020. Dự án chưa được bố trí vốn.

Hiện tại, nguồn kinh phí bố trí để thực hiện dự án còn thiếu, Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đê biển III, huyện Tiên Lãng mặc dù đã được UBND thành phố phê duyệt từ năm 2016 nhưng vẫn chưa bố trí được kinh phí để triển khai thực hiện.

* + - 1. Trạm quan trắc, đo đạc, cảnh báo

Trên địa bàn Thành phố Hải Phòng hiện có các trạm quan trắc, đo đạc, cảnh báo sau:

+ 03 trạm khí tượng: Phù Liễn, Bạch Long Vĩ và Hòn Dáu.

+ 09 trạm thủy văn: Cửa Cấm, Trung Trang, Tiên Tiến, Do Nghi, Đông Xuyên, Kiến An, Chanh Chử, Cao Kênh và Quang Phục.

+ 02 trạm hải văn: Bạch Long Vĩ và Hòn Dáu.

+ 01 trạm Ra đa thời tiết là Phù Liễn.

+ 05 trạm đo mưa tự động, gồm: Tân Phong, An Lão, Cát Bà, Thủy Nguyên và Vĩnh Bảo. Trong đó 02 trạm đo mưa tự động là Tân Phong và An Lão là Đài KTTV khu vực Đông Bắc trực tiếp quản lý, 03 trạm đo mưa tự động còn lại là do thuê dịch vụ đo mưa nhân dân giai đoạn 1.

+ Đài KTTV khu vực Đông Bắc quản lý 61 đơn vị, trong đó: 4 phòng chức năng (Phòng dự báo KTTV, Phòng Mạng lưới trạm & Thông tin KTTV và Văn phòng); 5 Đài KTTV thành phố (Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh và Quảng Ninh); 51 trạm khí tượng, thủy văn, hải văn môi trường.

UBND thành phố quyết định đầu tư bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất với tổng kinh phí là 3.440 triệu đồng (1.850 triệu đồng từ nguồn ngân sách và 1.590 triệu đồng từ Quỹ PCTT), trong đó có bổ sung các trang thiết bị phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm như: 08 trạm đo mưa, đo gió tự động, 12 trạm đo mực nước tự động, 03 hệ thống camera quan sát các trọng điểm xung yếu.

Chi tiết các trạm quan trắc, đo đạc, cảnh báo của thành phố Hải Phòng xem tại Phụ lục IV.

* + - 1. Hệ thống điện, thông tin liên lạc, truyền thanh, truyền hình

Hải Phòng là thành phố ven biển, thường xuyên chịu ảnh hưởng của các yếu tố thiên tai bão, lũ, mưa lớn…trung bình hàng năm Hải Phòng chịu từ 2 đến 4 cơn bão hoặc ATNĐ, trong đó có 1 đến 2 cơn bão độ bộ trực tiếp. Trong giai đoạn 2016-2020, các cơn bão đã làm ảnh hưởng, gây thiệt hại cho các doanh nghiệp thuộc ngành Công thương như sự cố cơn bão số 02 ngày 03/7/2019 kèm theo gió lớn đã làm mất điện rải rác trên địa bàn một số quận, huyện, có 57/193 lộ đường dây trung thế bị sự cố do bão gây ra, các khu vực bị mất điện: An Dương, Thủy Nguyên, Hải An, Cát Hải, Vĩnh Bảo, An Lão, Kiến Thụy, tại khu vực một số quận trung tâm thành phố bị mất điện cục bộ tại một số TBA.

Trong nhiều năm qua, Công ty Điện lực Hải Phòng luôn quan tâm và thực hiện tốt công tác đảm bảo cung ứng điện, phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt đáp ứng nhu cầu sử dụng điện tăng cao của nhân dân trong mùa nắng nóng và trong các tình huống thiên tai mưa, bão, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, kịp thời khôi phục sự cố, cấp điện ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân thành phố, đảm bảo đủ, đáp ứng thông tin liên lạc trong thiên tai được thông suốt, đề ra các phương án xử lý cụ thể trong từng trường hợp khi có thiên tai xảy ra, đặc biệt với hệ thống cung cấp điện cho các trạm bơm tiêu úng.

Các TBA có nguy cơ cao bị ảnh hưởng của thiên tai xem tại Phụ lục V.

Mạng lưới bưu chính viễn thông với đầy đủ các loại hình dịch vụ đã phủ sóng thông tin di động 3G-4G đến toàn bộ các xã và người dân toàn thành phố; cơ sở hạ tầng truyền dẫn cáp quang đã kết nối từ trung tâm thành phố đến 100% các xã phường, thị trấn có thể đáp ứng nhanh chóng thông tin, liên lạc; bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong công tác chỉ huy, điều hành PCTT trên toàn thành phố và phục vụ các nhu cầu của khách hàng.

Công tác thông tin phục vụ PCTT&TKCN được thực hiện kết hợp các hệ thống thông tin đại chúng và chuyên dùng gồm: hệ thống Đài Thông tin duyên hải, hệ thống VHF của Bộ đội biên phòng, Đài Phát thanh truyền hình, hệ thống VHF của BCH PCTT&TKCN thành phố, hệ thống thông tin ICOM quản lý tàu cá của Sở NN&PTNT, điện thoại cố định và di động, hệ thống internet, nhắn tin SMS.

Hệ thống thông tin liên lạc tầm xa ICOM quản lý tàu cá công suất 150W gồm 129 máy, trong đó trang bị 09 máy cho các cơ quan, địa phương và 120 máy cho các tàu trưởng các đội tàu để quản lý thông tin tàu đánh bắt xa bờ.

Sở Thông tin và truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông: Xây dựng và triển khai phương án đảm bảo thông tin liên lạc PCTT&TKCN từ TW đến địa phương; sẵn sàng thiết bị, hệ thống INMARSAT để phục vụ công tác PCTT khi có yêu cầu.

Đài Thông tin Duyên hải Hải Phòng: Đảm bảo trực canh 24/24 giờ, tiếp nhận và xử lý thông tin cấp cứu, khẩn cấp, an toàn, an ninh từ phương tiện trên biển tại các tần số vô tuyến trực canh; đảm bảo chất lượng, thời lượng và công suất phát quảng bá các bản tin an toàn hàng hải, cảnh báo thiên tai, dự báo thời tiết biển và các tin Tìm kiếm cứu nạn.

Văn phòng BCH PCTT&TKCN thành phố, Đài Thông tin Duyên hải Hải Phòng thực hiện cơ chế phối hợp tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ TKCN cho tàu thuyền hoạt động trên biển.

Đài KTTV khu vực Đông Bắc, Đài Thông tin Duyên hải, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố, Báo Hải Phòng, Báo An ninh Hải Phòng cung cấp kịp thời thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai, thời tiết nguy hiểm đến các cấp và cộng đồng để chủ động phòng tránh.

Văn phòng BCH PCTT&TKCN thành phố đã xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống hỗ trợ chỉ huy, điều hành và tích hợp thông tin ứng phó thiên tai trên nền tảng internet phục vụ có hiệu quả công tác chỉ huy điều hành, tích hợp thông tin báo cáo trong ứng phó thiên tai.

* + - 1. Hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ cứu nạn

Trong giai đoạn 2016-2020, Hải Phòng đã đẩy mạnh công tác đồng bộ hệ thống giao thông đường bộ, kết nối hệ thống giao thông nội thành phố với các tuyến đường cao tốc, quốc lộ, các đường vành đai của thủ đô, các đô thị lớn, cảng biển, sân bay ở khu vực miền Bắc, đảm bảo việc kết nối lưu thông với các thành phố lân cận và các vùng miền trong cả nước.

Hệ thống các tuyến đường thành phố, đường huyện, đường xã đã đảm bảo kiên cố, kết nối thông suốt đảm bảo công tác cứu hộ cứu nạn nội thành phố và ngoại thành phố.

Các tuyến đường liên xã được cứng hóa trải nhựa hoặc bê-tông đạt 99,2%; đường trong thôn, xóm và các tuyến đường trục chính nội đồng cứng hóa đạt 84,3% cơ bản đáp ứng công tác lưu thông cứu hộ cứu nạn tại chỗ tại các địa phương trong thành phố.

* + - 1. Nhà tránh trú thiên tai cộng đồng

Hải Phòng không xây dựng các công trình tránh trú thiên tai chuyên biệt mà lồng ghép sử dụng vào các công trình cơ sở hạ tầng của thành phố. Những năm qua, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm giai đoạn 2016-2020, các công trình như trường học, trạm y tế, trụ sở UBND các cấp, nhà văn hóa, cầu cảng …ở các cấp địa phương đã và đang được triển khai nâng cấp, xây mới, kiên cố hóa đảm bảo mục đích sử dụng cũng như có thể làm khu tránh trú an toàn khi có thiên tai xảy ra.

* + 1. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế-xã hội

Việc thực hiện lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế-xã hội của thành phố vừa thúc đẩy được phát triển kinh tế- xã hội của thành phố đồng thời phải đảm bảo công tác PCTT.

Thực hiện các nội dung của Luật PCTT (quy định tại Điểm đ, Mục 3, Điều 15 về việc lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội) và Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành kinh tế-xã hội. Trong thời gian qua, thành phố đã tranh thủ sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành đồng thời phát huy mọi nguồn lực, nguồn vốn, nội lực doanh nghiệp đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống theo hướng hiện đại, bền vững.

Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ, thành phố, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh thành phố 5 năm 2016-2020, trong bối cảnh thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen, trong đó có thêm khó khăn, thách thức so với dự báo; song được sự lãnh đạo, giúp đỡ của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự đổi mới, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, UBND thành phố, sự nỗ lực cố gắng phấn đấu của các cấp, ngành, địa phương, phát huy sức mạnh toàn dân, tạo sức mạnh tổng hợp đưa Hải Phòng bước vào thời kỳ phát triển mới với những dấu ấn mới. Kết quả nổi bật như sau:

1. Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế-xã hội đề ra:

– Hoàn thành vượt mức 12/20 chỉ tiêu, trong đó có: 7/12 chỉ tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch giao từ 1-3 năm, điển hình như: thu nội địa (năm 2017 đã đạt 21.777 tỷ đồng), vượt chỉ tiêu đề ra trước 03 năm; chỉ số sản xuất công nghiệp (bình quân 05 năm đạt 20,64%/năm), gấp 1,47 lần mục tiêu đề ra (14%/năm), gấp 2,12 lần so với giai đoạn 2011-2015 và gấp hơn 2 lần tốc độ tăng chung cả nước; sản lượng hàng hóa qua cảng tăng bình quân 15,9%/năm, năm 2018 đạt gần 110 triệu tấn, vượt chỉ tiêu đề ra trước 02 năm, năm 2020 ước đạt 142,84 triệu tấn, gấp 2,1 lần năm 2015; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 34,42%/năm, năm 2020 ước đạt 18,95 tỷ USD, vượt mục tiêu (12 đến 17 tỷ USD), gấp 4,38 lần năm 2015…

- Hoàn thành 07/20 chỉ tiêu về xã hội, môi trường, như: tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,7%; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,73%/năm; tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý hợp vệ sinh ở đô thị đạt 100%, nông thôn 90%…

- Không hoàn thành duy nhất 01 chỉ tiêu là tuổi thọ trung bình, năm 2020 ước đạt 74,7 tuổi, không hoàn thành mục tiêu 77 tuổi.

2. Kinh tế thành phố phát triển mạnh mẽ, luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao

GRDP bình quân 5 năm 2016-2020 tăng 13,94%/năm, gấp 1,3 lần mục tiêu đề ra (10,5%/năm), gấp 1,97 lần giai đoạn 2011-2015 (7,08%/năm) và gấp 2,06 lần tốc độ tăng trưởng chung của cả nước (6,78%/năm).

Tạo bước bứt phá về huy động nguồn lực để đầu tư phát triển, nhất là thu ngân sách. Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 ước đạt 564.295 tỷ đồng, cao gấp 1,28 lần mục tiêu đề ra (440.000 tỷ đồng) và gấp 3 lần giai đoạn 2011-2015 (188.355 tỷ đồng). Tiềm lực của thành phố được tăng cường, thu ngân sách nội địa năm 2020 đạt 30.000 tỷ đồng, gấp 2,32 lần năm 2015.

Mô hình tăng trưởng được đổi mới, phát triển theo chiều sâu; năng suất, chất lượng, hiệu quả được nâng cao. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển hướng sang công nghiệp chế biến, chế tạo, hiện đại, công nghệ cao, thu hút nhiều dự án công nghiệp lớn; tỷ trọng công nghiệp chế biến chế tạo trong GRDP tăng từ 25,12% năm 2015 lên 39,2% năm 2020. Các lĩnh vực thương mại, du lịch, cảng biển đều có bước phát triển nhanh, vượt bậc. Hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung, sản xuất những sản phẩm nông nghiệp có giá trị gia tăng cao. Đến năm 2019, đã có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu đề ra trước 01 năm.

3. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch được chú trọng; hạ tầng đô thị được đầu theo hướng đồng bộ, hiện đại; không gian đô thị được mở rộng.

Hoàn thành Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố đến năm 2035, định hướng đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ. Đô thị phát triển đúng theo 03 hướng đột phá với tốc độ cao, hình thành rõ nét không gian đô thị thành phố. Khu vực đô thị trung tâm thành phố đã được quan tâm đầu tư theo hướng văn minh, hiện đại, đã hình thành nhiều khu đô thị mới phù hợp với bản sắc kiến trúc đô thị Hải Phòng, như: Khu đô thị Vinhomes Imperia của Tập đoàn Vingroup, các khu đô thị của Tập đoàn Hoàng Huy, khu đô thị ven sông Lạch Tray của Tập đoàn Agape, một số khách sạn 5 sao, Trung tâm thương mại Aeon Mall. Các công trình phúc lợi công cộng được quan tâm đầu tư như mở rộng, xây dựng mới một số bệnh viện, trường học; cải tạo, mở rộng sông Tam Bạc; hoàn thiện chỉnh trang toàn bộ dải trung tâm thành phố và một số công viên cây xanh. Đã xây dựng một số chung cư cao tầng, từng bước thay thế các chung cư cũ xuống cấp. Các ngõ phố, hè đường được đầu tư chỉnh trang đồng bộ, hình thành một số cầu vượt, nút giao thông hiện đại.

4. Kết cấu hạ tầng giao thông đã có bước phát triển vượt bậc.

Củng cố, phát huy cao hơn vai trò thành phố Cảng, đầu mối giao thông quan trọng và cửa chính ra biển của các tỉnh phía Bắc; hệ thống cảng biển, hạ tầng giao thông được đầu tư mạnh, có bước phát triển đột phá theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hình thành Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, đón tàu có tải trọng 132.000-160.000 tấn. Khánh thành, đưa vào sử dụng cầu vượt biển Tân Vũ-Lạch Huyện, Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, đường trục World Bank, Quốc lộ 10 mở rộng… Tổng nguồn lực đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 đạt 43.886 tỷ đồng, gấp 1,82 lần giai đoạn 2011-2015, trong đó vốn ngân sách thành phố là 24.653 tỷ đồng, gấp 3 lần giai đoạn 2011-2015 (8.211 tỷ đồng). Thành phố đã hoàn thành xây dựng hàng chục tuyến đường liên tỉnh, liên huyện, cùng 46 cây cầu các loại, trong đó có nhiều cây cầu lớn, với tổng chiều dài 23km.

5. Tài nguyên đất đai, khoáng sản được quản lý chặt chẽ theo quy hoạch, phát huy hiệu quả sử dụng đất; công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH và nước biển dâng được tăng cường.

Triển khai thực hiện đồng bộ Luật Đất đai; hoàn thiện hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện, tập trung xử lý dứt điểm một số vụ việc vi phạm pháp luật đất đai kéo dài; đã thu hồi 20 địa điểm với diện tích 307,69ha; chấm dứt thực hiện dự án đối với 68 địa điểm với diện tích 832,1ha. Thu hồi 10.488ha đất của 613 tổ chức và 53.916 hộ gia đình, cá nhân, trong đó có 10.988 hộ phải bố trí tái định cư để triển khai các công trình phát triển kinh tế-xã hội của thành phố. Hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu về môi trường theo mục tiêu đề ra. Tiếp tục triển khai di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp trong nội đô thành phố vào các khu, cụm công nghiệp. Thực hiện nhiều biện pháp quản lý tài nguyên nước, bảo đảm vệ sinh môi trường. Các giải pháp ứng phó với BĐKH, nước biển dâng, xâm nhập mặn đã được chú trọng, cụ thể hóa trong các đề án quy hoạch, các dự án đầu tư. Triển khai hiệu quả các chương trình bảo vệ và tăng tỷ lệ che phủ của rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng chắn sóng.

6. Các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, an sinh xã hội được quan tâm đầu tư lớn, có nhiều cơ chế, chính sách mới vượt trội như: Chính sách hỗ trợ 100% học phí cho học sinh các cấp; khen thưởng đối với đội ngũ giáo viên, học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thưởng cho các vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại giải thể thao khu vực và quốc tế; triển khai Đề án sân khấu truyền hình; nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho các đối tượng chính sách, gấp 1,4 lần quy định của Chính phủ; cấp gạch, xi măng, hỗ trợ tiền để xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các gia đình chính sách… Hạ tầng lĩnh vực y tế, giáo dục-đào tạo được tập trung đầu tư, hiện đại.

7. Hoạt động của các cấp chính quyền ngày càng đổi mới theo hướng kiến tạo, hành động, đồng hành, phục vụ nhân dân, doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ thành phố tiếp tục được kiện toàn theo hướng đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

8. Quốc phòng được tăng cường, củng cố; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, liên kết vùng được triển khai đồng bộ, hiệu quả; hình ảnh, vị thế và uy tín của Hải Phòng được nâng cao rõ nét.

Bên cạnh đó, để chủ động phòng, chống và ứng phó kịp thời với những diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, bảo đảm đời sống, ổn định sản xuất của nhân dân, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, trong thời gian có thiên tai, thực hiện chỉ đạo của Trung ương và Thành phố, các ngành, các địa phương đã tích cực tổ chức thực hiện các biện pháp phòng chống: Cảnh báo sớm, thông báo kêu gọi tàu thuyền, phương tiện hoạt động trên biển về nơi trú tránh an toàn; tổ chức neo đậu an toàn; Các địa phương đã rà soát, thống kê, tổ chức sơ tán và lên kế hoạch sơ tán cho 11.440 người trên phương tiện và các khu vực xung yếu, khu vực nguy hiểm (tại các địa phương ven biển và nơi có nguy cơ xảy ra sạt lở đất, khu chung cư cũ thấp trên địa bàn thành phố); tổ chức hoành triệt 25 cửa khẩu qua đê và 31 cống xung yếu; Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư sẵn sàng phòng chống bão; Tuyên truyền vận động doanh nghiệp và nhân dân thực hiện các biện pháp bảo vệ nhà cửa, công trình, kho tàng, bến cảng, cơ sở sản xuất, trang trại, sản xuất nông nghiệp; và nhiều biện pháp cụ thể khác căn cứ vào tình hình thực tế tại địa bàn. Trong các văn bản chỉ đạo, việc đưa hoạt động thông tin truyền thông nâng cao nhận thức về PCTT là một nội dung trong kế hoạch PCTT và tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương. Trong kế hoạch PCTT và công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai đều chú trọng việc sử dụng các lực lượng tại chỗ; quán triệt phương châm “phòng là chính”, thực hiện cứu người trước, cứu tài sản sau, qua đó công tác quản lý đê điều và PCTT được thực hiện nghiêm túc.

Thiệt hại do thiên tai gây ra đã  ảnh hưởng đến sinh kế và tài sản của người dân vùng ven biển. Các lao động trong các ngành nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, du lịch và công nghiệp phải hứng chịu rủi ro do bão, lũ trực tiếp gây ra. Du lịch ven biển chủ yếu dựa vào bãi biển và các hệ sinh thái nguyên sinh cũng bị ảnh hưởng bởi các hệ lụy của biến đổi khí hậu như bão, lũ và sạt lở ven biển.

Đối với ngành thủy lợi, việc đầu tư xây mới hoặc sửa chữa công trình bám sát quy hoạch và định hướng phát triển thủy lợi, xây dựng các công trình trong hệ thống thực hiện đa mục tiêu, kết hợp các giải pháp công trình và phi công trình, trong đó đã lồng ghép các nội dung PCTT, phòng chống lụt bão, thích ứng với tình trạng BĐKH. Hiện nay các công trình đã được đầu tư, nâng cấp bên cạnh việc cung cấp nguồn nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, cấp nguồn nước thô phục vụ dân sinh và các ngành kinh tế khác còn đồng thời thực hiện yêu cầu tiêu thoát nước trong mùa mưa lũ và các nhiệm vụ PCTT, phòng chống úng, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn trong hệ thống.

Tại Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 6/5/2021 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi An Hải nêu rõ: Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng phục vụ đa mục tiêu kinh tế-xã hội theo lĩnh vực ngành nghề Công ty hoạt động; Mở rộng và đẩy mạnh cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác, gồm: Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp; tiêu nước cho khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao; kết hợp phát điện; nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa nước; kết hợp giao thông ... đảm bảo phù hợp với mục tiêu của chiến lược phát triển ngành thủy lợi; Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, linh hoạt, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các thành phần kinh tế, góp phần phục vụ phát triển kinh tế-xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh; Xác định nhiệm vụ tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước thô, công nghiệp và dân sinh là nhiệm vụ chính trị của công ty. Bên cạnh đó từng bước da dạng hóa ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tăng thu ngân sách, góp phần vào sự ổn định và phát triển bền vững của công ty; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước; Chủ phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, phòng chống lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH biến đổi và phát triển thượng nguồn các lưu vực sông; góp phần xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai.

Đối với ngành KTTV: Tiếp tục nỗ lực xây dựng, phát triển ngành KTTV đóng vai trò tương xứng là một phần quan trọng của hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, năng động, nhanh và bền vững; đổi mới sáng tạo, hoạt động phục vụ hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành chính sách, phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, PCTT và ứng phó với BĐKH; xã hội hóa, hình thành được nền công nghiệp KTTV phục vụ đa mục tiêu, đa lĩnh vực; Tăng cường công tác phối hợp với cơ quan, đơn vị để chủ động cung cấp thông tin, nâng cao hiệu quả công tác PCTT; tăng cường tuyên truyền để người dân chủ động trong PCTT nhất là tại các khu vực dễ bị tổn thương bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan; Tiếp tục cụ thể hóa bản tin dự báo thời tiết nguy hiểm đến từng địa phương; Cải tiến nội dung và hình thức các bản tin dự báo KTTV, nhất là các bản tin dự báo bão, áp thấp nhiệt đới, lũ...vì vậy tất cả các chương trình, kế hoạch, dự án triển khai tại Đài KTTV khu vực Đông Bắc đều được lồng ghép các nội dung về PCTT góp phần xây dựng, phát triển kinh tế-xã hội. đảm bảo an ninh quốc phòng trong khu vực và thành phố Hải Phòng.

* + 1. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết

Để đảm bảo công tác phục hồi sau thiên tai, UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 26/8/2020 về Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai" trên địa bàn thành phố.

Ngay khi kết thúc các đợt thiên tai, Chủ tịch UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan kiểm tra, đánh giá thiệt hại, xác định ưu tiên và xây dựng kế hoạch khôi phục và tái thiết, huy động nguồn lực tại địa phương, bao gồm ngân sách dự phòng, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân tổ chức khôi phục và tái thiết. Trường hợp nhu cầu vượt quá khả năng nguồn lực của địa phương, Chủ tịch UBND thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin hỗ trợ.

Thành ủy, UBND thành phố chỉ đạo quyết liệt, kịp thời công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai nhằm sớm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các cấp triển khai ngay công tác khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là sự tham gia của lực lượng vũ trang, Đoàn Thanh niên. Công tác khắc phục sạt lở về đê điều, giao thông, kênh mương; cất nhà tạm cho dân, cấp phát hàng cứu trợ được kịp thời, sớm ổn định cuộc sống người dân.

Công tác phục hồi, tái thiết sau các đợt thiên tai với sự tham gia của BCH PCTT&TKCN các cấp và các đơn vị giàu kinh nghiệm trong cứu trợ, vận động cứu trợ như: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố, Hội Chữ thập đỏ thành phố, các tổ chức xã hội, chính trị-xã hội như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên...

UBND thành phố thành lập Ban tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ, vận động được nhiều tổ chức, cá nhân tham gia. Tiền, hàng cứu trợ cấp phát đến người dân kịp thời, đúng đối tượng và công bằng. Qua các đợt ảnh hưởng bão, ATNĐ và mưa lũ lớn những năm gần đây, gây thiệt hại nặng nề, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân với sự tham gia của hệ thống chính trị, các tổ chức và cá nhân tình nguyện; sau thiên tai không xảy ra tình trạng người dân bị thiếu lương thực, thực phẩm, không xảy ra dịch bệnh, sớm ổn định đời sống và sản xuất người dân.

Trong các tình huống thiên tai, các huyện, quận đã tổ chức chỉ đạo, điều hành kịp thời các hoạt động ứng phó.

Triển khai phương án PCTT theo từng tình huống và diễn biến thiên tai.

Chủ động thực hiện phương án sơ tán dân khu vực xung yếu ven sông, ven biển và khu nhà ở cũ; thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong thiên tai.

Các địa phương ven biển phối hợp với lực lượng biên phòng, nắm chắc số lượng, chủng loại tàu thuyền thủy sản; giữ vững thông tin liên lạc với các tàu, chủ tàu; bố trí sắp xếp neo đậu an toàn cho tàu thuyền tránh trú bão.

Tổ chức lực lượng xung kích hộ đê, PCTT&TKCN; chuẩn bị vật tư dự trữ PCTT của địa phương; chủ động chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng chống úng lụt bảo vệ sản xuất.

Thực hiện kịp thời công tác thống kê thiệt hại và khắc phục hậu quả thiên tai, khôi phục sản xuất và ổn định đời sống nhân dân.

Các hoạt động phục hồi tái thiết sau thiên tai bao gồm các bước sau:

- Báo cáo nhanh thiệt hại sau thiên tai: Công việc này thực hiện một cách nhanh chóng và kịp thời qua BCH PCTT&TKCN các cấp:

+ Cấp xã: BCH PCTT&TKCN cấp xã giao nhiệm vụ đánh giá nhanh tình hình thiệt hại trên địa bàn từng thôn cho trưởng thôn phối hợp với lực lượng xung kích xã theo sự phân công của BCH PCTT&TKCN xã. BCH PCTT&TKCN cấp xã tổ chức thẩm định thông tin, sau đó lập báo cáo bằng văn bản gửi về BCH PCTT&TKCN cấp huyện.

+ Cấp huyện: BCH PCTT&TKCN cấp huyện, cập nhật tổng hợp tình hình thiệt hại từ cấp xã vào biểu mẫu thống nhất, lập báo cáo bằng văn bản (có thể thêm báo cáo nhanh bằng điện thoại) về BCH PCTT&TKCN cấp thành phố, đồng thời gửi báo cáo bằng văn bản về UBND huyện theo quy định.

+ Cấp thành phố: BCH PCTT&TKCN cấp thành phố (qua bộ phận Văn phòng thường trực) sẽ cập nhật, tổng hợp tình hình từ cấp huyện, báo cáo UBND thành phố và BCĐQG về PCTT.

- Thống kê, đánh giá đầy đủ các thiệt hại sau thiên tai.

- Lập kế hoạch phục hồi tái thiết sau thiên tai.

- Phân bổ nguồn lực cho phục hồi, tái thiết.

- Giám sát quá trình thực hiện.

BCĐQG về PCTT thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành, do cơ quan thường trực làm trưởng đoàn, đánh giá việc thực hiện ở các địa phương, trong đó, trọng tâm là kiểm tra các quy trình về thống kê đánh giá thiệt hại; nội dung, cơ sở thực tiễn của việc xây dựng kế hoạch phục hồi sau thiên tai; việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân cũng như khôi phục các cơ sở hạ tầng thiết yếu.

BCH cấp thành phố, huyện cũng tổ chức các đoàn xuống kiểm tra cấp dưới trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, chất lượng và tiến độ khôi phục tái thiết các công trình hạ tầng.

Sở NN&PTNT phối hợp với các huyện, quận đã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng chống lụt bão; chỉ đạo lực lượng quản lý đê tổ chức quản lý, theo dõi chặt chẽ diễn biến công trình, kịp thời kiểm tra, phát hiện, tham mưu xử lý các sự cố đê điều; xử lý các vị trí đê điều xung yếu, hoành triệt cống dưới đê không đảm bảo an toàn trước mùa lũ bão; ngăn chặn và xử lý các vụ vi phạm Luật Đê điều.

Các hoạt động phục hồi, tái thiết sau thiên tai thành phố Hải Phòng từ năm 2016 đến nay đã triển khai thực hiện:

- Tổ chức thực hiện hoàn thành Dự án tu bổ đê điều thường xuyên năm 2016 nguồn vốn TW với tổng mức đầu tư 14.000 triệu đồng (nâng cấp đê tả sông Hóa, đê Tả sông Cấm; xây mới cống Trấn Dương 2, huyện Vĩnh Bảo và cống Lê Xá 2, huyện An Dương) và nguồn vốn thành phố với tổng mức đầu tư 34.991 triệu đồng (nâng cấp đê Tả sông Hóa, huyện Vĩnh Bảo, đê hữu sông Mía, huyện Tiên Lãng, gia cố mặt đê Tả Thái Bình huyện Tiên Lãng; xây mới cống Đền Cựu, huyện An Lão, cống Tiên Đôi, huyện Tiên Lãng, cống Nam Am, huyện Vĩnh Bảo, cống Núi Đất và cống Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên; sửa chữa cống Cái Cụ, huyện Cát Hải).

- Chương trình nâng cấp đê biển: đã thực hiện tu bổ, nâng cấp 30,57km đê kè xung yếu; xây mới 11 cống, 02 kè mỏ hàn; trồng mới 24,16ha rừng chắn sóng thuộc các tuyến đê biển I, II, đê biển Cát Hải và đê biển Bạch Đằng. Các dự án nâng cấp đê biển thực hiện năm 2014 và chuyển tiếp đến nay:

+ Dự án Nâng cấp đê biển I K0+000 đến K11+500 và từ K17+000 đến K17+591: Đã hoàn thành 4.091km đê, 04 cống dưới đê và 02 kè mỏ hàn. Đang thi công gói thầu số 15 (đoạn từ K7+000 đến K8+000) khối lượng đạt 80%.

+ Dự án củng cố, bảo vệ nâng cấp đê biển Cát Hải đoạn Gia Lộc-Văn Chấn từ K3+094-K5+576: đã hoàn thành 30/8/2016.

- Năm 2007 hoàn thành Dự án tu bổ đê điều thường xuyên với tổng mức đầu tư 69.114 triệu đồng tu bổ nâng cấp 8.870m đê; xây lại 06 cống cũ xung yếu).

- Chương trình nâng cấp đê biển: Đến cuối năm 2017, đã thực hiện tu bổ, nâng cấp 30,57km đê kè biển xung yếu; xây mới 11 cống, 02 kè mỏ hàn; trồng mới 24,16ha rừng phòng hộ chắn sóng.

- Chương trình nâng cấp đê sông đang triển khai thực thực hiện các dự án:

+ Dự án kiên cố hóa, điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đê Tả Lạch Tray từ cầu An Đồng đến cầu Rào: đã hoàn thành 2.158m kè đạt 100%; 02 cống dưới đê; hoàn thành 2.608m/4.808m tường BTCT đoạn từ cầu Rào 2 đến cống Ba Tổng; đang thi công đoạn từ K22+800-K23+160 và K24+118-K24+600 (dài 900,4m) đạt 80% khối lượng; đã hoàn thành gói thầu số 08A (xây mới 02 cống).

+ Dự án nâng cấp đê Tả Văn Úc từ K26+680 đến K39+500: đã triển khai thi công đoạn từ K26+680 đến K29+710 tiến độ đạt khoảng 75% và đoạn từ K34+059 đến K35+846 tiến độ đạt khoảng 95% khối lượng. Hiện tại, dự án đang tạm dừng thi công do thiếu vốn.

+ Các tuyến đê sông còn lại đã thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư nhưng chưa triển khai do chưa được bố trí vốn.

- Kế hoạch duy tu bảo dưỡng đê điều và duy tu đê biển sau đầu tư: thực hiện hoàn thành các hạng mục cải tạo mặt đê; khoan phụt vữa gia cố thân đê; xử lý tổ mối và ẩn họa trong đê; sửa chữa kè bong xô với tổng kinh phí 27 tỷ đồng.

- Chương trình ứng phó với BĐKH:

+ Dự án giảm sóng ổn định bãi và trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển I: đã thi công xong 5.076m tường giảm sóng và trồng 93.7ha (100%) cây chắn sóng bảo vệ đê và chuyển sang giai đoạn chăm sóc, bảo vệ.

+ Dự án phục hồi rừng phòng hộ chắn sóng (Chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển Nông lâm nghiệp Công nghệ cao): đã trồng mới 573/837ha rừng phòng hộ và nâng cấp 2.684m đường công vụ.

- Các dự án Khu neo đậu tránh trú bão đã và đang triển khai:

+ Đã hoàn thành Dự án Khu neo đậu tránh trú bão Cát Bà với công suất neo đậu cho 1.000 tàu thuyền các loại.

+ Dự án khu neo đậu tránh trú bão Quan Chánh (Kiến Thuỵ): có công suất neo đậu 200 tàu thuyền các loại. Tổng mức đầu tư: 70.365 triệu đồng, triển khai thi công từ tháng 8/2009, hiện đã đưa vào phục vụ neo đậu.

+ Dự án Khu neo đậu tránh trú bão Mắt Rồng, huyện Thuỷ Nguyên đã đưa vào sử dụng giai đoạn I.

- Kế hoạch duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2018, tổng mức đầu tư 30 tỷ đồng. Các hạng mục cơ bản hoàn thành khối lượng công việc. Trong đó:

+ Cải tạo mặt đê: Tả sông Hóa (K15+050-K17+045), Tả Thái Bình (K8+450-K9+500), Hữu Văn Úc (K12+250-K12+950; K14+900-K16+230), Tả Lạch Tray (K16+900-K17+780), Hữu sông Luộc (K37+800-K39+700).

+ Khoan vụn vữa gia cố chân đê: Tả sông Hóa (K7+000-K10+000), Tả sông Cấm (K7+000-K10+000), Tả Thái Bình (K12+800-K15+000).

+ Khảo sát, xử lý mối và ẩn họa trong đê: Hữu sông Luộc (K37+000-K51+184).

+ Đào đắp đất, san lấp ổ gà rãnh xói mặt đê: Hữu sông Luộc (K45+700-K48+500), Tả Thái Bình (K10+000-K11+000; K12+700-K15+000; K3+600-K6+100), Tả Lạch Tray (K8+000-K9+500) Hữu Lạch Tray (K8+500-K10+500; K11+900-K13+820), Hữu Văn Úc (K8+500-K9+350).

+ Chặt, phát quang cây, trồng cỏ mái đê: Hữu Văn Úc (K17+100-K17+900, K14+500-K16+200), Tả Thái Bình (K15+300-K16+300; K17+500-K18+500), Hữu Lạch Tray (K12+900-K14+500), Tả sông Hóa (K4+500-K7+500).

+ Sửa chữa kè đá bong xô: Kè Thành phố Lạc - đê Tả Thái Bình (K21+490-K21+790, Kè Chùa Minh - đê Hữu sông Cấm (K4+560-K4+750; K4+850-K4+900).

+ Thay thế cột Km trên đê: Hữu Thái Bình (K0+000-K21+108), Hữu sông Luộc (K37+000-K51+184), Hữu Văn Úc (K8+500-K12+000), Tả Thái Bình (K3+000-K10+500), Tả sông Cấm (K0+000-K25+000).

+ Khoan khảo sát địa chất đê Tả Thái Bình (K13+500-K17+500).

+ Xây dựng kho vật tư dự trữ phòng chống lụt bão tại Vĩnh Bảo và Dương Kinh.

+ Mua sắm bổ sung vật tư dự trữ phòng chống lụt bão.

* Hiện trạng công trình đê điều năm 2019 như sau:

+ Về đê: có 319km đê đảm bảo an toàn (chiếm 76,51%); 88,08km đê kém ổn định chưa đảm bảo an toàn (chiếm 21,13%); 9,85 km đê xung yếu (2,36%).

+ Về kè bảo vệ đê: có 61,52km kè ổn định đảm bảo an toàn (chiếm 65,47%); 28,0 km kè kém ổn định chưa đảm bảo an toàn (chiếm 29,8%); 4,45km kè xung yếu có nguy cơ mất an toàn cao (chiếm 4,73%).

+ Về cống qua đê: có 195 cống đảm bảo an toàn (chiếm 50,91%); 126 cống kém an toàn (chiếm 32,9%); 62 cống xung yếu (chiếm 16,19%).

+ Công tác đầu tư xử lý cấp bách công trình đê điều: Bộ NN&PTNT đã đầu tư duy tu bảo dưỡng đê điều với kinh phí 35 tỷ đồng; hỗ trợ 20,0 tỷ đồng xử lý khẩn cấp sự cố cống Bích Động đê Hữu Thái Bình (12,0 tỷ đồng) và xử lý cấp bách sự cố sạt lở kè Cổ Am - đê Tả Hóa và kè Vụng Hạ - đê Hữu Lạch Tray (8,0 tỷ đồng). Các công trình đã được thực hiện hoàn thành trong năm 2019.

* Hiện trạng công trình đê điều theo đánh giá năm 2020 như sau:

+ Về đê: toàn bộ hệ thống đê có 324,56km đê ổn định đảm bảo an toàn (chiếm 77,85%); 82,56km đê kém ổn định chưa đảm bảo an toàn (chiếm 19,80%); 9,80km đê xung yếu có nguy cơ mất an toàn cao (chiếm 2,35%);

+ Về kè bảo vệ đê: có 64,10km kè ổn định đảm bảo an toàn (chiếm 70,66%); 21,43km kè kém ổn định chưa đảm bảo an toàn (chiếm 23,62%); 5,18km kè xung yếu có nguy cơ mất an toàn cao (chiếm 5,71%);

+ Về công trình cống qua đê: 210 cống đảm bảo an toàn (chiếm 54,26%); 122 cống kém an toàn (chiếm 31,52%); 55 cống xung yếu (chiếm 14,21%).

+ Công tác đầu tư tu bổ đê điều: Đã hoàn thành đảm bảo chất lượng, tiến độ các dự án, công trình: Duy tu bảo dưỡng đê điều, xử lý cấp bách với tổng khối lượng 125.800m3 đất đào đắp; 25.052m3 đá các loại; 12.090m3 bê tông để kiên cố hóa 8,19km mặt đê bằng bê tông; hoàn thiện mặt cắt, rải cấp phối 13,444km mặt đê bằng đá dăm kẹp đất; xây mới 02 cống dưới đê; làm mới 1,065km kè bằng cấu kiện bê tông lát mái; sửa chữa 02 sự cố cống dưới đê; 02 sự cố nứt mặt đê dài 2.250m; 01 sự cố sạt lở chân đê, mái đê dài 80m.

+ Tổng kinh phí thực hiện năm 2020 là 87,3 tỷ đồng (Ngân sách TW là: 85,0 tỷ đồng; Quỹ PCTT thành phố: 2,3 tỷ đồng).

Trước mùa lũ bão, các huyện, quận toàn thành phố đã xây dựng:

Năm 2016 xây dựng 31 phương án bảo vệ trọng điểm đê điều xung yếu, phòng chống lụt bão cấp huyện, trong đó có 13 trọng điểm chống bão, 09 trọng điểm chống lũ và 09 trọng điểm TKCN.

Năm 2017 đã xây dựng 29 phương án bảo vệ trọng điểm đê điều xung yếu, phòng chống lụt bão cấp huyện, trong đó có 10 trọng điểm chống bão, 11 trọng điểm chống lũ và 08 trọng điểm TKCN.

Năm 2018 đã xây dựng 32 phương án bảo vệ trọng điểm đê điều xung yếu, trọng điểm TKCN cấp huyện, trong đó: 10 trọng điểm chống bão, 11 trọng điểm chống lũ và 11 trọng điểm TKCN.

Năm 2019, đã xây dựng 02 Phương án bảo vệ trọng điểm đê điều xung yếu cấp thành phố; 29 phương án bảo vệ trọng điểm đê điều xung yếu, trọng điểm TKCN cấp huyện, trong đó: 10 trọng điểm chống bão, 11 trọng điểm chống lũ và 08 trọng điểm TKCN.

Năm 2020 toàn thành phố đã xây dựng 30 phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu; trong đó: 02 Phương án bảo vệ trọng điểm đê điều xung yếu cấp thành phố, các huyện, quận xây dựng 28 phương án bảo vệ trọng điểm đê điều xung yếu, phòng chống lụt bão cấp huyện, trong đó có 05 trọng điểm chống bão, 13 trọng điểm chống lũ và 10 trọng điểm TKCN.

* + 1. Nguồn lực tài chính
* Hàng năm sử dụng hỗ trợ từ TW và nguồn ngân sách địa phương, Quỹ PCTT thành phố để thực hiện hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, đầu tư, sửa chữa, duy tu, nâng cấp hệ thống công trình PCTT&TKCN trong thành phố bảo đảm năng lực, yêu cầu về PCTT.
* Xây dựng và thực hiện Kế hoạch đầu tư ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để thực hiện đầu tư hệ thống công trình cũng như cơ sở hạ tầng PCTT&TKCN bảo đảm an toàn, phục hồi tái thiết.
* Sử dụng nguồn hỗ trợ từ TW, nguồn ngân sách dự phòng địa phương, Quỹ PCTT thành phố để xử lý khẩn cấp các tình huống thiên tai xảy ra nhằm bảo đảm an toàn hệ thống công trình PCTT, phục hồi tái thiết, ổn định kinh tế - xã hội, hỗ trợ sản xuất.
* Ngoài ra chủ động bố trí các nguồn lực thực hiện lồng ghép PCTT và TKCN vào các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế-xã hội của thành phố.
* Tiếp nhận và thực hiện các nguồn vốn khác như: Nguồn vốn ODA, các nguồn vốn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, các nguồn vốn từ các tổ chức chính trị - xã hội (Chữ Thập đỏ, Phụ nữ, Thanh niên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Phi chính phủ, khối tư nhân …).
  1. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI
     1. Đánh giá độ lớn của thiên tai xảy ra trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ các tình huống, các loại hình thiên tai đã xảy ra trên địa bàn thành phố; các văn bản quy phạm về Luật PCTT, các Quyết định, Nghị định trong lĩnh vực PCTT&TKCN, Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg, ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ RRTT, xác định cấp độ RRTT; Căn cứ vào đặc điểm các loại hình thiên tai và những thiệt hại đã xảy ra trên địa bàn Hải Phòng được thu thập, tổng hợp từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau trong những năm qua.

Trên cơ sở tổng hợp tài liệu đã cho phép khắc họa một bức tranh tổng thể về các loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn Hải Phòng và xác định cấp độ RRTT như sau:

Chi tiết các loại hình thiên tai đã xảy ra trên toàn thành phố Hải Phòng xem tại Phụ lục VI.

1. Đánh giá độ lớn của thiên tai xảy ra từ năm 2016-2020 và khả năng xảy ra do BĐKH ở Hải Phòng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình thiên tai** | **Độ lớn của thiên tai đã xảy ra trong quá khứ (2016-2020)** | | | | | | **Độ lớn thiên tai có thể xảy ra** | |
| **Nhỏ** | **Trung bình** | **Lớn** | **Rất lớn** | **Tần suất lặp lại** | **Thời gian xuất hiện** | **Rất lớn** | **Thảm họa** |
| Bão, áp thấp nhiệt đới (cấp 8-9, giật cấp 12) |  |  | x |  | 3-5 cơn/năm | Từ tháng 6-10 | x |  |
| Mưa lớn |  |  | x |  | Năm nào cũng có | Từ tháng 6-10 | x |  |
| Lũ, ngập lụt (báo động cấp III) |  |  |  | x | Năm nào cũng có | Từ tháng 6-10 |  | x |
| Gió mạnh trên biển |  | x |  |  | Năm nào cũng có |  | x |  |
| Nắng nóng |  |  | x |  | Năm nào cũng có | Từ tháng 5-7 | x |  |
| Giông, lốc, sét, mưa đá |  |  | x |  | Năm 2018, 2019 | Từ tháng 6-7 | x |  |
| Không khí lạnh, Rét đậm, rét hại (cuối tháng 1/2016 nhiệt độ 5,5 độ C) | x |  |  |  | Năm nào cũng có | Từ tháng 12 năm trước đến tháng 2 năm sau | x |  |

* + - 1. Cấp độ RRTT do áp thấp nhiệt đới, bão (Cấp độ RRTT: cấp 5)

Theo thống kê trong vòng 05 năm trở lại đây (2016-2020) trung bình mỗi năm Hải Phòng chịu ảnh hưởng của 8-10 cơn bão và 03-05 ATNĐ (bình quân cả nước từ 6÷7 cơn/năm), trong đó có từ 1 đến 2 cơn bão và ATNĐ đổ bộ trực tiếp gây thiệt hại về công trình, đê điều, người và tài sản của nhân dân trong vùng. So với toàn quốc thì khu vực ven biển Hải Phòng (từ Quảng Ninh tới Ninh Bình) là khu vực có bão đổ bộ trực tiếp nhiều nhất với khoảng 31% tổng số bão đổ bộ vào nước ta. Thời kỳ mùa bão ở đây bắt đầu vào tháng 6 và kết thúc vào tháng 11, tháng có nhiều bão nhất là tháng 7, sau đó là tháng 8.

Bão và ATNĐ đổ bộ thường kèm theo mưa lớn và nước dâng gây ngập lụt vùng cửa sông ven biển, đặc biệt thời gian bão đổ bộ gặp triều cường tạo thành tổ hợp thời tiết bất lợi gây thiệt hại lớn. Các cơn bão trực tiếp đổ bộ vào vùng bờ Hải Phòng thường kèm theo gió mạnh với vận tốc 30÷40m/s (110÷140km/h), cực đại có thể đạt trong bão là 46m/s, gió giật có thể trên 50m/s (180km/h). Phạm vi gió mạnh thường lấn sâu vào trong đất liền tới 50÷100km và gió bão chỉ yếu đi khi gặp địa hình cản trở ở các vùng núi.

Các cơn bão có hướng đổ bộ vào Hải Phòng tập trung từ hướng Tây-Tây Nam đến hướng Tây Bắc, cao nhất là hướng Tây-Tây Bắc (chiếm khoảng 44% trên tổng số bão). Tốc độ di chuyển của bão từ 5 km/h đến trên 40 km/h, trung bình là 17km/h. Tốc độ gió lớn nhất khoảng 65m/s, trung bình là 28m/s. Kèm theo trong bão là lượng mưa trong bão lớn, thường từ 150÷300mm. Mưa lớn trong bão chiếm tỷ lệ 40÷50% tổng lượng mưa cả năm, lượng mưa 24h lớn nhất đạt 341mm vào ngày 3/8/2019 do hoàn lưu bão số 3 gây mưa lớn trên diện rộng, trong khi đó, so sánh với ngày 22/9/2017 lượng mưa 24h lớn nhất đạt 490mm.

Huyện đảo Bạch Long Vĩ là đảo xa nhất của Việt Nam ở Vịnh Bắc Bộ, cách Hải Phòng 73,5 hải lý (136,122 km), với diện tích nhỏ chưa tới 3km2, nhưng đây là một trong 8 ngư trường lớn, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, an ninh - quốc phòng biển của Việt Nam và là nơi hứng chịu những cơn bão đầu tiên trước khi đổ bộ vào đất liền.

Theo thống kê, từ năm 2016 đến 2020, do ảnh hưởng của thiên tai, trên địa bàn thành phố có 08 người chết, 04 người bị thương, thiệt hại ước tính khoảng 496,23 tỷ đồng. Cụ thể:

Năm 2016 có 10 cơn bão và 03 ATNĐ, trong đó đặc biệt là cơn bão số 1 ngày 28/7/2016 đã làm tốc mái 08 nhà ở, 98m2 trụ sở cơ quan; 05 phòng học với diện tích 303m2, 70m2 chợ, 400m2 nhà xưởng; 635 cây xanh bị đổ; 03 cột chỉ dẫn giao thông, 03 cột điện chiếu sáng bị hư hỏng, 5.250kg xi măng làm đường giao thông nội đồng bị hỏng; thiệt hại 222,87ha lúa; 346,7ha hoa màu; 142,5ha cây ăn quả gãy, đổ; 10 trang trại bị tốc mái; 1.023 con gia súc chết; 46.588 con gia cầm chết; 545,5ha thủy sản thiệt hại; 03 chiếc thuyền nan bị đắm; 155m kè cảng cá Cát Bà bị sóng đánh hỏng; 20 cột trung thế, 36 cột hạ thế bị nghiêng, đổ, gãy; 62 lộ đường dây bị sự cố; 25 hòm công tơ vỡ hỏng; 15 quả sứ và 05 chuỗi sứ trung thế bị vỡ; 12 cột cáp viễn thông bị gãy đổ; sạt lở, hư hỏng cục bộ một số đoạn đê, kè tại các huyện An Lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, Cát Hải. Thiệt hại ước tính 161,512 tỷ đồng.

Năm 2017, cơn bão số 10 ngày 15/9/2017 đặc biệt nghiêm trọng đã làm ngập nhẹ 1231 nhà; 120m2 nhà bị tốc, vỡ, hỏng; 28m tường bao đổ; hư hỏng 01 sân khấu trung tâm du lịch, 177m kè du lịch biển, 500m2 thảm cỏ, 15 cây xanh, 20 bể chế biến sứa và 600m2 sân chế biến; 06 cánh ăngten VHF bị gãy; hư hỏng một số công trình tại khu du lịch Đồ Sơn và cảng neo đậu Bạch Long Vĩ; thiệt hại 40ha lúa, 90ha hoa màu; gãy đổ 105ha cây ăn quả; ngập lụt 10 trang trại; 69 gia súc, 1690 gia cầm chết, mất tích; gây ngập 204,3ha NTTS; làm thiệt hại 61,9ha thủy sản; 1850m bờ vùng NTTS bị sạt lở; 01 thuyền gỗ bị đắm; sạt lở, hư hỏng và tràn nước cục bộ tại một số vị trí đê, kè, cống tại các huyện Cát Hải, Hồng Bàng, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, An Lão, An Dương. Thiệt hại ước tính 155,690 tỷ đồng.

Bão số 11 ngày 16/10/2017 kết hợp mưa lũ đã làm sạt lở núi tại Thủy Nguyên, Kiến An; tràn đê bao ngoài bãi ở An Dương; sạt lở, hư hỏng công trình hàng hải, cảng cá và khu neo đậu tại các quận, huyện Đồ Sơn và Cát Hải. Nông nghiệp: 1200ha lúa bị nghiêng đổ. Công trình đê điều, thủy lợi: sạt lở 3400m kênh tại huyện Thủy Nguyên; sạt lở một số đoạn đê, kè, bãi sông, kênh dẫn sau cống tại các huyện Vĩnh Bảo, An Lão, Tiên Lãng. Thiệt hại ước tính 150 tỷ đồng.

Năm 2018, do ảnh hưởng của bão số 3 kết hợp với mưa lớn từ ngày 21-25/7/2018 đã làm 03 người chết (do giông sét); sạt lở núi Thiên Văn quận Kiến An; núi Ba Phủ huyện Thủy Nguyên; sạt lở đường dẫn lên cầu Đăng phía bờ huyện Tiên Lãng, xói sạt cục bộ mái đê phía sông một số vị trí đê Tả Thái Bình; sản xuất nông nghiệp thiệt hại nhẹ.

Năm 2019, trên địa bàn thành phố không có thiệt hại về người, hệ thống đê điều đảm bảo an toàn. Thiệt hại các ngành xây dựng, giao thông: 178 cây xanh, 10 cột điện chiếu sáng bị gãy đổ; 122 cột điện chiếu sáng, 47 pha đèn bị hư hỏng; 03 cột điện gãy đổ, 01 trạm điện bị hư hỏng. Thiệt hại dân sinh: 02 nhà bị tốc mái, 01 nhà hư hỏng mái tôn. Sản xuất nông nghiệp: 500 cây chuối bị đổ, 120ha táo bị ảnh hưởng, 50m kênh mương bị hư hại. Thiệt hại ước tính khoảng 3,909 tỷ đồng.

Năm 2020, tuy không xuất hiện hiện tượng [thiên tai](https://nongnghiep.vn/hai-phong-san-sang-phuong-tien-nhan-lucung-pho-bao-so-1-d266297.html) lớn nhưng đã xuất hiện một số hình thái thời tiết, khí tượng thủy văn bất lợi như: bão, rét đậm, nắng nóng, gió mạnh sóng lớn, mưa lớn kèm giông lốc… gây ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất nhất là các hoạt động trên biển. Với sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐQG về PCTT; cùng với việc triển khai, thực hiện đồng bộ các biện pháp của UBND thành phố, BCH PCTT&TKCN thành phố theo phương châm chủ động phòng ngừa, giảm nhẹ đến mức thấp nhất thiệt hại, trên địa bàn thành phố không có thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra nhưng đợt mưa lớn do bão số 2, bão số 7 gây gió mạnh cấp 9, 10 ở Bạch Long Vĩ và xuất hiện một số trận mưa lớn trên 200mm tại sông Văn Úc gây ngập úng cục bộ một số khu vực đô thị và sản xuất nông nghiệp.

Theo Chi cục Thủy lợi và PCTT Hải Phòng, việc BĐKH và tính phi quy luật của thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường sẽ khiến cho công tác dự báo, cảnh báo thiên tai và việc ứng phó với các tình huống gặp nhiều khó khăn.

Qua số liệu thống kê cho thấy số lượng các trận bão ảnh hưởng đến Hải Phòng trong những năm gần đây có xu hướng giảm về tần suất xuất hiện, cường độ các trận bão ở mức xấp xỉ trung bình nhiều năm; số lượng ATNĐ có xu hướng tăng về tần suất xuất hiện.

Theo nhận định của Trung tâm khí tượng thủy văn Quốc gia các thành phố khu vực Bắc và Bắc Trung Bộ sẽ chịu ảnh hưởng của bão, ATNĐ từ tháng 6 đến tháng 9. Đề phòng các cơn bão mạnh, có hướng di chuyển phức tạp và gây gió mạnh trên biển trong các tháng mùa mưa bão hàng năm.

Theo nhận định của Đài KTTV khu vực Đông Bắc, đề phòng các cơn bão mạnh, có hướng di chuyển phức tạp trên khu vực Biển Đông và tiếp tục đề phòng các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như giông, sét, lốc, mưa đá trong những tháng mùa mưa bão. Ngoài ra đề phòng gió mạnh trên biển.

Căn cứ vào cường độ tác động, phạm vi ảnh hưởng, khu vực chịu tác động của bão, ATNĐ xác định cấp độ RRTT do bão trên địa bàn thành phố Hải Phòng là cấp 5. Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg, ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ RRTT; Căn cứ vào đặc điểm các loại hình thiên tai và những thiệt hại đã xảy ra trên địa bàn Hải Phòng được thu thập, tổng hợp từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau trong những năm qua đánh giá mức độ dễ bị tổn thương do bão, ATNĐ như sau:

1. Đánh giá các trận bão, ATNĐ và mưa ảnh hưởng đến Hải Phòng từ năm 2016-2020

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tên bão** | **Ngày đổ bộ vào Hải Phòng** | **Cấp gió** | **Lượng mưa max (mm)** | **Mức độ dễ bị tổn thương** | | |
| Thấp | TB | Cao |
| **2016** | Cơn bão số 1 | 28/7/2016 | Gió giật cấp 9 | 315 |  | x |  |
| Cơn bão số 3 | 19/8/2016 | Gió giật cấp 9 | 198 |  | x |  |
| **2017** | Cơn bão số 4 | 25/7/2017 | Gió giật cấp 8 |  |  | x |  |
| Cơn bão số 10 | 15/9/2017 | Gió giật cấp 10 | 100 |  | x |  |
| Cơn bão số 11 | 18-16/10/2018 | Gió giật cấp 11 |  |  |  | x |
| **2018** | Cơn bão số 3 và hoàn lưu bão + ATNĐ số 4 | 20-28/7/2018 |  | 150-250 |  |  |  |
| **2019** | Cơn bão số 2 |  | Gió giật cấp 8 đến > cấp 11 | Mưa nhỏ không đáng kể |  |  | x |
| Cơn bão số 3 | Đêm 2/8 rạng sáng 3/8/2019 | Gió giật cấp 9>12, vào đất liền còn cấp 6>8 | * BLV (341) * Kiến An (239,8) * Vĩnh Bảo (192) * Cửa Cấm (97) * Tiên Lãng (78) |  |  | x |
| **2020** | Cơn bão số 2 | 2/8/2020 | Gió giật cấp 8>10 | * Thủy Nguyên (299) * Đồ Sơn (282) * Tiên Lãng (275) * Vĩnh Bảo (257) * Cửa Cấm (245) * Kiến An (214) * BLV (204) |  | x |  |
| Cơn bão số 7 | 14/10/2020 | Gió giật cấp 9>11 | * BLV (273) * Đồ Sơn (209) * Kiến An (133) * Thủy Nguyên (73) |  |  | x |

* + - 1. Cấp độ RRTT do mưa lớn (Cấp độ RRTT: cấp 3)

Là thành phố ven biển, chịu ảnh hưởng của các cơn bão và hoàn lưu bão kèm theo mưa to đến rất to đã gây ra không ít thiệt hại và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và nền kinh tế của người dân Hải Phòng trong những năm qua, như:

Năm 2017, thiên tai đã làm 03 người chết (tai nạn do mưa lớn, giông sét, chìm tàu); 01 người bị thương; 120m2 mái nhà bị tốc mái, hư hỏng; công trình kè biển tại khu du lịch Đồ Sơn, cảng và khu neo đậu tại Bạch Long Vĩ, Cát Hải bị hư hỏng; 640ha lúa, 90ha hoa màu, 105ha cây ăn quả bị thiệt hại; 55 cây xanh bị gãy, đổ; 204,3ha diện tích NTTS bị thiệt hại; 1.850m bờ bao thủy sản bị sạt lở; 69 con gia súc, 1.609 con gia cầm bị chết, mất tích; sạt lở núi tại Thủy Nguyên và Kiến An; 2.445m đê, 140m đê bối, 2.805m kè bị xô sạt, hư hỏng... Ước tính thiệt hại khoảng 305,690 tỷ đồng.

Cơn bão số 3 và hoàn lưu bão + ATNĐ số 4 xảy ra từ ngày 20-28/7/2018, trong đó, ngày 21/7/2018, trên địa bàn thành phố đã xảy ra mưa lớn (từ 150mm đến 250mm) gây ngập lụt hầu hết các tuyến phố khu vực nội thành.

Trận mưa lớn sau bão số 3 (từ ngày 02/8 đến ngày 03/8) gây mưa to đến rất to tại một số nơi như: Bạch Long Vĩ (341mm), Kiến An (240mm), Vĩnh Bảo (192mm).

Bão số 2, bão số 7 năm 2020 gây gió mạnh cấp 9, 10 ở Bạch Long Vĩ; xuất hiện một số trận mưa lớn trên 200mm gây ngập úng cục bộ một số khu vực đô thị và sản xuất nông nghiệp.

Trong khi nhiều năm, mưa thường tập trung vào các tháng 6,7, 8 thì mùa mưa năm 2020 lại chia làm hai thời kỳ rõ rệt. Nửa đầu mùa ít mưa, nửa cuối mùa mưa nhiều.

Theo thông tin từ Trung tâm khí tượng thủy văn Quốc gia, trên phạm vi toàn quốc tổng lượng mưa 6 tháng đầu năm 2021 có xu hướng xấp xỉ đến thấp hơn TBNN; trong 6 tháng cuối năm 2021 lượng mưa có xu hướng gia tăng, đặc biệt mưa nhiều hơn so với TBNN ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào tháng 7 đến tháng 9 năm 2021. Do đó, cấp độ RRTT do mưa lớn được xác định cao nhất là cấp độ 3.

1. Tổng hợp các trận mưa vừa và mưa to đã xảy ra trên địa bàn Hải Phòng từ năm 2016– 2020

| **Năm** | **Số đợt mưa lớn xảy ra** | **Chi tiết về lượng mưa** | | **Mức độ dễ bị tổn thương** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lượng mưa phổ biến và cao nhất** | **Số ngày kéo dài** | **Thấp** | **Trung bình** | **Cao** |
| 2016 | 4 | Cửa Cấm 100mm,  Kiến An 90.8mm,  Thủy Nguyên 85mm | 3 ngày | x |  |  |
| Kiến Thụy 92mm,  An Lão 69mm | 1 ngày | x |  |  |
| Tiên Lãng 315mm | 1 ngày |  |  | x |
| Đồ Sơn 198mm | 1 ngày |  | x |  |
| 2017 | 1 | Toàn thành phố 100mm | 1 ngày | x |  |  |
| 2018 | 1 | Toàn thành phố phổ biến 150-250 | 9 ngày | x |  | x |
| 2019 | 1 | Bạch Long Vĩ 341mm,  Kiến An 239,8mm,  Vĩnh Bảo 192mm,  Cửa Cấm 97mm,  Tiên Lãng 78mm | 1 ngày |  |  | x |
| 2020 | 2 | Thủy Nguyên 299mm,  Đồ Sơn 282mm,  Tiên Lãng 275mm,  Vĩnh Bảo 257mm,  Cửa Cấm 245mm,  Phù Liễn (Kiến An) 214mm,  Bạch Long Vĩ 204mm | 1 ngày |  |  | x |
| Bạch Long Vĩ 273mm,  Đồ Sơn 209mm,  Kiến An 133mm,  Thủy Nguyên 73mm | 3 ngày |  |  | x |

* + - 1. Cấp độ RRTT do lũ, ngập lụt và nước dâng (Cấp độ RRTT: cấp 3, khi trùng hợp với áp thấp nhiệt đới, bão sẽ là cấp 5)

Hải Phòng với đặc điểm là thành phố ven biển, chịu ảnh hưởng của các cơn bão, hoàn lưu bão gây mưa lớn, đồng thời nằm trong vùng hạ du khi xả lũ của các hồ chứa Sơn La, Hòa Bình nên tình trạng ngập lụt trên địa bàn thành phố được chú trọng quan tâm.

Trên hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình đã xảy ra các trận lũ lớn vào 8/1945, 8/1968, 8/1969 và trận lũ lịch sử 8/1971.

Mực nước lũ lịch sử 8/1971 ở thượng lưu: Sông Hồng tại Hà Nội: thực đo +14,13m, mức lũ hoàn nguyên Hmax=14,80m; Sông Thái Bình tại Phả Lại: thực đo +7,21m, hoàn nguyên Hmax =7,80m.

Mức lũ 8/1971 thực đo trên các sông hạ lưu Hải Phòng: Sông Luộc tại Chanh Chử: 4,32m; Sông Văn Úc tại Trung Trang: 2,95m; Sông Cấm tại Cao Kênh: 2,17m; Mức thuỷ triều tại Hòn Dáu vào thời điểm lũ 8/1971 là 2,81m.

Mùa lũ ở trên hệ thống sông Thái Bình thường từ tháng 6 đến tháng 10. Tuy nhiên, mùa lũ cũng có thể xuất hiện sớm vào tháng 5 và kết thúc muộn vào tháng 11. Lũ lớn trên hệ thống sông Thái Bình chủ yếu do hai nguyên nhân: Do một hay nhiều hình thái thời tiết phối hợp hoạt động, chủ yếu gây ra mưa lớn trên lưu vực; Do ảnh hưởng của lũ sông Hồng phân qua sông Đuống. Theo thống kê hầu hết các trận lũ chịu ảnh hưởng này là chủ yếu. Ngoài ra, lũ sông Hồng phân qua sông Luộc cũng đóng góp đáng kể lưu lượng mùa lũ ở vùng cửa sông Hải Phòng.

Mực nước mùa lũ: Sự thay đổi mực nước mùa lũ trên sông thể hiện rõ đặc điểm của lũ ở vùng đồng bằng là cường suất lũ nhỏ, đỉnh bẹt, các cơn lũ xảy ra liên tiếp, thời gian lũ kéo dài. Mực nước lớn nhất trong năm thường xuất hiện vào các tháng 7, 8. Tại Phả Lại, thời gian duy trì của các trận lũ lớn và đặc biệt lớn thường từ 10-30 ngày, trung bình 19 ngày. Thời gian lũ lên trung bình là 7,6 ngày, ngắn nhất 2,3 ngày và dài nhất tới 17 ngày. Đối với các trận lũ đơn thì thời gian lũ là 5-8 ngày, còn đối với các trận lũ kép là 10-20 ngày. Thời gian lũ rút thường kéo dài hàng tháng.

Mực nước mùa kiệt: Vùng hạ lưu sông Thái Bình chịu ảnh hưởng mạnh của thuỷ triều về mùa kiệt. Thuỷ triều truyền qua các cửa sông Cấm, Văn Úc, Lạch Tray, Thái Bình ngược lên thượng lưu. Biên độ triều lên lớn nhất (trong mùa cạn) dao động từ 1,4-3,6m và có xu thế giảm dần về phía thượng lưu. Mực nước bình quân ngày thể hiện sự dao động theo nguyệt triều. Mực nước bình quân các trạm ít biến đổi và giảm dần về phía hạ lưu. Về mùa cạn, các trạm ở hạ lưu như Trung Trang, Cống Rỗ, Kiến An, Cửa Cấm, Cao Kênh, Bá Nha, Quảng Đạt có số ngày xuất hiện dòng chảy ngược lên tới 25 ngày trong tháng, số giờ chảy ngược trong ngày tới 9-10h.

Chế độ thuỷ triều khu vực Hải Phòng mang đặc tính chung của thuỷ triều Vịnh Bắc Bộ, đó là chế độ nhật triều đều tương đối thuần nhất biên độ lớn. Tính thuần nhất thể hiện ở hầu hết các ngày trong tháng (trên dưới 25 ngày). Mỗi ngày chỉ xuất hiện một lần đỉnh triều và chân triều. Mỗi tháng có hai kỳ triều cường, nước lớn mỗi kỳ kéo dài 11-13 ngày xen kẽ hai kỳ nước kém, mỗi kỳ 3-4 ngày; Độ lớn triều trung bình khoảng 3-4m, max 4-4,5m vào thời kỳ nước cường, nếu tính khi có sóng trong bão thì cấp độ RRTT lên đến cấp 5.

Năm 2016, mực nước các sông khu vực Hải Phòng chủ yếu chịu ảnh hưởng của thủy triều kết hợp với lũ thượng nguồn ở mức thấp. Mực nước cao nhất mùa lũ xuất hiện vào ngày 19/8/2016 (do ảnh hưởng của nước dâng do bão số 3 kết hợp triều cường) ở mức báo động I.

Mực nước mùa lũ trên các sông chủ yếu chịu ảnh hưởng của thủy triều kết hợp với dòng chảy thượng nguồn biến đổi chậm. Mực nước cao nhất mùa lũ các năm xấp xỉ mức báo động I, báo động II. Riêng năm 2017, mực nước cao nhất mùa lũ xấp xỉ mức báo động III. Mực nước các sông khu vực Hải Phòng trong mùa lũ 2017 chịu ảnh hưởng mạnh của lũ thượng nguồn và thủy triều. Mực nước cao nhất mùa lũ xuất hiện vào ngày 13/10/2017 tại Chanh Chử (sông Luộc) là 2,94m gần mức báo động II (do ảnh hưởng của nước dâng do bão số 11 kết hợp triều cường và xả lũ hồ Hòa Bình); tại Trung Trang (sông Văn Úc) vào ngày 16/9/2017 là 2,47m gần mức lũ báo động III (do ảnh hưởng của nước dâng do bão số 10 kết hợp triều cường) làm thiệt hại nặng nề về dân sinh kinh tế của Hải Phòng, ước tính thiệt hại gần 156 tỷ đồng.

Mực nước các sông khu vực Hải Phòng trong mùa lũ 2018 chịu ảnh hưởng của lũ thượng nguồn và thủy triều. Mực nước cao nhất mùa lũ xuất hiện vào ngày 22/7 tại Chanh Chử (sông Luộc) là 2,59m; tại Trung Trang (sông Văn Úc) vào ngày 16/7 là 2,14m đều trên mức lũ báo động I.

Mực nước mùa lũ trên các sông chủ yếu chịu ảnh hưởng của thủy triều kết hợp với dòng chảy thượng nguồn biến đổi chậm. Mực nước cao nhất mùa lũ vào ngày 03/8/2019 tại Trung Trang (sông Văn Úc) là 2,10m trên cấp báo động I.

Năm 2020, mực nước các sông chủ yếu chịu ảnh hưởng của thủy triều kết hợp với mực nước thượng nguồn biến đổi chậm. Mực nước cao nhất mùa lũ xuất hiện vào ngày 02/8 tại Trung Trang (sông Văn Úc) là 2,17m trên mức lũ báo động I.

Thời điểm xảy ra nước dâng cực đại thường chậm pha khoảng 1 giờ so với thời điểm bão đổ bộ. Thời gian tồn tại đỉnh nước dâng khoảng 2-3 giờ.

Khi gặp bão, nước biển cũng bị dâng cao hơn so với bình thường. Chiều cao nước dâng đã đo đạc được là 1,52m. Tuy nhiên, các tính toán với tần suất bão 3% dự báo sẽ xuất hiện nước dâng cao tới 3,04m (số liệu nghiên cứu trong chương trình đê biển quốc gia của Trung tâm KH & Triển khai KTTL). Sóng trong bão với chiều cao trên 10m đã quan sát được ở Bạch Long Vĩ.

Khi xảy ra nước dâng do bão, sự lan truyền nhiệt bị ảnh hưởng mạnh và có xu thế tăng cả về phạm vi lẫn cường độ. Nước dâng do bão cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến sự ổn định của công trình xây dựng. Vùng biển ở đây không sâu, thoải (cách bờ khoảng 50km, độ sâu biển chỉ vào khoảng 30m). Tuy có nhiều đảo nhỏ chắn phía ngoài khơi nhưng trị số nước dâng do bão ở vùng này lại khá cao. Chu kỳ dao động của nước dâng do bão biến thiên từ vài chục phút tới vài ngày. Khi đạt độ cao nào đấy, nó có thể duy trì trạng thái từ một vài giờ đến vài ngày. Mức độ nguy hiểm của nước dâng do bão ở vào thời điểm triều kiệt là không lớn lắm. Tuy nhiên, ngay cả khi bão chỉ gây ra nước dâng với trị số không lớn nhưng nếu ở vào thời điểm triều cường thì tác hại của nó lại khó lường hết. Vì vậy, với công trình xây dựng cần tính đến các tác động này và có biện pháp bảo đảm thích hợp.

Theo Đài KTTV khu vực Đông Bắc, năm 2020 mực nước lớn nhất tại các trạm hầu hết đều ở mức nhỏ hơn xấp xỉ và nhỏ hơn BĐI. Riêng khu vực ven biển Quảng Ninh, Hải Phòng mực nước thời kỳ 02-05/8 và 18-20/8 có trạm đạt từ BĐI-BĐIII do ảnh hưởng của triều cường kết hợp với nước dâng do bão. Thời kỳ 11-16/10 do chịu ảnh hưởng của KKL kết hợp với bão số 7 và triều cường nên khu vực Lạng Sơn, Quảng Ninh và Hải Phòng một số trạm mực nước đạt BĐI đến trên BĐII.

Như vậy, cấp độ RRTT của lũ, ngập lụt, nước dâng sẽ là cấp 3 nhưng nếu xảy ra trùng thời điểm của ATNĐ hoặc bão thì mức độ RRTT sẽ là cấp 5.

* + - 1. Gió mạnh trên biển (Cấp độ RRTT: cấp 3)

Với loại hình gió mạnh trên biển thường đi kèm trong các cơn bão hoặc ATNĐ.

Thuộc vùng ít đảo che chắn của vùng 1, tốc độ gió trung bình vào khoảng 4,0÷5,0 m/s. Mùa gió đông bắc, vùng ngoài khơi gió có hướng Đông Bắc chiếm tần suất tới 80%, còn lại là gió hướng Đông và hướng Bắc chiếm xấp xỉ 20% (tại trạm Cô Tô). Vùng gần bờ hướng gió phân tán gần đều cho cả 3 hướng, đó là hướng Bắc, Đông Bắc và Đông với tổng tần suất trên 90%, còn lại các hướng khác có tần suất không đáng kể. Trong mùa đông tốc độ gió từ cấp 5 trở lên (>8m/s) cũng chiếm tần suất khá lớn, từ 20÷25%. Về mùa gió Tây Nam, hướng gió chiếm ưu thế là hướng Nam với tần suất khoảng 40%, sau đó là hướng Tây Nam và Đông Nam có tần suất gần bằng nhau và bằng khoảng 20÷25%, tốc độ gió từ cấp 5 trở lên (>8m/s) cũng chiếm tần suất khá lớn, nằm trong khoảng từ 15÷20%.

1. Tốc độ gió trung bình các tháng trong năm

Đơn vị: (m/s)

| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phù Liễn | 3,4 | 3,5 | 3,6 | 3,9 | 4,1 | 3,8 | 3,9 | 3,4 | 3,5 | 3,8 | 3,8 | 3,7 |
| Cát Bi | 2,5 | 2,6 | 2,6 | 3,1 | 3,6 | 3,3 | 3,5 | 2,7 | 2,3 | 2,3 | 2,5 | 2,8 |
| Cát Hải | 1,8 | 1,9 | 1,9 | 2,0 | 2,8 | 3,1 | 3,4 | 2,7 | 2,4 | 2,8 | 2,5 | 2,4 |
| Hòn Dáu | 4,9 | 4,8 | 4,1 | 4,9 | 5,7 | 5,9 | 6,1 | 4,8 | 4,8 | 5,2 | 4,9 | 5,1 |
| Bạch Long vĩ | 8,2 | 7,8 | 6,1 | 5,8 | 6,6 | 7,0 | 7,6 | 5,9 | 6,2 | 7,9 | 8,0 | 7,0 |

*(Nguồn: KTTV)*

1. Tốc độ gió bão cực trị với chu kỳ lặp khác nhau tại trạm Hòn Dáu

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hướng gió** | **Chu kỳ lặp** | | | | | |
| **5 năm** | **10 năm** | **15 năm** | **25 năm** | **50 năm** | **100 năm** |
| N | 32,1 | 36,2 | 40,2 | 42,5 | 45,4 | 49,2 |
| NE | 36,7 | 42,2 | 47,4 | 50,4 | 54,2 | 59,3 |
| E | 38,2 | 43,3 | 78,3 | 51,1 | 54,7 | 59,5 |
| SE | 33,6 | 38,6 | 42,7 | 46,5 | 49,6 | 54,0 |
| S | 36,3 | 41,6 | 46,5 | 49,5 | 53,3 | 58,0 |
| SW | 36,6 | 41,3 | 45,5 | 48,0 | 51,5 | 56,5 |
| W | 31,2 | 36,9 | 42,0 | 45,0 | 49,3 | 54,5 |
| NW | 37,6 | 42,5 | 46,8 | 49,5 | 53,4 | 58,5 |
| Tổng hợp | 38,2 | 43,3 | 48,3 | 51,1 | 54,7 | 59,5 |

*(Nguồn: KTTV)*

* + - 1. Cấp độ RRTT do nắng nóng (Cấp độ RRTT: cấp 3)

Trong những năm gần đây cùng với xu thế nóng lên toàn cầu, nhiệt độ vùng tiếp tục tăng trong thời gian tới. Nắng nóng gia tăng tăng không chỉ ở miền Trung, Tây Nguyên mà còn ở các thành phố miền Bắc trong đó phải kể đến thành phố Hải Phòng. Ngay trong tháng 5 năm 2019, đợt nắng nóng đã kéo dài nhiều ngày kết hợp với độ ẩm trong không khí giảm thấp nên có nhiều nguy cơ xảy ra cháy nổ và hỏa hoạn ở khu vực dân cư do nhu cầu sử dụng điện tăng cao. Ngoài ra, nắng nóng có tác động và gây tình trạng mất nước, kiệt sức, đột quỵ do sốc nhiệt đối với cơ thể người khi tiếp xúc lâu với nền nhiệt độ cao, từ ngày 15-20/5/2019 tại Bắc Bộ và các thành phố miền Trung lại trải qua một đợt nắng nóng gay gắt với nhiệt độ cao từ 37-40 độ.

Hải Phòng có tổng số giờ nắng trung bình vào khoảng 1.400 - 1.600 giờ. Tháng 10 số giờ nắng đạt nhiều nhất, đây là thời kỳ khô hanh. Từ tháng 5 đến tháng 7 (nửa đầu mùa hạ) cũng là thời kỳ nhiều nắng. Tháng ít nắng nhất là tháng 1, 2 và 3 hàng năm.

1. Các đặc trưng nắng tại trạm Phù Liễn

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Số giờ nắng | 84 | 47 | 42 | 85 | 184 | 175 | 182 | 162 | 179 | 194 | 157 | 125 |
| Tỷ suất nắng (%) | 25 | 15 | 11 | 23 | 46 | 44 | 45 | 41 | 49 | 54 | 47 | 38 |

*(Nguồn: KTTV)*

Năm 2020, Không khí nóng phía Tây ảnh hưởng yếu trong tháng 5, ảnh hưởng mạnh và liên tục, gây nắng nóng kéo dài nhiều ngày trong tháng 6-7, cuối tháng 8 và đầu tháng 9. Có 8 đợt nắng nóng và 2 ngày có nắng nóng diện rộng trong đó khu vực trung du có nhiều ngày nắng nóng và nắng nóng gay gắt, vùng núi và ven biển thường có 1 đến 2 ngày có nắng nóng diện rộng trong mỗi đợt.

Cấp độ RRTT do nắng nóng cao nhất là cấp độ 3.

* + - 1. Cấp độ RRTT do giông, lốc, sét, mưa đá (Cấp độ RRTT: cấp 2)

Giông, lốc, sét, mưa đá ngày càng xuất hiện bất ngờ với tần suất nhiều hơn trước đây và thường xảy ra trên các địa bàn quận, huyện nội thành thành phố Hải Phòng như: Thủy Nguyên, Tiên Lãng, Cát Hải, Kiến Thụy, Bạch Long Vĩ, Vĩnh Bảo...làm thiệt hại rất lớn về người và tài sản của người dân, điển hình là các trận:

Lốc và mưa đá xảy ra tại huyện Thuỷ Nguyên vào ngày 21/11/2006 đã làm 01 nhà đổ; 02 nhà sập; 156 nhà tốc mái; 115ha cây trồng, 250ha rau màu bị gãy đổ, hư hỏng. Tổng thiệt hại năm 2006 do lốc và mưa đá, ước tính 0,92 tỷ đồng.

Ngày 22/3/2008 lốc xoáy tại nội thành Hải Phòng đã làm 10 người bị thương; 84 nhà bị tốc mái; 01 nhà hàng bị sập hoàn toàn; 04 cẩu bị lật, hư hỏng; 202 container bị đổ; 05 xe ôtô bị hỏng; 1000 tấn thức ăn gia súc và 1000 tấn urê bị ướt; 600 quạt thông gió hỏng; 01 máy khoan bị bẹp; 02 tàu đắm; 02 cột điện trung thế bị gãy. Thiệt hại ước tính 2.500 triệu đồng.

Ngày 29/7/2008 lốc xoáy tại Tiên Lãng làm 390m2 lán trại trồng nấm bị sập hoàn toàn; 70m2 lán trại, 01 trang trại gà và một số nhà dân bị tốc mái; 120m2 lán trại trồng nấm bị siêu cột, nghiêng mái; 06 trang trại gà bị vỡ phần mái lợp tôn. Thiệt hại ước tính khoảng 120 triệu đồng.

Bão số 2 và giông lốc ngày 23/6/2011 xảy ra tại Thủy Nguyên làm 08 người chết, 73 người bị thương; 37 nhà bị sập, 1.002 nhà bị tốc mái, 01 nhà bị sét đánh hư hỏng thiết bị điện; 131 chuồng trại chăn nuôi, lán tạm bị tốc mái; 16 phòng học bị tốc mái; 05ha lúa mất trắng, 1.055,5ha lúa bị đổ, 2406 cây đổ, gẫy, 2.014 con gia súc, gia cầm chết; 29 cột điện gãy, đổ; 01 cột phát sóng BTS bị gãy; Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng hư hỏng hệ thống máy tính sản xuất chương trình phát thanh, đầu thu vệ tinh, máy phát kênh 10 ngừng hoạt động; 01 Đài Phát thanh bị sét đánh hư hỏng; Tại Bạch Long Vĩ: 01 pông tông và 01 máy xúc và hệ thống thiết bị tời 80 tấn bị chìm; 01 cẩu bị lật, đổ. Thiệt hại (ước tính): 65.493 triệu đồng.

Giông, mưa đá ngày ngày 20/4/2012 tại huyện Thủy Nguyên làm gần 500 nhà bị ảnh hưởng; 56 ngôi nhà ngói proximang bị hỏng mái; gần 200 con vịt bị chết; 80ha lúa bị gẫy đổ. Thiệt hại ước tính khoảng 1,5 tỷ đồng. Giông sét trong bão số 4 năm 2012 làm 1.200 con gia cầm chết, 2.000 cây chuối bị gãy đổ. Thiệt hại ước tính 150 triệu đồng.

Giông lốc ngày 09/5/2015 tại Cát Hải làm chết 01 người, mất tích 01 người, chìm 05 phương tiện, mất tích 01 phương tiện. Mưa giông 16/6/2016 đã làm 02 người chết (01 người Tiên Lãng, 01 người Kiến Thụy), 04 người bị thương (do sét đánh ở Tiên Lãng); ngập lụt cục bộ một số tuyến đường khu vực nội thành.

Mưa giông từ 3-5/6/2016: 150m2 chợ bị tốc mái tôn; hư hỏng: 02 cổng; 480ha lúa và 84ha hoa màu bị thiệt hại; ngập lụt cục bộ một số tuyến đường khu vực nội thành và đợt mưa giông 16/6/2016: 02 người chết (01 người Tiên Lãng, 01 người Kiến Thụy), 04 người bị thương (do sét đánh ở Tiên Lãng); ngập lụt cục bộ một số tuyến đường khu vực nội thành.

Năm 2018, giông sét đã làm 03 người chết: ngày 01/6 giông sét đã làm 01 người chết (nam) tại Tiên Lãng ; UBND huyện hỗ trợ 10 triệu; ngày 03/7 giông sét đã làm 02 người chết tại Vĩnh Bảo (01 nam, 01 nữ) ; UBND huyện hỗ trợ mỗi gia đình 5,4 triệu.

Như vậy, loại hình thiên tai giông lốc, sét và mưa đá thường xuyên xảy ra trên địa phận Hải Phòng gây ra không ít thiệt hại cả về người và tài sản, đặc biệt là trận bão số 2 và giông lốc ngày 23/6/2011 xảy ra tại Thủy Nguyên. Cấp độ RRTT cho loại hình giông lốc, sét và mưa đá của Hải Phòng đã xảy ra là cấp độ 2.

* + - 1. Hạn hán, xâm nhập mặn (Cấp độ RRTT: cấp 2-4)

Hạn hán và xâm nhập mặn ít xảy ra trên địa phận Hải Phòng, tuy nhiên một vài sông lớn bị xâm nhập mặn rất sâu, điển hình như đợt hạn, mặn vào tháng 1,2/2004 toàn thành phố bị thiệt hại: 400ha mạ, 800ha lúa bị chết, 3.000ha đất trồng trọt bị khô hạn, một số sông lớn bị xâm nhập mặn sâu tới 20-30km. Cấp độ RRTT cấp 2-4.

* + - 1. Rét hại, sương muối (Cấp độ RRTT: cấp 3)

Mặc dù nền nhiệt độ chung của Việt Nam cũng như thế giới đang có xu thế gia tăng, nhưng cũng có năm xảy ra rét đậm, rét hại như năm 2016 tại Hải Phòng mức nhiệt thấp ở mức 5,5°C vào sáng 23/01 là thấp nhất trong vòng 50 năm trở lại đây. Tuy không bị thiệt hại về người nhưng ngành nông, lâm, thủy sản đã bị thiệt hại nặng nề, cụ thể: thiệt hại 413,6ha lúa; 406,2ha mạ; 278,4ha hoa màu; 1200,1ha thủy sản; chết 135 con gia súc và 4233 con gia cầm. Thiệt hại ước tính 25,117 tỷ đồng.

Theo báo cáo của Đài KTTV khu vực Đông bắc, năm 2020 đã có 26 KKL ảnh hưởng đến khu vực Đông Bắc bao gồm: 21 đợt gió mùa đông bắc trong đó có 2 đợt mạnh, 5 đợt trung bình và 14 đợt yếu; có 5 đợt KKL tăng cường, trong đó có 1 đợt trung bình, 4 đợt yếu. Số lượng các đợt KKL hoạt động trong năm 2020 ít hơn TBNN (khoảng 28 đợt/năm). Do có nhiều đợt KKL cường độ yếu nên nền nhiệt độ các tháng đầu năm cao hơn TBNN, tháng 12/2020 nhiệt độ thấp hơn TBNN.

Năm 2021, ENSO ở trạng thái trung tính và tiếp tục duy trì trạng thái trung tính nhưng nghiêng về pha lạnh cho đến cuối năm 2021. Năm 2021 KKL có xu hướng hoạt động từ tháng 10/2021, gia tăng tần suất và cường độ trong tháng 11/2021, sau hoạt động mạnh vào tháng 12/2021. Vì vậy, cần phải chuẩn bị các phương án ứng phó với các đợt KKL và bảo đảm giữ ấm cho các ngành nông, lâm và thủy sản của thành phố Hải Phòng trong năm.

Bên cạnh đó trong bối cảnh BĐKH hiện nay, ngày càng làm gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan cũng sẽ có xu hướng làm gia tăng những đợt KKL và những đợt rét đậm, rét hại trong năm.

Qua diễn biến các đợt rét hại đã xảy ra trên địa bàn thành phố và xu thế thời tiết trong bối cảnh BĐKH hiện nay đánh giá cấp độ RRTT do rét hại trên địa bàn là cấp 3.

* + - 1. Sương mù (Cấp độ RRTT: cấp 3)

Sương mù trong năm thường tập trung vào các tháng mùa Đông, bình quân năm là 10 ngày, tháng có sương mù nhiều nhất là tháng 3 là 08 ngày. Các tháng mùa hạ hầu như không có sương mù. Do ảnh hưởng của sương mù nên tầm nhìn xa bị hạn chế, đặc biệt là tầm nhìn xa phía biển, số ngày có tầm nhìn dưới 1km thường xuất hiện vào các tháng mùa Đông, còn các tháng mùa hạ thì hầu như tầm nhìn xa đều trên 10km. Cấp độ RRTT là cấp 3.

* + - 1. Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy (Cấp độ RRTT: cấp 2)

Do ảnh hưởng của ATNĐ, rãnh thấp bị nén kết hợp hoạt động hội tụ của gió Tây Nam kèm theo lũ thượng nguồn và triều cường năm 2002 đã gây thiệt hại đáng kể: Đợt lũ từ ngày 12 - 20/8 kết hợp triều cường gây sự cố đê điều: Huyện Tiên Lãng: Mạch rò cống Đập Đáy xử lý 30m3 đất; mạch rò qua phà Tiên Cựu xử lý 45m3 đất, mạch rò qua đê Tả Thái Bình xử lý 10m3 đất; sạt lở mang cống Cẩm La xử lý 50m3 đất; sạt mang cống Cẩm Khê xử lý 150m3 đất; rò cống Giáp Thuỷ xử lý 30m3 đất; cuốn trôi phần đất hoành triệt cống Trà Đông II xử lý 30m3 đất; tràn đê Hữu sông Mới xử lý 30m3 cát đen, 100 bao tải. Huyện An Lão: sạt mang, bục cánh cống Cá xử lý 800m3 đất, 60 m3 đá hộc, 300 cây tre; rò thân cống Hạ xử lý 250m3 đất. Huyện An Hải: xử lý chống tràn và gia cố trên 100m đê bao Kim Sơn. Đợt mưa từ ngày 29 - 30/7: sạt lở núi Xuân Sơn-Tiên Hội-An Lão dài 50-60m gây ách tắc giao thông quốc lộ 10, 12 người bị thương, hư hỏng 02 xe máy, 03 máy xay đá, 01 xe công nông.

Bão số 1 ngày 28/7/2016 đã làm sạt lở, hư hỏng cục bộ một số đoạn đê, kè tại các huyện An lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, Cát Hải và làm thiệt hại các công trình khác, ước tính thiệt hại khoảng hơn 161 tỷ đồng. Bão số 3 ngày 19/8/2016 đã làm hư hỏng một số vị trí đê, kè tại các huyện Cát Hải, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, sạt lở, hư hỏng một số vị trí mái taluy đường vào khu du lịch Đồ Sơn, đường vào Tân Vũ-Lạch Huyện.

Năm 2017, do ảnh hưởng của bão số 11 ngày 16/10 kết hợp mưa lũ đã làm sạt lở núi tại Thủy Nguyên và Kiến An, sạt lở, hư hỏng công trình hàng hải, cảng cá và khu neo đậu tại các quận, huyện Đồ Sơn và Cát Hải. Sạt lở 3.400m kênh tại Thủy Nguyên, sạt lở một số đoạn đê, kè, bãi sông, kênh dẫn sau cống tại các huyện Vĩnh Bảo, An Lão và Tiên Lãng.

Năm 2018, do ảnh hưởng của bão số 3 kết hợp với mưa lớn từ ngày 21-25/7/2018 đã làm sạt lở núi Thiên Văn quận Kiến An; núi Ba Phủ huyện Thủy Nguyên; sạt lở đường dẫn lên cầu Đăng phía bờ huyện Tiên Lãng, xói sạt cục bộ mái đê phía sông đê Tả Thái Bình tại các vị trí từ K2+760 đến K2+785; sản xuất nông nghiệp thiệt hại nhẹ.

Như vậy, đối với loại hình thiên tai là sạt lở đất sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy thường xuyên xảy ra trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng và đời sống cũng như sinh kế của người dân, đặc biệt là các công trình dân sinh kinh tế, hệ thống đê điều. Do đó, cần phải chuẩn bị các phương án ứng phó kịp thời với các loại hình thiên tai sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, đặc biệt là khu vực ven biển, ven sông, vách núi, sườn đồi và cần phải tu bổ kịp thời hệ thống đê điều trước mùa thiên tai, bão lũ xảy ra.

Căn cứ theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg, ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ RRTT thì cấp độ RRTT của sạt lở đất sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy của Hải Phòng là cấp độ 2.

* + 1. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Căn cứ các tình huống, mức độ ảnh hưởng, tình hình thiệt hại của từng loại hình thiên tai đã xảy ra trên địa bàn thành phố Hải Phòng, các số liệu thống kê và các báo cáo đánh giá và tình hình thực tế trên địa bàn thành phố; căn cứ dự báo tình hình thiên tai trong thời gian tiếp theo xác định tình trạng dễ bị tổn thương của thành phố như sau:

* + - 1. Đối với bão, áp thấp nhiệt đới

Theo thống kê nhiều năm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, hàng năm đều chịu ảnh hưởng của các cơn bão, ATNĐ gây mưa vừa, mưa to đến rất to dẫn đến lũ và ngập lụt, gây thiệt hại đến tài sản và sức khỏe của người dân. Các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp của bão, áp thấp nhiệt đới là tính mạng người dân, nhà ở, sinh kế, các công trình cơ sở hạ tầng xây dựng, hệ thống truyền tải điện, viễn thông và hầu hết các ngành phát triển kinh tế- xã hội, đặc biệt là cảng biển, nông nghiệp, thủy sản…

Theo thống kê, từ năm 2016 đến 2020, trên địa bàn thành phố Hải Phòng không có thiệt hại về người do bão, áp thấp nhiệt đới gây ra.

Tình trạng nhà ở thiếu kiên cố, đơn sơ 1 % (trong đó: nhà thiếu kiên cố và đơn sơ ở thành thị là 0,5% và ở nông thôn là 1,4%). Tình trạng dễ bị tổn thương về nhà ở rất thấp, nhà ở kiên cố, bán kiên cố là 99 % đảm bảo an toàn trước bão, áp thấp nhiệt đới. Tuy nhiên, cơn bão số 1 năm 2016 cũng làm tốc mái 08 nhà ở, 98m2 trụ sở cơ quan.

Đất sản xuất nông nghiệp của cả thành phố là 50,5ha (chiếm 32,3%); trong cơ cấu kinh tế, nông nghiệp, thủy sản chiếm 4,6%. Diện tích nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản thường xuyên bị ngập úng do bão, điển hình là:

- Bão số 1 năm 2016: thiệt hại 222,87ha lúa; 346,7ha hoa màu; 142,5ha cây ăn quả gãy, đổ; 10 trang trại bị tốc mái; 1.023 con gia súc chết; 46.588 con gia cầm chết; 545,5ha thủy sản thiệt hại.

- Bão số 3 năm 2016: thiệt hại 2,5ha hoa màu; tốc mái 25m2 chuồng trại.

- Bão số 10 năm 2017: thiệt hại 40ha lúa, 90ha hoa màu; gãy đổ 105ha cây ăn quả; ngập lụt 10 trang trại; 69 gia súc, 1690 gia cầm chết, mất tích; gây ngập 204,3ha nuôi trồng thủy sản; làm thiệt hại 61,9ha thủy sản; 1850m bờ vùng nuôi trồng thủy sản bị sạt lở.

- Bão số 11 năm 2017: 1200ha lúa bị nghiêng đổ.

- Bão số 2 năm 2019: 500 cây chuối bị đổ, 120ha táo bị ảnh hưởng.

- Bão số 7 năm 2020: 50ha lúa bị đổ (ảnh hưởng dưới 30% năng suất); 35ha rau màu ảnh hưởng (25ha ảnh hưởng dưới 30% năng suất, 08ha ảnh hưởng 30-50% năng suất, 02ha ảnh hưởng 70% năng suất); 18,5ha thủy sản bị ngập lụt (không ảnh hưởng năng suất).

Thành phố hiện có 19 khu công nghiệp được quy hoach, gồm: KCN Nam Cầu Kiền; KCN Đồ Sơn; KCN Nomura; KCN An Dương; KCN An Hưng-Đại Bản; KCN Giang Biên II; KCN Vinh Quang; KCN An Hòa; KCN Tiên Thanh; KCN Đóng tàu Vinh Quang; KCN Ngũ Phúc; KCN Cầu Cựu; KCN Đình Vũ; KCN VSIP; KCN Tràng Duệ; KCN Nam Đình Vũ; KCN Bến Rừng; KCN Cát Hải và Lạch Huyện; KCN Nam Tràng Cát; Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, thành phố có 33 cụm công nghiệp điều này đã giúp cơ cấu ngành công nghiệp Hải Phòng chuyển dịch theo hướng tích cực. Các khu công nghiệp ít ảnh hưởng bởi thiên tai tuy nhiên doanh nghiệp cũng không thể chủ quan và luôn chủ động trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Cơ sở hạ tầng về điện: 99,99% hộ dân sử dụng điện, hệ thống điện kiên cố hóa. Tuy nhiên, các sự cố về điện như đổ, gãy cột điện do ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới vẫn xảy ra:

- Bão số 1 năm 2016: có 20 cột trung thế, 36 cột hạ thế bị nghiêng, đổ, gãy; 62 lộ đường dây bị sự cố; 25 hòm công tơ vỡ hỏng; 15 quả sứ và 05 chuỗi sứ trung thế bị vỡ; 12 cột cáp viễn thông bị gãy đổ.

- Bão số 2 năm 2019: Hệ thống điện chiếu sáng công cộng: 09 cột điện chiếu sáng gãy đổ, 107 cột điện chiếu sáng hư hỏng, 25 pha đèn hư hỏng, 5 đèn cầu hư hỏng; 47 biểu tượng điện trang trí hư hỏng; 01 cột điện hạ thế gãy đổ; 01 trạm điện hư hỏng.

- Bão số 3 năm 2019: Hệ thống điện chiếu sáng công cộng: 16 cột điện chiếu sáng bị hư hỏng,

Cơ sở hạ tầng về giáo dục: Cơn bão số 1 năm 2016 làm tốc mái 05 phòng học với diện tích 303m2.

Các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi bão, áp thấp nhiệt đới trong một số lĩnh vực như:

- Bão số 1 năm 2016: tốc mái 400m2 nhà xưởng.

- Bão số 3 năm 2016: sạt lở, hư hỏng một số vị trí như mái taluy đường vào khu du lịch Đồ Sơn, đường Tân Vũ-Lạch Huyện; tốc mái 40m2 công trình phụ; bị đổ 68m tường bao.

- Bão số 10 năm 2017: hư hỏng 01 sân khấu trung tâm du lịch, 177m kè du lịch biển, 500m2 thảm cỏ, 15 cây xanh, 20 bể chế biến sứa và 600m2 sân chế biến; 06 cánh ăngten VHF bị gãy; hư hỏng một số công trình tại khu du lịch Đồ Sơn và cảng neo đậu Bạch Long Vĩ.

- Bão số 8 năm 2019: Thiệt hại tại Trung tâm giống và phát triển nông nghiệp công nghệ cao: đổ 300m tường bao cao 2,5m; hư hỏng 1000m2 lưới che phủ tại nhà lưới; 25 cột chống gãy đổ; hư hỏng 2120m2 mái và rèm khu khu nhà kính; 0,15ha dưa chuột thiệt hại.

Hệ thống giao thông của Hải Phòng đóng vai trò quan trọng trong việc vận tải hàng hóa và hành khách và là một trong những [thành phố cảng](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_Ph%C3%B2ng) lớn nhất Việt Nam. Hải Phòng có tất cả các loại hình giao thông: đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường biển và hàng không. Chính vì vậy, bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp vào thành phố gây thiệt hại đến các công trình giao thông, các phương tiện giao thông, cụ thể:

- Bão số 1 năm 2016: 03 cột chỉ dẫn giao thông, 03 cột điện chiếu sáng bị hư hỏng, 5.250kg xi măng làm đường giao thông nội đồng bị hỏng, 03 chiếc thuyền nan bị đắm.

- Bão số 10 năm 2017: 01 thuyền gỗ bị đắm.

- Bão số 11 năm 2017: sạt lở, hư hỏng công trình hàng hải, cảng cá và khu neo đậu tại các quận, huyện Đồ Sơn và Cát Hải.

- Cơn bão số 3 và hoàn lưu bão, áp thấp nhiệt đới số 4 năm 2018 gây mưa lớn kéo dài gây ngập lụt cục bộ hầu hết các tuyến phố khu vực nội thành; sạt lở núi Thiên Văn quận Kiến An; núi Ba Phủ huyện Thủy Nguyên; sạt lở đường dẫn lên cầu Đăng phía bờ huyện Tiên Lãng.

- Bão số 3 năm 2019: 22 pha đèn hư hỏng, 01 tuyến cáp vặn xoắn đứt, 66m dây lên đèn hư hỏng, 01 cầu đèn D400 bị vỡ, 02 tủ nguồn đèn trang trí hư hỏng; 08 hệ thống đèn giao thông hư hỏng.

- Bão số 2 năm 2020: Về dân sinh và cơ sở hạ tầng: 21 cây bóng mát bị đổ, bật gốc, 13 ghế đá bị đổ; 726m2 thảm cỏ nhật vườn hoa bị xói, vùi lấp, 03m kè biển bị hư hại, 136m2 hè đường bị sạt lở; Hệ thống điện chiếu sáng công cộng bị hư hại: 04 bóng đèn bị mất chao, 20 cột bị xoay cần đèn, 18 cột bị nghiêng; 05 biển cảnh báo bị đổ; ngập lụt (từ 0,2-0,3m) cục bộ một số đoạn đường nội đô do mưa lớn vào thời điểm triều cường; tủ lạnh, máy giặt hư hỏng: 02 chiếc; Về sản xuất nông nghiệp: 3.600 gia cầm, 06 con lợn bị chết; 9,74 tấn thủy sản bị thiệt hại; Chuồng trại chăn nuôi bị hư hại: 01; Bờ kè ao bị hư hại: 180m; thức ăn chăn nuôi ngập nước: 34 bao; 0,4 tấn thóc ngập nước; 04m đê bối bị vỡ; 01 cống bị hư hại.

Các công trình đê, kè ở Hải Phòng đa phần đã kiên cố hóa, tuy nhiên trong quá trình sử dụng do tác động của bão, áp thấp nhiệt đới làm sạt lở xuống cấp và cần phải duy tu, sửa chữa để đảm bảo an toàn đê điều.

- Một số đoạn đê, kè tại các huyện An Lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, Cát Hải, Hồng Bàng thường xuyên bị sạt lở, hư hỏng cục bộ (điển hình là các cơn bão số 1, số 3 năm 2016; cơn bão số 10, số 11 năm 2017).

- Bão số 4 năm 2017: cống Rộc Vầu tại Km5+973 đê Hữu sông Cấm (An Dương) bị hở khớp nối gây sụt đất mặt đê.

- Bão số 3 và hoàn lưu bão, áp thấp nhiệt đới số 4 năm 2018: đê Tả Thái Bình từ K2+760 đến K2+785 bị xói sạt cục bộ mái đê phía sông.

1. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương đối với con người

| **Nhóm tiêu chí** | **Tiêu chí** | **Tỷ lệ** | **Mức độ dễ bị tổn thương** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thấp | Trung bình | Cao |
| Về tính thích nghi | Tỷ lệ hộ nghèo | 0,02% | x |  |  |
| Tỷ lệ nhà thiếu kiên cố và đơn sơ - không có khả năng chống chịu trước thiên tai[[3]](#footnote-3) | 1% | x |  |  |
| Tỷ lệ hộ không được sử dụng nước sạch | 15% | x |  |  |
| Tỷ lệ hộ không có điện thoại | 11,6% | x |  |  |
| Tỷ lệ hộ không có TV | 3,9% | x |  |  |
| Tỷ lệ không có điều hòa nhiệt độ | 39,1% |  | x |  |
| Tỷ lệ hộ không có hố xí tự thoại/bán tự thoại | 2,3% | x |  |  |
| Về tính nhạy cảm | Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng dễ bị tổn thương | 6,4% |  | x |  |
| Tỷ lệ người dân tộc thiểu số | 1% | x |  |  |

Tình trạng dễ bị tổn thương do ảnh hưởng của bão, ATNĐ chủ yếu về nông nghiệp (lúa, rau màu, cây ăn quả, khai thác, nuôi trồng thủy sản); nhà ở và nhà xưởng dễ bị tốc mái, hư hỏng; tàu, thuyền; các công trình đê, kè xung yếu hoặc đã được sửa chữa, tu bổ nhưng phát sinh thêm sự cố khi bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng vượt quá mức chịu đựng so với mức thiết kế ban đầu, mức độ ảnh hưởng ở mức cao.

* + - 1. Đối với mưa lớn, lũ, ngập lụt

Đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp và lớn nhất đối với mưa lớn, lũ, ngập lụt là người, nhà ở, sinh kế, tiếp đến các công trình cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi và hầu hết các ngành phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản. Một điểm khác lớn nhất so với các thiên tai khác là thời gian tác động của mưa lớn, lũ, ngập lụt dài (vài ngày đến vài tuần) và đang là loại hình thiên tai gây thiệt hại lớn nhất ở nước ta.

Năm 2017, thiên tai đã làm 03 người chết (tai nạn do mưa lớn, giông sét, mưa lớn kết hợp sóng to trên biển); 01 người bị thương; 120m2 mái nhà bị tốc mái, hư hỏng; công trình kè biển tại khu du lịch Đồ Sơn, cảng và khu neo đậu tại Bạch Long Vĩ, Cát Hải bị hư hỏng; 640ha lúa, 90ha hoa màu, 105ha cây ăn quả bị thiệt hại; 55 cây xanh bị gãy, đổ; 204,3ha diện tích NTTS bị thiệt hại; 1.850m bờ bao thủy sản bị sạt lở; 69 con gia súc, 1.609 con gia cầm bị chết, mất tích; sạt lở núi tại Thủy Nguyên và Kiến An; 2.445m đê, 140m đê bối, 2.805m kè bị xô sạt, hư hỏng... Ước tính thiệt hại khoảng 305,690 tỷ đồng.

***2.2.1. Khu vực sản xuất nông nghiệp***

Vùng thường xuyên bị ngập úng thuộc địa bàn các huyện: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, An Dương, Thủy Nguyên, An Lão, Kiến Thụy, Cát Hải.

- Khu vực huyện Vĩnh Bảo (3.000ha) gồm 2 vùng:

+ Vùng 1: Gồm các xã An Hoà, Hiệp Hòa, Tân Lang, Đồng Minh, Hưng Nhân, Hùng Tiến, Vĩnh Long .

+ Vùng 2: Gồm các xã Cộng Hiền, Tiền Phong, Vĩnh Phong, Cao Minh, Liên A, Vinh Quang Thanh Lương.

- Khu vực huyện Tiên Lãng:

+ Khu vực bắc sông Mới gồm 3 xã Đường 10: Tiên Cường, Tự Cường, Đại Thắng và Công ty Nông nghiệp Quý Cao.

+ Khu vực nam sông Mới gồm các xã: Bạch Đằng, Đoàn Lập, Tiên Minh, Bắc Hưng, Hùng Thắng, Vinh Quang,Tiên Minh, Tiên Thắng, Tiên Hưng, Đông Hưng, Tây Hưng.

- Khu vực An Dương - Hải An (1.000 ha) gồm 3 vùng úng:

+ Vùng 1: Khu vực Đường 203; Một số vùng thuộc các xã: Đồng Thái, Đặng Cương, Hồng Thái, Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nam Sơn, Bắc Sơn.

+ Vùng 2: Khu vực Đường 5; các xã: Hồng Phong, Đại Bản, An Hòa, Lê Thiện.

+ Vùng 3: Từ cống Luồn đến công Đồng Xá (Tràng Cát) gồm các phường: Hàng Kênh, Vĩnh Niệm, Đằng Lâm, Đằng Hải, Nam Hải, Tràng Cát.

- Khu vực huyện Thuỷ Nguyên (3.000 ha) gồm:

Vùng úng trọng điểm được xác định khoảng trên 1.200ha chủ yếu là vùng đầm 500 mẫu của các xã: Lưu Kiếm, Tuy Lạc, Thủy Triều, Ngũ Lão, Tân Dương, Dương Quan, An Lư, Trung Hà, Lập Lễ, Phả Lễ. Nếu lượng mưa đến 200mm thì ngoài các diện tích trên, các xã: Kênh Giang, Lưu Kiếm, Liên Khê, Tam Hưng với diện tích khoảng 200ha sẽ bị ngập.

Nếu mưa từ 200mm đến 300mm thì diện tích sẽ tăng lên khoảng trên 3.000ha tập trung tại những xã trên và thêm các xã, vùng: Cao Kênh-Hợp Thành, Đầm To-Lại Xuân, Lưu Kỳ.

- Khu vực An Lão-Kiến Thụy-Dương Kinh (4.000ha) gồm 2 vùng úng:

+ Vùng ủng phía Tây Bắc huyện An Lão: Các xã Quang Hưng, Bát Trang, một phần các xã Trường Thành, Trường Thọ, Quốc Tuấn, diện tích: 3.000ha;

+ Vùng úng: Xã Tú Sơn huyện Kiến Thụy, một phần phường Hợp Đức-Đồ Sơn diện tích trên 1.000ha;

+ Ngoài ra có 3 khu vực có nguy cơ úng cục bộ do dự án đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng đi qua là huyện An Lão (các xã Quang Trung, Quốc Tuấn, Tân Viên, Mỹ Đức, An Thái), huyện Kiến Thụy (xã Thuận Thiên, Hữu Bằng) và phường Hòa Nghĩa của quận Dương Kinh.

- Khu vực huyện Cát Hải: vùng úng trọng điểm được xác định khoảng 47ha chủ yếu là các xã Việt Hải và Gia Luận.

***2.2.2. Vùng có khả năng bị ngập lụt cục bộ, vùng úng trọng điểm***

Các khu vực đô thị thuộc các quận, huyện: Kiến An, Ngô Quyền, Lê Chân, Hồng Bàng, Hải An, Dương Kinh, Cát Hải (Tổ dân phố Tiến Lộc, Hải Lộc và các hộ dọc tuyến kè đá tuyến đường 2B thị trấn Cát Hải; khu dân cư thôn Văn Chấn, xóm Nam thôn Trung Lâm, xã Văn Phong; khu dân cư thôn Đình, xã Hoàng Châu và khu dân cư thôn Chấn, thôn Trung, thôn Đoài xã Đồng Bài). Bên cạnh đó còn có các công trình thủy lợi như sau:

*\* Hệ thống công trình thuỷ lợi Thủy Nguyên:*

- Các vùng Đầm 500 mẫu, Hai Giáp, Kênh Nhang, Đầm Phường xã Lưu Kiếm; Đầm Đống, Ba Dâu, Cửa Làng, Láng Hoa xã Thuỷ Triều; vùng Đầm Lăn, Bãi Than, Đầm Cửa xã Ngũ Lão; Đầm U, Cửa Đình xã Trung Hà; Cửa Đình, Trà Sơn xã Kênh Giang; Cửa Chùa, Đầm Cống, Đầm Mới, Đồng Mới, Mễ Cụ xã Chính Mỹ.

- Các vùng ven khu công nghiệp VSIP như: Láng Trong xã Thuỷ Triều, khu Bốn Phiên, Sáu Phiên của xã An Lư; Đồng Cua, Bãi Dưỡng xã Thủy Đường; Phù Liễn xã Thủy Sơn.

- Các vùng bị ảnh hưởng do thi công Dự án khu đô thị Bắc Sông Cấm: khu dân cư Cống Hà xã Tân Dương; Lò Vôi, Cửa Đình, Cửa Chùa xã Dương Quan.

- Các vùng đầm 1,2,3,4,5 xã Gia Minh; đầm Thiên Hương 1,2, đầm Mới, đầm Họ, đầm Ngã 3 xã Gia Đức.

*\* Hệ thống công trình thuỷ lợi Tiên Lãng:*

Khu vực 03 xã Đường 10 - Bắc sông Mới thường xuyên chịu tác động lớn của nước lũ trên sông, nên việc tiêu nước qua các cống về mùa mưa thường gặp rất nhiều khó khăn và đây là vùng úng trọng điểm của huyện.

*\* Hệ thống công trình thuỷ lợi An Hải:*

- Khu vực địa bàn Trạm Thủy nông Đường 203:

+ Xã Lê Lợi: Thôn Đông Lương Quy, thôn Tràng Duệ (Khu vực nghĩa trang mới).

+ Xã Đặng Cương: Khu vực cây xanh thôn Dân Hạnh, thôn Chiến Thắng, đầm hồ, Đầm Đà (thuộc thôn Thành Công), khu đồng giáp thôn Kiến Phong, xã Đồng Thái.

+ Thị trấn An Dương: Khu cây xanh, Tổ 8 gần Bệnh viện Đa khoa An Dương, tổ 1 gần nghĩa trang, khu vực giáp Công ty TNHH chăn ga gối đệm Elan Việt Nam.

+ Xã Hồng Thái: Thôn Hy Tái và Xích Thổ.

+ Xã Đồng Thái: Thôn Hoàng Mai (khu cửa đình chùa Hoàng Mai), thôn Minh Kha, thôn Kiến Phong (đội 5).

+ Xã Nam Sơn: Thôn Quỳnh Hoàng (khu vực gần trạm bơm Quỳnh Hoàng), thôn Lương Quán.

+ Xã Bắc Sơn: Khu vực dân cư, ruộng canh tác ven kênh Bắc Nam Hùng.

- Khu vực địa bàn Trạm Thủy nông Đường 5:

+ Xã Đại Bản: Khu vực rộc ông Liêu, cánh Kiệu (gần cống đòng đòng); khu vực Trại Kênh.

+ Xã Lê Thiện: Khu vực Phí Xá, Kim Sơn dọc bờ kênh An Kim Hải và kênh Kim Xá; khu vực cạnh đường vào UBND xã Lê Thiện; khu vực trước cửa đình Cữ.

+ Xã An Hưng: Khu vực từ Dao xén đến tường bao Khu công nghiệp Nomura (phía bên trái của kênh Tân Hưng Hồng); khu Nam Bình.

+ Xã An Hồng: khu vực sau cống An Hồng 2;

+ Xã Tân Tiến: Khu vực cánh đồng trương; khu vực ao đầm nuôi trồng thủy sản tại thôn Do Nha 5.

+ Xã Hồng Phong: Khu công nghiệp An Dương. Khu vực dân cư, ruộng canh tác tại thôn Hoàng Lâu 1,2. Khu vực thôn Đình Ngọ.

+ Xã An Hòa: Khu vực đầm Na, Trại Cò (thôn Thành phố Thủy); khu vực kênh đầm Phú La đến giáp kênh Hòa Phong.

*\* Hệ thống công trình thuỷ lợi Vĩnh Bảo* có 2 vùng trọng điểm úng:

- Các xã Cộng Hiền, Vĩnh Phong, Tiền Phong, Cao Minh, Liên Am, Vinh Quang, Thanh Lương.

- Các xã An Hoà, Hiệp Hoà, Tân Hưng, Đồng Minh, Hưng Nhân, Hùng Tiến, Vĩnh Long.

*\* Hệ thống công trình thuỷ lợi Đa Độ:*

- Huyện An Lão: Xã Bát Trang, Trường Thọ, Quang Hưng, Quang Trung, Mỹ Đức, An Thọ, An Thái, Tân Dân, Thái Sơn, An Thắng, Tân Viên, Chiến Thắng.

- Huyện Kiến Thụy: xã Tú Sơn, một phần diện tích tiếp giáp của Đại Hợp với Tú Sơn và thôn Kính Trực, xã Tân Phong thuộc lưu vực hệ thống cống Thông; xã Hữu Bằng, xã Thuận Thiên, xã Du Lễ, xã Thụy Hương, xã Kiến Quốc và một phần xã Tân Trào thuộc lưu vực hệ thống cống Đồng Thẻo.

- Quận Kiến An: phường Tràng Minh, Phù Liễn; phường Văn Đẩu, Nam Sơn, Đồng Hòa.

- Quận Dương Kinh: khu vực Hải Phong thuộc phường Hòa Nghĩa; khu vực nuôi trồng thủy sản thuộc phường Tân Thành; khu vực dân sinh và nuôi trồng thủy sản thuộc phường Hải Thành tiêu qua cống C1.

- Quận Đồ Sơn: Tổ dân phố Đề Thám, Dân Tiến thuộc phường Minh Đức.

- 38,5% người dân nằm trong vùng trũng, thấp, ven đê, trong đó đối tượng dễ bị tổn thương là trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật chiếm 25%.

- Tình trạng nhà ở thiếu kiên cố, đơn sơ 1%. Tình trạng dễ bị tổn thương về nhà ở mức thấp, nhà ở kiên cố, bán kiên cố là 99% đảm bảo an toàn trước mưa lớn, lũ, ngập lụt. Tuy nhiên, vẫn có thiệt hại về nhà như trận mưa lớn từ 27/7-5/8/2015 làm cho 65 nhà bị ngập nước (0,5-1,5m); Thiệt hại về tài sản (04 tivi, 12 tủ lạnh, 18 tủ gỗ, 09 bộ bàn ghế, 8 quạt điện, 24 giường, 06 kệ, 03 xe máy, 05 máy giặt,…).

- Trận mưa lớn năm 2015 cũng làm cho 113,0ha lúa bị thiệt hại >70%; 160,5ha lúa bị thiệt hại 30-70%; 1.036,0ha lúa bị ngập nước; 122,0ha hoa màu bị thiệt hại >70; 71,0ha hoa màu bị thiệt hại 30-70; 201,1ha hoa màu bị thiệt hại <30; 100ha cây ăn quả bị ngập lụt; 180,1ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập; 1,55 tấn lương thực thiệt hại; 0,65 tấn phân đạm bị ngập nước; 0,2 tấn muối bị thiệt hại; 1.250 con gia súc, gia cầm bị nước cuốn trôi.

- Về cơ sở hạ tầng đường giao thông ở Hải Phòng đa phần kiến cố hóa, tuy nhiên trong quá trình sử dụng đường giao thông có xuống cấp, hư hỏng. Điển hình là trận mưa lớn năm 2015 làm ngập lụt, sạt lở 4,3km đường đến xã Việt Hải, huyện Cát Hải. Mưa to làm sạt lở đất đá, gây bồi lấp, vỡ bục đập dâng hồ thoát nước xã Việt Hải; bồi lấp hang thoát nước tự nhiên Áng Bèo, xã Việt Hải.

- Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn Thành phố Hải Phòng được đầu tư nâng cấp theo hướng hiện đại hóa, tự động hoá. Mạng lưới trạm trên địa bàn thành phố đã đáp ứng được yêu cầu về công tác theo dõi, giám sát, dự báo và cảnh báo thiên tai KTTV phục vụ phát triển kinh tế địa phương. Mạng lưới trạm KTTV trên địa bàn Hải Phòng đã đáp ứng được yêu cầu của địa phương trong việc dự báo cảnh báo thiên tai. Trạm ra đa Phù Liễn thuộc dự án ODA (Nhật Bản) mới được đưa vào khai thác (năm 2017) đã dự báo, cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết nguy hiểm: bão gần bờ, giông, tố lốc, mưa lớn, mưa đá cho khu vực Hải Phòng và các vùng lân cận.

- Hệ thống đê điều: Các công trình đê, kè ở Hải Phòng đa phần đã kiên cố hóa, tuy nhiên trong quá trình sử dụng do tác động mưa lớn, lũ, ngập lụt làm nứt, vỡ, xuống cấp và cần phải duy tu, sửa chữa để đảm bảo an toàn đê điều. Trận mưa lớn năm 2015 làm sạt lở cục bộ tại một số đoạn đê và hư hỏng cống dưới đê tại các huyện An Dương, Thủy Nguyên, Dương Kinh, Tiên Lãng, Kiến An, Vĩnh Bảo.

- Hàng năm, ở Hải Phòng vẫn diễn ra những sai phạm, vi phạm pháp luật về đê điều như khai thác, tập kết cát trái phép. Trước thực trạng đó, thời gian vừa qua Chi cục Thủy lợi và PCTT cũng đã chỉ đạo lực lượng quản lý đê thường xuyên bám địa bàn, bám dân để tuyên truyền, giải thích cho người dân hiểu về Luật đê điều và Luật PCTT, thuyết phục vận động nhân dân chấp hành; chỉ đạo sát sao Hạt quản lý đê điều các địa phương tăng cường tuần tra, phát hiện vi phạm.

Tình trạng dễ bị tổn thương đối với mưa lớn, lũ, ngập lụt chủ yếu về nông nghiệp (lúa, rau màu); các công trình đê, kè xung yếu, cũng như một số vi phạm về đê điều, đường giao thông hư hỏng ảnh hưởng bởi mưa lớn, lũ, ngập lụt.

Qua đánh giá độ lớn mưa lớn, lũ, ngập lụt trong những năm gần đây và đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương đối với mưa lớn, lũ ngập lụt trong 5 năm gần đây có thể thấy đối với mưa lớn, ngập lụt, lũ mức độ dễ bị tổn thương của Hải Phòng ở mức trung bình.

* + - 1. Đối với giông, lốc, sét, mưa đá

Theo thống kê nhiều năm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, hàng năm đều chịu ảnh hưởng của giông, lốc, sét, mưa đá. Các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp là người, nhà ở, sinh kế, các công trình cơ sở hạ tầng xây dựng, hệ thống truyền tải điện, viễn thông và hầu hết các ngành phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt là nông nghiệp, thủy sản.

- Trong 5 năm trở lại đây, trên địa bàn Hải Phòng có thiệt hại về người do giông, lốc, sét, mưa đá gây ra.

+ Tháng 6/2016: 02 người chết (01 người Tiên Lãng, 01 người Kiến Thụy), 04 người bị thương (do sét đánh ở Tiên Lãng).

+ Tháng 6/2018: làm 01 người chết (nam) tại Tiên Lãng.

+ Tháng 7/2018: làm 02 người chết tại Vĩnh Bảo (01 nam, 01 nữ).

- Tình trạng nhà ở thiếu kiên cố, đơn sơ 01%. Năm 2016, làm tốc mái 150m2 mái tôn tại chợ.

- Diện tích lúa bị ảnh hưởng bởi giông, xảy ra ở quận Kiến An, huyện Thủy Nguyên, cảng Cửa Cấm. Cụ thể, trận mưa ngày 3-5/6/2016 (lượng mưa 85-100mm) gây ngập úng 480ha lúa và 84ha hoa màu bị thiệt hại; ngập lụt cục bộ một số tuyến đường khu vực nội thành.

Năm 2016, thiên tai đã làm 02 người chết, 04 người bị thương (do giông sét); 08 nhà, 10 trang trại, 871m2 các công trình khác bị tốc mái; 1.125,4ha lúa, 406,5ha mạ, 709,0ha hoa màu, 165,2ha cây ăn quả bị thiệt hại; 636 cây xanh bị gãy, đổ; 1.744,1ha nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại; 1.158 gia súc, 50.821 gia cầm bị chết; 2.548m đê, kè bị xô sạt... Ước tính thiệt hại khoảng 190 tỷ đồng.

Trong những năm gần đây, giông, lốc, sét, mưa đá xảy ra bất thường và thường xuyên hơn, xét về độ lớn của những loại hình thiên tai này thì tình trạng dễ bị tổn thương tại Hải Phòng ở mức độ trung bình, cần phải có những biện pháp ứng phó, nâng cao nhận thức cộng đồng như trong quá trình sản xuất ngoài trời, nếu có thấy giông, lốc, sét, mưa đá người dân cần phải tìm những nơi trú tránh an toàn để tránh những hiện tượng bất thường xảy ra.

* + - 1. Đối với hạn hán, cháy rừng tự nhiên

Tình trạng dễ bị tổn thương do nắng nóng:

- Mức độ che phủ của cây xanh trong khu dân cư, đường phố còn thấp.

- Không có các biện pháp thích nghi với nắng nóng (sử dụng quạt, điều hòa nhiệt độ, tấm che tránh nắng,…).

- Thiếu dự trữ nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp.

Nắng nóng chủ yếu gây ảnh hưởng đến sức khỏe, đặc biệt là 6,4% dân số ở Hải Phòng là các đối tượng dễ bị tổn thương; giảm năng suất và sản lượng lúa, hoa màu.

Các khu vực có nguy cơ bị hạn hán, cháy rừng tự nhiên như: đồi Thiên văn, núi Cột Cờ quận Kiến An; khu vực đồi rừng ở Vạn Hương, Vạn Sơn quận Đồ Sơn; rừng thuộc Vườn Quốc gia Cát Bà; núi Sơn Đào, huyện Thủy Nguyên.

* + - 1. Một số loại hình thiên tai khác

Bên cạnh các loại hình thiên tai xảy ra thường xuyên gây thiệt hại đến người và tài sản của người dân thì địa bàn thành phố Hải Phòng còn có một số các loại hình thiên tai khác có thể gây thiệt hại cho con người và thiệt hại về kinh tế như: rét hại, sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, sương mù.

Hải Phòng là thành phố Đồng bằng Bắc Bộ nên có mùa đông lạnh, trong những năm gần đây có những đợt lạnh thấp dưới 4,5°C. Rét hại gây ảnh hưởng đến sức khỏe của những đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em (chiếm 6,4% dân số của thành phố) và ảnh hưởng đến trồng trọt, đặc biệt chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản của người dân.

Sạt lở bờ sông, bờ biển nhất là khi có tác động của bão, áp thấp nhiệt đới, lũ và mưa lớn. Sạt lở thường gây hư hỏng các công trình đê điều, cơ sở hạ tầng, uy hiếp các khu dân cư, làm mất đất. Tình trạng dễ bị tổn thương của sạt lở bờ sông, bờ biển được đánh giá ở mức thấp xét về độ lớn thiên tai, tần suất xảy ra và mức độ thiệt hại. Tuy nhiên, cũng cần phải có phương án ứng phó vì thiên tai ngày càng khốc liệt và diễn biến bất thường, không theo quy luật nên cũng không thể chủ quan, lơ là. Hải Phòng đã ban hành kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Kế hoạch 139/KH-UBND, thành phố đã đưa ra mục tiêu là chủ động quản lý, phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển tạo điều kiện ổn định và phát triển kinh tế xã hội khu vực ven sông, ven biển góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Hải Phòng là địa phương có mật độ sông lớn nhất trong vùng Đồng bằng Bắc Bộ, đạt 0,6 - 0,8 km/km2. Mặc dù nguồn nước tương đối phong phú và phân bổ tương đối đồng đều theo diện tích. Ngoài việc tăng nhu cầu về nước, khu vực ven biển của thành phố lại còn chịu thêm áp lực về nhiễm mặn, đặc biệt đối với các tầng nước ngầm và vùng cửa sông ven biển. Theo các tài liệu quan trắc chất lượng nước vùng ven biển thì lưỡi mặn đang ngày càng tiến sâu vào phía đất liền trên diện rộng, làm giảm đáng kể trữ lượng nguồn nước, nhiều nơi phải lấy nước từ địa bàn khác. Trên các sông, vào mùa khô, hầu hết nước cửa sông ven biển đều bị nhiễm mặn, biên mặn 1‰ đã tiến sâu vào đất liền. Địa hình bị phân cắt bởi nhiều cửa sông ven biển cùng với chế độ thủy văn, đặc điểm thổ nhưỡng phức tạp. Tình trạng dễ bị tổn thương của xâm nhập mặn ở mức trung bình, do tác động nước biển dâng, quá trình xâm nhập mặn, các nguồn nước của Hải Phòng còn chịu ảnh hưởng của cấu trúc địa chất phức tạp, các hoạt động tân kiến tạo tương đối mạnh.

Ngoài ra, các loại hình thiên tai mang tính tiềm ẩn như động đất, sóng thần chưa xảy ra những cũng đang được thành phố quan tâm và có kế hoạch phòng chống.

* + 1. Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai
       1. Năng lực ban hành và thực thi các văn bản hướng dẫn, thi hành pháp luật, cơ chế chính sách.

*3.1.1. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác PCTT và Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư TW Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai:*

- UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 12/11/2019 về việc thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác PCTT (sửa đổi, bổ sung), trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể và yêu cầu tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Nghị quyết đến các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, tổ chức, cá nhân của thành phố nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức về tầm quan trọng của công tác PCTT, góp phần đảm bảo an toàn về người, giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã ban hành Chương trình hành động số 85-CTr/TU ngày 15/7/2020; UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 26/8/2020; Ban Tuyên giáo Thành ủy Hải Phòng ban hành Hướng dẫn số 78-HD/BTGTU ngày 20/8/2020 nhằm quán triệt, kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa việc triển khai thực hiện, hướng dẫn tuyên truyền Chỉ thị số 42-CT/TW TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của toàn xã hội trong công tác PCTT.

- Các sở, ban, ngành thành phố và BCH PCTT&TKCN các quận, huyện đã triển khai, tổ chức thực hiện tốt kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP và Chỉ thị số 42-CT/TW tại địa phương và ngành mình quản lý.

*3.1.2. Tình hình thực hiện phương châm “4 tại chỗ”, gắn xây dựng cộng đồng an toàn với thực hiện tiêu chí an toàn về PCTT trong xây dựng nông thôn mới; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội xung kích PCTT cấp xã theo Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 12/11/2019 của UBND thành phố thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác PCTT:*

- Tình hình thực hiện phương châm “4 tại chỗ” và phương châm “chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả” trong PCTT, chủ động, linh hoạt, sáng tạo; quán triệt phương châm phòng tránh là chính; thường xuyên rà soát điều chỉnh kế hoạch phù hợp với thực tiễn, gắn xây dựng cộng đồng an toàn với thực hiện tiêu chí an toàn về PCTT trong xây dựng nông thôn mới: Trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra, BCH PCTT&TKCN thành phố tham mưu UBND thành phố chỉ đạo cấp quận, huyện, cấp xã và cơ quan chức năng tổ chức, bố trí lực lượng, phương tiện tại những khu vực xung yếu để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân; mặt khác, phân công lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã-thành viên BCH PCTT&TKCN cấp huyện, cấp xã trực tiếp xuống địa bàn để chỉ đạo, chỉ huy, điều hành công tác ứng phó, khắc phục thiên tai kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả. Gắn việc triển khai phương châm “4 tại chỗ” trong đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới; hầu hết các xã, phường, thị trấn đều thực hiện tốt tiêu chí 3.2 “Đảm bảo điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về PCTT tại chỗ”.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội xung kích PCTT cấp xã theo Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 12/11/2019 của UBND thành phố Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác PCTT: Thành phố Hải Phòng có 15 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 07 quận (Đồ Sơn, Dương Kinh, Hải An, Hồng Bàng, Kiến An, Lê Chân, Ngô Quyền), 06 huyện (An Dương, An Lão, Kiến Thụy, Thủy Nguyên, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo) và 02 huyện đảo (Bạch Long Vĩ, Cát Hải) với 217/217 xã, phường, thị trấn. Đến nay 100% xã, phường, thị trấn đã thành lập và củng cố Đội xung kích PCTT theo hướng dẫn với tổng số thành viên là 16.030 người, trong đó có 89 Đội được đào tạo, tập huấn. Các huyện, quận đang tiếp tục chỉ đạo các xã, phường còn lại khẩn trương kiện toàn đội xung kích PCTT cấp xã. Thành phần nòng cốt của Đội xung kích là dân quân tự vệ, ngoài ra còn có thành viên của các tổ chức đoàn thể, xã hội như: Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ ... Tuy nhiên, lực lượng này có sự biến động do phải đi lao động làm ăn xa nên để xây dựng được lực lượng xung kích PCTT đủ số lượng và chất lượng, nhất là khi huy động gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác, nhận thức về PCTT của một số cá nhân trong lực lượng xung kích còn hạn chế; trang thiết bị, kinh phí hỗ trợ cho lực lượng xung kích PCTT ở cấp xã còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn do nguồn lực còn hạn hẹp tại địa phương.

*3.1.3. Tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo PCTT:*

Trong những năm qua, Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN thành phố đã tích cực, chủ động tham mưu cho BCH PCTT&TKCN thành phố, UBND thành phố chỉ đạo công tác PCTT ứng phó có hiệu quả với thiên tai, cụ thể:

Đã tham mưu ban hành các Công điện, văn bản chỉ đạo trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả các đợt bão mạnh, siêu bão, ATNĐ, mưa lớn, lũ, ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất...trên địa bàn thành phố một cách chủ động, kịp thời, hiệu quả hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 23/9/2020 của UBND thành phố Hải Phòng tuyên truyền về PCTT-Chủ động thích ứng với BĐKH từ cộng đồng trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025.

Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND thành phố ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ PCTT thành phố Hải Phòng.

Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức, hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ PCTT thành phố Hải Phòng ban hành theo Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND thành phố.

Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND thành phố Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Hải Phòng về việc Phê duyệt Kế hoạch PCTT trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2016-2020.

Các báo cáo tổng kết công tác PCTT hàng năm, các đợt mưa lớn, lũ, ngập lụt, ngập úng của các sở, ngành về PCTT, về hiện trạng đê điều… thành phố Hải Phòng.

Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 16/01/2019 thực hiện Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật PCTT.

Kế hoạch số 25/KH-PCTT&TKCN ngày 17/4/2019 phối hợp ứng phó tai nạn tàu, thuyền trên biển.

Kế hoạch số 26/KH-PCTT&TKCN ngày 17/4/2019 phối hợp ứng phó tai nạn hàng không dân dụng.

Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/8/2019 thực hiện Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch PCTT quốc gia đến năm 2020.

Kế hoạch thu nộp quỹ PCTT; Quyết định về việc miễn, giảm đóng góp quỹ PCTT hàng năm.

* + - 1. Năng lực dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai

***3.2.1. Đánh giá Trạm quan trắc khí tượng, thủy văn***

Hiện tại hệ thống quan trắc và dự báo KTTV luôn theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, KTTV. Các công trình đo đạc, quan trắc của các trạm đã được kiên cố hoá, máy móc, thiết bị đo đạc lạc hậu, thủ công đã dần được thay thế bằng các thiết bị hiện đại, tự động và bán tự động. Đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin dự báo KTTV phục vụ hiệu quả công tác PCTT của thành phố.

Đài KTTV khu vực Đông Bắc quản lý 61 đơn vị, trong đó: 4 phòng chức năng (Phòng dự báo KTTV, Phòng Mạng lưới trạm&Thông tin KTTV và Văn phòng); 5 Đài KTTV thành phố (Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh và Quảng Ninh); 51 trạm khí tượng, thủy văn, hải văn môi trường; 01 trạm Ra đa thời tiết (Phù Liễn).

09 trạm thủy văn, gồm: Chanh Chử, Đông Xuyên, Tiên Tiến, Quang Phục, Trung Trang, Kiến An, Cửa Cấm, Cao Kênh, Do Nghi, trong đó có 07 trạm thuộc hạng III, còn lại 02 trạm là trạm Trung Trang và Cửa Cấm là thuộc hạng I.

03 trạm khí tượng, gồm: Phù Liễn, Hòn Dáu và Bạch Long Vĩ, trong đó trạm Hòn Dáu thuộc phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn là hạng II, còn lại là hạng I.

Trang thiết bị phục vụ công tác dự báo bao gồm: hệ thống các trạm quan trắc KTTV, thám không vô tuyến và rađa thời tiết; Hai loại trạm quan trắc song song là trạm quan trắc truyền thống (thủ công bán tự động) và trạm tự động.

01 trạm rađa thời tiết là Phù Liễn tự động quan trắc 24/24 phục vụ công tác dự báo bão, áp thấp nhiệt đới, cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết giông, tố lốc, mưa, mưa lớn, mưa đá, gió mùa….

05 trạm đo mưa tự động, gồm: Tân Phong, An Lão, Cát Bà, Thủy Nguyên và Vĩnh Bảo. Trong đó 02 trạm đo mưa tự động là Tân Phong và An Lão là Đài KTTV khu vực Đông Bắc trực tiếp quản lý, 03 trạm đo mưa tự động còn lại là do thuê dịch vụ đo mưa nhân dân giai đoạn 1.

Công tác dự báo, gồm: Dự báo hạn cực ngắn; Dự báo hạn ngắn 3 ngày; dự báo hạn 10 ngày; tham khảo dự báo hạn 15 ngày; Dự báo hạn tháng và hạn mùa.

Qua đây cho thấy hệ thống các trạm đo KTTV đã và đang được hiện đại hóa, đồng bộ, thống nhất đảm bảo độ chính xác. Tập trung theo dõi, quan trắc mọi diễn biến về thời tiết, thuỷ văn trên địa bàn thành phố, chất lượng công tác dự báo, cảnh báo khí tượng, thuỷ văn, thiên tai hàng ngày và đặc biệt là các hiện tượng thời tiết, thuỷ văn nguy hiểm như lượng mưa liên quan đến lũ lụt và ngập nội đô. Nhiệt độ, độ ẩm liên quan đến nắng nóng đã đảm bảo tốt các thông số và phát bản tin theo đúng quy định.

Giai đoạn 2021-2025, cần tiếp tục đầu tư hiện đại hoá, tự động hóa hệ thống quan trắc, cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai. Đẩy mạnh xã hội hoá một số hoạt động khí tượng thủy văn, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng PCTT.

***3.2.2. Công tác dự báo, cảnh báo***

Đài KTTV khu vực Đông Bắc đã chủ động theo dõi chặt chẽ tình hình KTTV trên phạm vi khu vực Đông Bắc và thành phố Hải Phòng, phát hiện và dự báo kịp thời các hiện tượng thời tiết thủy văn nguy hiểm. Công tác cảnh báo sớm, nhất là cảnh báo mưa giông, thời tiết nguy hiểm trên biển, mưa lớn,...được đặc biệt chú trọng. Trong các bản tin thiên tai luôn kèm theo cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định.

Luôn theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lũ trên các lưu vực sông, kịp thời ra các bản tin cảnh báo, tin lũ trên các hệ thống sông phù hợp với diễn biến mưa, cụ thể hóa bản tin dự báo mưa, lũ trên các sông suối chịu ảnh hưởng từ mưa do bão, ATNĐ gây ra. Thực hiện Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ RRTT (trước là Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg và Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg). Tổ chức theo dõi chặt chẽ, nghiêm túc các cơn bão, ATNĐ từ khi còn là một vùng áp thấp. Theo sát diễn biến các đợt mưa lớn diện rộng, dự báo tương đối sát khu vực xảy ra mưa lớn diện rộng. Các đợt mưa đều được cảnh báo, dự báo trước từ 2 ngày góp phần quan trọng trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

Thực hiện nghiêm các quy định, quy chế trong việc tổ chức dự báo, cảnh báo thời tiết thủy văn hàng ngày, tuần, tháng; nhận định tổng kết mùa vụ và dự báo cảnh báo thời tiết thủy văn nguy hiểm mưa, bão, lũ. Đã bám sát diễn biến của bão, ATNĐ và các đợt mưa để dự báo, cảnh báo, thông tin kịp thời; chủ động thông tin sớm về khả năng ảnh hưởng, cập nhập liên tục diễn biến của bão, lũ giúp lãnh đạo thành phố, BCH PCTT&TKCN thành phố, các cơ quan, đơn vị và nhân dân chủ động trong công tác chỉ đạo, ứng phó, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

Từ năm 2016 đến nay, Ngành KTTV tăng cường hiện đại hóa hệ thống dự báo, đổi mới công nghệ dự báo đồng thời triển khai mạnh mẽ việc tự động hoá trong quan trắc Trước thực tế đó, Đài KTTV khu vực Đông Bắc chú trọng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dự báo viên KTTV phát triển nguồn nhân lực từng bước nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng hiệu quả các thiết bị và công nghệ hiện đại; có đủ năng lực thực hiện các chức năng nhiệm vụ mới.

Đài KTTV Đông Bắc đã thực hiện cụ thể hóa bản tin dự báo bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) từng bước cải tiến nội dung và hình thức các bản tin dự báo KTTV, nhất là các bản tin dự báo ATNĐ, bão, lũ và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như giông, lốc, mưa lớn; bản tin dự báo về xu thế thời tiết, thủy văn 10 ngày, bản tin dự báo thời tiết biển, bản tin dự báo hải văn tại địa phương. Nâng cao chất lượng bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai, trọng tâm là nâng cao chất lượng và thời gian dự báo ảnh hưởng của bão, ATNĐ, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn. Hiện thời gian cảnh báo lũ trên các sông, KKL, các đợt nắng nóng diện rộng, bão ngoài Biển Đông và có khả năng đổ bộ vào vùng biển nước ta do Đài thực hiện đảm bảo sớm trước 3-5 ngày; nhận định về tình hình hạn hán, xâm nhập mặn ngày càng sớm và sát hơn với thực tế. Chất lượng dự báo các bản tin hạn ngắn (hàng ngày 12-24 giờ) đạt 85%, hạn vừa (3-10 ngày) và hạn dài (tháng, mùa, khí hậu) đạt 78%. Nhiều tiến bộ khoa học, trang thiết bị, công nghệ mới đã được triển khai ứng dụng có hiệu quả, từng bước hiện đại hóa và hoàn thiện công tác dự báo, cảnh báo KTTV.

***3.2.3. Công tác thông tin, truyền tin thiên tai***

Công tác thông tin phục vụ PCTT&TKCN được thực hiện kết hợp các hệ thống thông tin đại chúng và chuyên dùng gồm: hệ thống Đài Thông tin Duyên hải, hệ thống VHF của Bộ đội Biên phòng, Đài Phát thanh và Truyền hình, hệ thống VHF của BCH PCTT&TKCN thành phố, hệ thống thông tin ICOM quản lý tàu cá của Sở NN&PTNT, điện thoại cố định và di động, hệ thống internet, nhắn tin SMS.

Hệ thống thông tin liên lạc tầm xa ICOM quản lý tàu cá công suất 150W gồm 129 máy, trong đó trang bị 09 máy cho các cơ quan, địa phương và 120 máy cho các tàu trưởng các đội tàu để quản lý thông tin tàu đánh bắt xa bờ.

Sở Thông tin và truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông: Xây dựng và triển khai phương án đảm bảo thông tin liên lạc PCTT&TKCN từ TW đến địa phương; sẵn sàng thiết bị, hệ thống INMARSAT để phục vụ công tác PCTT khi có yêu cầu.

Đài Thông tin Duyên hải Hải Phòng: Đảm bảo trực canh 24/24 giờ, tiếp nhận và xử lý thông tin cấp cứu, khẩn cấp, an toàn, an ninh từ phương tiện trên biển tại các tần số vô tuyến trực canh; đảm bảo chất lượng, thời lượng và công suất phát quảng bá các bản tin an toàn hành hải, cảnh báo thiên tai, dự báo thời tiết biển và các tin Tìm kiếm cứu nạn.

Văn phòng BCH PCTT&TKCN thành phố, Đài Thông tin Duyên hải Hải Phòng thực hiện cơ chế phối hợp tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ TKCN cho tàu thuyền hoạt động trên biển.

Đài KTTV khu vực Đông Bắc, Đài Thông tin Duyên hải, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố, Báo Hải Phòng, Báo An ninh Hải Phòng cung cấp kịp thời thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai, thời tiết nguy hiểm đến các cấp và cộng đồng để chủ động phòng tránh.

Văn phòng BCH PCTT&TKCN thành phố đã xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống hỗ trợ chỉ huy, điều hành và tích hợp thông tin ứng phó thiên tai trên nền tảng internet phục vụ có hiệu quả công tác chỉ huy điều hành, tích hợp thông tin báo cáo trong ứng phó thiên tai.

* + - 1. Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư

Thực hiện Điều 23 Luật PCTT về chuẩn bị nhân lực, nhu yếu phẩm, trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động phòng, chống, ứng phó thiên tai. Kế hoạch PCTT thành phố và Phương án ứng phó thiên tai thành phố đã kèm theo danh mục vật tư, trang thiết bị, phương tiện, lực lượng ứng phó thiên tai; Kế hoạch PCTT và Phương án ứng phó thiên tai của cấp huyện đã cơ bản đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Điều 15, Điều 22 của Luật PCTT, trong đó số liệu về vật tư, phương tiện, trang thiết bị được tổng hợp từ các Cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố và UBND cấp huyện. Các nhu yếu phẩm: Hàng hóa, thuốc men, nhiên liệu được dự trữ phân bố tại Doanh nghiệp thương mại trên địa bàn thành phố để đảm bảo cung ứng khi có thiên tai xảy ra; tại cấp huyện, cấp xã có phân công, phân bố dự trữ tại các hộ, cơ sở kinh doanh trên địa bàn để thuận lợi cung ứng khi thiên tai xảy ra.

Hàng năm trước mùa mưa, lũ, bão thành phố đều tiến hành kiểm tra hiện trạng hệ thống các công trình PCTT, công trình thủy lợi, đê điều trên địa bàn, đánh giá hiện trạng công trình; phân loại trọng điểm xung yếu, xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu; phê duyệt phương án ứng phó thiên tai với từng công trình trọng điểm cụ thể; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng phương án PCTT&TKCN tại địa phương. Ban hành các quyết định về thành lập, phân công nhiệm vụ của BCH, các tiểu ban, từng thành viên BCH; quyết định về kiện toàn BCH; quyết định về giao chỉ tiêu chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác PCTT&TKCN cho các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố đảm bảo phục vụ ứng phó các sự cố thiên tai theo phương án đã xây dựng.

Phương tiện, vật tư, trang thiết bị chủ yếu gồm xe cứu hộ, xe chữa cháy, xuồng, nhà bạt, phao các loại, các loại trang thiết bị khác như máy phát điện, máy bơm, loa cầm tay, máy bộ đàm, súng, đạn pháo hiệu…. Qua đó đánh giá các phương tiện, trang thiết bị của thành phố ở mức cao, bảo đảm yêu cầu chủ động ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế-xã hội của thành phố.

Các ngành, các địa phương, lực lượng vũ trang trên địa bàn thành phố đã xây dựng kế hoạch, phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện sẵn sàng tham gia PCTT&TKCN, cụ thể như sau:

a. Lực lượng xung kích hộ đê, PCTT&TKCN: 38.385 người.

- Lực lượng do Bộ Chỉ huy quân sự thành phố đảm nhiệm và hiệp đồng: 7.705 người; 51 xe ôtô các loại, 13 tàu và xuồng cao tốc, 04 xe thiết giáp.

- Lực lượng do Bộ đội biên phòng đảm nhiệm và hiệp đồng: 225 người; 13 tàu, 33 xuồng, 17 xe ôtô các loại.

b. Phương tiện, vật tư PCTT&TKCN: 949 xe ô tô; 593 tàu, xuồng, xà lan; 168 xe cẩu, xe xúc, xe thang; 45 máy phát điện; 16.850 chiếc mai, cuốc, xẻng; 47.207m3 đá; 32.012m2 cát; 903.585 bao tải; 87.460m2 bạt chống sóng; 636 nhà bạt, 48.431 phao, áo phao và nhiều vật tư, phương tiện khác.

* + - 1. Năng lực và nhận thức của cán bộ làm công tác PCTT và người dân

Để nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, tuyên truyền phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT, BCH PCTT&TKCN thành phố đã chỉ đạo BCH PCTT&TKCN các cấp tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật PCTT và các văn bản liên quan tới tổ chức, cá nhân trên địa bàn; lồng ghép công tác về PCTT trong các trường học.

Hàng năm, công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng và quy định pháp luật về PCTT&TKCN; bồi dưỡng kỹ năng xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai; trực ban tham mưu xử lý tình huống thiên tai, sự cố thiên tai; diễn tập để huấn luyện kỹ năng và kiểm tra năng lực đảm bảo sẵn sàng ứng phó thiên tai... được BCH PCTT&TKCN thành phố tổ chức tập huấn cho lực lượng quản lý đê và lực lượng tham mưu PCTT&TKCN các huyện, quận; cử cán bộ tham gia tập huấn hộ đê, PCTT do Tổng cục PCTT tổ chức.

Toàn thành phố đã có 217/217 xã, phường, thị trấn thành lập và củng cố Đội xung kích PCTT theo hướng dẫn với tổng số thành viên là 16.030 người, trong đó có 89 Đội được đào tạo, tập huấn. Các huyện, quận đang tiếp tục chỉ đạo các xã, phường còn lại khẩn trương kiện toàn đội xung kích PCTT cấp xã.

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT được thành phố và các địa phương quan tâm tổ chức thực hiện thông qua các hình thức:

- Tuyên truyền, phố biến trên phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức phát tờ rơi; treo băng rôn, pano, áp phích tại các trụ sở cơ quan, công trình công cộng với các khẩu hiệu tuyên truyền.

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng; Báo Hải Phòng; Báo An ninh Hải Phòng, Website và các cơ quan báo chí tại địa phương đã thường xuyên đưa tin, đăng tải và tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến thiên tai, các văn bản, công điện, chỉ đạo ứng phó với mưa, bão, lũ, rét đậm, rét hại, hạn hán…, truyền tải thông tin thường xuyên về kết quả công tác PCTT&TKCN, góp phần quan trọng nâng cao nhận thức cho người dân về ý nghĩa tầm quan trọng của công tác PCTT... của TW, UBND thành phố và BCH PCTT&TKCN thành phố; phát các phóng sự, phim tài liệu trên sóng phát thanh và truyền hình để tuyên truyền, phổ biến các kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, ứng phó với thiên tai cho cộng đồng dân cư tại địa phương.

- Thực hiện Quyết định số 173/QĐ-TTg ngày 13/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc lấy ngày từ 15-22/5 hàng năm là Tuần lễ Quốc gia PCTT, thành phố Hải Phòng đã phối hợp với BCĐQG về PCTT tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia PCTT: Năm 2019 với sự tham gia của khoảng 850 người, Chương trình được truyền hình trực tiếp trên kênh truyền hình THP - Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng; Năm 2020 có Thư của Chủ tịch nước và chủ đề của Tuần lễ Quốc gia PCTT năm 2020: “PCTT chủ động, hiệu quả từ lực lượng xung kích cơ sở”. Báo An ninh Hải Phòng đăng tải nhiều tin bài, phát các phóng sự, phim tài liệu trên sóng phát thanh và truyền hình.

- Các sở, ban, ngành thành phố trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao đã ban hành các văn bản hướng dẫn các quận, huyện, thị xã, thành phố và đơn vị liên quan về PCTT, đảm bảo an toàn cho người và tài sản của Nhà nước, nhân dân trước thiên tai; lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội lĩnh vực ngành.

- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác huy động lực lượng, phương tiện và các mặt đảm bảo khác. Tổ chức hội thi cứu hộ, cứu nạn đúng kế hoạch, đảm bảo thời gian, an toàn tuyệt đối về người và vũ khí trang bị. Tham mưu cho BCH PCTT&TKCN thành phố chỉ đạo BCH PCTT&TKCN các quận, huyện tổ chức luyện tập theo phương án để sẵn sàng xử lý các tình huống có thể xảy ra.

- UBND các quận, huyện thực hiện phổ biến, tuyên truyền pháp luật về PCTT trên Đài phát thanh quận, huyện, xã, phường, thị trấn. Đồng thời thông qua hội nghị tổng kết công tác PCTT, các lớp tập huấn về công tác PCTT, đã tổ chức phổ biến quán triệt Luật PCTT cho cán bộ chủ chốt các xã, thôn và lực lượng xung kích.

- Mỗi năm có khoảng 170 người tham dự hội nghị tập huấn nhằm nâng cao năng lực trong công tác PCTT&TKCN cho các lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách của thành phố; tham gia các lớp tập huấn ngắn hạn của Tổng cục PCTT; ngoài ra, một số ngành như điện lực tổ chức diễn tập phương án PCTT, xử lý sự cố-an toàn.

- Trên 70% người dân vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai được phổ biến kiến thức về PCTT.

- Hoạt động PCTT được triển khai chủ động, có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh: 95% các xã đã xây dựng và triển khai kế hoạch PCTT, phương án ứng phó với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra phù hợp với tình hình thiên tai ở địa phương và được rà soát, bổ sung hàng năm.

- Thông qua việc tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật PCTT và các văn bản hướng dẫn thi hành đã giúp nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức và người dân trong thành phố; việc chủ động trong công tác PCTT ngày càng được cải thiện và nâng cao.

* + - 1. Năng lực công trình PCTT tại địa phương

Hệ thống công trình PCTT tại địa phương bao gồm: Hệ thống công trình đê điều; hệ thống công trình thủy lợi, hệ thống công trình cảnh báo, dự báo; hệ thống các công trình phục vụ di dời dân cư, các khu neo đậu tránh trú bão.

***3.5.1. Hệ thống đê điều***

1. ***Thực trạng hệ thống đê điều***

Bao gồm 24 tuyến đê với tổng chiều dài 416,928km đi qua 13 quận, huyện; trong đó: Chiều dài đê từ cấp III trở lên: 247,882km (đê cấp II dài 68, 664 km; cấp III dài 179,218km); Chiều dài đê dưới cấp III: 169,046km (đê cấp IV); Cùng với đó là hệ thống cống qua đê, kè bảo vệ đê và công trình phụ trợ: 387 cống qua đê; 118 kè lát mái, hộ bờ, kè mỏ hàn với tổng chiều dài là 90,71km; 101 cửa khẩu qua đê; 50 điếm canh đê; 09 Hạt Quản lý đê; 39 điểm kho, bãi vật tư dự trữ phòng chống lụt bão. Cụ thể:

***\* Đê Tả sông Hóa:*** Là đê cấp III có chiều dài 37,326km.

- Toàn tuyến cơ bản đã được gia cố mặt đê bằng bê tông và rải cấp phối, trong đó có 14,223km mặt đê đã được cứng hóa bằng bê tông và một số đoạn có cơ đê rộng từ 2,0-3,5m. Đoạn từ K29,500-K31,500 có một số vị trí đùn sủi sát chân đê đã được xử lý. Các đoạn K2,500-K3,500; K8,100-K9,000; K24,000-K25,000 có mặt thoáng rộng đã được trồng cây chắn sóng. Từ K0,000-K8,500 và từ K15,045-K37,326 đỉnh đê cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế.

- Có 4,75km kè bảo vệ đê, trong đó: 3,356km kè ổn định; 0,155km kè bị xô sạt cục bộ chân kè, thân kè cần theo dõi và 1,239km bị xói lở, xô sạt thân kè, chân kè cần sửa chữa.

- Có 37 cống dưới đê,trong đó có 25 cống đảm bảo an toàn, 05 cống bị hư hỏng nhỏ cần sửa chữa và 07 cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới.

***Kết luận****:* Tuyến đê cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế, tuy nhiên còn đoạn từ K12,500-K14,250 thấp hơn 0,5m so với cao trình thiết kế, có nguy cơ bị tràn khi gặp tổ hợp lũ, bão lớn. Một số đoạn đê, kè, cống cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ, gồm:

+ Đoạn đê từ K11,500-K14,250.

+ Kè Hiệp Hòa 1 (K6,610-K6,994).

+ Cống Lý Nhân K19,240; Đông Am 1 K29,113, Thượng Cổ Am K30,876.

***\* Đê Hữu sông Luộc***

- Là đê sông cấp II, dài 14,184km (K37,000-K51,184). Toàn tuyến đã được đầu tư tu bổ, nâng cấp, cơ bản đảm bảo cao trình chống lũ theo thiết kế. Toàn tuyến đảm bảo mặt cắt thiết kế có chiều rộng từ 6,0m trở lên, nhiều đoạn có cơ đê rộng từ 2,0-5,0m. Toàn tuyến cơ bản đã được gia cố mặt đê bằng bê tông, cấp phối, trong đó có 7,34km mặt đê đã được cứng hóa bằng bê tông và 6,84km được rải cấp phối. Tuy nhiên vẫn còn đoạn cuối tuyến phía hạ lưu chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế, một số cống và nhiều đoạn kè kém ổn định, xung yếu. Trên toàn tuyến mới chỉ trồng cây chắn sóng tại vị trí K40,400 - K40,800.

- Có 6,591km kè bảo vệ đê, trong đó: 4,857km kè ổn định và 1,734km bị xói lở, xô sạt thân kè, chân kè cần tu bổ, sửa chữa.

- Có 14 cống dưới đê, trong đó có 9 cống đảm bảo an toàn; 02 cống bị hư hỏng nhỏ cần sửa chữa; 02 cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới và 01 cống cần hoành triệt để đảm bảo an toàn trong mùa bão, lũ.

***Kết luận****:* Toàn tuyến, cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế. Đoạn từ K38,650-K38,700 sạt trượt cục bộ mái đê phía đồng chưa được xử lý. Một số vị trí kè, cống cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ năm nay: Kè Cung Chúc (K42+560-K42+700 và K43+700-K43+800); kè Đan Điền (K45+068-K45+320), kè An Bồ (K49+700-K50+270); Cống Đồng Ngừ K44,707.

***\* Tuyến đê Hữu Thái Bình***

- Đê Hữu Thái Bình là đê cấp III, dài 24,108km (K0,000 đến K24,108) bao gồm 14,8km đê sông (K0,000-K14,800) và 9,308km đê cửa sông (K14,800-K24,108). Cao trình đỉnh đê từ K4,596-K8,401; K10,890-K24,108 cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế và chống lũ lịch sử năm 1971. Từ K0,000-K4,596; K8,401-K10,890: cao trình đỉnh đê thấp hơn so với cao trình thiết kế.

- Chiều rộng mặt đê: Hầu hết các đoạn đê trên tuyến có chiều rộng từ 5,0- 6,0(m) đảm bảo mặt cắt thiết kế, còn lại các đoạn từ K3,600 - K4,596 và từ K22,173 - K24,108 mặt đê còn nhỏ hẹp, chưa đảm bảo theo mặt cắt thiết kế.

- Về cơ đê: đoạn từ K0,000-K1,000 có cơ đê rộng 3,0m tại cao trình +2.5, còn các vị trí khác chưa có cơ đê.

- Về cứng hoá mặt đê: cơ bản đã được gia cố mặt đê bằng bê tông, nhựa đường hoặc rải cấp phối, trong đó có 6,625km mặt đê đã được cứng hóa bằng bê tông; 3,805km nhựa đường, 13,138km được rải cấp phối, còn lại 0,540km (K20,456-K20,996) là mặt đê đất.

- Có 1,25km kè bảo vệ đê,trong đó: 0,58km kè ổn định và 0,67km bị xói lở, xô sạt thân kè, chân kè cần sửa chữa.

- Có 24 cống dưới đê, trong đó có 18 cống đảm bảo an toàn; 03 cống bị hư hỏng nhỏ cần sửa chữa; 03 cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới.

***Kết luận****:* Toàn tuyến đê Hữu Thái Bình còn 7,085km đê chưa đủ cao trình thiết kế, còn lại cơ bản đã đạt cao trình thiết kế và chống lũ lịch sử năm 1971. Một số đoạn đê, kè, cống cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ gồm: Cống Thiết Chanh K5,432; cống Trung Am K14,420; Kè Đông Quất K11,720-K12,090.

***\*Tuyến đê Tả Thái Bình***

- Đê Tả Thái Bình dài 24,0km (K0+000 đến K24+000) bao gồm 17,0km đê sông (K0,000-K17,000) và 7,0km đê cửa sông (K17,000-K24,000). Toàn tuyến có đoạn từ K0,000-K2,660 là đê cấp IV, còn lại là đê cấp III. Đã trồng cây chắn sóng tại vị trí từ K4,962 - K5,360.

- Cao trình đỉnh đê đoạn từ K0,500-K11,000; K15,000-K16,000; K17,700-K24,000 cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế, đoạn từ K0,000-K0,500; K11,000-K15,000; K16,000-K17,700 cao trình đỉnh đê thấp hơn so với cao trình thiết kế.

- Chiều rộng mặt đê: Đoạn từ K0,000-K19,700 có chiều rộng từ 5,0-6,0(m) đảm bảo mặt cắt thiết kế. Đoạn từ K19,700-K24,000 mặt đê còn nhỏ hẹp chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cơ đê: Các đoạn có cơ đê rộng từ 2-5(m) gồm: K0,500-K2,660; K2,760-K2,805; K3,215-K3,267; K11,500-K12,150; K12,557-K12,624; K16,000-K16,500 còn lại chưa có cơ đê.

- Về cứng hoá mặt đê: Cơ bản đã được gia cố mặt đê bằng bê tông, nhựa đường hoặc rải cấp phối, trong đó có 11,15km mặt đê đã được cứng hóa bằng bê tông; 0,5km nhựa đường,15,55km được rải cấp phối.

- Có 4,048km kè bảo vệ đê,trong đó: 3,89km kè ổn định và 0,158km bị xô sạt cục bộ mái kè cần theo dõi.

- Có 22 cống dưới đê,trong đó: 10 cống đảm bảo an toàn; 08 cống bị hư hỏng nhỏ cần sửa chữa; 04 cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới.

***Kết luận****:* Toàn tuyến đê Tả Thái Bình còn 6,20km đê chưa đủ cao trình thiết kế, còn lại cơ bản đã đạt cao trình thiết kế và chống lũ lịch sử năm 1971. Một số vị trí cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ: cống C70 (K15,125), cống Cơm (K18,723) và các cống được xây dựng từ lâu hiện đã xuống cấp.

***\* Tuyến đê Hữu Sông Mía***

- Đê Hữu sông Mía dài 2,5km (K0,000-K2,500), là tuyến đê cấp IV. Cơ bản đạt cao trình đỉnh từ +4.0 đến +4,5 đảm bảo cao trình thiết kế. Chiều rộng mặt đê 6,0m đảm bảo mặt cắt thiết kế. Đoạn từ K0,000 – K0,900 được đổ bê tông mặt đê, còn lại được rải cấp phối, tuy nhiên mặt đê vẫn còn nhiều ổ gà, rãnh xói.

- Có 03 cống đều đảm bảo an toàn và không có công trình kè trên tuyến đê.

***Kết luận:*** Đảm bảo cao trình và mặt cắt thiết kế.

***\* Tuyến đê Hữu Sông Mới***

- Đê Hữu Sông Mới dài 2,9km (K0,000-K2,900), là đê sông cấp III. Cơ bản đạt cao trình đỉnh +4.1 đảm bảo cao trình thiết kế. Mặt đê rộng 5,0m đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cơ đê: đoạn từ K0,000-K0,900 có cơ đê rộng 1-1,5m, còn các vị trí khác chưa có cơ đê.

- Về cứng hóa mặt đê: được bê tông hóa mặt đê toàn tuyến, tuy nhiên còn nhiều vị trí mặt đê bị nứt gãy bê tông.

-Đoạn kè từ K0,000-K0,200 ổn định.

- Có 02 cống dưới đê, trong đó có cống Sông Mới tại K0+853 xây dựng từ năm 2007 vận hành tốt, còn lại cống La tại K2+569 xây năm 1973 hư hỏng, kém ổn định đã được hoành triệt.

***Kết luận:*** Đê hữu sông Mới đảm bảo cao trình và mặt cắt thiết kế.

***\* Tuyến đê Tả Sông Mới***

- Đê Tả Sông Mới dài 2,81km (K0,000 đến K2,810), là đê sông cấp IV. Cao trình đỉnh từ +3.95m đến +4,1m trên cao trình thiết kế, mặt đê rộng 6,0m đảm bảo mặt cắt thiết kế. Đoạn từ K0,000-K1,000 đã được cứng hóa bằng bê tông, còn lại được rải cấp phối.

- Cống dưới đê: có 03 cống dưới đê; trong đó có 02 cống ổn định, còn lại cống Cẩm La tại K2+521 xây năm 1974 đã sửa chữa nhiều lần, hiện nay đã hư hỏng nặng cần được xây dựng mới. Không có công trình kè.

***Kết luận:*** Đê Tả sông Mới đảm bảo cao trình, mặt cắt thiết kế. Tuy nhiên trong mùa bão, lũ cần thường xuyên kiểm tra, theo dõi, sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu đối với cống Cẩm La tại K2+521***.***

***\* Tuyến đê Hữu Văn Úc***

- Đê Hữu Văn Úc dài 24,594km; trong đó có 12,0km đê sông (từ K0,000 đến K8,500 là đê cấp IV, từ K8,500-K12,000 là đê cấp III); 12,594km đê cửa sông (từ K12,0 đến K24,594) là đê cấp III.

- Từ K9,350-K24,594 cao trình đỉnh đê cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế và chống lũ lịch sử năm 1971. Trong đó 11,15km đê đã được cứng hóa bằng bê tông; 13,44km đê đã được rải cấp phối. mặt đê rộng 5,0-6,0m đảm bảo mặt cắt thiết kế Từ K0,000-K9,350 cao trình đỉnh đê thấp hơn cao trình thiết kế, đặc biệt từ K2,600-K6,300 cao trình đỉnh đê thấp hơn mực nước thiết kế.

- Đã trồng cây chắn sóng tại vị trí K8,350-K8,700.

- Có 7,118km kè bảo vệ đê,trong đó: 5,411km kè ổn định; 1,707km kè xô sạt cục bộ mái kè cần chú ý theo dõi.

- Có 24 cống dưới đê, trong đó có 12 cống đảm bảo an toàn; 09 cống bị hư hỏng nhỏ cần sửa chữa; 02 cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới và 01 đã được hoành triệt để đảm bảo an toàn trong mùa bão, lũ.

***Kết luận:*** Toàn tuyến đê Hữu Văn Úc còn 9,350km đê chưa đủ cao trình thiết kế, còn lại cơ bản đã đạt cao trình thiết kế và chống lũ lịch sử năm 1971. Một số đoạn đê, kè, cống cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ:

+ Đoạn đê từ K2,600-K6,300 cao trình đỉnh đê thấp hơn mực nước thiết kế.

+ Cống Lâm Cao (K5,885); cống Sông Trên (K16,183); cống Dương Áo cũ (K24,450): Các cống này được xây dựng từ lâu, hiện bị hư hỏng nặng, được đánh giá xung yếu.

***\*Tuyến đê Tả Văn Úc***

- Đê Tả Văn Úc dài 39,500km, là đê cấp II, trong đó đê sông dài 24,0km (K0,000-K24,000) và 15,500km đê cửa sông (K24,000-K39,500).

- Các đoạn từ K0,000-K1,500; K21,000-K21,900, K23,900-K31,200; K32,902-K38,450 cao trình đỉnh đê cơ bản cao hơn cao trình thiết kế. Còn lại thấp hơn cao trình thiết kế, đặc biệt từ K10,670-K12,290; K16,820-K18,300 cao trình đỉnh đê thấp hơn mực nước thiết kế.

- Chiều rộng mặt đê: Các đoạn đê đảm bảo mặt cắt thiết kế, rộng từ 6,0m trở lên gồm: K0,500-K1,500; K9,600-K10,670; K21,000-K21,900; K23,900-K29,709; K34,152-K35,846; còn lại các đoạn đê có chiều rộng nhỏ hơn 6(m) chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cơ đê: từ K15,000-K16,820; K18,300-K18,600; K24,800-K26,655 có cơ đê rộng 2,5m; các đoạn từ K18,600-K18,790; K29,709-K30,080; K34,152-K34,595 có cơ rộng từ 4,0-5,0m; các đoạn còn lại chưa có cơ đê.

- Về cứng hoá mặt đê: Cơ bản đã được gia cố mặt đê bằng bê tông và rải cấp phối, trong đó có 19,913km mặt đê đã được cứng hóa bằng bê tông; 15,019km được rải cấp phối và 4,568km là mặt đê đất.

- Một số đoạn thân đê bị sạt trượt cục bộ mái đê, chân đê chưa được xử lý, cụ thể đoạn K8,780-K8,870; K17,140-K17,200.

- Các đoạn: K1,500-K2,900; K2,900-K4,100; K6,000-K7,200; K8,400-K10,300 đã được trồng tre chắn sóng, tuy nhiên chỉ có đoạn K1,500-K2,900 phát huy tác dụng, còn lại chưa phát huy tác dụng.

- Có 10,065km kè bảo vệ đê, trong đó: 8,475km kè ổn định và 1,590km bị xói lở, xô sạt chân kè, mái kè, đỉnh kè cần tu bổ, sửa chữa.

- Có 37 cống dưới đê,trong đó có 20 cống đảm bảo an toàn; 07 cống bị hư hỏng nhỏ cần sửa chữa; 10 cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới.

***Kết luận:*** Cao trình đê cơ bản đảm bảo chống lũ lịch sử năm 1971. Tuy nhiên, còn nhiều đoạn đê cao trình thấp hơn cao trình thiết kế, đặc biệt vẫn còn một số vị trí, cao trình đê thấp hơn mực nước thiết kế. Một số đoạn đê, kè, cống cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ:

+ Từ K10,670-K12,290; K16,820-K18,300 cao trình đỉnh đê thấp hơn mực nước thiết kế.

+ Kè bị xô sạt đỉnh kè, mái kè, chân kè: kè Ngũ Phúc đoạn Km 28,120-K28,505; kè Cẩm Văn đoạn K16,250-K16,300; kè Kim Sơn K34.800-K35,400.

+ Các cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng, được đánh giá xung yếu gồm: cống Muối (K9,330), cống Câu Đông (K11,750), Cống Đùn (K19,10), cống Hạ (K23,7) cống Thống (K38,775), cống Thống Con (K38,810), cống Ngũ Đoan (K39,155).

***\*Tuyến đê Hữu Lạch Tray***

- Đê Hữu Lạch Tray dài 36,391km; trong đó có 14,5km đê sông cấp III (từ K0,000 đến K14,500); 13,5km đê sông cấp IV (từ K14,500 đến K28,000); 8,391km đê cửa sông cấp IV (K28,000 đến K36,391).

- Các đoạn có cao trình đỉnh đê cơ bản đạt cao trình thiết kế gồm: K10,900-K11,820; K12,950-K13,500; khu vực núi Tiên Hội K17,500-K18,250; K21,450-K21,744; K22,309-K22,500; K22,623-K22,920; K23,175-K23,290; K24,040-K25,385; K25,970-K27,135; K28,680-K29,350; K30,120-K36,391.

- Các đoạn còn lại cao trình đỉnh đê thấp cao trình thiết kế, đặc biệt một số đoạn đê chưa liền tuyến, cao trình chỉ đạt +2,50 thấp hơn mực nước thiết kế gồm: K23,010-K23,175; K23,290-K24,040; K23,385-K25,970; K27,450-K28,150.

- Chiều rộng mặt đê: Các đoạn đê đảm bảo mặt cắt thiết kế gồm: K3,000-K3,500; K8,750-K13,870; K14,280-K20,157; K20,358-K21,450; K21,744-K22,305; K22,500-K22,623; K24,040-K25,385; K25,970-K27,400; K28,150-K34,839; K36,221-K36,391; còn lại các đoạn đê khác mặt đê nhỏ hẹp chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cơ đê: các đoạn đoạn từ K8,650-K8,750; K9,300-K9,380; K10,100-K10,200; K22,623-K22,800 và K23,175-K23,290 có cơ đê rộng từ 2,0-3,0m tại cao trình +2.5; các đoạn còn lại chưa có cơ đê.

- Về cứng hoá mặt đê: cơ bản đã được gia cố mặt đê bằng bê tông, trải nhựa hoặc rải cấp phối, trong đó có 10,821km mặt đê đã được cứng hóa bằng bê tông hoặc trải nhựa; 19,056km được rải cấp phối; 2,498km là tường bê tông hoặc tường gạch xây thay đê; 0,999km là mặt đê đất, 0,750km đê đi qua núi, còn lại các đoạn đê chưa liền tuyến.

- Cây chắn sóng: Đoạn từ K34,839-K36,174 đã phát huy tác dụng, đoạn từ K3,000-K3,500 chưa phát huy tác dụng, còn lại các đoạn khác chưa được khảo sát đánh giá khả năng trồng cây.

- Có 5,999km kè bảo vệ đê. Trong đó có 4,977km kè ổn định; 0,822km kè xô sạt cục bộ mái kè cần theo dõi và 0,200km bị xói lở, xô sạt cần sửa chữa.

- Có 36 cống dưới đê; trong đó có 26 cống đảm bảo an toàn; 04 cống bị hư hỏng nhỏ cần sửa chữa; 04 cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới và 02 cống đã được hoành triệt.

***Kết luận:***

- Về cao trình, tuyến đê Hữu Lạch Tray còn nhiều đoạn đê thấp hơn cao trình thiết kế, đặc biệt nhiều đoạn đê chưa liền tuyến, cao trình thấp hơn mực nước thiết kế đê.

- Một số đoạn đê, kè, cống cần kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ:

+ Các đoạn đê từ K23,010-K23,175; K23,290-K24,040; K23,385-K25,970; K27,450-K28,150 cao trình chỉ đạt +2,50 thấp hơn mực nước thiết kế.

+ Đoạn kè Tiên Hội K18,500-K18,700 hư hỏng chân kè, mái kè, chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy.

+ Các cống xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng: cống Đồn Cung (K12,950); cống Đồng Sim (K14,000); Xưởng Gạch (K19,976); Tràng Than (K22,620).

***\*Tuyến đê Tả Lạch Tray***

- Đê Tả Lạch Tray dài 26,129km (K0,000 đến K26,129) bao gồm 18,200km đê sông cấp III (K0,000-K18,200) và 7,929km đê cửa sông cấp IV(K18,200-K26,129).

- Cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế gồm: K5,000-K12,850; K13,383-K19,000; K20,027-K26,129. Các đoạn còn lại cao trình đỉnh đê thấp hơn so với cao trình thiết kế. Toàn tuyến cơ bản đảm bảo yêu cầu chống lũ thiết kế và lũ lịch sử năm 1971).

- Chiều rộng mặt đê: Cơ bản đạt mặt cắt thiết kế, còn lại các đoạn từ K12,850-K13,200; K20,265-K21,027; K21,525-K21,980; K22,280-K22,690 mặt đê nhỏ hẹp chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cơ đê: đoạn từ K7,250-K7,400 và K15,400-K15,700 có cơ đê; còn lại chưa có cơ đê.

- Về cứng hoá mặt đê: cơ bản đã được gia cố mặt đê bằng bê tông, trải nhựa hoặc rải cấp phối, trong đó có 7,795km mặt đê đã được cứng hóa bằng bê tông hoặc trải nhựa; 11,956km được rải cấp phối; 4,401km là tường bê tông hoặc tường đá xây thay đê và 3,432km là mặt đê đất.

- Một số vị trí đầm ao sâu sát chân đê, gây sạt trượt mái đê, đang được xử lý bằng nguồn vốn Quỹ PCTT thành phố.

- Có 6,546 km kè bảo vệ đê, trong đó: 2,256km kè ổn định, 1,83km kè xô sạt cục bộ mái kè cần chú ý theo dõi và 2,46km bị xói lở, xô sạt cần tu bổ, sửa chữa.

- Có 35 cống dưới đê. Trong đó có 19 cống đảm bảo an toàn; 07 cống bị hư hỏng nhỏ cần sửa chữa; 07 cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới; 01 cống đã hoành triệt và 01 cống cần hoành triệt để đảm bảo an toàn trong mùa bão.

***Kết luận:***

- Cao trình đê trên mực nước thiết kế, đảm bảo chống lũ lịch sử năm 1971, tuy nhiên vẫn còn một số đoạn cao trình thấp hơn cao trình thiết kế.

- Một số đoạn đê, kè, cống cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ:

+ Đoạn đê từ K13,200-K13,383 cao trình chỉ đạt +2,50 thấp hơn mực nước thiết kế.

+ Các đoạn kè xung yếu, chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy: Kè Đồng Thái 1 K18,120-K18,500; Kè Trang Quan K18,850-K19,200 (đã hư hỏng hoàn toàn); kè Lạch Tray K24,400-K26,130.

- Các cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng: Cống Văn Xá I tại K8,450 (hiện nay đã lấp tạm), cống Chùa K6,853, cống Kiều Hạ I K9,983, cống Cái Độc K13,592, cống Tiên Xa II K15,113, cống Hoàng Mai I K17,213, cống Hoàng Mai II K17,710, cống Đồng Sậy 2 K22,975.

***\*Tuyến đê Hữu Sông Cấm***

- Đê Hữu Sông Cấm dài 14,980km, là tuyến đê sông cấp II.

- Các đoạn đạt cao trình thiết kế gồm: K1,050-K1,374; K2,088-K2,250; K10,100-K12,900. Các đoạn còn lại cao trình đỉnh đê thấp hơn so với cao trình thiết kế, đặc biệt đoạn từ K2,250-K3,000; K12,900-K14,980 cao trình thấp hơn mực nước thiết kế.

- Chiều rộng mặt đê: Trên toàn tuyến các đoạn đảm bảo mặt cắt thiết kế có chiều rộng 6,0(m) gồm: K7,400-K8,200; K10,100-K10,850; K11,500-K12,382; K12,900-K14,980; còn lại các đoạn khác chiều rộng mặt đê chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế (Theo TCVN 9902:2016).

- Về cơ đê: Trên toàn toàn tuyến các đoạn từ K0,800 - K1,050 có cơ đê rộng 6,0m, cao trình +2,0; đoạn K3,400-K3,685; đoạn K4,590-K5,080 có cơ rộng 5,0m, cao trình +2,0; còn lại chưa có cơ đê.

- Về cứng hoá mặt đê: Hầu hết trên tuyến cơ bản đã được gia cố mặt đê bằng bê tông, trải nhựa hoặc rải cấp phối, trong đó có 3,780km mặt đê đã được cứng hóa bằng bê tông hoặc trải nhựa; 7,414km được rải cấp phối; 2,044km là tường bê tông hoặc tường đá xây thay đê và 0,368km là mặt đê đất.

- Có 2,366km kè bảo vệ đê, trong đó: 1,48km kè ổn định; 0,532km kè xô sạt cục bộ mái kè cần chú ý theo dõi và 0,354km bị xói lở, xô sạt chân kè, mái kè, đỉnh kè cần tu bổ, sửa chữa.

- Có 18 cống dưới đê, trong đó có 12 cống đảm bảo an toàn; 05 cống bị hư hỏng nhỏ cần sửa chữa; 01 cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới.

***Kết luận:***

- Tuyến đê Hữu sông Cấm cơ bản đảm bảo chống lũ lịch sử năm 1971, tuy nhiên vẫn còn nhiều đoạn cao trình thấp hơn cao trình thiết kế, đặc biệt một số vị trí cao trình thấp hơn mực nước thiết kế.

- Một số đoạn đê, kè, cống cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ:

+ Đoạn đê từ K2,250-K3,000; K12,900-K14,980 cao trình thấp hơn mực nước thiết kế.

+ Đoạn kè An Hồng K10,236-K10,590 xói lở, xô sạt chân kè, đỉnh kè, mái kè, chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy.

+ Cống Lò Ngói K10,175 xây dựng từ lâu, hiện đã hư hỏng nặng.

***\*Tuyến đê Tả Sông Cấm***

- Đê Tả Sông Cấm dài 31,8km, trong đó có 17,0km đê sông cấp III (từ K0,000 đến K17,000); 14,8km đê cửa sông (có 11,000km đê cấp III từ K17,000 đến K28,000 và 3,8km là đê cấp IV từ K28,000 đến K31,800).

- Các đoạn cao trình đỉnh đê cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế gồm: K2,550-K3,250; K5,150-K15,260; K15,290-K22,000; K21,285-K22,000; K23,300-K23,757; K24,450-K24,650; K26,300-K29,000. Các đoạn còn lại cao trình đỉnh đê thấp hơn so với cao trình thiết kế.

- Chiều rộng mặt đê: Trên toàn tuyến các đoạn đảm bảo mặt cắt thiết kế gồm: K2,550-K4,550; K5,150-K7,668; K8,432-K9,600; K15,692-K18,500; K19,900-K20,300; K20,500-K21,285; K23,300-K23,757; K24,650-K26,300; K27,089-K29,000; còn lại các đoạn khác chiều rộng mặt đê chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế (Theo TCVN 9902:2016).

- Về cơ đê: đoạn từ K16,960 – K17,000; K17,260-K17,325 có cơ đê rộng 2,0m, cao trình +2,0; còn lại chưa có cơ đê.

- Về cứng hoá mặt đê: Hầu hết đã được gia cố mặt đê bằng bê tông, trải nhựa hoặc rải cấp phối, trong đó có 15,648km mặt đê đã được cứng hóa bằng bê tông hoặc trải nhựa; 11,913km được rải cấp phối và 4,239km là mặt đê đất.

- Đoạn từ K20,500-K20,580 và K21,000-K21,500 sạt trượt cục bộ mái đê phía đồng chưa được xử lý.

- Trồng cây chắn sóng tại vị trí từ K10,430-K10,930 nhưng chưa phát huy tác dụng; còn lại chưa được khảo sát đánh giá khả năng trồng cây.

- Có 2,175km kè bảo vệ đê,trong đó: 0,41km kè ổn định; 1,255km kè xô sạt cục bộ mái kè cần chú ý theo dõi và 0,51km bị xói lở, xô sạt chân kè, mái kè, đỉnh kè cần tu bổ, sửa chữa.

- Có 31 cống dưới đê, trong đó có 11 cống đảm bảo an toàn; 10 cống bị hư hỏng nhỏ cần sửa chữa; 09 cống được xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới và 01 cống (Tân Dương K24,900) đã lấp nằm trong Dự án Khu đô thị Bắc sông Cấm.

***Kết luận:***

- Tuyến đê Tả sông Cấm cơ bản đảm bảo chống lũ lịch sử năm 1971, tuy nhiên vẫn còn nhiều đoạn cao trình thấp hơn cao trình thiết kế.

- Một số đoạn đê, kè, cống cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ:

+ Đoạn đê từ K23,757-K24,350 cao trình thấp (khu vực thi công xây dựng Khu đô thị mới Bắc sông Cấm).

+ Các đoạn kè: kè Hợp Thành K9,240-K9,665 và kè Bến Kiền K14,162-K14,247 xói lở, xô sạt chân kè, đỉnh kè, mái kè, chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy.

+ Các cống được xây dựng từ lâu, hư hỏng nặng, được đánh giá xung yếu gồm: cống Trà Tre (K0,950); cống Đội 6 (K2,714); cống Đội 5A (K3,970); cống Vẹt Khê (K5,450); cống Tây (K8,410); cống Đông Kem (K18,800); cống Hoa Động (K22,390); cống Tân Hoa (K23,700); cống Sáu Phiên (K28,300) và cống Tân Lập (K31,6).

***\*Tuyến đê Hữu Kinh Thày***

- Đê Hữu Kinh Thày dài 7,500km (K0,000 đến K7,500); đê sông cấp IV.

- Cao trình đỉnh đê thấp hơn cao trình thiết kế, đặc biệt đoạn từ K0,000-K4,050 cao trình đỉnh đê chỉ đạt +3.4 đến +3,6 thấp hơn mực nước thiết kế.

- Chiều rộng mặt đê: Mặt đê cơ bản rộng từ 4,6-5,1(m) đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cứng hóa mặt đê: đoạn từ K1,000-K5,000 đã được rải cấp phối mặt đê, các đoạn còn lại vẫn là mặt đê đất.

- Có 1,516km kè bảo vệ đê; trong đó: 0,666km kè ổn định; 0,650km kè xô sạt cục bộ mái kè cần chú ý theo dõi và 0,200km bị xói lở, xô sạt chân kè, mái kè, đỉnh kè cần tu bổ, sửa chữa.

- Có 08 cống dưới đê. Hầu hết các cống được xây dựng từ lâu, hiện đã xuống cấp, hư hỏng, trong đó có 05 cống cần sửa chữa; 03 cống bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới.

***Kết luận:*** Tuyến đê Hữu Kinh Thày có cao trình đỉnh đê thấp hơn cao trình thiết kế, trong đó có vị trí thấp hơn mực nước thiết kế cần chú ý trong công tác phòng, chống lụt, bão. Một số đoạn đê, kè, cống cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ:

+ Đoạn đê từ K0,000-K4,050 cao trình đỉnh đê thấp hơn mực nước thiết kế.

+ Kè Lại Xuân II từ K4,700-K4,900: Xô sạt chân kè, mái kè, chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy và các phương tiện giao thông thủy.

+ Các cống hư hỏng nặng, được đánh giá xung yếu: cống Núi Chúc tại K2,400, cống Đầm De tại K5,200 và cống Giáo Dưỡng tại K6,350.

***\* Tuyến đê Hữu Đá Bạc***

- Đê Hữu Đá Bạc dài 15,000km (K0,000 đến K15,000). Toàn tuyến là đê sông cấp IV.

- Các đoạn cao trình đỉnh đê đảm bảo cao trình thiết kế gồm: K3,500-K4,700; K4,800-K15,000. Các đoạn còn lại cao trình đỉnh đê thấp hơn so với cao trình thiết kế, đặc biệt đoạn từ K4,700-K4,800 cao trình thấp hơn mực nước thiết kế.

- Chiều rộng mặt đê: Toàn tuyến chiều rộng mặt đê đều từ 4,5m trở lên, đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cứng hóa mặt đê: Hiện nay trên toàn tuyến có 4,350km đê được cứng hóa bằng bê tông, trải nhựa; 8,35km được rải cấp phối và 2,3km là mặt đê đất.

- Đoạn từ K11,000-K15,000 chủ yếu là cây chắn sóng ngập mặn tự nhiên đã phát huy tác dụng, còn lại các đoạn khác chưa có cây chắn sóng. Không có công trình kè.

- Có 14 cống dưới đê, trong đó: 09 cống ổn định; 03 cống hư hỏng nhỏ cần sửa chữa; 02 cống được bị hư hỏng nặng cần được xây dựng mới.

***Kết luận:*** Tuyến đê Hữu Đá Bạc cơ bản đảm bảo chống bão, lũ ứng với mực nước thiết kế. Tuy nhiên trong mùa bão, lũ cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu các vị trí sau:

- Đoạn đê K4,700-K4,800 cao trình thấp hơn mực nước thiết kế.

- Các cống được xây dựng từ lâu, hiện đã hư hỏng nặng: cống Quỳ Khê tại K1,540, cống Núi Mã tại K14,500.

***\*Tuyến đê Tả Sông Thải***

- Đê Tả Sông Thải dài 5,316km (K0,000 đến K5,316) là đê sông cấp IV, mặt đê đất. Đảm bảo cao trình thiết kế, chỉ còn đoạn từ K5,050-K5,316 cao trình đỉnh đê đạt +3,50 thấp hơn cao trình thiết kế. Không có công trình kè.

- Chiều rộng mặt đê: cơ bản đảm bảo mặt cắt thiết kế, chỉ có đoạn từ K5,050-K5,316 mặt đê chỉ rộng 3,0m chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế (Theo TCVN 9902:2016).

- Có 08 cống dưới đê, trong đó chỉ có 01 cống ổn định, còn lại các cống khác được xây dựng từ lâu, hầu hết đã bị hư hỏng cục bộ các bộ phận của cống, được đánh giá kém ổn định, cần phải sửa chữa.

***Kết luận****:* Tuyến đê Tả sông Thải cơ bản đảm bảo chống bão, lũ ứng với mực nước thiết kế. Tuy nhiên trong mùa bão, lũ cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu các cống hư hỏng, kém ổn định và đoạn đê từ K5,050-K5,316 do cao trình đê thấp, mặt cắt nhỏ, hẹp.

***\*Tuyến đê Tả Tam Bạc***

- Đê Tả Tam Bạc cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế, là đê sông cấp IV dài 1,966km bao gồm hai đoạn là đê Sở Dầu (K0,000-K0,966), đê Trại Chuối (K0,000 đến K1,000) và một đoạn tường bê tông đê Trại Chuối từ K1,000-K1,290 chưa được phân cấp.

- Chiều rộng mặt đê: cơ bản đảm bảo mặt cắt thiết kế, chỉ có đoạn đê Sở Dầu từ K0,860-K0,966 mặt đê chỉ rộng 3,0m chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế (Theo TCVN 9902:2016).

- Về cứng hóa mặt đê: cơ bản đã được đầu tư tường chắn bê tông cốt thép, mặt đê đã được bê tông hóa. chỉ có đoạn đê Sở Dầu từ K0,860-K0,966 là mặt đê đất.

- Có 2,150km kè đảm bảo ổn định.

- Có 04 cống dưới đê, trong đó: 03 cống ổn định; 01 cống (cống An Lạc K0,990) hư hỏng cần được sửa chữa.

***Kết luận****:* Tuyến đê Tả Tam Bạc cơ bản đảm bảo chống nước dâng do bão và triều cường. Tuy nhiên trong mùa bão, lũ năm nay cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu đối với cống An Lạc K0,990.

***\*Tuyến đê Hữu Tam Bạc***

- Đê Hữu Tam Bạc là đê sông cấp IV dài 2,500km bao gồm hai đoạn là đê Hữu Tam Bạc (K0,000-K1,500) và đê Sông Đào Lạch Tray (K0,000-K1,000), không có công trình kè.

- Cao trình đỉnh đê chỉ đạt khoảng +3,0m thấp hơn cao trình thiết kế, đặc biệt đoạn đê sông Đào Lạch Tray cao trình chỉ đạt +2,60m thấp hơn mực nước thiết kế (đây là đoạn đê kết hợp đường ven sông, thường bị tràn khi triều cường gây ngập đường, phía trong sát đê là khu dân cư).

- Chiều rộng mặt đê: cơ bản nhỏ hơn 3,50m không đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cứng hóa mặt đê: đoạn từ K0,400-K1,200 là mặt đê đất, còn lại được cứng hóa bằng bê tông.

- Có 02 cống dưới đê làm nhiệm vụ tiêu nước. Trong đó 01 cống hư hỏng cần sửa chữa; 01 cống cần hoành triệt để đảm bảo an toàn trong mùa bão, lũ.

***Kết luận****:* Tuyến đê Hữu Tam Bạc còn nhiều vị trí xung yếu, thấp nhỏ. Có nguy cơ bị tràn khi triều cường và nước dâng do bão.

***\*Tuyến đê Hữu Bạch Đằng***

- Đê Hữu Bạch Đằng là đê cửa sông cấp IV dài 14,100km (K0,000-K14,100).

- Các đoạn cao trình đỉnh đê đảm bảo cao trình thiết kế gồm: K0,000-K0,965; K2,000-K3,770; K4,100-K8,700; K13,200-K14,100. Các đoạn còn lại cao trình đỉnh đê thấp hơn so với cao trình thiết kế, đặc biệt đoạn từ K1,050-K2,000; K3,770-K4,100 cao trình chỉ đạt +3,10 thấp hơn mực nước thiết kế.

- Chiều rộng mặt đê: đảm bảo mặt cắt thiết kế, chỉ còn đoạn từ K3,770-K4,100 mặt đê chỉ rộng 3,10m chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cứng hoá mặt đê: có 6,355km được cứng hóa bằng bê tông hoặc rải nhựa; 0,9km được rải cấp phối; 4,915km là mặt đê đất và một số đoạn đê nằm trong khu vực Nhà máy đóng tàu Phà Rừng và nhà máy đóng tàu Nam Triệu.

- Đoạn từ K5,540-K14,100 có cây chắn sóng phát huy tác dụng, còn lại chưa được khảo sát trồng cây.

- Hiện trạng kè: Ổn định

- Có 10 cống dưới đê, trong đó 07 cống ổn định; 02 cống hư hỏng nhỏ cần được sửa chữa và 01 cống hư hỏng nặng cần làm lại mới.

***Kết luận****:* Tuyến đê Hữu Bạch Đằng cơ bản đảm bảo chống bão, lũ tương ứng mực nước thiết kế. Tuy nhiên vẫn còn một số vị trí cần chú ý kiểm tra, theo dõi, sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ:

+ Đoạn đê từ K1,050-K2,000; K3,770-K4,100; cao trình chỉ đạt +3,10 thấp hơn mực nước thiết kế.

+ Các cống kém ổn định, đặc biệt là cống Cantex tại K4,000 và cống Thủy Sản tại K5,400.

***\*Tuyến đê biển Tràng Cát***

- Đê Biển Tràng Cát dài 19,998km, là đê cấp IV; trong đó có 8,000km là đê biển (K4,000-K12,000) và 11,998km đê cửa sông (K0,000-K4,000 và K12,000-K19,998).

- Cao trình đỉnh đê đảm bảo cao trình thiết kế còn các đoạn chưa đảm bảo-cao trình thiết kế: K0,000-K1,884 (đường giao thông đô thị, không có đê); K8,592-K9,185 (cao trình thấp, mặt cắt đê không đảm bảo thiết kế).

- Chiều rộng mặt đê: đoạn từ K8,592-K9,185 mặt đê chỉ đạt 2,5-2,8(m) không đảm bảo mặt cắt thiết kế. Các đoạn còn lại là tường bê tông thay đê hoặc mặt đê đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cứng hoá mặt đê: có 3,005km là tường bê tông hoặc tường đá xây thay đê; 2,657km được rải cấp phối và 12,229km là mặt đê đất; còn lại là khu vực đường giao thông chưa có đê hoặc vị trí đê chưa được xây dựng liền tuyến.

- Một số vị trí chủ yếu là cây chắn sóng ngập mặn tự nhiên đã phát huy tác dụng, còn lại các đoạn khác chưa có cây chắn sóng.

- Có 0,318km kè từ K19,680-K19,998 đã hư hỏng cần tu bổ, sửa chữa.

- Có 16 cống dưới đê, trong đó 04 cống ổn định; 05 cống hư hỏng nhỏ cần sửa chữa; 04 cống hư hỏng nặng cần xây dựng mới; 03 cống cần hoành triệt để đảm bảo an toàn trong mùa bão, lũ.

***Kết luận****:*

- Tuyến đê biển Tràng Cát cơ bản có cao trình đảm bảo cao trình thiết kế, tuy nhiên vẫn còn một số vị trí đê chưa liền tuyến, nhiều cống hư hỏng, kém ổn định không đảm bảo an toàn trong công tác phòng chống lụt, bão.

- Một số vị trí cần có phương án hộ đê xử lý các sự cố ngay từ giờ đầu trong mùa mưa bão:

+ Đoạn đê từ K0,000-K1,884 (đường giao thông đô thị, không có đê); K18,980-K19,030 (vị trí đê được xây dựng tạm bằng tường gạch).

+ Các cống kém an toàn, đặc biệt là các cống xung yếu và các cống đang trong thời gian thi công dở dang.

***\*Tuyến đê biển I***

- Đê Biển I dài 17,590km; trong đó có 11,590km là đê biển (trong đó đê cấp III là 6,090km từ K11,500-K17,590 và đê cấp IV là 5,500 km từ K6,000-K11,500) và 6,000km đê cửa sông cấp IV từ K0,000-K6,000.

- Cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế. Những đoạn được đầu tư theo Chương trình nâng cấp đê biển có cao trình đỉnh đê từ +5,0 trở lên đảm bảo chống bão cấp 10, triều tần suất 5%.).

- Chiều rộng mặt đê: Toàn tuyến cơ bản đảm bảo mặt cắt thiết kế, chỉ có đoạn từ K0,000-K1,000 mặt đê rộng 3,0m không đảm bảo mặt cắt thiết kế (Theo TCVN 9902:2016).

- Về cơ đê: Các đoạn từ K2,850-K3,500; K4,000-K7,000; K11,500-K16,460 có cơ đê rộng từ 4,5-5,0(m); còn lại chưa có cơ đê.

- Về kiên cố hóa mặt đê: đã cứng hóa được 9,710km bê tông mặt đê; 1,090km là tường bê tông thay đê và còn 6,790km là mặt đê đất (hầu hết các vị trí mặt đê đất là đê của sông).

- Đoạn từ K9,900- K16,000 đã được trồng cây chắn sóng nhưng chỉ có các đoạn từ K9,900-K13,150; K13,330-K14,375; K14,750-K16,000 là phát huy tác dụng, còn lại là chưa phát huy tác dụng. Các đoạn khác chưa được khảo sát trồng cây.

- Có 11.278km kè, trong đó có 8,283km kè ổn định và 2,995km kè xô sạt chân kè, mái kè cần tu bổ, sửa chữa.

- Có 13 cống dưới đê, trong đó có 09 cống ổn định; 02 cống hư hỏng các bộ phận cống cần sửa chữa; 01 cống hư hỏng nặng cần làm lại mới và 01 cống đã hoành triệt.

***Kết luận:***

- Nhìn chung, về cao trình tuyến đê biển I đã đảm bảo cao trình thiết kế, tuy nhiên toàn tuyến chưa được xây dựng hoàn thiện. Ngoài những đoạn đã đầu tư tu bổ theo Chương trình nâng cấp đê biển đảm bảo chống bão cấp 10 triều tần suất 5%, các đoạn còn lại của đê biển chống bão cấp 9 triều trung bình. Các đoạn đê cửa sông vẫn là mặt đê đất, một số vị trí mặt cắt còn nhỏ hẹp, chưa đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Một số vị trí cần chú ý kiểm tra, theo dõi để sẵn sàng xử lý sự cố giờ đầu trong mùa bão, lũ: Đoạn đê từ K0,00-K1,00 mặt cắt nhỏ hẹp không đảm bảo mặt cắt thiết kế. Cống kém ổn định: cống EC tại K16,500; cống Xăm tại K17,000.

***\*Tuyến đê biển II***

- Đê Biển II dài 10,660km, là đê cấp III; trong đó có 7.700m là đê biển (K0,000-K7,700) và 2.960m đê cửa sông (K7,700-K10,660). Toàn tuyến bằng bê tông.

- Cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế. Những đoạn được đầu tư theo Chương trình nâng cấp đê biển có cao trình đỉnh đê từ +5,0 trở lên đảm bảo chống bão cấp 10, triều tần suất 5%.

- Chiều rộng mặt đê: Toàn tuyến cơ bản có chiều rộng mặt đê 6,0m đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cơ đê: Đoạn từ K0,000-K4,700 có cơ đê phía đồng rộng 4,0m gia cố mặt bê tông tại cao trình +3.2; các đoạn còn lại không có cơ đê.

- Đoạn từ K0,000-K7,000 đã được trồng cây chắn sóng phát huy tác dụng, còn lại chưa được trồng cây.

- Có 7,374km; trong đó có 7,009km kè ổn định và 0,365km kè xô sạt mái kè cần chú ý theo dõi.

- Có 08 cống ổn định.

***Kết luận:*** Cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế. Những đoạn được đầu tư theo Chương trình nâng cấp đê biển đảm bảo chống bão cấp 10, triều tần suất 5%.

***\*Tuyến đê biển III***

- Đê Biển III dài 21,162km, là đê cấp IV; trong đó có 12,000km đê biển (K5,000-K17,000) và 9,162km đê cửa sông (K0,000-K5,000 và K17,000-K21,162).

- Đoạn từ K0,000-K0,100; K1,260-K2,100 cao trình đỉnh đê thấp hơn cao trình thiết kế, còn lại cao hơn cao trình thiết kế.

- Chiều rộng mặt đê: từ 5,0m trở lên đảm bảo mặt cắt thiết kế.

- Về cơ đê: đoạn từ K8,970-K10,923 có cơ đê rộng 4,0m tại cao trình +3.0; các đoạn còn lại không có cơ đê.

- Về cứng hoá mặt đê: có 5,283km mặt đê được gia cố bằng bê tông, nhựa đường; 6,852km được rải cấp phối và 9,027km là đê đất.

- Đoạn từ K3,500-K15,000 cây chắn sóng đã phát huy tác dụng tốt, còn lại chưa được khảo sát trồng cây.

- Có 3,796km kè, trong đó có 0,315km kè ổn định; 3,197km kè xô sạt cục bộ mái kè cần chú ý theo dõi và 0,284km hư hỏng nặng cần sửa chữa.

- Có 10 cống dưới đê, trong đó 04 cống hiện ổn định; 02 cống hư hỏng cục bộ cần sửa chữa và 04 cống hư hỏng nặng cần xây dựng mới.

***Kết luận:***

- Tuyến đê biển III cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế nhưng chỉ đảm bảo chống bão cấp 9 triều thấp đến trung bình.

- Một số vị trí cần chú ý kiểm tra, theo dõi xử lý các sự cố giờ đầu trong mùa mưa bão:

+ Đoạn đê từ K0,000-K0,100; K1,260-K2,100 cao trình đỉnh đê thấp hơn cao trình thiết kế.

+ Kè Tiên Hưng (K10,412-K10,476); kè Cổ Ngựa (K11,700-K11,920) xô sạt chân kè, mái kè, chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy.

+ Các cống xây dựng từ lâu bị hư hỏng nặng: cống Ba Gian (K3,457); cống Thành Tre 2 (K6,229); cống Rộc (K7,748) và cống C1 (K18,721).

***\* Tuyến đê biển Cát Hải***

- Đê biển Cát Hải dài 18,643km, là đê cấp IV (Từ K0,000 đến K20,643).

- Cơ bản đảm bảo cao trình thiết kế. Trong đó, đoạn từ K1,181-K3,555; K7,300-K8,053 được đầu tư theo Chương trình nâng cấp đê biển cao trình đỉnh tường chắn sóng đạt +5.2 đến +5.5m và đoạn K3,555-K7,300 là tường bê tông thay đê thuộc Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast cao trình đỉnh tường đạt +7,0 đảm bảo chống bão cấp 10 triều tần suất 5%.

- Một số đoạn có cao trình chỉ đạt +3,20 thấp hơn mực nước thiết kế: K11,560-K15,400; K17,500-K18,550; K20,200-K20,643.

- Chiều rộng mặt đê: từ K11,560-K15,400; K17,500-K18,550 có chiều rộng mặt đê chỉ đạt 2,5-3,0(m) không đảm bảo mặt cắt thiết kế, còn lại cơ bản đạt bề rộng thiết kế.

- Về cơ đê: đoạn từ K3,094-K7,300 có cơ đê ở cao trình +3,0; các đoạn còn lại không có cơ đê.

- Về cứng hoá mặt đê: có 11,425km đê gồm tường bê tông, mặt đê được cứng hóa bằng bê tông, nhựa đường; 5,058km được rải cấp phối và 4,160km là mặt đê đất.

- Các đoạn từ K8,053-K8,700; K9,050-K9,830; K17,200-K17,800 đã được trồng cây chắn sóng phát huy tác dụng tốt. Các đoạn K15,790-K16,400; K17,900-K18,050 và K19,600-K20,250 đã được trồng nhưng chưa phát huy tác dụng. Các đoạn còn lại chưa được trồng hoặc không thể trồng được.

- Có 13,128km kè lát mái và kè mỏ hàn, trong đó có 8,205km kè ổn định; 4,733km kè hư hỏng cục bộ mái kè cần theo dõi và 0,190km kè hư hỏng nặng cần tu bổ sửa chữa.

- Có 09 cống dưới đê, trong đó có 02 cống hiện ổn định và 07 cống hư hỏng các bộ phận cống cần sửa chữa.

***Kết luận:***

- Tuyến đê biển Cát Hải còn một số đoạn đê cao trình thấp hơn cao trình thiết kế, đặc biệt có nhiều đoạn cao trình thấp hơn mực nước thiết kế, nhiều đoạn mặt cắt nhỏ, hẹp, khả năng chỉ chống bão cấp 8, cấp 9, triều trung bình.

- Một số vị trí cần chú ý kiểm tra, theo dõi và có phương án xử lý trong mùa bão gồm các cống hư hỏng, kém ổn định và đoạn đê K11,560-K15,400; K17,500-K18,550; K20,200-K20,643 cao trình đỉnh đê thấp hơn mực nước thiết kế.

1. ***Kết luận chung về khả năng phòng chống lũ, bão của hệ thống đê***

***\* Đối với đê sông***

- Về cao trình, hầu hết các tuyến đê sông đã cơ bản đảm bảo cao trình chống lũ, bão ở mức nước thiết kế (trừ các vị trí giao cắt hoặc trùng với tuyến đường giao thông) nhưng còn nhiều vị trí thiếu cao trình so với cao trình thiết kế.

- Về mặt cắt và chất lượng đê, các vị trí đã được tu bổ những năm gần đây đảm bảo mặt cắt thiết kế, chất lượng đê được cải thiện; một số vị trí mặt cắt đê còn nhỏ hoặc có ẩn họa (tổ mối, nền đê yếu, độ rỗng thân đê) chưa được đầu tư có nguy cơ bị thẩm lậu, rò rỉ, sạt trượt trong trường hợp có lũ, bão thiết kế (các vị trí được đánh giá đê xung yếu, đê kém ổn định).

- Công trình kè bảo vệ đê cơ bản đảm bảo, tuy nhiên vẫn còn nhiều kè kém ổn định và xung yếu do xói lở chân, xô sạt mái kè, đỉnh kè.

- Công trình cống dưới đê còn nhiều cống được xây dựng từ lâu, chất lượng không đảm bảo. Các hư hỏng chủ yếu là xói lở mang, giàn cánh kém, hư hỏng tường quặt, sân tiêu năng.

***\* Đối với cửa sông, đê biển***

Về quy mô và kết cấu đê cửa sông, đê biển chỉ đảm bảo chống bão cấp 9, cấp 10 triều trung bình đến triều cường. Với trường hợp bão trên cấp 10 gặp triều cường sẽ xảy ra tình trạng mất an toàn ở các tuyến đê trực tiếp biển.

Đối với kè đê biển có kết cấu bằng bê tông đảm bảo an toàn trong trường hợp có sóng bão đến cấp 9, triều trung bình đến triều cường.

Đối với kè đê biển có kết cấu đá lát khan (đê biển Cát Hải), chỉ đảm bảo chống đỡ với sóng gió cấp 6, cấp 7, triều cường.

Đối với các tuyến đê biển đã được nâng cấp theo Chương trình đê biển như đê biển I, đê biển II, đê biển Cát Hải, quy mô đê, kết cấu bảo vệ đê đảm bảo an toàn theo yêu cầu thiết kế. Tuy vậy, các vị trí kè cũ có những hư hỏng cục bộ như lún, cấu kiện bị bào mòn, vẹt góc… không đảm bảo khả năng ổn định với tiêu chuẩn thiết kế của Chương trình đê biển (cấp 10, triều cường).

1. Đánh giá khả năng phòng, chống bão, lũ của các tuyến đê

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tuyến đê** | **Đánh giá chung** |
| 1 | Tả sông Hoá | Đê tương đối ổn định, điều kiện địa chất nền đê trung bình; còn một số cống và kè cũ hư hỏng và xung yếu. Cơ bản đảm bảo an toàn trong trường hợp lũ thiết kế. |
| 2 | Hữu sông Luộc | Đê cơ bản đảm bảo an toàn chống lũ thiết kế, tuy nhiên vẫn còn một số cống và nhiều đoạn kè kém ổn định, xung yếu. |
| 3 | Hữu Thái Bình | Đê cơ bản đảm bảo an toàn phòng chống lũ, bão trừ một số vị trí cống kém an toàn và xung yếu. |
| 4 | Tả Thái Bình | Đê đảm bảo an toàn trừ đoạn đầu tuyến đê thấp và các vị trí cống cũ xung yếu, kém ổn định. |
| 5 | Hữu sông Mía | Đê đảm bảo cao trình thiết kế, khả năng chống lũ ở mức trung bình. |
| 6 | Hữu sông Mới | Đê đảm bảo an toàn và chống lũ theo thiết kế. |
| 7 | Tả sông Mới | Đê đảm bảo cao trình thiết kế, khả năng chống lũ ở mức trung bình. |
| 8 | Hữu Văn úc | Đê còn nhiều đoạn kém ổn định, có nhiều đoạn thấp nhỏ, nhiều cống cũ xung yếu và kém ổn định. Khả năng chống lũ, bão ở mức trung bình. |
| 9 | Tả Văn úc | Đê còn nhiều đoạn cao trình thấp không đảm bảo chống lũ thiết kế, nhiều cống cũ và kè kém ổn định, xung yếu. |
| 10 | Hữu Lạch Tray | Đê nhiều đoạn kém ổn định, nhiều vị trí đê chưa khép kín; nhiều đoạn kè, cống kém ổn định, xung yếu. Khả năng chống lũ, bão ở mức trung bình. |
| 11 | Tả Lạch Tray | Đê còn nhiều đoạn thấp nhỏ, chất lượng thân đê kém, nhiều cống, kè xung yếu, kém ổn định. Khả năng chống lũ, bão ở mức trung bình. |
| 12 | Hữu Tam Bạc | Đê còn nhiều vị trí xung yếu, thấp nhỏ. Có nguy cơ bị tràn khi triều cường và nước dâng do bão. |
| 13 | Tả Tam Bạc | Đê ổn định (đê đô thị), đảm bảo khả năng chống lũ, bão theo thiết kế. |
| 14 | Hữu sông Cấm | Đê còn nhiều đoạn cao trình thấp hơn cao trình thiết kế; nhiều đoạn kè, cống kém ổn định. Khả năng chống lũ ở mức trung bình. |
| 15 | Tả sông Cấm | Đê còn nhiều đoạn cao trình thấp hơn cao trình thiết kế, một số đoạn cao trình thấp hơn mực nước thiết kế; nhiều đoạn kè, cống xung yếu. Khả năng chống lũ, bão ở mức trung bình. |
| 16 | Hữu Kinh Thầy | Đê còn nhiều vị trí xung yếu, thấp nhỏ. Khả năng chống lũ ở mức trung bình. |
| 17 | Hữu Đá Bạc | Đê đảm bảo khả năng chống lũ bão theo thiết kế trừ các vị trí cống kém ổn định. |
| 18 | Tả sông Thải | Đê đảm bảo khả năng chống lũ bão theo thiết kế trừ các vị trí cống kém ổn định. |
| 19 | Hữu Bạch Đằng | Các đoạn đã nâng cấp đảm bảo khả năng chống lũ bão theo thiết kế. Đoạn còn lại thấp nhỏ, khả năng chống lũ bão hạn chế. |
| 20 | Đê Biển Tràng Cát | Đê còn nhiều đoạn kém ổn định. Khả năng chống bão và nước dâng do bão ở mức trung bình. |
| 21 | Đê Biển I | Các đoạn đê biển đã được nâng cấp đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn thiết kế, các vị trí chưa được nâng cấp và đoạn đê cửa sông có nguy cơ bị tràn trong trường hợp bão lớn kết hợp triều cường. |
| 22 | Đê Biển II | Đê ổn định. Các đoạn đê biển và đê cửa sông đều đảm bảo khả năng chống bão theo thiết kế. |
| 23 | Đê Biển III | Đê còn nhiều đoạn kém ổn định, nhiều đoạn kè, cống kém ổn định, xung yếu. Khả năng chống bão ở mức trung bình. Rừng cây chắn sóng rộng phát huy tác dụng tốt tác dụng phòng hộ cho đê. |
| 24 | Đê biển Cát Hải | Các đoạn đê được nâng cấp đảm bảo chống bão theo thiết kế; các đoạn còn lại chưa được nâng cấp kém ổn định, hầu hết bị tràn khi gặp tổ hợp bão bất lợi. |

***\* Về công tác duy tu bảo dưỡng đê điều***

Trong những năm qua hệ thống đê điều Hải Phòng được TW quan tâm đầu tư kinh phí tu bổ, duy tu bảo dưỡng các tuyến đê từ cấp III trở lên từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế do Bộ NN&PTNT quản lý. Công tác tu bổ, duy tu được thực hiện đã khắc phục, xử lý công trình đê điều xuống cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều, kết hợp giao thông nông thôn, góp phần phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương:

- Công tác quản lý, đầu tư tu bổ, nâng cấp đê điều: Hệ thống đê điều của thành phố ngày càng được củng cố và phát triển; từ năm 2016-2020, tổng chiều dài đê an toàn tăng từ 69,6% lên 76,51%; đê xung yếu giảm từ 4,6% xuống còn 2,36%; số cống an toàn tăng từ 46,1% lên 50,9%, cống xung yếu giảm từ 19,5% còn 16,19%; đã thực hiện đầu tư nâng cấp hoàn thiện được 15,8km đê; gia cố bê tông hóa 19,2km mặt đê kết hợp giao thông, xây dựng mới 24 cống xung yếu dưới đê; xây mới 11,857km kè, xây dựng 02 cống dưới đê với tổng kinh phí 212,130 tỷ đồng. Năng lực đảm bảo phòng chống lũ bão của hệ thống đê điều ngày càng được nâng lên.

- Chương trình nâng cấp đê biển: đã củng cố, nâng cấp 29,309km đê, làm mới 02 kè mỏ hàn, xây dựng 12 cống dưới đê với tổng kinh phí thực hiện: 680,399 tỷ đồng.

- Hệ thống đê điều bảo đảm an toàn chống lũ thiết kế (đối với đê sông); chống bão cấp 9, triều cường (đối với đê biển).

- Hệ thống rừng phòng hộ ven biển, ven sông được quan tâm đầu tư bảo vệ, phát triển phát huy tốt tác dụng chắn sóng bảo vệ đê điều, PCTT, ứng phó với BĐKH và nước biển dâng.

- Công trình có thể sử dụng làm nơi tập kết, sơ tán dân đến: nhà ở kiên cố của nhân dân; công trình công cộng bao gồm: công trình giáo dục (nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông các cấp, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trường nghiệp vụ…); công trình y tế (bệnh viện, trạm y tế…); nhà ga, nhà đa năng, khách sạn, ký túc xá, trụ sở cơ quan.

- Công tác quản lý đê điều: Sở NN&PTNT phối hợp với các huyện, quận đã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng chống lụt bão; chỉ đạo lực lượng quản lý đê tổ chức quản lý, theo dõi chặt chẽ diễn biến công trình, kịp thời kiểm tra, phát hiện, tham mưu xử lý các sự cố đê điều; xử lý các vị trí đê điều xung yếu, hoành triệt cống dưới đê không đảm bảo an toàn trước mùa lũ bão; ngăn chặn và xử lý các vụ vi phạm Luật Đê điều.

Trên toàn hệ thống còn có 169,05km đê, 40,03km kè dưới cấp III trong những năm vừa qua chưa được quan tâm đầu tư kinh phí duy tu bảo dưỡng. Tình trạng công trình đê điều xuống cấp, hoang hóa, ẩn họa trong thân đê gây khó khăn cho công tác tuần tra, canh gác, quản lý đê điều.

***3.5.2. Đối với hệ thống công trình thủy lợi***

Do đặc điểm địa hình bị chia cắt bởi các sông tự nhiên, các công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng được phân chia thành 06 hệ thống độc lập: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Đa Độ, An Hải, Thủy Nguyên và huyện đảo Cát Hải. Tổng số công trình thuỷ lợi gồm có 387 cống dưới đê; 602 trạm bơm điện tưới, tiêu nước; 3.833 tuyến kênh chìm từ cấp 3 trở lên với tổng chiều dài 4.059,2km, 1.296km kênh cứng sau trạm bơm điện, 15.510 tuyến kênh nội đồng sau điểm giao nhận có tổng chiều dài 4.818,6km.

1. ***Trạm bơm tiêu úng***

Trên địa bàn thành phố hiện có 08 trạm bơm đầu mối tiêu, kết quả kiểm tra đánh giá hiện có 05 trạm bơm hoạt động tốt, đảm bảo công suất thiết kế; 03 trạm bơm trong tình trạng xuống cấp cụ thể như sau:

- Các trạm bơm hoạt động tốt, đảm bảo công suất thiết kế bao gồm:

+ Trạm bơm Thượng Đồng (mới) 10 tổ máy tổng công suất 80.000m3/h;

+ Trạm bơm Sinh Đan 07 tổ máy tổng công suất 17.500m3/h;

+ Trạm bơm Hoàng Lâu 04 tổ máy tổng công suất 14.800m3/h;

+ Trạm Cộng Hiền gồm 12 máy có tổng công suất 48.000m3/h;

+ Trạm bơm Gò Công gồm 08 máy có tổng công suất 20.000m3/h.

- Các trạm bơm kém chất lượng bao gồm:

+ Trạm bơm Bát Trang và Quang Hưng (mỗi trạm có 12 máy bơm trục ngang công suất 4.000m3/h). Máy bơm trục ngang đã cũ, lạc hậu không đảm bảo khi cần thiết phải hoạt động hết công suất, nhà trạm hư hỏng, bể xả, bể hút trượt sạt nhiều chỗ, hệ thống điện đã xuống cấp nhiều năm không đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão (đang lập dự án cải tạo, nâng cấp); Trạm bơm Thượng Đồng (cũ) gồm 14 máy có tổng công suất 56.000m3/h đã xuống cấp hư hỏng nặng.

1. ***Cống dưới đê***

Toàn thành phố hiện có 387 cống dưới đê, trong đó 210 cống an toàn, 122 cống kém an toàn và 55 cống xung yếu. Ngoài một số công trình cống đầu mối tiêu, phần lớn các cống còn lại là cống nhỏ có khẩu độ dưới 5m, có nhiệm vụ tưới, tiêu độc lập trong phạm vi nhỏ. Một số cống nhỏ được xây dựng từ lâu bằng nhiều loại vật liệu khác nhau (gạch xây, đá xây, bê tông) với nhiều hình thức kết cấu khác nhau (cống ống buy, cống hộp, cống vòm…).

Các cống được đánh giá xung yếu đều được xây dựng từ những năm 1960-1970, đến nay nhiều cống đã bị hư hỏng nặng và phải hoành triệt tạm thời trong mùa lũ để sử dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tình trạng chung của các cống xung yếu là:

- Cống được xây dựng từ lâu, hết thời hạn sử dụng.

- Quy mô kết cấu hạn chế, hầu hết là cống ngắn hơn so với mặt cắt đê, không có sân tiêu năng, bộ phận đóng mở hoạt động kém hoặc không có.

- Hư hỏng thường gặp là nứt gãy tường thân, nứt bản đáy, xói lở sân tiêu năng thượng hạ lưu, sạt lở mang cống, xói ngầm đất thân đê. Rò xuyên tâm, xuyên mang, tường, kè thượng hạ lưu, kè mái, kè hướng dòng, sạt lở lớn làm sụt mặt đê, giàn công tác hư hỏng, máy đóng mở hỏng, cánh van rò rỉ … gây mất an toàn trong mùa mưa bão.

Ngoài ra, hệ thống cống thoát nước đô thị không có hệ thống đóng mở nên khi mực nước triều dâng cao đã gây ngập lụt cục bộ khu vực đô thị.

1. ***Kênh và công trình trên kênh***

Hệ thống kênh của Hải Phòng, một số tuyến kênh trục chính có nhiều đoạn mặt cắt ngang kênh thay đổi, chiều rộng đáy kênh nhỏ hẹp, lòng kênh bị nông đầy, chưa được kè mái, đỉnh bờ kênh thấp, kênh bị đổi hướng dễ gây ách tắc dòng chảy, năng lực chuyển nước chưa được cao như kênh Hòa Phong (đoạn khu vực Máy Chai), kênh Kim Xá (đoạn cống đường tàu, đoạn từ đập Cái Móc đến đập Cữ), kênh Tân Hưng Hồng đoạn cống đường tàu ... Ngoài ra khi xảy ra những trận mưa lớn kéo dài nhiều ngày dễ gây ngập úng tại một số khu vực trũng thấp của hệ thống, bèo tây dồn từ phía Hải Dương về nhiều gây ách tắc dòng chảy, khả năng tiêu thoát nước kém. Các tuyến kênh tưới cấp I sau trạm bơm điện được tiếp nhận bàn giao từ các địa phương về các Công ty quản lý hiện tại đã xuống cấp nhiều do được xây dựng từ lâu, tường kênh bị bong tróc vữa trát, dễ bị sập đổ, nứt gãy tường kênh, gây rò rỉ, tổn thất nước lớn, còn lại là các công trình khai thác sử dụng bình thường.

Do thiếu kinh phí duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên dẫn đến một số tuyến kênh đất bị nông đầy, không đảm bảo khả năng dẫn nước trong mùa mưa bão cần nạo vét.

Việc đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi thời gian qua đã đem lại hiệu quả to lớn cho thành phố Hải Phòng, góp phần nâng cao khả năng phục vụ sản xuất và đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu cho nông nghiệp, khắc phục tình trạng ngập úng, hạn hán, tiêu thoát nước cho diện tích công nghiệp, dân cư.

1. ***Các công trình làm nơi tránh trú, di dời dân***

Công tác sơ tán nhân dân vùng xung yếu: Trước mùa mưa bão, các địa phương xây dựng phương án sơ tán nhân dân tại chỗ và di dời đến nơi khác (khoảng 100.000 người). Trong các tình huống thiên tai, các địa phương đã tổ chức thực hiện công tác sơ tán nhân dân tùy theo mức độ ảnh hưởng của thiên tai, đảm bảo an toàn về người và an ninh trật tự. Những địa điểm chọn làm nơi tránh trú, di dời dân đối với từng quận, huyện là: Hội trường UBND xã, Nhà văn hóa, Trường học, Trụ sở tôn giáo...

Các công trình dân sinh, kinh tế kết hợp làm nơi tránh trú, di dời dân đảm bảo đủ điều kiện về sự an toàn, cung cấp đủ lương thực và vệ sinh cho người dân.

1. ***Công tác tiêu thoát nước trong mùa mưa bão và PCTT***

Các công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng hàng năm đều xây dựng kế hoạch tiêu chuẩn, phương pháp PCTT-TKCN, phối hợp tốt với các quyền chính của địa phương, đơn vị sử dụng nước, chỉ đạo các phòng ban, các công cụ vận hành. đúng quy trình; tích cực phối hợp Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi khu vực lân cận như Kim Thành, Hải Dương, thường xuyên bổ sung nguồn nước vào hệ thống phục vụ tưới tiêu, đồng thời thau đảo nước hệ thống bảo đảm chất lượng nước thô. Theo dõi sát diễn biến thời tiết khi có mưa bão, trước khi có bão hay có tin mưa lớn kéo dài, chủ động tháo hạ nước đệm, tiêu thoát kịp thời không để xảy ra tình trạng úng lụt trên địa bàn.

Các công ty chỉ đạo các phòng ban, các trạm thủy nông phối hợp với các địa phương, các hợp tác xã nông nghiệp kiểm tra, đánh giá, rà soát, xây dựng bản đồ các khu vực có nguy cơ ngập tràn trên địa bàn Công ty quản lý tương ứng với lượng mưa khác nhau để xác định chi tiết thời điểm, khu vực và phạm vi, quy mô ảnh hưởng gây ngập, thời gian ngập để chủ động cho công tác phòng chống tiêu úng, giảm thiểu các thiệt hại do ngập úng gây ra. Công ty xây dựng phương án phòng chống lụt bão, phương án chống úng tại các vùng úng trọng điểm trình UBND huyện phê duyệt, trong đó tập trung vào các giải pháp tiêu thoát nước như kiến các vị trí lắp đặt các trạm bơm dã chiến, việc khoanh vùng tiêu thoát nước khi xảy ra mưa úng, kế hoạch điều tiết, vận hành các cống, đập điều tiết, trạm bơm tiêu khi thực hiện tiêu thoát nước trong hệ thống.

Hàng năm, Công ty thành lập đoàn kiểm tra gồm lãnh đạo Công ty, lãnh đạo các phòng ban chuyên môn về công trình thủy lợi trên địa bàn Công ty quản lý trước mùa mưa bão. Xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng nâng cấp tu bổ kịp thời để bảo đảm công trình phục vụ an toàn trong mùa mưa bão. Thường xuyên bảo dưỡng bơm, cống, đập, trang bị máy bơm dã chiến, cánh phai dự phòng. Xây dựng phương án PCTT-TKCN theo phương châm “4 tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, vật tư, hậu cầu tại chỗ) và “3 sẵn sàng” (Chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả). Các vật tư như cánh phai gỗ, đất dự phòng, cát đen, mai, cuốc, xėng, máy thiết bị được tập kết tại các vị trí theo quy định, sẵn sàng xử lý sự cố khi có bão lũ xảy ra.

* + - 1. Năng lực về nguồn lực tài chính

Nguồn lực tài chính để phục vụ cho lĩnh vực PCTT&TKCN của thành phố bao gồm các nguồn do TW hỗ trợ, nguồn ngân sách thành phố, nguồn ngân sách dự phòng, nguồn hỗ trợ của các tổ chức chính trị xã hội, nguồn kinh phí nộp Quỹ PCTT.

Hàng năm, khi có thiên tai xảy ra, BCH PCTT&TKCN thành phố báo cáo UBND thành phố, trình Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành TW hỗ trợ khắc phục thiên tai đối với các công trình cơ sở hạ tầng có vốn đầu tư lớn, còn đối với các công trình nhỏ, thiệt hại về nhà ở, cây trồng, vật nuôi sử dụng ngân sách dự phòng địa phương và nguồn Quỹ PCTT của thành phố.

Từ khi Quỹ PCTT đi vào hoạt động, tổng số thu đạt: 64.660 triệu đồng, cụ thể: thu năm 2016 mới đạt 8.148,25 triệu đồng; năm 2017 thu 19.078 triệu đồng (42% kế hoạch); năm 2018 là 14.120 triệu đồng đạt 33,6% kế hoạch; năm 2019 thu 8.771,2 triệu đồng đạt 19,7% kế hoạch); năm 2020 thu 9.751 triệu đồng.

Nguồn kinh phí cấp qua Bộ NN&PTNT thực hiện duy tu, tu bổ đê điều từ năm 2008 đến năm 2019 là: 471,55 tỷ đồng, cụ thể: Duy tu bảo dưỡng đê điều: 203,0 tỷ đồng; Tu bổ đê điều thường xuyên: 215,550 tỷ đồng, đã thực hiện hoàn thiện mặt cắt 57,784 km đê, làm mới 1,109km kè, xây mới 19 cống dưới đê; Xử lý cấp bách: 53,0 tỷ đồng.

* + 1. Đánh giá mức độ RRTT

Với xu thế về BĐKH với các biểu hiện nền nhiệt độ thay đổi theo chiều hướng trung bình gia tăng, lượng mưa thay đổi theo chiều hướng gia tăng về mùa mưa và giảm về mùa kiệt thì ngày càng làm gia tăng các yếu tố cực đoan của thời tiết và gia tăng cường độ cũng như tần suất các loại hình thiên tai. Trên địa bàn thành phố Hải Phòng cũng như các thành phố Đồng bằng Bắc Bộ cũng ghi nhận đã xảy ra các loại hình thiên tai như bão, ATNĐ, mưa lớn, lũ, ngập lụt, các loại hình thiên tai như lốc, sét, mưa đá… cũng có xu hướng gia tăng trong một vài năm gần đây trên địa bàn thành phố.

Với diễn biến và xu thế của thiên tai trên địa bàn thành phố các năm gần đây ở mức trung bình và thấp, tình trạng dễ bị tổn thương của thành phố ở mức trung bình, thấp với từng đối tượng ở các mức khác nhau, năng lực PCTT của thành phố ở mức cao, thì các nguy cơ RRTT với thành phố là ở mức trung bình, thấp theo từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể. Trong đó:

*- Nguy cơ RRTT đối với lĩnh vực an toàn cộng đồng trên địa bàn thành phố được đánh giá là thấp, trong đó:*

+ Nguy cơ thiệt hại về người khi có thiên tai là thấp do nhận thức và năng lực của người dân ở mức thường xuyên được tuyên truyền, phổ biến kiến thức cũng như diễn tập các kỹ năng PCTT như chằng chống nhà cửa, sơ tán… Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận người dân vẫn còn chủ quan, cố tình ở lại khai thác thủy sản đến sát bão và không tuân thủ các quy định, quy chế khi sơ tán buộc phải cưỡng chế.

+ Nguy cơ thiệt hại về nhà ở của người dân ở mức thấp do tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố 99%, nhà thiếu kiên cố và đơn sơ thấp 1%, tỷ lệ người dân có kiến thức, kỹ năng chằng chống nhà cửa cao.

+ Nguy cơ thiệt hại về cơ sở hạ tầng của thành phố ở mức thấp do hạ tầng đô thị được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại theo 3 hướng đột phá với tốc độ cao. Nguy cơ thiệt hại về cơ sở hạ tầng khi có thiên tai tập trung vào các ngành như điện lực, viễn thông, giao thông và giáo dục tại các cấp cơ sở.

+ Nguy cơ thiệt hại về công trình PCTT của thành phố là trung bình do năng lực của các công trình PCTT trên toàn thành phố Hải Phòng đạt mức trung bình: hệ thống đê điều và công trình thủy lợi cơ bản đảm bảo an toàn và cao trình chống lũ theo thiết kế; hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo thông suốt khi có thiên tai; hệ thống cảnh báo sớm đã bổ sung các thiết bị hiện đại và cảnh báo kịp thời các diễn biến thiên tai, thời tiết trên địa bàn thành phố.

*- Nguy cơ RRTT đối với lĩnh vực sản xuất-kinh doanh trên địa bàn thành phố ở mức trung bình*, tập trung vào ngành nông, lâm, thủy sản (Cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2020 là 56,36%, ngành lâm nghiệp là 0,17%, ngành thủy sản là 43,46%); các ngành nghề sản xuất khác như công nghiệp, du lịch, dịch vụ ảnh hưởng ở mức thấp do các loại hình thiên tai gây thiệt hại chủ yếu là bão, ATNĐ, mưa lớn, lũ, ngập lụt, xâm nhập mặn, KKL làm gián đoạn sản xuất, kinh doanh.

- *Nguy cơ RRTT đối với lĩnh vực y tế, sức khỏe cộng đồng, vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố ở mức thấp* do sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, tài tình của Thành Ủy- Hội đồng nhân dân - UBND thành phố cũng như sự huy động của cả hệ thống chính trị địa phương, đặc biệt với 3 lực lượng chủ công, tuyến đầu là y tế, quân sự, công an vào cuộc, cụ thể:

+ Đến 30/10/2020 tổng số người tham gia BHYT là 1.788.266 người (bao gồm thân nhân quân đội, Công an) đạt tỷ lệ 87,7%, ước cả năm 90,7%. Số người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình tham gia BHYT là 120.000 người với tổng số kinh phí mua thẻ BHYT là 96,552 tỷ đồng, trong đó thành phố đã hỗ trợ 48,276 tỷ đồng (50%).

+ BHXH TP ký hợp đồng với 59 cơ sở KCB, trong đó: Tuyến thành phố: 14 cơ sở KCB (9 BV tuyến thành phố, 04 BV Bộ ngành, 01 Ban BVSKCB TP); Tuyến huyện: 42 cơ sở KCB (BV-TTYT quận huyện 16, BV NCL 07, BV bộ ngành 02; PKĐK: 17 (15 PKĐK NCL, PKĐK bộ ngành: 02); Y tế cơ quan: 03; BVĐK quận/huyện đã ký cho 100 Trạm y tế xã KCB BHYT.

+ 100% số thôn có nhân viên y tế hoạt động; 60% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ là định biên; 78% trạm y tế có bác sĩ hoạt động.

+ Mạng lưới khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền và phục hồi chức năng từng bước được phát triển chuyên sâu; Nhân lực y tế từng bước tăng về số lượng và nâng cao về chất lượng, đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn tương đối vững vàng, công tác đào tạo được chú trọng.

+ Tỷ lệ cơ sở triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối mạng: nhà thuốc: 370/412 (đạt 87,4%); quầy thuốc: 881/999 (đạt 88,2%).

+ Năm 2020 đã tổ chức 13 lớp (1200 người) tập huấn đào tạo cập nhật kiến thức về phòng chống dịch Covid - 19 và công tác Dược cho các cơ sở bán buôn, nhà thuốc, quầy thuốc trên địa bàn.

+ Hoàn thành 10 hệ thống xử lý chất thải y tế (Trung tâm Y tế quận Lê Chân, Đồ Sơn, Dương Kinh, Hồng Bàng, Hải An, Kiến An, Trung tâm quân dân y Bạch Long Vĩ, Bệnh viện đa khoa Đôn Lương, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Tâm thần). Tuy nhiên, ngành y tế cũng cần phát triển nâng cao năng lực cho tuyến cơ sở và hệ thống y tế cộng đồng, đề cao công tác phòng ngừa, sẵn sàng cho các tình huống thiên tai, BĐKH ngày càng bất thường hơn, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh covid - 19 hiện nay.

# 

1. KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
   1. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Kế hoạch PCTT&TKCN thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 được xây dựng trên cơ sở các loại hình thiên tai đã và đang xảy ra trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong đó Luật 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT số 33/2013/QH13, tại Điều 1 Luật PCTT bổ sung loại thiên tai cháy rừng do tự nhiên và Luật Đê điều số 79/2006/QH11.

Cụ thể hóa nội dung của Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 12/11/2019 của UBND thành phố thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác PCTT (sửa đổi, bổ sung) trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Kế hoạch xây dựng phù hợp với yêu cầu trong thực tiễn để nâng cao năng lực PCTT, đáp ứng các mục tiêu giảm nhẹ RRTT, thích ứng với BĐKH.

Các giải pháp cơ bản trong công tác PCTT của thành phố Hải Phòng tập trung vào 3 giai đoạn là phòng ngừa, giảm thiểu; ứng phó; khắc phục hậu quả và 3 nhóm biện pháp chính là biện pháp phi công trình; biện pháp công trình và biện pháp lồng ghép.

Mục tiêu của Kế hoạch PCTT&TKCN thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 là đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại về người, sinh kế, nhà ở, kinh tế-xã hội và cơ sở hạ tầng do thiên tai gây ra. Dựa vào phương pháp phân tích nguyên nhân - hậu quả, từ phân tích rủi ro của từng loại hình thiên tại trên địa bàn thành phố tác động đến các đối tượng, ngành nghề, lĩnh vực từ đó phân tích, đánh giá đưa ra các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro, chú ý đến khu vực nguy hiểm và đối tượng dễ bị tổn thương.

* + 1. Biện pháp phòng ngừa giảm thiểu
       1. Biện pháp phi công trình

***1.1.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách về PCTT phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm thiên tai từng vùng của thành phố***

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về PCTT và các quy định pháp luật khác có liên quan đến phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai; bổ sung các chính sách hỗ trợ thiên tai, giai đoạn phục hồi sau thiên tai, các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia PCTT, đầu tư vào công trình PCTT, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách huy động nguồn lực; hỗ trợ phòng chống, phục hồi sản xuất, môi trường sau thiên tai; bổ sung các chế tài đảm bảo thực thi pháp luật trong các hoạt động PCTT.

- Xây dựng quy chế, quy định về nguồn lực hỗ trợ cho công tác PCTT đối với các ngành, các cấp như: các cơ sở giáo dục, nhà trường, y tế, xây dựng, văn hóa, du lịch, hải cảng...

- Xây dựng và ban hành chính sách về bảo hiểm RRTT. Ngoài ra cần xây dựng và ban hành các chính sách ưu tiên, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực PCTT. Chính sách hỗ trợ hộ vùng ngập lụt xây dựng nhà ở phù hợp với thiên tai; các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất tại vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn thành phố và bổ sung và tăng cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả Quỹ PCTT của thành phố.

- Rà soát chính sách liên quan đến công tác phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển; Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động ven sông, ven biển ảnh hưởng đến sạt lở, điển hình như: khai thác cát sỏi, xây dựng công trình, nhà cửa, hoạt động giao thông thủy, hoạt động khai thác nước ngầm theo Kế hoạch 139/KH-UBND ngày 09/6/2021 thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Phối hợp hoàn thiện các cơ chế chính sách liên quan đến phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, nhất là huy động nguồn lực từ ngân sách và ngoài ngân sách cho công tác PCTT; khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trên địa bàn thành phố nghiên cứu, đầu tư cho PCTT nhằm ổn định đời sống và sản xuất khi có thiên tai xảy ra.

- Rà soát đội ngũ giảng viên, tập huấn viên cấp tỉnh; đào tạo bổ sung đội ngũ giảng viên, tập huấn viên cấp tỉnh được trang bị đầy đủ kiến thức về thiên tai và có năng lực tổ chức, triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về thiên tai, kỹ năng ứng phó thiên tai tại cộng đồng.

- Hàng năm rà soát và cập nhật Kế hoạch PCTT&TKCN và Phương án ứng phó thiên tai của thành phố; xây dựng Kế hoạch PCTT&TKCN theo giai đoạn 5 năm (2025-2030).

- Thực hiện tốt các nội dung của Kế hoạch PCTT&TKCN giai đoạn 2021-2025.

***1.1.2. Kiện toàn tổ chức, bộ máy và tăng cường năng lực quản lý thiên tai***

- Trước mùa mưa bão cần kiện toàn tổ chức, bộ máy chỉ huy PCTT&TKCN các cấp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, phân công nhiệm vụ từng thành viên đồng thời rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động.

- Rà soát, kiểm tra và từng bước đầu tư trang thiết bị cho Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN các cấp theo hướng tiên tiến, hiện đại: Hàng năm mua sắm trang thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác PCTT&TKCN, trang thiết bị họp trực tuyến, trang thiết bị văn phòng; cần có hệ thống theo dõi, kiểm soát thiên tai, sự cố công trình PCTT theo thời gian thực (đảm bảo nguồn lực 4 tại chỗ).

- Rà soát, xây dựng và củng cố, nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích PCTT cấp xã.

- Lập bản đồ phân vùng RRTT các cấp thành phố, huyện, xã.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) phục vụ PCTT (CSDL thiệt hại và nhu cầu, CSDL Dân sinh kinh tế, CSDL đê điều, CSDL Công trình PCTT, CSDL Sạt lở ...); Rà soát, cập nhật bổ sung hệ thống CSDL phục vụ điều hành, hỗ trợ ra quyết định PCTT; hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc PCTT&TKCN.

- Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác PCTT các cấp tỷnh, huyện, xã; các cán bộ có liên quan trong công tác PCTT thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn, diễn tập hàng năm. Mục tiêu đến năm 2025 đạt: 100% lực lượng làm công tác PCTT được đào tạo, tập huấn, trang bị đầy đủ kiến thức và trang thiết bị cần thiết; 100% tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đảm bảo các yêu cầu theo phương châm “4 tại chỗ”; Tổ chức diễn tập, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ PCTT, TKCN xuyên suốt từ cấp thành phố đến cấp huyện, xã.

- Trong các văn bản chỉ đạo, việc đưa hoạt động thông tin truyền thông nâng cao nhận thức về PCTT là một nội dung trong kế hoạch PCTT và tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương. Trong kế hoạch PCTT và công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai đều chú trọng việc sử dụng các lực lượng tại chỗ; quán triệt phương châm “phòng là chính”, thực hiện cứu người trước, cứu tài sản sau.

- Tiến hành ký kết và thực hiện biên bản ghi nhớ giữa BCH với các đơn vị, tổ chức chính trị, xã hội có liên quan trong thành phố để phối hợp thực hiện nhằm huy động tối đa các nguồn lực tại địa phương.

- Nâng cấp, hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT&TKCN đảm bảo thông suốt trong quá trình ứng phó thiên tai của BCH các cấp, cụ thể: Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc tại BCH các cấp, đảm bảo thông tin trên các phương tiện truyền thông, internet… được liên tục, đặc biệt là hệ thống thông tin cho các ngư dân, các chủ tàu.

- Thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2021-2030, xây dựng kế hoạch tham gia của các tổ chức chính trị, xã hội trong quá trình ứng phó thiên tai. Kêu gọi, quản lý thực hiện chương trình hỗ trợ, vận động của các tổ chức trong và ngoài nước.

- Đầu tư, tăng cường năng lực và trang thiết bị cho lực lượng TKCN nhằm đảm bảo tính an toàn, chuyên nghiệp, chủ động, nhanh, chính xác đáp ứng hoạt động cứu hộ, cứu nạn. Nâng cao năng lực của lực lượng nòng cốt trong công tác cứu hộ, cứu nạn và sự phối kết hợp với các tổ chức liên quan. Mua sắm các trang thiết bị, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn.

- Thực hiện đề án Thành phố thông minh, an toàn trước thiên tai, xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi số trong ngành NN&PTNT, xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh, an toàn trước thiên tai giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

***1.1.3. Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch***

Hải Phòng là thành phố đô thị lớn, trực thuộc TW, lại nằm ven biển có các quần đảo, hải đảo và các đảo lớn nhỏ nên việc quy hoạch, lên phương án và kế hoạch PCTT hết sức được chú trọng để phù hợp với điều kiện của từng vùng của toàn thành phố, như:

- Xây dựng Kế hoạch PCTT&TKCN cấp thành phố, huyện, xã giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Luật PCTT và Chiến lược Quốc gia PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật hàng năm.

- Hàng năm rà soát và xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ RRTT phù hợp với từng loại hình thiên tai đã xảy ra trên địa bàn thành phố, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.

- Rà soát và cập nhật, điều chỉnh phương án phòng chống với bão mạnh và siêu bão.

- Rà soát, xem xét các quy hoạch đã quá 5 năm cần bổ sung, cập nhật để quy hoạch phù hợp với phát triển kinh tế của thành phố (Quy hoạch thủy lợi, Quy hoạch thoát lũ sông Hồng- Thái Bình; Quy hoạch đê điều và phòng chống lũ, quy hoạch thoát nước...).

- Rà soát Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020, lập Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 có xem xét đến yếu tố phát triển nông nghiệp phù hợp với thành phố hình thiên tai trên địa bàn thành phố và thích ứng với BĐKH.

- Quy định việc huy động nguồn lực trong ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai cho trưởng BCH PCTT các cấp.

- Quản lý an toàn đô thị trước thiên tai: Kiểm soát quy hoạch và xây dựng để hạn chế bị tác động của thiên tai và làm tăng RRTT, trú trọng dành không gian cho tiêu thoát lũ, ngăn chặn và xử lý các công trình, nhà ở, đổ chất thải lấn chiếm không gian thoát nước, chứa nước, đồng thời tăng cường nạo vét hệ thống tiêu thoát nước, kiểm tra, kiểm soát các quy định về đảm bảo yêu cầu PCTT đối với cơ sở hạ tầng, công trình công cộng trên toàn thành phố.

- Đối với khu vực trên biển và hải đảo cần chủ động phòng tránh bão và áp thấp nhiệt đới đảm bảo an toàn cho người, tàu thuyền, các hoạt động kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Quản lý tàu thuyền, các hoạt động kinh tế trên biển: nâng cao mức độ an toàn và bảo đảm thông tin cho tàu thuyền hoạt động trên biển, nhất là các tàu đánh bắt xa bờ. Hướng dẫn đảm bảo an toàn thiên tai đối với các khu vực nuôi trồng thủy hải sản và các hoạt động du lịch trên biển và hải đảo.

- Thực hiện nội dung bảo đảm an toàn PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của thành phố; chuyển đổi sản xuất chủ động ứng phó với thiên tai.

- Triển khai thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957 của Thủ tướng Chính phủ.

***1.1.4. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo***

- Xây dựng hệ thống công cụ hỗ trợ dự báo thiên tai khí tượng thủy văn, hệ thống mạng lưới giám sát BĐKH ứng với từng thời kỳ; cần đầu tư, nâng cấp hiện đại hóa hệ thống dự báo, cảnh báo, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng nhất là đối với bão, mưa lớn, lũ, ngập lụt, nước dâng, nắng nóng; đánh giá, phân vùng RRTT (lũ, ngập lụt, sạt lở).

- Vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo đa thiên tai, kết hợp với cơ sở hạ tầng về thông tin truyền thông hiện có của thành phố.

- Cập nhật và số hóa dữ liệu ngành KTTV, môi trường. Đánh giá RRTT, phân vùng RRTT, lập bản đồ phục vụ PCTT (Bản đồ công trình PCTT, bản đồ RRTT cấp huyện, xã, bản đồ ứng phó thiên tai, bản đồ ngập lụt, bản đồ phương án sơ tán dân PCTT, bản đồ đê điều, bản đồ sạt lở bờ sông, bờ biển …).

- Lắp đặt các trạm quan trắc tự động KTTV (Mưa, mực nước, lưu lượng, gió, nhiệt độ, độ mặn...) trên các sông, vị trí trọng điểm. Cùng với đó, hiện đại hóa công tác quan trắc, dự báo, kịp thời cảnh báo nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển; triển khai các ứng dụng KHCN, vật liệu mới trong phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Phấn đấu đến năm 2023, các khu dân cư ven sông, ven biển ở vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đều được cảnh báo kịp thời và được hướng dẫn kỹ năng ứng phó khi xảy ra sạt lở.

- Xây dựng cột, biển cảnh báo thiên tai tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai và các điểm nguy hiểm tại cộng đồng.

- Bổ sung thêm các trạm đo mưa, trạm đo mực nước triều tự động tại các huyện ngoại thành ven biển, địa phương có nguy cơ ngập, úng, xâm nhập mặn để phục vụ công tác dự báo cảnh báo ngập lụt và xâm nhập mặn phục vụ phát triển kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về KTTV, đặc biệt là các hiện tượng KTTV nguy hiểm, góp phần nâng cao ý thức của cộng đồng của thành phố Hải Phòng về tầm quan trọng của công tác PCTT.

- Bổ sung các trang thiết bị, máy móc, các phần mềm và nhân lực chất lượng cao cho Đài KTTV khu vực Đông Bắc nhằm nâng cao chất lượng dự báo cảnh báo có độ tin cậy cao hơn, phát triển cơ sở dữ liệu quan trắc và tra cứu hiệu quả các bản tin dự báo.

***1.1.5. Nâng cao nhận thức, kiến thức PCTT cho cộng đồng***

- Hàng năm hoặc trước mùa mưa lũ cần tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng pháp luật, cơ chế, chính sách và kiến thức về PCTT trên hệ thống thông tin cơ sở, các báo, đài, hội nghị, hội thảo, các lớp học chuyên đề trên toàn thành phố.

- Đẩy mạnh hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng, quản lý RRTT dựa vào cộng đồng; tập huấn, đào tạo, tái đào tạo cho lực lượng làm công tác PCTT của BCH các cấp, cán bộ các sở, ban, ngành của thành phố, cho cộng đồng và cho người dân; tập huấn cho lực lượng quản lý đê, PCTT, đội xung kích cấp xã, đặc biệt là các xã ven biển và 2 huyện đảo Bạch Long Vĩ và Cát Hải.

- Phấn đấu đến năm 2025 đạt 100% cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức và hộ gia đình toàn thành phố được tiếp nhận đầy đủ thông tin về PCTT; hiểu biết kỹ năng phòng tránh thiên tai; chuyển từ bị động sang chủ động an toàn trước thiên tai; trú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương trên địa bàn thành phố trong công tác PCTT, nhất là đối với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn toàn thành phố.

- Thực hiện lồng ghép nội dung PCTT với một số môn học đưa vào chương trình giáo dục các cấp để giảng dạy.

- Lập bản đồ RRTT các quận, huyện, xã,phường.

- Nâng cao nhận thức, năng lực PCTT cho cộng đồng doanh nghiệp; đảm bảo an toàn, phát triển bền vững của doanh nghiệp trước thiên tai và trong bối cảnh BĐKH.

- Hàng năm tổ chức diễn tập nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành PCTT; diễn tập phối hợp, hiệp đồng các lực lượng của thành phố trong ứng cứu thiên tai và TKCN; Tập huấn chuyển giao công nghệ hỗ trợ công tác PCTT; Tập huấn sử dụng các trang thiết bị thu thập thông tin hiện trường (Flycam, máy ảnh, GPS,...); Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn trên biển chuyên nghiệp, hiện đại, có đủ trang thiết bị và năng lực xử lý tình huống khẩn cấp một cách hiệu quả.

- Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển nhằm giảm nguy cơ sạt lở, rủi ro sạt lở. Cập nhật cơ sở dữ liệu về sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn.

- Tập huấn nâng cao kiến thức về thiên tai, kỹ năng PCTT, tăng cường năng lực thực hiện công tác tuyên truyền cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cán bộ cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp quận/huyện, cán bộ đài truyền thanh cấp xã báo cáo viên; tập huấn chuyên biệt cho các đối tượng dễ bị tổn thương tại cộng đồng.

- Tổ chức phổ biến chính sách, cơ chế, Bộ chỉ số đánh giá giám sát thực hiện Đề án 553/QĐ-TTg, ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT dựa vào cộng đồng, đến năm 2030”.

Chi tiết các biện pháp phi công trình xem tại Phụ lục VII.

* + - 1. Biện pháp công trình

***1.2.1. Đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình thủy lợi***

Các công trình PCTT, công trình thủy lợi cần đầu tư, nâng cấp, cải tạo bao gồm trạm bơm, hệ thống kênh tưới tiêu, hồ chứa của thành phố Hải Phòng được thành phố thực hiện bằng huy động các nguồn vốn khác nhau nhằm giảm thiểu các thiệt hại ở những vùng có nguy cơ cao của thiên tai và kết hợp đa mục tiêu, nhằm: Hỗ trợ kinh phí để địa phương thực hiện tốt và phát huy hiệu quả công tác phòng chống úng và khắc phục hậu quả ngập úng; Bố trí nguồn vốn đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, trong đó tập trung các công trình đầu mối, các dự án dự kiến đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của thành phố giai đoạn 2021 – 2025, như:

* Nâng cấp cụm công trình đầu mối tiêu cống Đợn.
* Hoàn thiện hệ thống thủy nông Đa Độ thành phố Hải Phòng.
* Xây dựng hồ chứa và công trình thủy lợi cung cấp nước ngọt tại xã Xuân Đám, huyện Cát Hải.
* Xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vĩ-giai đoạn I.
* Chống ngập úng thành phố Hải Phòng.
* Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các trạm bơm tiêu úng vùng ảnh hưởng triều vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
* Và một số công trình khác.

***1.2.2. Đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình đê điều***

Giai đoạn 2021-2025 tập trung đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 -2020 và một số công trình đề xuất mới. Các giải pháp cho đê, kè chủ yếu là cải tạo, nâng cấp một số đoạn đê xung yếu và xây dựng kè chống sạt lở bờ sông ở một số đoạn gây nguy hiểm cho đê và khu dân cư, như:

* Đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình đê điều: nâng cấp đê biển thuộc địa phận các quận, huyện: quận Dương Kinh, Tiên Lãng, Kiến Thụy, Vĩnh Bảo, Cát Hải…do các tuyến đê này kém ổn định, chưa hoàn thiện mặt cắt, cao trình thiết kế, mặt đê chưa được cứng hóa, điều kiện địa chất nền đê kém, không đảm bảo an toàn khi xảy ra lũ lớn.
* Chỉnh trang, cải tạo, kè các dòng sông trong đô thị như sông Tam Bạc, sông Lach Tray…
* Đầu tư hạ tầng kinh tế-xã hội, xây dựng, nâng cấp các tuyến kênh mương, cống thoát nước cho các địa phương thuộc các huyện, quận: Thủy Nguyên, An Dương, Kiến Thụy, Dương Kinh, Kiến An.

- Tu bổ, nâng cấp đê điều xung yếu thường xuyên của thành phố Hải Phòng.

- Tính toán mức độ sạt lở bờ biển trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng tại các khu vực nhạy cảm Cát Hải, Bàng La - Đại Hợp; đề xuất và triển khai các giải pháp ứng phó hiệu quả.

- Dự án giao thông đường bộ kết nối liên vùng, thành phố Tuyến đường bộ ven biển: đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường bộ ven biển đoạn từ ĐT.353 đến cầu Thái Bình tối thiểu cấp III đồng bằng, dài 19,65km.

- Dự án hạ tầng giao thông đối nội các quận, huyện Đồ Sơn, Kiến Thụy, Vĩnh Bảo.

- Dự án đầu tư ngoài hàng rào Khu công nghiệp các quận, huyện Đồ Sơn, Cát Bà.

* Và một số công trình khác.

***1.2.3. Cải tạo và nâng cấp hệ thống cảng, sửa chữa, nâng cấp các khu neo đậu an toàn cho tàu thuyền***

- Cảng cá Ngọc Hải, quận Đồ Sơn: Nâng cao năng lực hoạt động của Cảng cá Ngọc Hải, quận Đồ Sơn đáp ứng yêu cầu xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác phục vụ xuất khẩu, đảm bảo khuyến cáo của EC về chống khai thác IUU; đáp ứng nhu cầu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá hoạt động trong ngư trường Vịnh Bắc Bộ, hạn chế thiệt hại về người và tài sản của ngư dân khi có gió bão bằng việc cải tạo, khơi thông, nạo vét luồng và vũng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cảng cá Ngọc Hải, đoạn từ cống C5 đến đền Bà Đế với tổng chiều dài 1.850m do đang bị sa bồi và xuống cấp.

- Cảng cá huyện Bạch Long Vĩ: Nâng cấp, mở rộng Cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Bạch Long Vĩ, huyện Bạch Long Vĩ, Hải Phòng. Cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Bạch Long Vĩ không thể tránh trú bão cho tàu thuyền vào mùa mưa bão và đang xuống cấp, cần phải tiến hành nâng cấp, cải tạo cảng, đê chắn sóng, nạo vét mở rộng khu nước neo đậu tránh trú bão:

+ Nạo vét để mở rộng vùng nước trong âu để tăng diện tích neo đậu tránh trú bão. Cao độ đáy nạo vét tuỳ thuộc từng khu vực neo đậu tàu thiết kế.

+ Nâng cấp, cải tạo đê chắn sóng: Bao gồm kéo dài đê chắn sóng phía Đông và cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đê chắn sóng hiện có và các hệ thống khác.

+ Nâng cao năng lực các cảng cá; cải thiện cơ sở hạ tầng, dịch vụ tại cảng, đáp ứng tốt nhu cầu hậu cần nghề cá, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần phát triển kinh tế, du lịch, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng góp phần hoàn thiện thực hiện Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Bến cá Mắt Rồng, huyện Thủy Nguyên: Đã bị bồi lắng, cần cải tạo, khơi thông luồng ra, vào và âu tàu nơi neo đậu cho tàu cá tại bến cá mắt Rồng với tổng chiều dài 1.955m. Đảm bảo đáp ứng với tình hình mưa bão, tạo điều kiện cho các phương tiện tàu thuyền neo đậu tránh trú bão an toàn.

- Các dự án cảng, bến các bến số 3, 4 cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng tại Lạch Huyện.

- Nghiên cứu đầu tư xây dựng các bến còn lại bến 5, 6, 7, 8 của cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng tại Lạch Huyện.

- Các dự án cải tạo Cảng hàng không quốc tế Cát Bi.

* Và một số công trình khác.

***1.2.4. Trồng và bảo vệ rừng***

Bên cạnh việc xây mới, nâng cấp, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi cũng như hệ thống đê điều thì việc mở rộng diện tích trồng rừng, bảo vệ rừng phòng hộ không chỉ nhằm giữ đất, làm sạch môi trường, hấp thụ khí nhà kính mà còn góp phần giảm thiểu thiên tai, giảm thiểu các tác nhân gây BĐKH và nước biển dâng, tạo điều kiện phát triển kinh tế-xã hội thành phố Hải Phòng ổn định, bền vững.

- Bãi biển khu vực huyện Dương Kinh, đoạn từ K12+500 đến K15+500 đê biển I thấp có hiện tượng bị xói lở, không ổn định, không lưu giữ được phù sa để cây phát triển. Bên cạnh việc xây mới hệ thống kè mỏ hàn tạo bãi nhằm chống xói lở, tạo bãi, lấn biển ngăn cản lượng bùn cát, lan truyền độ đục từ cửa sông Lạch Tray về phía biển Đồ Sơn cần phải mở rộng diện tích trồng rừng phòng hộ giữ đất, làm sạch môi trường, hấp thụ khí nhà kính, góp phần giảm thiểu tác nhân gây BĐKH và nước biển dâng tạo điều kiện phát triển kinh tế-xã hội ổn định.

- Dự án phục hồi và phát triển rừng ven biển tại quần đảo Cát Bà thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2020; Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; Giảm sóng ổn định bãi và trồng cây bảo vệ đê biển I, Hải Phòng; Dự án Phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển, ven sông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2015-2020.

- Duy trì và bảo tồn khu rừng ngập mặn tự nhiên ở Huyện Cát Hải, Thủy Nguyên; Tăng cường bảo vệ và trồng mới rừng ngập mặn tại các huyện An Dương, Kiến Thụy, Tiên Lãng.

- Tuyên truyền và phát triển lối sống thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.

* Và một số công trình khác.

Chi tiết các biện pháp công trình xem tại Phụ lục VIII.

* + - 1. Các giải pháp lồng ghép

***1.3.1. Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông xét đến yếu tố RRTT***

Trong những năm tới, Hải Phòng tập trung tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ các dự án kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng đang triển khai, như:

- Tuyến đường bộ ven biển, mở rộng đường 359, đường Hồ Sen-cầu Rào 2, đường Đông Khê 2, đồng thời triển khai các công trình mới như: mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, cầu Nguyễn Trãi, cầu và đường Máy Chai, cầu Rào 3 và tuyến đường mới kết nối từ trung tâm thành phố đi Đồ Sơn, cầu Tân Vũ-Lạch Huyện 2, cầu Bến Rừng, xây dựng hệ thống cầu vượt nút giao, hệ thống giao thông đường thủy…

- Nghiên cứu, triển khai ngầm hóa hạ tầng giao thông, như: xây dựng mới các tuyến đường sắt đô thị (trên cao, ngầm), các tuyến xe buýt nhanh trên các hành lang Đông Tây và Bắc Nam, xây dựng hầm đường bộ tại các nút giao khác mức, một số hầm lớn qua sông Lạch Tray, sông Cấm…

- Phối hợp với các ban, bộ, ngành TW tiếp tục đề nghị Chính phủ chấp thuận chủ trương và cho triển khai dự án đường sắt tốc độ cao Hải Phòng-Hà Nội-Lào Cai, xây dựng một số công trình hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối với các địa phương trong vùng Bắc Bộ và hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt Nam-Trung Quốc.

Nhằm củng cố và phát huy cao hơn vai trò thành phố Cảng, đầu mối giao thông quan trọng và cửa chính ra biển của các thành phố phía Bắc, hệ thống cảng biển, hạ tầng giao thông được nâng cấp, đầu tư mạnh có tính đến yếu tố RRTT và thích ứng với BĐKH, có bước phát triển đột phá theo hướng đồng bộ, hiện đại, trong đó phải kể đến các công trình tiêu biểu như:

- Mở rộng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa phận thành phố Hải Phòng từ ĐT 353 đến cầu Thái Bình (Km0-Km19+645) tối thiểu cấp III đồng bằng, dài 19,65km.

- Đầu tư xây dựng hệ thống quản lý giao thông đô thị thông minh thành phố Hải Phòng-giai đoạn I.

- Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (Km1+00-ngã ba Vạn Bún) đường Lý Thái Tổ, quận Đồ Sơn.

- Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, kè đá sông đảo Hạ Lý đường Lán Bè, đoạn từ cầu An Dương đến cầu An Đồng.

- Nâng cấp cải tạo tuyến đường phòng chống lụt bão và trục liên xã Bắc Hưng-Nam Hưng-Đông Hưng-Tây Hưng (đoạn từ ngã ba Quán Cháy đi cống C4).

- Xây dựng thí điểm và nhân rộng các loại hình công trình có khả năng chống chịu và thích ứng với những tác động của BĐKH và nước biển dâng tại các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai và khu vực ven biển thành phố Hải Phòng.

- Và một số công trình khác.

***1.3.2. Công trình hạ tầng cấp, thoát nước có xét đến yếu tố RRTT***

Các công trình hạ tầng cấp, thoát nước có xét đến yếu tố RRTT trong giai đoạn tới của thành phố Hải Phòng gồm:

- Dự án thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố Hải Phòng giai đoạn I (Bao gồm cả Dự án tái định cư Gia Minh phục vụ giải phóng mặt bằng hợp phần quản lý chất thải rắn).

- Nâng cấp trạm xử lý nước thải Cụm công nghiệp Tân Liên.

- Nâng cấp, cải tạo nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đường Trần Tất Văn, quận Kiến An.

- Chống ngập úng thành phố Hải Phòng (Quyết định 1881/QĐ-BNN-TCTL ngày 4/8/2013).

- Sửa chữa, nâng cấp; xây dựng các hồ chứa, hệ thống thủy lợi cấp nước sinh hoạt và tưới trên các đảo có đông dân cư.

- Đầu tư xây dựng tuyến cống thoát nước từ kênh Bắc Nam Hùng ra sông Cấm.

- Xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tại đảo Cát Bà, quận Đồ Sơn.

- Xây dựng lan can bảo vệ cho các hồ điều hòa trên địa bàn thành phố.

* Và một số công trình khác.

***1.3.3. Đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình giáo dục-đào tạo kết hợp PCTT***

Dự kiến cải tạo, nâng cấp các cơ sở trường học đảm bảo kiên cố và an toàn cho học sinh, gồm:

- Xây dựng Nhà học thí nghiệm, học tiếng, học bộ môn trường THPT chuyên Trần Phú.

- Xây dựng, sửa chữa trường THPT Ngô Quyền.

- Xây dựng Trung tâm Bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ Công an thành phố tại phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn.

- Trung tâm huấn luyện dự bị động viên thuộc Bộ chỉ huy Quân sự thành phố.

- Xây dựng công trình Trường tiểu học thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải.

- Xây dựng trường Mầm non Nhi Đức.

- Xây dựng nhà làm việc hiệu bộ 3 tầng trường THPT Đồ Sơn.

* Và một số công trình khác.

***1.3.4. Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống y tế đảm bảo an toàn trong thiên tai***

Dự kiến đầu tư xây dựng, nâng cấp hoàn thiện hệ thống y tế các cấp đảm bảo phục vụ đời sống nhân dân, sức khỏe cộng đồng, đáp ứng nhu cầu ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai khi có thiệt hại về người hoặc dịch bệnh sau thiên tai gây ra và trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố, gồm:

- Đầu tư xây dựng các công trình các bệnh viện: Bệnh viện Đa khoa Hải Phòng, giai đoạn I (Đầu tư xây dựng Bệnh viện Việt Tiệp II), BV Y học Cổ truyền-giai đoạn I, Trung tâm sơ sinh thuộc Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng. Xây dựng nhà điều trị 5 tầng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi, Trung tâm y tế quận Dương Kinh.

- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng các Bệnh viện đa khoa: huyện Tiên Lãng, giai đoạn I, huyện Kiến Thụy, quận Hải An, chỉnh trang, nâng cấp Bệnh viện Trẻ em.

* Và một số công trình khác.

***1.3.5. Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng trên toàn thành phố***

- Xây dựng Trung tâm hội nghị Thành phố.

- Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Hải Phòng-giai đoạn I.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm dịch vụ hậu cần và phát triển thủy sản Trân Châu, Cát Bà.

- Xây dựng, nâng cấp trụ sở làm việc: Trụ sở công an thành phố; trụ sở công an phường Đằng Lâm, quận Hải An; trụ sở công an phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, trụ sở công an phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân.

- Xây dựng doanh trại Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy số I, khu vực Dương Kinh.

- Cải tạo, nâng cấp Căn cứ hậu phương số 1 khu vực phòng thủ thành phố Hải Phòng.

- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp doanh trại Trường Quân sự thành phố.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng Vườn Quốc gia Cát Bà thành phố Hải Phòng giai đoạn 2010-2015 (chuyển tiếp từ giai đoạn trước).

* Và một số công trình khác.

Chi tiết các biện pháp lồng ghép xem tại Phụ lục IX.

* + 1. Biện pháp ứng phó

Trong giai đoạn ứng phó cần phải xác định nhiệm vụ trọng tâm, phân công trách nhiệm, chỉ đạo, điều hành các sở, ban, ngành và xác định nguồn lực của địa phương cũng như của các sở, ban, ngành trong việc ứng phó thiên tai theo cấp độ RRTT đảm bảo kịp thời, hiệu quả và giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

* + - 1. Phương châm ứng phó

Biện pháp ứng phó trong kế hoạch PCTT&TKCN của Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 theo phương châm:

- Đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro gây ra.

- Bảo vệ các công trình quan trọng về an ninh Quốc gia, PCTT, công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố, đảm bảo các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt.

- Đảm bảo an ninh trật tự, thông tin liên lạc trong quá trình xử lý, ứng phó với RRTT.

- Phối hợp chặt chẽ giữa BCH PCTT&TKCN thành phố với các cấp, các ngành, các huyện, quận trong chỉ đạo, chỉ huy phòng chống, ứng phó thiên tai và TKCN.

- Huy động nguồn nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm cần thiết theo phương châm "4 tại chỗ" để ứng phó với thiên tai.

- Thống kê, đánh giá thiệt hại; bảo vệ môi trường, phục hồi sản xuất; hỗ trợ để khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân sau thiên tai theo đúng quy định của Nhà nước.

* + - 1. Xác định nguồn lực ứng phó

***2.2.1. Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị***

Lực lượng dự kiến huy động từ các sở, ban ngành, thành phố đến cấp huyện, cấp xã tham gia công tác phòng, tránh, ứng phó khi xảy ra thiên tai. Tùy theo tình hình diễn biến và mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của thiên tai, BCH PCTT&TKCN thành phố quyết định việc điều động và phân công, bố trí lực lượng để chi viện cho các địa phương theo yêu cầu.

Chủ tịch UBND, Trưởng BCH PCTT&TKCN cấp huyện chủ động huy động phương tiện, trang thiết bị của địa phương để tham gia ứng phó; trường hợp phương tiện, trang thiết bị không đáp ứng thì báo cáo Trưởng BCH PCTT&TKCN thành phố huy động phương tiện, trang thiết bị của các sở, ngành, đoàn thể thành phố.

***2.2.2. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính***

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện xây dựng khái toán để dự trù kinh phí cho các hoạt động phi công trình, công trình, dự trữ vật tư nguyên liệu, mua sắm trang thiết bị và các khoản chi tiêu cho hoạt động theo Phương án ứng phó thiên tai và TKCN hàng năm.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất UBND thành phố nguồn vốn thực hiện Kế hoạch PCTT&TKCN của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện hàng năm.

- Sở Tài chính cân đối các nguồn vốn, báo cáo UBND thành phố xem xét, phân bổ kế hoạch vốn thực hiện công tác PCTT của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện.

***2.2.3. Nguồn lực tài chính thực hiện***

- Kêu gọi sự hỗ trợ của TW, các cấp các ngành, các tổ chức xã hội và sử dụng ngân sách thành phố để đầu tư các công trình PCTT, thủy lợi, giao thông thực hiện dự án di dời dân, triển khai thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT dựa vào cộng đồng trên địa bàn thành phố.

- Cân đối Ngân sách được giao các Sở, ngành, đơn vị, huyện, quận, xã, phường, thị trấn: đầu tư, mua sắm các phương tiện, trang thiết bị PCTT&TKCN theo phương châm “4 tại chỗ”, trang bị những điều kiện cần thiết phục vụ công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền, PCTT&TKCN.

- Lồng ghép nguồn kinh phí từ các dự án khác thực hiện hoạt động phòng chống giảm nhẹ thiên tai ứng phó BĐKH.

- Vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho dự án PCTT ứng phó BĐKH.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí TW, kinh phí địa phương, Quỹ PCTT, quỹ cứu trợ,… và các nguồn đóng góp tự nguyện theo quy định của Chính phủ và của thành phố trong phòng chống và ứng phó thiên tai, TKCN.

- Ngoài ra, công tác PCTT&TKCN còn được thực hiện theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

* + - 1. Trách nhiệm chỉ huy, phối hợp ứng phó thiên tai theo cấp độ RRTT

Trách nhiệm ứng phó đối với từng cấp độ RRTT được quy định tại Nghị định 66/2021/NĐ-CP từ Điều 7 đến Điều 11. Theo quy định BCH PCTT&TKCN cấp thành phố chịu trách nhiệm ứng phó từ cấp độ RRTT từ cấp 2 trở lên. Tuy nhiên nếu thiên tai có nguy cơ thiệt hại nghiêm trọng mặc dù ở cấp độ 1 nhưng vượt quá năng lực PCTT cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của xã, huyện thì BCH thành phố có trách nhiệm hỗ trợ ứng phó.

Phân cấp trách nhiệm, quản lý PCTT là điểm mới, tiến bộ của Luật PCTT và phù hợp với tình hình Việt Nam và thông lệ quốc tế. Áp dụng cho phương án ứng phó trong kế hoạch PCTT cấp thành phố có thể tóm lược như sau:

- Cấp xã: có trách nhiệm ứng phó với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tại; có trách nhiệm báo cáo và đề nghị cấp huyện hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

- Cấp huyện: có trách nhiệm ứng phó với cấp độ RRTT cấp độ 1 xảy ra tại 2 xã trở lên và với tất cả các cấp độ RRTT vượt quá cấp độ 1; báo cáo và đề nghị cấp thành phố hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

- Cấp thành phố: có trách nhiệm hỗ trợ cấp dưới ứng phó với cấp độ RRTT cấp độ 1 nếu có đề nghị; ứng phó với tất cả các cấp độ RRTT vượt quá cấp độ 1; báo cáo và đề nghị cấp TW hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

***2.3.1. RRTT cấp độ 1 thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP đối với địa phương như sau***

- Cấp xã (xã, phường, thị trấn): Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan PCTT cấp trên; đồng thời được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai: Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện; Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn. Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn cấp xã phải phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc người được ủy quyền. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện hỗ trợ.

- Cấp huyện (huyện, quận): Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo PCTT cấp trên. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai: Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện theo quy định của pháp luật; Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn. Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn huyện có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc người được ủy quyền.

***2.3.2. RRTT cấp độ 2 thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP đối với địa phương như sau***

- Chủ tịch UBND thành phố chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, BCĐQG về PCTT và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai: Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng kiểm ngư và các tổ chức, cá nhân tình nguyện; Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh, vật tư dự trữ PCTT và của tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp thành phố, Chủ tịch UBND thành phố báo cáo, đề nghị BCĐQG về PCTT và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN hỗ trợ.

- Cấp huyện, cấp xã: Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 7; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

- Cấp TW: BCĐQG về PCTT chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoặc huy động các nguồn lực hỗ trợ ứng phó khi xuất hiện các tình huống thiên tai có diễn biến phức tạp, nguy cơ gây hậu quả lớn hoặc khi nhận được yêu cầu hỗ trợ của Chủ tịch UBND. Các lực lượng tham gia hỗ PCTT tại địa phương phải phối hợp chặt chẽ và theo sự chỉ huy thống nhất của Chủ tịch UBND thành phố hoặc người được ủy quyền.

***2.3.3. RRTT cấp độ 3: thực hiện theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP đối với địa phương như sau***

- BCĐQG về PCTT chỉ đạo các địa phương, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai; quyết định các biện pháp cấp bách và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để hỗ trợ các địa phương ứng phó khi có yêu cầu.

- Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN căn cứ tình huống cụ thể chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, bố trí sẵn sàng lực lượng, phương tiện triển khai công tác TKCN và tham gia điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai.

- BCH PCTT&TKCN các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý, đồng thời tham gia ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo và huy động của BCĐQG về PCTT và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN.

- Chủ tịch UBND thành phố chịu trách nhiệm huy động nguồn lực theo thẩm quyền, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

- Trường hợp rủi ro thiên tai trên cấp độ 3 hoặc thiên tai có diễn biến phức tạp nguy cơ cao gây hậu quả nghiêm trọng, BCĐQG về PCTT báo cáo Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo.

***2.3.4. RRTT cấp độ 4: thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP đối với địa phương như sau***

- Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương liên quan triển khai các biện pháp ứng phó.

- BCĐQG về PCTT chịu trách nhiệm tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp ứng phó; tham mưu thành lập BCĐ tiền phương để xử lý tình huống đặc biệt, trực tiếp chỉ đạo điều hành tại hiện trường.

- Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, bố trí, sẵn sàng lực lượng, phương tiện triển khai công tác TKCN và tham gia điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý, đồng thời tham gia ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo và huy động của Thủ tướng Chính phủ, BCĐQG về PCTT và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn, tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, BCĐQG về PCTT và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

***2.3.5. RRTT vượt cấp độ 4 (tình trạng khẩn cấp): thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP***

- Trường hợp thiên tai vượt cấp độ 4, BCĐQG về PCTT báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai.

- Việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

* + 1. Biện pháp khắc phục hậu quả
       1. Triển khai công tác TKCN, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu; khắc phục thiệt hại bước đầu

- Sau khi thiên tai xảy ra, UBND các cấp tổ chức thăm hỏi, động viên và hỗ trợ đối với các gia đình có người chết, người bị thương do thiên tai; phân phát gạo cứu trợ, nhu yếu phẩm, hàng hóa cho nhân dân bị thiệt hại, không để người dân bị thiếu đói.

- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố chủ trì phối hợp lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng và UBND cấp huyện, tìm kiếm người bị nạn, sơ cấp cứu và đưa về cơ sở y tế điều trị; cùng lực lượng xung kích, dân quân tự vệ địa phương giúp nhân dân sửa chữa nhà cửa, làm nhà ở tạm, ổn định đời sống nhân dân.

- Sở Y tế triển khai sơ cấp cứu, chữa bệnh cho nhân dân bị nạn; cung cấp thuốc chữa bệnh, thuốc tiêu độc, khử trùng làm sạch nguồn nước, vệ sinh môi trường không để dịch bệnh bùng phát.

- Sở NN&PTNT hướng dẫn tu sửa hồ đập, kênh mương, hàn khẩu đê điều, khôi phục trạm bơm để phục vụ sản xuất; khử trùng chuồng trại không để phát sinh dịch bệnh trong gia súc, gia cầm.

- Sở Giao thông vận tải hướng dẫn khắc phục đoạn đường bị sạt lở, các cầu, cống bị hư hỏng, bảo đảm giao thông bước 1. Đối với đoạn đường sạt lở nguy hiểm, cắm biển cảnh báo để người dân chủ động phòng tránh.

- Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng tổ chức khắc phục sự cố đường dây tải điện, trạm biến thế; vận hành an toàn hệ thống điện phục vụ đời sống và sản xuất nhân dân.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp chính quyền địa phương rà soát hộ gia đình có nhà sập, hư hỏng nặng để hỗ trợ xây cất lại; rà soát hộ thiếu đói để cấp phát lương thực cứu trợ.

- Sở Công thương huy động các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố xuất các mặt hàng thiết yếu: mì tôm, bánh phở, dầu ăn, nước uống đóng chai, chăn, màn, quần áo, đồ dùng cá nhân và các nhu yếu phẩm cơ bản cấp phát cho nhân dân, không để dân bị đói, bị rét.

- Sở Tài chính cân đối nguồn dự phòng ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác đề xuất nguồn chi hỗ trợ hộ gia đình có người chết, bị thương, nhà ở bị sập, hư hỏng nặng; kinh phí khắc phục đê điều, khôi phục nước sạch, bảo đảm giao thông bước 1 sớm ổn định đời sống và phục vụ sản xuất.

- Quỹ PCTT thành phố chi cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố, Hội Chữ thập đỏ thành phố, Thành đoàn, Hội Phụ nữ thành phố phối hợp với UBND các cấp tổ chức tiếp nhận, cấp phát hàng, tiền cứu trợ cho người dân bị thiệt hại đặc biệt ưu tiên hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, người tàn tật, cao tuổi, phụ nữ, trẻ em sớm ổn định cuộc sống.

* + - 1. Thống kê, đánh giá thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ

UBND các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn và các lĩnh vực phụ trách, cụ thể:

* Tổ chức, cá nhân báo cáo chính xác thiệt hại do thiên tai trong phạm vi quản lý với BCH PCTT&TKCN cấp xã, cơ quan chủ quản.

- BCH PCTT&TKCN các cấp tổng hợp thiệt hại do thiên tai, báo cáo UBND cùng cấp và BCH PCTT&TKCN cấp trên. BCH PCTT&TKCN thành phố báo cáo BCĐQG về PCTT.

- UBND cấp huyện tổ chức đánh giá, xác định thiệt hại ở địa phương về con người, nhà cửa, về giáo dục, y tế, nông lâm nghiệp, thủy lợi, giao thông, thủy sản, thông tin liên lạc, công nghiệp, xây dựng, nước sạch, vệ sinh môi trường và các công trình khác trên địa bàn và báo cáo về UBND thành phố, Thường trực BCH PCTT&TKCN thành phố.

- UBND các cấp có trách nhiệm tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại; kiểm tra đánh giá thiệt hại do thiên tai và báo cáo UBND cấp trên, UBND thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ; đồng thời báo cáo Bộ NN&PTNT.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội kiểm tra, thống kê thiệt hại về người, nhà ở của nhân dân. Nắm rõ số người chết, người mất tích, người bị thương; số nhà sập đổ, nhà bị hư hỏng nặng. Trên cơ sở đánh giá thiệt hại về người và nhà ở, đề xuất UBND thành phố cứu trợ khẩn cấp cho gia đình bị thiệt hại, chú ý ưu tiên gia đình chính sách và hộ nghèo.

- Sở Giao thông vận tải đánh giá thiệt hại các tuyến đường Quốc lộ, tỷnh lộ, đường sắt, đường thủy; tổng hợp báo cáo UBND thành phố, BCH PCTT&TKCN thành phố và đề xuất hỗ trợ khắc phục.

- Sở Xây dựng đánh giá thiệt hại các trụ sở cơ quan, công trình xây dựng theo lĩnh vực quản lý; tổng hợp báo cáo UBND thành phố, BCH PCTT&TKCN thành phố và đề xuất hỗ trợ khắc phục.

- Sở NN&PTNT tổng hợp tình hình thiệt hại về nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản. Thống kê diện tích lúa, hoa màu bị hư hỏng; diện tích cây công nghiệp, rừng bị ngã đổ; diện tích đất canh tác bị xâm thực, nhiễm mặn, xói lở; gia súc, gia cầm bị chết; lúa giống bị hư hỏng. Đánh giá thiệt hại đê kè, kênh mương, hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm; diện tích nuôi trồng thủy hải sản, tàu thuyền bị thiệt hại. Lập báo cáo tổng hợp thiệt hại sau thiên tai phạm vi toàn thành phố và đề xuất TW hỗ trợ khẩn cấp.

- Các sở, ngành, đơn vị theo lĩnh vực quản lý đánh giá, thống kê thiệt hại, báo cáo UBND thành phố, BCH PCTT&TKCN thành phố và đề xuất hỗ trợ.

- Các chủ doanh nghiệp kiểm tra, đánh giá thiệt hại của doanh nghiệp báo cáo chính quyền địa phương.

- Cục Thống kê đánh giá, thống kê thiệt hại về các lĩnh vực, tổng hợp báo cáo UBND thành phố, BCH PCTT&TKCN thành phố.

Chậm nhất 5 ngày sau khi kết thúc đợt thiên tai, các Sở, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện phải báo cáo thiệt hại và đề xuất hỗ trợ về UBND thành phố, Thường trực BCH PCTT&TKCN thành phố để tổng hợp.

* + - 1. Lập kế hoạch tái thiết sau thiên tai

***3.3.1. Tái thiết khẩn cấp:*** Tổng hợp đánh giá thiệt hại từ các sở, ngành, địa phương lựa chọn được danh mục khắc phục khẩn cấp sau thiên tai. Trên cơ sở kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai được phân bổ; các sở, ngành, UBND các huyện, quận triển khai đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng theo thứ tự ưu tiên. Các danh mục lựa chọn thường là đê, kè, kênh mương, cầu, cống, đường giao thông; công trình cấp nước sạch. Thời gian khắc phục khẩn cấp từ 3 đến 8 tháng trước mùa mưa lũ, bão tiếp theo.

***3.3.2. Tái thiết trung hạn:*** Để đáp ứng yêu cầu lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội, các sở, ngành, đơn vị, UBND các cấp lập kế hoạch trung hạn khôi phục, phát triển sản xuất; nâng cấp công trình, cơ sở hạ tầng kết hợp mục tiêu PCTT, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Nội dung chính kế hoạch trung hạn gồm:

Sở NN&PTNT lập kế hoạch nâng cấp, tu bổ hệ thống đê điều bảo vệ an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; kiên cố hóa kênh mương, nâng cấp trạm bơm nhằm tưới tiêu chủ động và tiết kiệm nước; xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ kết hợp sinh hoạt cộng đồng ở những vùng thường ngập lũ, bão; tái định cư và di dời người dân ra khỏi vùng nguy hiểm của thiên tai; khơi thông dòng chảy bảo đảm thoát lũ cho vùng ngập úng đáp ứng yêu cầu trú, tránh PCTT an toàn; nâng cao nhận thức của cán bộ, người dân về PCTT, ứng phó với BĐKH.

Sở Xây dựng quản lý quy hoạch khu dân cư, phát triển đô thị phải bảo đảm an toàn PCTT. Lập kế hoạch xây dựng nhà ở an toàn, hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh lũ, bão theo chính sách của Chính phủ; nâng cấp công trình cấp, thoát nước đô thị bảo đảm nhu cầu cấp, thoát nước. Tổ chức thực hiện “Hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp độ RRTT” của ngành để nhân dân chủ động phòng, tránh bão.

Sở Giao thông vận tải lập kế hoạch nâng cấp hệ thống đường thành phố; kế hoạch xây dựng mới hệ thống cầu, cống trên đường thành phố bảo đảm kết nối giao thông và tiêu thoát lũ; nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông bảo đảm nhu cầu phát triển giao thông kết hợp PCTT.

Sở Thông tin và Truyền thông lập kế hoạch nâng cấp hệ thống, trang thiết bị bưu chính, viễn thông bảo đảm thông tin liên lạc. Trang bị, bảo dưỡng mạng thông tin chuyên dùng để phục vụ thông tin chỉ đạo, điều hành PCTT. Có kế hoạch phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ của lực lượng vũ trang trong thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn nội dung phòng tránh, xử lý và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do mưa lũ gây ra.

Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch nâng cấp, kiên cố hóa trường học. Ưu tiên nâng cấp trường học mầm non, tiểu học và phổ thông đối với vùng trũng, thấp ven sông, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường tập huấn, rèn luyện chống đuối nước cho học sinh các cấp.

Sở Công thương chỉ đạo Công ty TNHH MTV Điện lực và các đơn vị vận hành lưới điện trên địa bàn thành phố có kế hoạch nâng cấp hệ thống điện, thiết bị bảo đảm cung cấp điện an toàn; có kế hoạch bảo trì hạng mục công trình đầu mối, các thiết bị bảo đảm vận hành an toàn công trình. Đồng thời, có văn bản hướng dẫn cho các doanh nghiệp có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng, kho tàng bảo đảm an toàn cho người và hàng hóa nhằm giảm bớt chi phí kinh doanh và thiệt hại do thiên tai gây ra.

Sở Y tế có kế hoạch bảo trì bệnh viện, trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm y tế, trạm y tế bảo đảm khám và điều trị bệnh. Có kế hoạch dự trữ vật tư thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, xử lý môi trường ô nhiễm trong PCTT.

Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đông Bắc có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, mở rộng mạng lưới KTTV; sử dụng thiết bị, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo chính xác diễn biến thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

UBND các cấp lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp công trình PCTT trên địa bàn: hồ chứa, công trình thủy lợi, giao thông, trạm y tế, trường học kết hợp nơi trú tránh bão, lũ. Ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các xã ven sông, ven biển thường xuyên bị thiên tai. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng tâm trên địa bàn.

Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an thành phố lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp cơ sở huấn luyện, kho tàng, mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ an ninh quốc phòng kết hợp PCTT&TKCN. Có kế hoạch đào tạo, tập huấn, diễn tập cho cán bộ, chiến sĩ nhằm tăng cường khả năng tự vệ và ứng cứu trong thiên tai.

Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp lập kế hoạch trung hạn tái thiết sau thiên tai (giai đoạn 05 năm 2021-2025) gửi về UBND thành phố, BCH PCTT&TKCN thành phố để rà soát, điều chỉnh Kế hoạch PCTT&TKCN thành phố giai đoạn 05 năm 2021- 2025 phù hợp với thực tiễn.

# 

* 1. LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
     1. Nguyên tắc và Phương pháp lồng ghép nội dung PCTT

Nguyên tắc, quy trình lồng ghép nội dung PCTT vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hiện theo Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nội dung PCTT phải được lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

- Căn cứ vào kết quả đánh giá, loại hình RRTT, phân vùng RRTT ứng với mỗi loại hình và cấp độ RRTT của ngành hoặc địa phương để lồng ghép nội dung PCTT.

- Ưu tiên các công trình đa mục tiêu, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, hướng tới phát triển bền vững và đối tượng dễ bị tổn thương trong lồng ghép nội dung PCTT.

- Nguồn vốn cho công tác PCTT được lồng ghép, cân đối trong quá trình lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch; trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển.

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường, kinh tế thế giới đứng trước nguy cơ rơi vào khủng hoảng và suy thoái mới. Với độ mở kinh tế lớn, những diễn biến tình hình thế giới và khu vực sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế-xã hội trong nước và thành phố. Đồng thời, thành phố cũng phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như các ngành, khu vực, lĩnh vực kinh tế của thành phố phát triển chưa đồng bộ, kết nối liên vùng còn hạn chế, nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng của tình trạng BĐKH, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường…, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.

- Đan xen với những khó khăn, thách thức, thành phố cũng đang đứng trước thời cơ rất lớn. Hạ tầng kinh tế-xã hội của thành phố đã có bước phát triển quan trọng, môi trường đầu tư đã và đang thể hiện sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong, ngoài nước. Đặc biệt, Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI đã thông qua Nghị quyết nhiệm kỳ 2020-2025, đây là nguồn lực quan trọng, định hướng cho sự phát triển bứt phá thành phố trong giai đoạn tới.

* + 1. Nội dung lồng ghép
       1. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế

***2.1.1. Di dời người dân ra khỏi vùng nguy cơ nguy hiểm của thiên tai***

Căn cứ các chính sách của TW như: Quyết định số 1776/2012/QĐ-TTg về Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai và nguồn lực thực tế tại địa phương; Quyết định số 923/QĐ-TTg về phê duyệt chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư, các ngành chức năng tiến hành khảo sát thực tế các khu vực dân cư thường xuyên bị ảnh hưởng bởi ngập lụt để xây dựng kế hoạch, phương án di dời dân ra khỏi vùng nguy cơ nguy hiểm của thiên tai và thực hiện các dự án tái định cư để ổn định đời sống nhân dân.

***2.1.2. Nâng cao tiêu chuẩn an toàn các công trình cơ sở hạ tầng***

Trong các dự án quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, khi khảo sát và tính toán kết cấu cần phân tích thêm tác động của thiên tai để nâng cao tiêu chuẩn an toàn của công trình.

***2.1.3. Nâng cao nhận thức và kiến thức của cán bộ, người dân về an toàn PCTT, ứng phó với BĐKH***

Căn cứ vào Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 6/4/2021, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện tại địa phương để tiếp tục nâng cao nhận thức cộng đồng và năng lực quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.

Ngoài các chương trình của Chính phủ đang thực hiện, địa phương còn lồng ghép vào các chương trình khác như: nông thôn mới, khuyến nông, huấn luyện cứu hộ cứu nạn.

***2.1.4. Nâng cấp các công trình PCTT (đê, kè, công trình thủy lợi)***

Nâng cấp hệ thống đê, kè, cống ưu tiên những đoạn đê kè xung yếu và một số đoạn đê sông có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn thành phố.

Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống các công trình thủy lợi, trạm bơm nhất là cho những vùng đất canh tác bị thiếu nước; vùng thường xuyên ngập úng.

***2.1.5. Khơi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ, ngập lụt***

Trong thời gian qua tình hình ngập lụt, ngập úng cục bộ tại một số khu vực trên địa bàn thành phố diễn ra thường xuyên trong mùa mưa lũ. Nguyên nhân của tình trạng này là do dòng chảy bị cản trở do tình trạng phát triển đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố. Việc phát triển này làm gia tăng dòng chảy mặt khi có mưa lớn, vượt quá hệ số tiêu của các trạm bơm đã được thiết kế từ lâu. Bên cạnh đó việc phát triển đô thị và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp làm thay đổi hệ thống các kênh dẫn tiêu nước, các kênh không đổ trực tiếp được ra kênh chính dẫn đến việc thoát nước chậm, gây dồn ứ, ngập cục bộ.

Hệ thống công trình thủy lợi cũng được xây dựng từ lâu, ít được xây mới, đầu tư nâng cấp ít do còn hạn chế vốn; hệ thống kênh mương chưa kiên cố, kênh mương bằng đất hàng năm bị sạt trượt, bồi lắng gây cản trở dòng chảy.

Để khắc phục được tình trạng này, thời gian tới cần có sự phối hợp lồng ghép các nội dung tiêu thoát lũ, ngập úng trong các Dự án, Kế hoạch, Chương trình phát triển cơ sở hạ tầng đã được thành phố phê duyệt trong giai đoạn 2021-2025, bố trí lồng ghép các hệ thống cống, kênh mương, rãnh thoát nước hợp lý, đồng bộ tại các công trình xây dựng mới, công trình sửa chữa nâng cấp như các công trình giao thông, công trình xây dựng, các khu tái định cư, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

* + - 1. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế, xã hội

***2.2.1. Ngành nông nghiệp***

1. ***Trồng trọt***

Phát triển nông nghiệp xanh, sạch gắn với khả năng PCTT, thích ứng với BĐKH:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng tiết kiệm, khai thác hiệu quả tài nguyên đất, nước gắn với bảo vệ môi trường, hướng tới nền kinh tế xanh cho phát triển bền vững.

- Vận động toàn dân tham gia bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh việc sử dụng rác thải hữu cơ từ nông nghiệp làm phân bón phục vụ sản xuất.

- Thực hiện “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, “Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp thành phố Hải Phòng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” với những đề xuất về các vùng sản xuất, giống cây trồng vật nuôi cũng như các phương thức sản xuất phù hợp, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất góp phần giảm thiểu được những tác động của thiên tai trên địa bàn, thích ứng với BĐKH, đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường sử dụng các giống cây trồng ngắn ngày, giống có chịu hạn, chịu úng và chống chịu sâu bệnh. Điều chỉnh linh hoạt lịch thời vụ gieo trồng nhằm hạn chế tác động của thiên tai và sâu bệnh ở giai đoạn cuối vụ.

1. ***Chăn nuôi***

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về công tác phòng ngừa và ứng phó với thiên tai, đặc biệt là bão, ATNĐ, ngập lụt, gió mạnh trên biển, sương mù và nắng nóng trên địa bàn thành phố. Quy hoạch tập trung đàn gia súc gia cầm (chủ yếu là con giống) để chủ động PCTT theo hướng tại chỗ.

- Chuẩn bị chuồng trại, nơi ở cao ráo, đảm bảo an toàn cho đàn vật nuôi khi thiên tai xảy ra.

- Giảm đàn vật nuôi: Khi có thiên tai xảy ra thực hiện biện pháp giảm đàn (chọn loại thải những con kém chất lượng, bệnh tật…) để có điều kiện bảo vệ đàn vật nuôi còn lại có chất lượng để khôi phục sau thiên tai (nái sinh sản, đực giống …).

- Thực hiện cung cấp nhanh dịch vụ thú y để chẩn đoán điều trị bệnh, tiêm vắc xin, hỗ trợ sức khỏe cho đàn vật nuôi để bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi.

- Dự trữ, cung cấp thức ăn, nước uống là biện pháp có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đàn vật nuôi trong khi gặp thiên tai như: lũ lụt, nắng nóng, rét … để tái sản xuất sau thiên tai.

1. ***Thủy sản***

- Lựa chọn các giống thủy sản phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu của địa phương.

- Hướng dẫn thời vụ nuôi trồng cho nhân dân để tránh thời điểm bão, ngập lụt... và tổ chức bảo vệ ao hồ thủy sản khi thiên tai xảy ra.

- Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản, gia cố bờ ao, bờ ruộng, đảm bảo cống tràn; đồng thời có phương án tiêu thoát nước kịp thời; thiết kế lồng, bè nuôi chắc chắn, có khả năng thích ứng với điều kiện mưa, lũ; chuẩn bị và thực hiện tốt công tác thú y thủy sản.

1. ***Lâm nghiệp***

- Phát triển nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ diện tích rừng hiện có bằng các biện pháp khác nhau.

- Khai thác nguồn lợi từ chi trả dịch vụ môi trường rừng, tăng cường hoạt động khoán bảo vệ rừng từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Triển khai nghiên cứu các mô hình khuyến lâm, lai tạo các giống cây trồng lâm nghiệp mới có năng suất cao.

- Đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học, các đề tài ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp.

- Củng cố hệ thống khuyến lâm và cán bộ kiểm lâm ở cơ sở.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật bằng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ nguồn tài nguyên rừng.

- Tranh thủ các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ ngành lâm nghiệp để thử nghiệm và nhân rộng cách tiếp cận mới về lâm nghiệp, hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, kinh doanh, khai thác chế biến gỗ đáp ứng theo yêu cầu thị trường.

- Phân bổ các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách TW tập trung ưu tiên cho các dự án trồng rừng, chăm sóc rừng phòng hộ, vườn Quốc gia…

- Bảo vệ rừng đầu nguồn trong PCTT.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật Lâm nghiệp; các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước có liên quan công tác giao rừng, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp.

- Tiếp tục thể hiện quyết liệt có hiệu quả các chỉ đạo của TW và của thành phố liên quan đến công tác quản lý và bảo vệ phát triển rừng.

- Phục vụ cho quản lý bền vững tài nguyên rừng; triển khai ứng dụng phần mềm theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng; giao rừng, cho thuê rừng theo định hướng của TW.

- Huy động các nguồn lực, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, dự án. Lồng ghép các kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng với kế hoạch phát triển KTXH, các chương trình, dự án khác trên địa bàn thành phố.

- Hỗ trợ cây giống, phân bón, kỹ thuật cho các hộ gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là các hộ nghèo để phát triển trồng rừng quy mô nhỏ.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp để giảm chi phí sản xuất.

- Tăng cường công tác phòng chống cháy rừng.

- Tăng cường tuần tra, kiểm tra rừng, phòng ngừa, ngăn chặn, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng; nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

***2.2.2. Ngành công thương***

- Chỉ đạo, kiểm tra công tác PCTT&TKCN của các đơn vị thuộc ngành, nắm tình hình dự trữ hàng hóa của các doanh nghiệp để kịp thời báo cáo khi có nhu cầu huy động; phối hợp phòng, ban chuyên môn thuộc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng tham mưu ban hành kế hoạch đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, nhất là khu vực đặt các trạm bơm nước; có phương án huy động máy phát điện dự phòng khi có lệnh của BCH PCTT&TKCN thành phố tại các trạm bơm dã chiến, vị trí trọng yếu; bố trí nhân sự kịp thời khắc phục sự cố trong thời gian nhanh nhất.

- Chuẩn bị đầy đủ các mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm, nước uống, đồ dùng thiết yếu, sẵn sàng phục vụ cho các lực lượng tham gia PCTT, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong bất cứ tình huống nào xảy ra khi có lệnh của BCH PCTT&TKCN thành phố.

- Nhằm chủ động ứng phó kịp thời cho các khu vực thường bị chia cắt, cô lập khi xảy ra thiên tai, Sở Công thương chủ động liên hệ, vận động các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm, nhu yếu phẩm đóng trên địa bàn thành phố đảm bảo dự trữ, chuẩn bị một lượng hàng hóa thiết yếu nhất định (UBND thành phố sẽ mua bằng tiền ngân sách thành phố khi cần thiết), để bảo đảm kịp thời sẵn sàng phục vụ nhân dân ở các vùng khi có thiên tai xảy ra.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về công tác bảo vệ hành lang an toàn công trình lưới điện cao áp cho các cấp chính quyền ở địa phương; duy trì việc phát thanh tuyên truyền liên tục trong thời gian dài bảo đảm để người dân tiếp thu và có ý thức trong việc bảo vệ hành lang an toàn lưới điện cao áp một cách có hiệu quả, không để xảy ra các hành vi vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp.

- Phối hợp với SNN&PTNT, Cục Quản lý thị trường và các ngành, thành viên tham gia phòng chống các loại dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, phòng chống sự bùng phát dịch. Kiểm tra chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất, chế biến, bảo quản cho đến khâu tiêu thụ nhất là những mặt hàng đóng gói và thực phẩm tươi sống; làm tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong công tác chống buôn lậu, sản xuất, mua bán hàng giả và gian lận thương mại trên phạm vi toàn thành phố, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các giải pháp bình ổn giá; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng thiên tai, lũ lụt để đầu cơ tăng giá vật tư, hàng hoá gây khó khăn cho đời sống nhân dân tại những vùng thiên tai, bão lụt.

***2.2.3. Ngành xây dựng***

- Kiểm tra rà soát quy hoạch xây dựng và kiến trúc, các công trình cấp nước, thoát nước, kết cấu hạ tầng… trên địa bàn thành phố, theo chức năng quản lý để chỉnh sửa, bổ sung đảm bảo các công trình được an toàn trong PCTT, không để úng ngập các khu đô thị, khu công nghiệp; tuân thủ theo Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND thành phố phê duyệt Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Các cấp, ngành liên quan căn cứ định hướng phát triển kinh tế-xã hội bền vững, theo dõi tình trạng BĐKH, đặc biệt là hiện tượng nước biển dâng để nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh quy hoạch cao độ nền theo thực tiễn.

- Quy hoạch mới vùng lũ, ngập lụt cần chuyển từ “sống chung với lũ” sang “chủ động sống chung với lũ”; đồng thời, việc tổ chức không gian lãnh thổ vùng theo hướng hình thành các tiểu vùng sinh thái làm định hướng phát triển kinh tế, nông nghiệp và cơ sở hạ tầng; tổ chức, phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm của hệ sinh thái tự nhiên, điều kiện cụ thể của vùng và từng tiểu vùng sinh thái.

- Nâng cao chất lượng đề án quy hoạch thông qua việc nâng cao công tác thẩm định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đề án quy hoạch và báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược trong các đề án quy hoạch. Đưa các yêu cầu, tiêu chí về nâng cao năng lực chủ động ứng phó với BĐKH vào trong nhiệm vụ quy hoạch, trong lựa chọn phương án quy hoạch lấy yếu tố phát triển bền vững là mục tiêu quan trọng nhất.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến ứng dụng các công nghệ mới vào đầu tư xây dựng công trình và nhà ở. Nghiên cứu áp dụng các vật liệu mới có khả năng chống chịu tốt với các hiện tượng khí hậu cực đoan. Sử dụng hiệu quả trang thông tin điện tử để đưa hoạt động tuyên truyền đến mọi đối tượng có nhu cầu.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành xây dựng, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý xây dựng các cấp. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao nhận thức về BĐKH cho cán bộ quản lý xây dựng, các chủ đầu tư công trình sử dụng vốn ngân sách để nâng cao hiệu quả đầu tư công gắn với yêu cầu chủ động ứng phó với BĐKH.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, vật liệu mới, chất phụ gia ứng dụng trong các công trình để tăng độ bền cho công trình trước tác động của thiên tai và BĐKH.

***2.2.4. Ngành tài nguyên môi trường***

- Thu thập, khai thác và sử dụng dữ liệu về KTTV ở địa phương theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai trên địa bàn thành phố.

- Quản lý, kiểm soát nguồn nước đảm bảo nước sinh hoạt, sản xuất cho người dân trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, đề phòng các trường hợp thiếu nước, hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phối hợp giữa các lĩnh vực quy hoạch - xây dựng - tài nguyên môi trường, áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác phòng chống thiên tai.

- Tăng cường công tác quản lý và xử lý rác thải công nghiệp giảm thiểu tác động gây ô nhiễm môi trường khi có ngập lụt, và giảm thiểu tác động của BĐKH.

***2.2.5. Ngành giáo dục và đào tạo***

Thực hiện các biện pháp nâng cấp các trường học đảm bảo an toàn PCTT và kết hợp làm nơi tránh trú an toàn:

- Thành lập BCĐ phòng tránh thiên tai cấp Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Trường THPT, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên…

- Tham mưu các cấp đầu tư xây dựng, nâng cấp các trường học có nguy cơ ngập lụt, ưu tiên các trường mầm non và phổ thông; có phương án di dời khi ngập lụt xảy ra. Chỉ đạo các đơn vị kịp thời sửa chữa, cải tạo, cắt tỉa cây xanh, kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện, nước trước mùa mưa bão.

- Thường xuyên theo dõi tình hình khí tượng thủy văn và thông báo kịp thời tới giáo viên, học sinh, sinh viên và phụ huynh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt Luật PCTT; kế hoạch PCTT của thành phố, huyện, ngành, ... phối hợp cảnh báo kịp thời đến phụ huynh và cộng đồng dân cư, sẵn sàng đón nhận dân cư vào trường học trú tránh khi có thiên tai xảy ra.

- Lồng ghép nội dung PCTT vào chương trình dạy học chính khóa hoặc ngoại khóa các cấp học.

- Chỉ đạo các đơn vị trường học, Phòng GDĐT huyện, quận tổ chức dạy bơi cho học sinh, đặc biệt ở các địa bàn xung yếu, có nguy có xảy ra ngập lụt của thành phố, học sinh vùng ven biển, vùng bãi, vùng cửa sông.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho giáo viên những kỹ năng phòng, chống, tránh, sơ cứu, cấp cứu người bị nạn khi thiên tai xảy ra.

***2.2.6. Ngành Thông tin và Truyền thông***

- Xây dựng Kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc và tuyên truyền phục vụ công tác PCTT&TKCN của ngành Thông tin và Truyền thông nói riêng và của thành phố nói chung.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp trong ngành chủ động xây dựng phương án ứng phó với các cấp độ thiên tai, nhằm đảm bảo an toàn mạng lưới hạ tầng bưu chính, viễn thông, xây dựng phương án, kịch bản khắc phục thiên tai đặc biệt tại những địa phương thuộc khu vực ven biển như: Cát Hải, Đồ Sơn, Hải An, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, nơi có các tuyến đê trung ương và địa phương nơi có nguy cơ cao khi xảy ra thiên tai, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại phát sinh do ảnh hưởng của thiên tai gây ra.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh truyền hình, Cổng Thông tin điện tử thành phố, Cổng Tin tức thành phố, Đài Phát thanh cấp huyện, đài Truyền thanh cấp xã, thực hiện thông tin tuyên truyền kịp thời tình hình, công tác chỉ đạo PCTT&TKCN của thành phố và của các cấp, các ngành.

# 

* 1. NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
     1. Nguồn lực thực hiện

Huy động mọi nguồn lực để đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng, đảm bảo đến năm 2025 cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, hoàn thiện cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội cấp thiết, phục vụ cho việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 05 năm 2021-2025 và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025.

Căn cứ theo các Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Luật Phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 66/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều xác định nguồn lực thực hiện gồm:

* + - 1. Nguồn nhân lực
* Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn là lực lượng tại chỗ thực hiện hoạt động PCTT.
* Dân quân tự vệ là lực lượng tại chỗ thực hiện nhiệm vụ PCTT theo phương án phòng, chống thiên tai của địa phương và sự điều động của người có thẩm quyền.
* Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và là lực lượng nòng cốt trong công tác sơ tán người, phương tiện, tài sản, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội theo sự điều động của người có thẩm quyền.
* Tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia hỗ trợ hoạt động PCTT theo sự chỉ huy của người có thẩm quyền.
  + - 1. Vật tư, phương tiện, thiết bị, hệ thống thông tin, nhu yếu phẩm
* Vật tư, phương tiện, trang thiết bị cho hoạt động PCTT bao gồm: vật tư, phương tiện, trang thiết bị của Nhà nước; huy động của tổ chức, cá nhân trên địa bàn; của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự chuẩn bị.
* Hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước và hoạt động PCTT bao gồm:

+ Cơ sở hạ tầng thông tin gồm hệ thống thông tin công cộng và trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, chỉ huy PCTT; thiết bị quan trắc tự động truyền tin; hệ thống thông tin cảnh báo sớm;

+ Cơ sở dữ liệu về thông tin gồm cơ sở dữ liệu về khí tượng, thủy văn, hải văn, động đất, sóng thần; cơ sở dữ liệu về thiên tai và thiệt hại thiên tai; cơ sở dữ liệu về hệ thống công trình PCTT; cơ sở dữ liệu về công trình hạ tầng có liên quan đến PCTT; số liệu quan trắc và truyền phát tự động tại thời điểm thiên tai đang diễn ra.

* Nhu yếu phẩm của tổ chức, cá nhân và hàng hóa, vật tư, thiết bị thuộc dự trữ quốc gia của cơ quan nhà nước phục vụ cho hoạt động PCTT bao gồm lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống, hóa chất, thiết bị xử lý nước, thuốc khử trùng và vật phẩm cần thiết khác để bảo đảm đời sống nhân dân khi thiên tai xảy ra.
  + - 1. Nguồn tài chính cho PCTT

*1.3.1. Ngân sách nhà nước:*

[- Ngân sách nhà nước cho phòng, chống thiên tai bao gồm ngân sách nhà nước theo dự toán chi hằng năm và dự phòng ngân sách nhà nước.](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=976800&DocItemRelateId_Select=78396)

- [Ngân sách nhà nước cho phòng, chống thiên tai theo dự toán chi hằng năm được sử dụng cho xây dựng chiến lược, kế hoạch phòng, chống thiên tai; đầu tư, xây dựng, tu bổ, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai; hoạt động phòng, chống thiên tai; hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai các cấp.  
Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động phòng, chống thiên tai được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=976800&DocItemRelateId_Select=78396)

- [Dự phòng ngân sách nhà nước cho phòng, chống thiên tai được sử dụng theo quy định sau đây:](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=976800&DocItemRelateId_Select=78396)

+ [Hỗ trợ cho công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai;](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=976800&DocItemRelateId_Select=78396)

+ [Căn cứ vào hoạt động ứng phó, mức độ thiệt hại, nhu cầu cứu trợ và các chế độ, chính sách, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) quyết định cấp dự phòng ngân sách của địa phương để xử lý các nhu cầu khẩn cấp cho ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai ngoài dự toán chi hằng năm đã được phê duyệt;](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=976800&DocItemRelateId_Select=78396)

[+ Trường hợp dự phòng ngân sách địa phương đã chi hết nhưng không đủ đáp ứng cho các nhu cầu khẩn cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ. Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai tổng hợp tình hình thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ của địa phương và đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định.](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=976800&DocItemRelateId_Select=78396)

*1.3.2. Quỹ PCTT:*

- Quỹ PCTT là quỹ được thành lập ở cấp thành phố, do UBND thành phố quản lý. Quỹ PCTT không bao gồm ngân sách nhà nước và không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

- Nguồn tài chính của Quỹ PCTT:

[+ Đóng góp bắt buộc của tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài tại địa bàn, công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật;](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=976809&DocItemRelateId_Select=78398)

[+ Các nguồn hợp pháp khác.](https://luatvietnam.vn/noi-dung-thay-doi.html?DocItemId=976809&DocItemRelateId_Select=78398)

- Quỹ PCTT được sử dụng để hỗ trợ hoạt động PCTT và ưu tiên hỗ trợ cho các hoạt động sau đây:

+ Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai;

+ Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học;

+ Xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai.

- Việc quản lý, sử dụng Quỹ PCTT phải bảo đảm đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả.

- Chính phủ quy định cụ thể việc thành lập, mức đóng góp, đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán Quỹ PCTT.

*1.3.3. Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân.*

- Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân cho công tác PCTT dưới các hình thức: đóng góp vào quỹ xã hội, quỹ từ thiện; tham gia quyên góp theo quy định của pháp luật và hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai.

- Việc phân bổ, sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện và có sự thống nhất của chính quyền địa phương nơi có đối tượng được hỗ trợ.

* + 1. Tiến độ thực hiện

Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được trình bày tại chương V. Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp được giao chủ trì tổ chức thực hiện lập dự toán chi tiết và tiến độ triển khai từng nhiệm vụ, chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

Giải pháp PCTT được thống kê và phân bổ vốn thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 được trình bày trong bảng Phụ lục VII, VIII, IX.

* 1. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
     1. Xây dựng kế hoạch tài chính

Các Sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các cấp xây dựng dự toán kinh phí cho các hoạt động phi công trình, công trình theo nhiệm vụ, chương trình, dự án trình cấp thẩm phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Dự toán kinh phí vật tư, mua sắm trang thiết bị và các khoản chi tiêu theo phương án PCTT&TKCN hàng năm của cơ quan, đơn vị trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tham mưu cho UBND thành phố lập, phê duyệt kế hoạch đầu tư công cho các công trình, dự án có sử dụng vốn đầu tư công liên quan đến công tác PCTT&TKCN của thành phố. Sở NN&PTNT và các địa phương chủ trì thực hiện tổng hợp, đề xuất nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phê duyệt.

Tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị về nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch này (kèm theo văn bản chủ trương của cơ quan có thẩm quyền), Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách thành phố, báo cáo UBND thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua theo quy định.

* + 1. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch

Sở Kế hoạch và Đầu tư lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025. Quá trình thực hiện cần đảm bảo các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong Kế hoạch PCTT giai đoạn 2021-2025 được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch của các sở, ban, ngành, đơn vị; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương để ưu tiên thực hiện.

Sở NN&PTNT là cơ quan thường trực PCTT, chủ trì phối hợp với các sở, ngành thực hiện kế hoạch: Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các cấp; tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hàng năm.

Các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương đóng vai trò là chủ trì hoặc phối hợp thực hiện (tại Phụ lục VII, VIII, IX).

* + 1. Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch

***3.1. Báo cáo đột xuất:*** Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện khi triển khai các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch gặp khó khăn vướng mắc phải báo cáo ngay về UBND thành phố, BCH PCTT&TKCN thành phố để kịp thời xử lý, tháo gỡ.

***3.2. Báo cáo định kỳ:*** Định kỳ 03 tháng các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp quận/huyện thực hiện báo cáo các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch về UBND thành phố, BCH PCTT&TKCN thành phố. Trong báo cáo định kỳ nêu rõ kết quả đạt được, những khó khăn và tồn tại cần giải quyết.

Cuối năm các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch PCTT về UBND thành phố, BCH PCTT&TKCN thành phố. Trong báo cáo cuối năm nêu rõ tình hình thiên tai ở địa phương, ảnh hưởng thiên tai đến lĩnh vực quản lý của các sở, ban, ngành; công tác triển khai các hoạt động PCTT theo kế hoạch; những thuận lợi, khó khăn, bài học kinh nghiệm và những kiến nghị cần được quan tâm, giải quyết.

Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện, Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN thành phố tổng hợp tiến độ thực hiện Kế hoạch hàng năm báo cáo UBND thành phố và BCĐQG về PCTT.

* + 1. Rà soát, đánh giá, cập nhật kế hoạch

Để triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả, việc theo dõi, giám sát và đánh giá trong quá trình thực hiện là rất cần thiết. UBND cấp huyện, các sở, ban ngành, đơn vị phân công cán bộ chuyên môn giám sát, đánh giá và báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong kế hoạch được giao định kỳ 3 tháng/lần và cuối năm. Báo cáo gửi về Sở NN&PTNT (Thường trực BCH) để tổng hợp.

Trên cơ sở báo cáo đánh giá của UBND cấp huyện, các Sở, ban, ngành và đơn vị Sở NN&PTNT rà soát nội dung, tiến độ thực hiện kế hoạch PCTT giai đoạn 2021-2025, tiến hành điều chỉnh, cập nhật kế hoạch hàng năm phù hợp với tình hình thực tiễn, báo cáo UBND thành phố xem xét, phê duyệt.

Sở NN&PTNT chủ trì tổ chức đánh giá định kỳ hàng năm việc thực hiện Kế hoạch PCTT&TKCN thành phố. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, bài học kinh nghiệm và kiến nghị UBND thành phố điều chỉnh nội dung, giải pháp thực hiện. Trong điều kiện thiên tai xảy ra đặc biệt lớn, thiệt hại nặng nề, Sở NN&PTNT tổ chức đánh giá thiệt hại, nhu cầu tái thiết sau thiên tai và rà soát, cập nhật kế hoạch PCTT&TKCN giai đoạn 2021 - 2025, báo cáo UBND thành phố xem xét.

* + 1. Tổ chức thực hiện

Căn cứ Kế hoạch PCTT&TKCN giai đoạn 2021-2025 của thành phố Hải Phòng sau khi được phê duyệt, các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể, UBND cấp huyện, cấp xã khẩn trương tiến hành rà soát, bổ sung Kế hoạch PCTT&TKCN, Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ RRTT của cơ quan, địa phương mình; lồng ghép các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao vào kế hoạch phát triển của sở, ngành, đơn vị, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Các cơ quan, doanh nghiệp TW đóng trên địa bàn cần chủ động xây dựng kế hoạch PCTT&TKCN theo chu kỳ 5 năm theo lĩnh vực quản lý phù hợp với đặc điểm, tình hình thiên tai của thành phố; phối hợp tích cực với các sở, ban, ngành của thành phố trong công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

Giao Sở NN&PTNT-Cơ quan thường trực về PCTT tổ chức kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện PCTT&TKCN giai đoạn 2021-2025 và chế độ báo cáo theo quy định./.

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục I: Dân số phân theo giới tính, thành thị/nông thôn, đơn vị hành chính thành phố Hải Phòng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị hành chính** | **Tổng số** | **Phân theo giới tính** | | **Phân theo thành thị/nông thôn** | |
| **Nam** | **Nữ** | **Thành thị** | **Nông thôn** |
| 1 | Quận Hồng Bàng | 96.111 | 47.217 | 48.894 | 96.111 | 0 |
| 2 | Quận Ngô Quyền | 165.309 | 81.671 | 83.638 | 165.309 | 0 |
| 3 | Quận Lê Chân | 219.762 | 107.284 | 112.478 | 219.762 | 0 |
| 4 | Quận Hải An | 132.943 | 65.922 | 67.021 | 132.943 | 0 |
| 5 | Quận Kiến An | 118.047 | 58.591 | 59.456 | 118.047 | 0 |
| 6 | Quận Đồ Sơn | 49.029 | 24.585 | 24.444 | 49.029 | 0 |
| 7 | Quận Dương Kinh | 60.319 | 30.056 | 30.263 | 60.319 | 0 |
| 8 | Huyện Thủy Nguyên | 333.810 | 167.208 | 166.602 | 16.671 | 317.139 |
| 9 | Huyện An Dương | 195.717 | 97.449 | 98.268 | 8.295 | 187.422 |
| 10 | Huyện An Lão | 146.712 | 74.273 | 72.439 | 13.221 | 133.491 |
| 11 | Huyện Kiến Thụy | 140.417 | 69.871 | 70.546 | 3.603 | 136.814 |
| 12 | Huyện Tiên Lãng | 154.789 | 77.400 | 77.389 | 14.849 | 139.940 |
| 13 | Huyện Vĩnh Bảo | 182.835 | 89.748 | 93.087 | 8.435 | 174.400 |
| 14 | Huyện Cát Hải | 32.090 | 16.184 | 15.906 | 18.147 | 13.943 |
| 15 | Huyện Bạch Long Vĩ | 624 | 308 | 316 | 0 | 624 |
| **TỔNG** | | **2.028.514** | **1.007.767** | **1.020.747** | **924.741** | **1.103.773** |

Phục lục II: Danh sách BCH PCTT&TKCN thành phố Hải Phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức vụ trong BCH** | **Chức vụ** |
| 1 | Trưởng ban | Chủ tịch UBND thành phố |
| 2 | Phó Trưởng ban thường trực | Phó Chủ tịch UBND thành phố |
| 3 | Phó Trưởng ban | Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 4 | Phó Trưởng ban | Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố |
| 5 | Phó Trưởng ban | Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Hải Phòng |
| 6 | Phó Trưởng ban | Giám đốc Công an thành phố |
| 7 | Ủy viên | Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố |
| 8 | Ủy viên | Giám đốc Sở Tài chính |
| 9 | Ủy viên | Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 10 | Ủy viên | Giám đốc Sở Giao thông vận tải |
| 11 | Ủy viên | Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 12 | Ủy viên | Giám đốc Sở Xây dựng |
| 13 | Ủy viên | Giám đốc Sở Y tế |
| 14 | Ủy viên | Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông |
| 15 | Ủy viên | Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội |
| 16 | Ủy viên | Giám đốc Sở Công Thương |
| 17 | Ủy viên | Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 18 | Ủy viên | Giám Đốc Đài Phát thanh-Truyền hình Hải Phòng |
| 19 | Ủy viên | Phó Tư lệnh-Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Vùng I Hải quân |
| 20 | Ủy viên | Phó Giám đốc phụ trách Đài Khí tượng thủy văn khu vực Đông Bắc |
| 21 | Ủy viên | Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng |
| 22 | Ủy viên | Giám đốc Trung tâm Phối hợp TKCN Hàng hải Khu vực I |
| 23 | Ủy viên | Bí thư Thành Đoàn Hải Phòng |
| 24 | Ủy viên | Giám đốc Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực Miền Bắc |
| 25 | Ủy viên | Giám đốc Đài Thông tin duyên hải Hải Phòng |
| 26 | Ủy viên | Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng |
| 27 | Ủy viên | Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng |
| 28 | Ủy viên | Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố |
| 29 | Ủy viên | Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ thành phố |
| 30 | Ủy viên | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Hải Phòng |
| 31 | Uỷ viên- Chánh Văn phòng thường trực | Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai |

Phụ lục III: Các trọng điểm xung yếu của hệ thống đê điều

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tuyến đê** | **Vị trí** (Km - Km) | | **Cấp đê** |
| 1 | Tả Lạch Tray | 19.000 | 23.160 | 4 |
| 2 | Tả Lạch Tray | 23.160 | 24.118 | 4 |
| 3 | Tả Lạch Tray | 24.118 | 26.130 | 4 |
| 4 | Đê biển Bạch Đằng | 0.000 | 14.500 | 4 |
| 5 | Đê biển I | 0.000 | 6.000 | 4 |
| 6 | Đê biển I | 6.000 | 7.000 | 4 |
| 7 | Đê biển I | 7.000 | 8.000 | 4 |
| 8 | Đê biển I | 8.000 | 8.900 | 4 |
| 9 | Đê biển I | 8.900 | 9.800 | 4 |
| 10 | Đê biển I | 9.800 | 11.500 | 4 |
| 11 | Đê biển I | 11.500 | 12.500 | 3 |
| 12 | Đê biển I | 12.500 | 13.330 | 3 |
| 13 | Đê biển I | 17.000 | 17.591 | 3 |
| 14 | Đê Biển II | 0.000 | 10.660 | 3 |
| 15 | Đê biển III | 4.500 | 6.881 | 4 |
| 16 | Đê biển III | 10.957 | 16.500 | 4 |
| 17 | Đê biển Cát Hải | 0.000 | 3.094 | 4 |
| 18 | Đê biển Cát Hải | 3.094 | 3.579 | 4 |

Phụ lục IV: Danh sách các trạm quan trắc, đo đạc, cảnh báo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Các trạm Khí tượng** | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Tên Trạm** | | | | **Địa Danh** | | | **Vĩ độ** | | | **Kinh Độ** | | |
| 1 | | Phù Liễn | | | | Phù Liễn, Q Kiến An | | | 20048’ | | | 106038’ | | |
| 2 | | Bạch Long Vĩ | | | | Đảo Bạch Long Vĩ | | | 20008’ | | | 107043’ | | |
| 3 | | Hòn Dáu | | | | Hòn Dáu, Đồ Sơn | | | 20040’ | | | 106048’ | | |
| **II. Các trạm Thủy văn** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên Trạm** | | | **Địa Danh** | | | **Sông** | | | **Vĩ độ** | | | **Kinh Độ** | | |
| 1 | Cửa Cấm | | | P.Hùng Vương-Hồng Bàng | | | Kinh Thày | | | 20o46' | | | 106o50' | | |
| 2 | Trung Trang | | | Quang Hưng - An Lão | | | Văn úc | | |  | | |  | | |
| 3 | Tiên Tiến | | | Tiên Tiến - An Lão | | | Sông Mới | | | 20o45' | | | 106o31' | | |
| 4 | Do Nghi | | | Tam Hưng - Thuỷ Nguyên | | | Bạch Đằng | | | 20o56' | | | 106o46' | | |
| 5 | Đông Xuyên | | | Kiến Thiết - Tiên Lãng | | | Thái Bình | | | 20o41' | | | 106o33' | | |
| 6 | Kiến An | | | P. Bắc Sơn - TX Kiến An | | | Lạch Tray | | | 20o49' | | | 106o37' | | |
| 7 | Chanh Chử | | | Thắng Thuỷ - Vĩnh Bảo | | | Luộc | | | 20o44' | | | 106o24' | | |
| 8 | Cao Kênh | | | Hợp Thành - Thuỷ Nguyên | | | Kinh Thày | | | 20o56' | | | 106o35' | | |
| 9 | Quang Phục | | | Quang Phục - Tiên Lãng | | | Văn úc | | | 20o43' | | | 106o36' | | |
| **III. Các trạm Hải Văn** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | **Tên Trạm** | | **Địa Danh** | | | **Vĩ độ** | | | **Kinh Độ** | | |  | | |
| 1 | | | Bạch Long Vĩ | | Đảo Bạch Long Vĩ | | | 20008’ | | | 107043’ | | |  | | |
| 2 | | | Hòn Dáu | | Hòn Dáu, Đồ Sơn | | | 20040’ | | | 106048’ | | |  | | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **IV. Trạm Ra đa thời tiết** | | | | | |
| **TT** | **Tên Trạm** | **Địa Danh** | **Vĩ độ** | **Kinh Độ** |  |
| 1 | Phù Liễn | Phường Trần Thành Ngọ, Quận Kiến An |  |  |  |
| **V. Các trạm đo mưa tự động** | | | | |
| **TT** | **Tên Trạm** | **Địa Danh** | **Vĩ độ** | **Kinh Độ** |
| 1 | Tân Phong | Thôn Thái Lai, xã Tân Phong, Kiến Thụy |  |  |
| 2 | An Lão | Tổ dân phố Hoàng Xá, thị trấn An Lão, huyện An Lão |  |  |
| 3 | Cát Bà | Thị trấn Cát Bà, Cát Bà |  |  |
| 4 | Thủy Nguyên | Thị trấn Thủy Nguyên, Thủy Nguyên |  |  |
| 5 | Vĩnh Bảo | Thị trấn Vĩnh Bảo, Vĩnh Bảo |  |  |

Phụ lục V: Các trạm biến áp có nguy cơ cao bị ảnh hưởng của thiên tai

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trạm** | **Giải pháp đã thực hiện** |
| 1. | An Lạc | Làm hệ thống hào dẫn nước (có cánh phai chống tràn ngược) và tập trung về bể chống úng và bơm cưỡng bức ra ngoài trạm. |
| 2. | Thủy Nguyên 1 | Làm hệ thống ram dốc tại cổng trạm, hệ thống hào dẫn nước (có cánh phai chống tràn ngược) và tập trung về bể chống úng và bơm cưỡng bức ra ngoài trạm. |
| 3. | Thủy Nguyên 2 | Làm hệ thống ram dốc tại cổng trạm, hệ thống hào dẫn nước (có cánh phai chống tràn ngược) và tập trung về bể chống úng và bơm cưỡng bức ra ngoài trạm. |
| 4. | Cửa Cấm | Làm hệ thống hào dẫn nước (có cánh phai chống tràn ngược) và tập trung về bể chống úng và bơm cưỡng bức ra ngoài trạm. |
| 5. | Lê Chân | Làm hệ thống hào dẫn nước (có cánh phai chống tràn ngược) và tập trung về bể chống úng và bơm cưỡng bức ra ngoài trạm. |
| 6. | Cát Bi | Gia cường tường bê tông xung quanh trạm, làm hệ thống ram dốc tại cổng trạm, hệ thống hào dẫn nước (có cánh phai chống tràn ngược) và tập trung về bể chống úng và bơm cưỡng bức ra ngoài trạm. |

Phụ lục VI: Bảng tổng hợp thiệt hại do thiên tai tại thành phố Hải Phòng năm 2016 - 2020

| **NĂM** | **LOẠI THIÊN TAI ẢNH HƯỞNG TỚI HP** | | | **LƯỢNG MƯA LỚN NHẤT TẠI HP** | | | | **MỰC NƯỚC LỚN NHẤT TẠI CÁC SÔNG LỚN HP** | | | | |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thiên tai | Ngày đổ bộ, ảnh hưởng | Cấp  gió | Tên ĐP  có mưa  max | | Lượng  mưa max  ( mm) | Nguyên  nhân | Tên sông, trạm | H  max  (m) | Ngày  có  Hmax | Mức  báo  động | Nguyên nhân | **THIỆT HẠI DO THIÊN TAI TẠI HP** |
| **I.** | **Bão, ATNĐ** | | | | | | | | | | | | |
| **2016** | **Bão số 1** | 28/7/2016 | Gió cấp 9 | Tiên Lãng | | 315 |  |  |  |  |  |  | Bão số 1:  - Về công trình công cộng, dân sinh: tốc mái 08 nhà ở, 98m2 trụ sở cơ quan:, 05 phòng học với diện tích 303m2, 70m2 chợ, 400m2 nhà xưởng; 635 cây xanh bị đổ; 03 cột chỉ dẫn giao thông, 03 cột điện chiếu sáng bị hư hỏng, 5.250 kg xi măng làm đường giao thông nội đồng bị hỏng.  - Về nông nghiệp, thủy sản: thiệt hại 222,87ha lúa; 346,7ha hoa màu; 142,5ha cây ăn quả gãy, đổ; 10 trang trại bị tốc mái; 1.023 con gia súc chết; 46.588 con gia cầm chết; 545,5ha thủy sản thiệt hại; 03 chiếc thuyền nan bị đắm; 155m kè cảng cá Cát Bà bị sóng đánh hỏng.  - Về công trình điện lực: 20 cột trung thế, 36 cột hạ thế bị nghiêng, đổ, gãy; 62 lộ đường dây bị sự cố; 25 hòm công tơ vỡ hỏng; 15 quả sứ và 05 chuỗi sứ trung thế bị vỡ; 12 cột cáp viễn thông bị gãy đổ  - Về công trình đê điều: sạt lở, hư hỏng cục bộ một số đoạn đê, kè tại các huyện An Lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, Cát Hải;  **Thiệt hại ước tính 161,512 tỷ đồng.** |
| **Bão số 3** | 19/8/2016 | Gió cấp 9 | Đồ Sơn | | 198 |  |  |  |  |  |  | Bão số 3:  - Về công trình công cộng, dân sinh: sạt lở, hư hỏng một số vị trí như mái taluy đường vào khu du lịch Đồ Sơn, đường Tân Vũ-Lạch Huyện; tốc mái 40m2 công trình phụ; bị đổ 68m tường bao và 02 cây xanh.  - Về nông nghiệp: thiệt hại 2,5ha hoa màu; tốc mái 25m2 chuồng trại.  - Về công trình đê điều: hư hỏng một số vị trí đê, kè tại các huyện Cát Hải, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên. |
| **2017** | **Bão số 4** | 25/7/2017 | Gió cấp 8 |  | |  |  | S.Luộc  (Chanh Chử)  Văn Úc,  (Trung Trang) | 2.51  2.07 | 24/7  24/7 | > I  >  I | Mưa lớn kéo dài và dao động mực nước lũ | Bão số 4:  - Về công trình đê điều: cống Rộc Vầu tại Km5+973 đê Hữu sông Cấm (An Dương) bị hở khớp nối gây sụt đất mặt đê; hiện cống đã được hoành triệt. |
| **Bão số 10** | 15/9/2017 | Gió cấp 10 | Toàn thành phố | | 100 |  | S.Luộc  (Chanh Chử)  Văn Úc,  (Trung Trang) | 2.82  2.47 | 15/9  15/9 | II  III | Sóng to kết hợp triều cường và mưa lớn kèm lũ thượng lưu | Bão số 10  - Về dân sinh, cơ sở hạ tầng: ngập nhẹ 1231 nhà; 120m2 nhà bị tốc, vỡ, hỏng; 28m tường bao đổ; hư hỏng 01 sân khấu trung tâm du lịch, 177m kè du lịch biển, 500m2 thảm cỏ, 15 cây xanh, 20 bể chế biến sứa và 600m2 sân chế biến; 06 cánh ăngten VHF bị gãy; hư hỏng một số công trình tại khu du lịch Đồ Sơn và cảng neo đậu BLV.  - Về nông nghiệp: thiệt hại 40ha lúa, 90ha hoa màu; gãy đổ 105ha cây ăn quả; ngập lụt 10 trang trại; 69 gia súc,1690 gia cầm chết, mất tích; gây ngập 204,3 ha NTTS; làm thiệt hại 61,9 ha thủy sản; 1850m bờ vùng NTTS bị sạt lở; 01 thuyền gỗ bị đắm.  - Về công trình đê điều: gây sạt lở, hư hỏng và tràn nước cục bộ tại một số vị trí đê, kè, cống tại các huyện Cát Hải, Hồng Bàng, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, An Lão, An Dương.  **Thiệt hại ước tính 155,690 tỷ đồng.** |
| **2017** | **Bão số 11 và mưa lũ** | 16/10/2017 | Gió cấp 11 |  | |  |  | S.Luộc  (Chanh Chử)  Văn Úc  (Trung Trang) | 2.94  2.28 | 13/10  13/10 | II  II | Ảnh hưởng bão kết hợp mưa lũ | Bão số 11  - Về dân sinh, cơ sở hạ tầng: sạt lở núi tại Thủy Nguyên, Kiến An; tràn đê bao ngoài bãi ở An Dương; sạt lở, hư hỏng công trình hàng hải, cảng cá và khu neo đậu tại các quận, huyện Đồ Sơn và Cát Hải.  - Nông nghiệp: 1200 ha lúa bị nghiêng đổ.  - Công trình đê điều, thủy lợi: sạt lở 3400m kênh tại huyện Thủy Nguyên; sạt lở một số đoạn đê, kè, bãi sông, kênh dẫn sau cống tại các huyện Vĩnh Bảo, An Lão, Tiên Lãng.  **Thiệt hại ước tính 150 tỷ đồng.** |
| **2018** | **Bão số 3 và hoàn lưu bão + ATNĐ số 4** | 20/7-28/7/2018 |  | Toàn TP | | Phổ biến 150-250 | Ảnh hưởng bão kết hợp mưa lớn từ 21-25/7 |  |  |  |  |  | - Về dân sinh, cơ sở hạ tầng:mưa lớn kéo dài gây ngập lụt cục bộ hầu hết các tuyến phố khu vực nội thành; sạt lở núi Thiên Văn quận Kiến An; núi Ba Phủ huyện Thủy Nguyên; sạt lở đường dẫn lên cầu Đăng phía bờ huyện Tiên Lãng.  - Về nông nghiệp: cấy dặm lại 100ha lúa mùa; 35ha hoa màu bị ngập cục bộ, thiệt hại<30%.  - Về công trình đê điều, thủy lợi: đê Tả Thái Bình từ K2+760 đến K2+785 bị xói sạt cục bộ mái đê phía sông. |
| **2019** | **Bão số 2** |  | C8>11; gió giật mạnh gây thiệt hại |  | | Mưa nhỏ, ko đáng kể |  |  |  |  |  |  | Bão số 2:  -Về dân sinh, cơ sở hạ tầng: 113 cây xanh gãy đổ; Hệ thống điện chiếu sáng công cộng: 09 cột điện chiếu sáng gãy đổ, 107 cột điện chiếu sáng hư hỏng, 25 pha đèn hư hỏng, 5 đèn cầu hư hỏng; 47 biểu tượng điện trang trí hư hỏng; 01 cột điện hạ thế gãy đổ, 01 Trạm điện hư hỏng; 08 biển quảng cáo hư hỏng; Mái tôn hư hỏng: 01 nhà ở, 15m2 mái sân khấu, 310m2 nhà tạm; 220m Tường rào bị đổ.  - Về sản xuất nông nghiệp: 500 cây chuối bị đổ, 120ha táo bị ảnh hưởng, 50m kênh mương bị hư hại.  **Thiệt hại ước tính: 2.136 triệu đồng** |
| **Bão số 3** | Đêm 2/8 rạng sáng 3/8/2019 | C9>12; vào HP còn C6-7>8 | Bạch Long Vĩ  Kiến An  Vĩnh Bảo  Cửa Cấm  Tiên Lãng | | Lượng mưa từ 19h ngày 2/8 đến 19h ngày 3/8  341  239,8192  97  78 | Hoàn lưu sau bão số 3 gây mưa lớn diện rộng |  |  |  |  |  | Bão số 3:  -Về dân sinh, cơ sở hạ tầng: 65 cây xanh gãy đổ; Hệ thống điện chiếu sáng công cộng: 16 cột điện chiếu sáng bị hư hỏng, 22 pha đèn hư hỏng, 01 tuyến cáp vặn xoắn đứt, 66m dây lên đèn hư hỏng, 01 cầu đèn D400 bị vỡ, 02 tủ nguồn đèn trang trí hư hỏng; Hệ thống đèn giao thông hư hỏng: 08; Cột điện gãy đổ: 02; Biển quảng cáo hư hỏng: 02; Mái tôn hư hỏng: 55m2.  **Thiệt hại ước tính: 1.585 triệu đồng** |
| **2020** | **Bão số 2** | 02/8/2020 | 8>10 | Thủy Nguyên  Đồ Sơn;  Tiên Lãng;  Vĩnh Bảo;  Cửa Cấm;  Kiến An,  Bạch Long Vĩ | | 299mm,  282mm,  275mm,  257mm;  245mm,  214mm;  204mm | hoàn lưu bão nối với dải hội tụ nhiệt đới có trục đi qua bắc bộ gây mưa đến 05/8 |  |  |  |  |  | **-**Về dân sinh và cơ sở hạ tầng: 21 cây bóng mát bị đổ, bật gốc, 13 ghế đá bị đổ; 726m2 thảm cỏ nhật vườn hoa bị xói, vùi lấp, 03m kè biển bị hư hại, 136m2 hè đường bị sạt lở; Hệ thống điện chiếu sáng công cộng bị hư hại: 04 bóng đèn bị mất chao, 20 cột bị xoay cần đèn, 18 cột bị nghiêng; 05 biển cảnh báo bị đổ; ngập lụt (từ 0,2-0,3m) cục bộ một số đoạn đường nội đô do mưa lớn vào thời điểm triều cường; tủ lạnh, máy giặt hư hỏng: 02 chiếc.  - Sản xuất nông nghiệp: 3.600 gia cầm, 06 con lợn bị chết; 9,74 tấn thủy sản bị thiệt hại; Chuồng trại chăn nuôi bị hư hại: 01; Bờ kè ao bị hư hại: 180m; Thức ăn chăn nuôi ngập nước: 34 bao; Thóc ngập nước: 0,4 tấn; Đê bối bị vỡ: 04m; Cống bị hư hại: 01;  **Thiệt hại ước tính: 1.352,55 triệu đồng** |
| **Bão số7** | 14/10/2020 | 9>11 | Bạch Long Vĩ  Đồ Sơn,  Kiến An  Thủy Nguyên | | 01h00 (14/10) đến 13h00 (15/10)  273m  209m,  133m  73mm | Gây mưa từ 14/10 đến 16/10 |  |  |  |  |  | Bão số 7:  -Về nông nghiệp (Kiến Thụy):  + Lúa đổ: 50ha (ảnh hưởng <30% năng suất);  + Rau màu ảnh hưởng 35ha (25ha ảnh hưởng <30%, 08ha ảnh hưởng 30-50%, 02ha ảnh hưởng 70%);  + Thủy sản: ngập lụt 18,5ha (ko ảnh hưởng năng suất) |
| **II.** | **Mưa giông, giông, lốc, sét** | | | | | | | | | | | | |
| **2016** | **Mưa giông** | 3-5/6/2016 |  | | Cửa Cấm  Kiến An  Thủy Nguyên | 100  90.8  85 | Rãnh áp thấp bị nén có trục 24-26 độ vĩ Bắc |  |  |  |  |  | Mưa giông từ 3-5/6: 150m2 chợ bị tốc mái tôn; hư hỏng: 02 cổng; 480 ha lúa và 84ha hoa màu bị thiệt hại; ngập lụt cục bộ một số tuyến đường khu vực nội thành. |
| **2018** | **Giông, lốc, sét** | 16/6/2016 |  | | Kiến Thụy  An Lão | 92  69 | Rãnh AT bị nén có trục 24-26 độ vĩ Bắc |  |  |  |  |  | Mưa giông 16/6: 02 người chết (01 người Tiên Lãng, 01 người Kiến Thụy), 04 người bị thương (do sét đánh ở Tiên Lãng); ngập lụt cục bộ một số tuyến đường khu vực nội thành. |
| 01/6/2018 |  | | Tiên Lãng |  |  |  |  |  |  |  | Giông sét ngày 01/6  - Làm 01 người chết(nam) tại Tiên Lãng; UBND huyện hỗ trợ 10 triệu. |
| 03/7/2018 |  | | Vĩnh Bảo |  |  |  |  |  |  |  | Giông sét ngày 03/7  - Làm 02 người chết tại Vĩnh Bảo (1 nam, 1 nữ); UBND huyện hỗ trợ mỗi gia đình 5,4 triệu. |
| **2019** | Giông lốc | 24/6/2019 |  | | An Lão |  |  |  |  |  |  |  | Thiệt hại tại Trung tâm giống và phát triển nông nghiệp công nghệ cao:  - Đổ 300m tường bao cao 2,5m; hư hỏng 1000m2 lưới che phủ tại nhà lưới; 25 cột chống gãy đổ; hư hỏng 2120m2 mái và rèm khu nhà kính; 0,15ha dưa chuột thiệt hại.  **Thiệt hại ước tính: 193,6 triệu đồng** |
| **III.** | **Không khí lạnh** | | | | | | | | | | | | |
| **2016** | **Không khí lạnh** | Từ 23-28/1/2016 |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | Không khí lạnh từ 23/01  - Về người: không thiệt hại;  - Về nông, lâm nghiệp, thủy sản: thiệt hại 413,6 ha lúa; 406,2ha mạ; 278,4ha hoa màu; 1200,1ha thủy sản; chết 135 con gia súc và 4233 con gia cầm.  **Thiệt hại ước tính 25,117 tỷ đồng.** |

Phụ lục VII. Danh mục các giải pháp phi công trình trong PCTT giai đoạn 2021-2025 thành phố Hải Phòng (Xem file excel)

Phụ lục VIII. Danh mục các giải pháp công trình trong PCTT giai đoạn 2021-2025 thành phố Hải Phòng (Xem file excel)

Phụ lục IX. Danh mục các giải pháp lồng ghép PCTT giai đoạn 2021-2025 thành phố Hải Phòng (Xem file excel)

Phụ lục X. Các điểm bắn pháo hiệu báo bão, ATNĐ

**1. Bộ đội Biên phòng**

***a) Trên địa bàn các tỉnh ven biển***

- Thành phố Hải Phòng: Tại đảo Cát Bà (Đồn Biên phòng Cát Bà), Đài quan sát Long Châu/Cát Hải (Đồn Biên phòng Cát Bà), Đảo Hòn Dáu/quận Đồ Sơn (Đồn Biên phòng Đồ Sơn)

***b) Tại 28 Hải đội biên phòng:*** Ngoài việc triển khai bắn pháo hiệu tại các địa điểm trên, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chỉ bắn pháo hiệu tại 28 Hải đội biên phòng của 28 tỉnh (thành phố) ven biển.

**2. Quân chủng Hải quân**

- Đảo Bạch Long Vĩ

- Nam Long Châu 10-15 hải lý.

1. (Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Hải Phòng 2020) [↑](#footnote-ref-1)
2. Báo cáo số 195/BC- CTK ngày 24/12/2020 của Cục Thống kê thành phố Hải Phòng [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê. [↑](#footnote-ref-3)